GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

NỐI TRUYỀN THÍCH CA CHÁNH PHÁP - ĐẠO PHẬT KHẤT SĨ VIỆT NAM

ĐUỐC SEN

HT. Giác Toàn *chủ biên*

Mừng Xuân Bính Thân
& Tưởng niệm 62 năm
Tổ sư Minh Đăng Quang vắng bóng
(1954 - 2016)

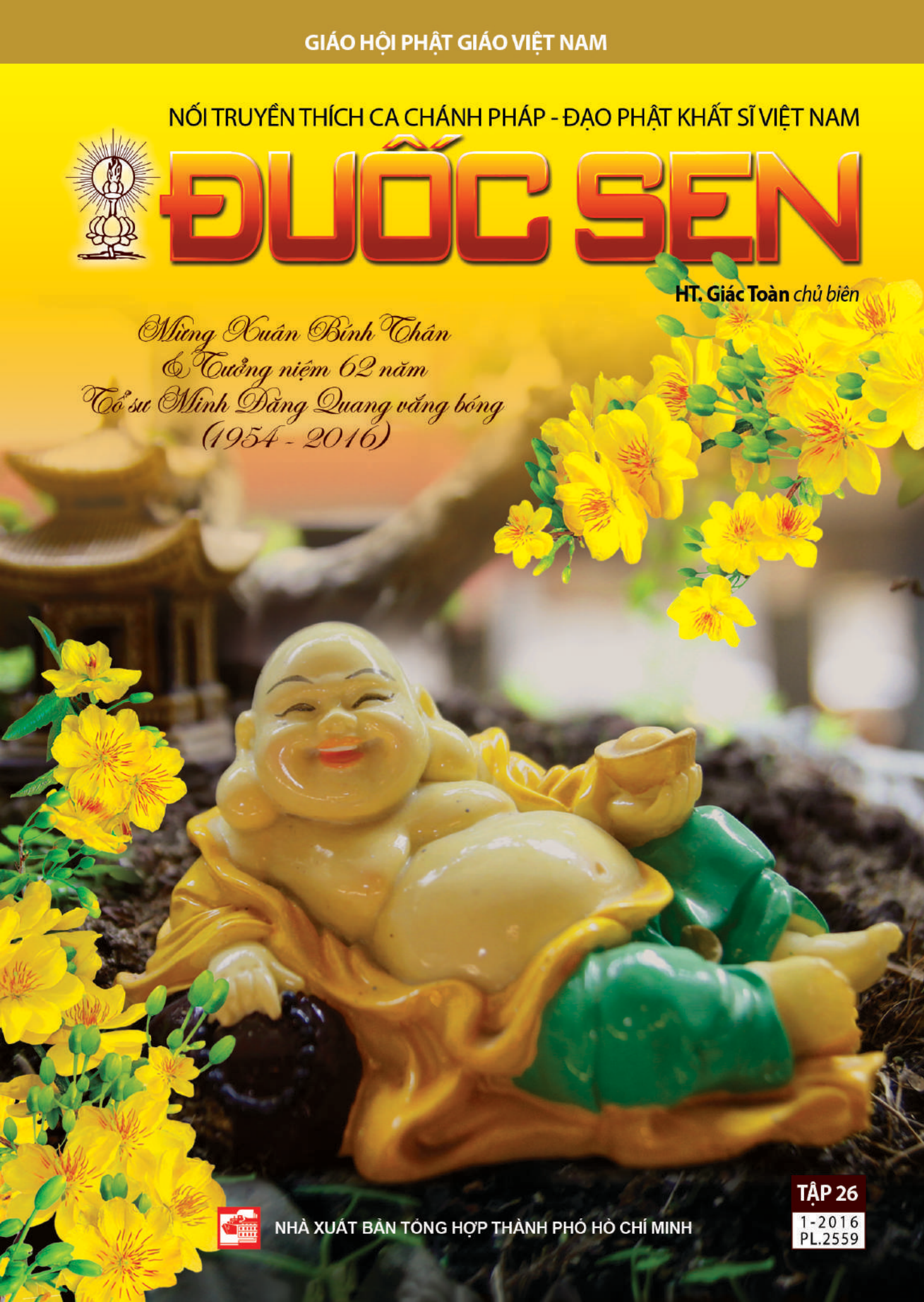

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TẬP 26
1-2016
PL.2559

KHÓA TU TRUYỀN THỐNG KHẤT SĨ LẦN 17

KHÓA TU TRUYỀN THỐNG KHẤT SĨ LẦN 18

Mục lục

XUÂN BÍNH THÂN

4 Lời ngỏ
5 Thư chúc Tết của Đức Pháp Chủ
6 Xuân thiền ... *Trần Quê Hương*
7 Năm Thân nói chuyện khỉ ... *ĐĐ. Minh Duy*
10 Năm Thân: Ngẫm về chuyện khỉ tưới cây trong Jataka ... *ĐĐ. Giác Đoan*
13 Em có phải Xuân ... *Hải Thiện*
Xuân tặng đời ... *Tường Vân*
Mùa Xuân ... *Minh Hành*
14 Pháp tu qua hình ảnh con khỉ trong kinh Mi-tiên ... *ĐĐ. Minh Khải*
19 Mừng Xuân đạo 2016 ... *Bảo Minh Trang*
Ngày cuối năm... ... *Thường Huyễn*
Câu đối mừng Xuân 2016... ... *Ngọc Châu*
20 Có phải mùa Xuân là sức sống? ... *Quê Hương*
21 Chiếc cối đá của má ... *Hải Thiện*
22 Tìm hiểu tiết Thanh minh của Trung Quốc và lễ Tảo mộ ở Việt Nam ... *SC. Hương Liên*
27 Chùm thơ xuân ... *Quảng Tâm Năng - Quách Đạo Tây*

GIÁO PHÁP KHẤT SĨ

28 Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam: Ánh đạo vàng lan tỏa ... *Hòa thượng Giác Toàn*
38 Đọc Chơn lý "Bát chánh đạo" *(tiếp theo)* ... *TT. Minh Thành Ph.D*
42 Tìm hiểu về Bát chánh đạo trong Chơn lý ... *Liên Trí*
50 Con đường đến toàn giác không có phân thừa ... *NS. Tín Liên*

THIỀN HỌC

54 Diệu lý của chư Phật và tự tâm tự độ ... *Ân Sơn - Tuệ Liên & Hải Liên (dịch)*
56 Nanh vuốt của vô minh ... *Thường Huyễn (chuyển ngữ)*
58 Chìa khóa tu tập ... *NT. Khiêm Liên*

PHẬT HỌC

64 Tìm hiểu về giáo lý duyên khởi *(tiếp theo)* *TK. Minh Chơn*
70 Ứng dụng và tu tập Bát chánh đạo ... *TK. Giác Chinh*
77 Những hành vi khoan dung đáng ghi nhận trong lịch sử châu Á ... *TT. Minh Thành Ph.D*

TẢN VĂN

84 Học trò và tịnh xá ... *Như Liên*
88 Tôi là ai...? ... *Ngô Thúy Nga*
90 Như một dòng sông ... *Ngọc Chơn*
92 Người bạn già ... *Viên Anh*

GIỚI ĐÀN

94 Báo cáo Phân đàn truyền giới Khất sĩ ... *TK. Giác Hoàng và TK. Minh Điệp*
98 Công tác tổ chức điều hành giới đàn tại giới trường Ngọc Phương PL. 2559 - DL.2015 ... *Ban Thư ký*
101 Phát nguyện thọ đại giới Giới đàn Trí Đức 2015 giới trường TX. Trung Tâm

KHÓA TU

102 Khóa tu Truyền thống Khất sĩ lần thứ 17 & 18 của hệ phái ... *TK. Giác Hoàng*
105 Báo cáo tổng kết khóa tu lần thứ 20 & 21 của Ni giới Hệ phái ... *NS. Tín Liên*
107 Sách tấn của Ni trưởng Tân Liên trong khóa tu 20
108 Tổng kết khóa "Sống chung tu học" lần 2 của Ni giới Giáo đoàn III ... *TKN. Hoa Liên*
111 Báo cáo tổng kết khóa tu Truyền thống lần 3 và 4 của Ni giới Phân đoàn 1 - Giáo đoàn IV ... *SC. Minh Liên*
112 Tổng kết khóa tu lần thứ 5 & 6 của Ni giới Phân đoàn 2 - Giáo đoàn IV ... *Sen Trắng*
113 Tóm tắt 16 khóa học Luật của Ni giới Giáo đoàn I ... *NS. Huệ Liên*
114 Báo cáo tổng kết khóa "Bồi dưỡng đạo hạnh" do hệ phái tổ chức lần thứ nhất ... *TK. Minh Điệp*
117 Âm vang còn vọng ... *NS. Tuyết Liên*
122 Tóm lược nội dung giảng dạy khóa "Bồi dưỡng đạo hạnh" lần thứ 11 của Giáo đoàn III ... *TK. Giác Đoan*
125 Khất sĩ chơn truyền ... *NT. Khiêm Liên*

PHẬT SỰ

126 Nhìn lại Phật sự Hệ phái năm Ất Mùi - 2015 ... *TK. Giác Hoàng*
136 Báo cáo tổng kết Phật sự của Ni giới HPKS năm 2015 ... *Ban Thư ký*
138 Báo cáo tổng kết hoạt động từ thiện Giáo đoàn I năm 2015 ... *ĐĐ. Minh Khải*
139 Phật sự Giáo đoàn VI năm 2015 ... *TK. Minh Điệp*
143 Các khóa tu và Phật sự hệ phái mùa xuân Bính Thân ... *TK. Giác Hoàng*

Ảnh: Vũ Giang

CHỨNG MINH
HT. Giác Tường
HT. Giác Giới
HT. Giác Hà

CHỦ BIÊN
HT. Giác Toàn

THƯ KÝ
ĐĐ. Giác Hoàng
NS. Tín Liên

BIÊN SOẠN
TT. Minh Thành Ph.D
ĐĐ. Giác Đoan
NS. Tuệ Liên
SC. Hòa Liên (Gia Lai)

THƯ TỪ BÀI VỞ XIN GỞI VỀ TỊNH XÁ TRUNG TÂM
21 Nguyễn Trung Trực, Q. Bình Thạnh, TP. HCM
Email: tapsanduocsen@gmail.com | www.daophatkhatsi.vn

Mừng Xuân Bính Thân

Lời ngỏ

Nam Mô Hoan Hỷ Di Lặc Tôn Phật.

Kính bạch chư Tôn thiền đức Tăng Ni,

Thưa quý Phật tử,

Hòa chung với niềm vui đón xuân Di Lặc Bính Thân, ấn phẩm Đuốc Sen của Hệ phái Khất sĩ xin góp mặt để cùng chia sẻ những cảm xúc, những tư duy... nhân mùa xuân đến.

Với những chuyên mục vừa phù hợp với thời duyên của năm mới Xuân Bính Thân, vừa phù hợp với chủ trương của Hệ phái, thể hiện nhận thức, tư duy và các hoạt động Phật sự chính của Hệ phái trong thời gian 6 tháng cuối năm, Đuốc Sen Xuân Bính Thân – Tưởng niệm 62 năm Tổ sư Minh Đăng Quang vắng bóng (1954 – 2016) xin ra mắt quý độc giả. Những chuyên đề trong ấn phẩm này chuyển tải những suy tư trầm lắng của người viết, những thông tin về đường lối tu tập của Hệ phái Khất sĩ, những cảm xúc của người con Phật đối với Hệ phái. Tất cả hòa quyện trong giai phẩm mừng xuân này.

Đuốc Sen trong những năm qua, được chư Tôn đức Tăng Ni và Phật tử các miền tịnh xá trong nước và cả nước ngoài đón nhận và ủng hộ, đó là niềm khích lệ lớn lao cho các vị trong Ban Biên soạn.

Thay mặt Ban Biên soạn Đuốc Sen, trân trọng kính chúc chư Tôn thiền đức Tăng Ni năm mới đạo tâm tăng trưởng, đạo lực tăng long, đạo hạnh viên mãn và Phật sự viên thành. Kính chúc quý Phật tử năm mới hưởng trọn mùa xuân Bính Thân an lành trong Chánh pháp, tăng trưởng công đức và kiết tường như ý.

Ban Biên soạn Đuốc Sen

Đức Pháp chủ GHPGVN

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH

THƯ CHÚC TẾT

CỦA ĐỨC PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM GỬI TĂNG NI, PHẬT TỬ VIỆT NAM Ở TRONG NƯỚC VÀ Ở NƯỚC NGOÀI

Hà Nội, ngày 01 tháng Giêng năm Bính Thân

Nam Mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Kính gửi: Các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam, chư Tôn đức Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức Tăng Ni, Cư sĩ Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài.

Nhân dịp đón mừng năm mới Dương lịch 2016 và Xuân Bính Thân - Phật lịch 2559, thay mặt Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Tôi có lời chúc mừng năm mới, lời thăm hỏi ân cần và kính nguyện Tam bảo, chư lịch đại Tổ sư Phật giáo Việt Nam gia hộ cho các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam và chư Tôn đức Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức Tăng Ni, Cư sĩ Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài một năm mới vô lượng an lạc, vô lượng cát tường, an khang thịnh vượng và thành tựu mọi Phật sự!

Nhìn lại một năm vừa qua, với sự nỗ lực phấn đấu, trưởng dưỡng đạo tâm, trau dồi đạo hạnh trong tu tập và thừa hành Phật sự, các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu Phật sự, tạo nên dấu mốc lịch sử của tiến trình thành lập và phát triển Giáo hội Phật giáo Việt Nam qua gần 7 nhiệm kỳ, đó là việc Giáo hội đã hoàn thành việc thành lập tổ chức của mình ở cả 63 tỉnh, thành phố trong cả nước. Đồng thời với Phật sự vô cùng ý nghĩa này, công tác Tăng sự đặc biệt được quan tâm ở tất cả các cấp Giáo hội, các Đại giới đàn tôn nghiêm trao truyền giới pháp, rạng tỏ đèn thiền, góp phần cho Phật pháp xương minh đã được các bậc Thạc đức trưởng thượng chăm lo. Đây chính là thắng duyên cho sự trường tồn của Giáo hội. Các hoạt động Phật sự tại vùng miền núi Tây Bắc, đại ngàn Tây Nguyên, sông nước Tây Nam Bộ đã cho thấy sự đổi mới trong công tác hoằng pháp đem trí tuệ Phật pháp và giáo lý tình thương đến muôn nơi, tới tất cả đồng bào Phật tử, nhất là giới trẻ thanh thiếu niên với sự hội tụ và lan tỏa tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam thời hiện đại.

Tăng Ni, Phật tử Giáo hội Phật giáo Việt Nam đón chào Xuân Di Lặc - Bính Thân năm nay trong niềm hoan hỷ vô biên hướng tới kỷ niệm lần thứ 35 năm ngày thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Tôi tin tưởng rằng với phương châm nền tảng giáo pháp và giới luật của Phật chế và tinh thần: Đoàn kết, Hòa hợp, Ổn định và Phát triển, Tăng Ni các cấp Giáo hội sẽ phát huy trí tuệ sáng tạo, đổi mới phương thức trong điều hành Phật sự, nâng cao tính hiệu quả thực tiễn trong phụng sự Đạo pháp và Dân tộc. Năm 2016, các cấp Giáo hội cũng đổi mới trong việc thống nhất chỉ đạo tổ chức Đại hội đại biểu Phật giáo cấp Quận, Huyện, Thị xã, Thành phố thuộc tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021 để tiến tới Đại hội đại biểu Phật giáo cấp Tỉnh, Thành phố và Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VIII - nhiệm kỳ 2017 - 2022, đó là một bước tiến trong cải cách hành chính Giáo hội.

Cùng với nhân dân cả nước đón mừng Tết cổ truyền dân tộc - Xuân Bính Thân, chúng ta cùng chúc mừng những sự kiện trọng đại năm 2016, chúc mừng quý vị Lãnh đạo thế hệ mới của đất nước đưa giấc mơ lớn của dân tộc Việt Nam thành hiện thực, hội nhập quốc tế, thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam thân yêu, đưa vị thế quốc tế của Việt Nam được nâng cao, đóng vai trò quan trọng cho sự vững mạnh của Cộng đồng ASEAN vừa thành lập. Chúng ta tích cực tham gia vào ngày hội bầu cử Quốc hội khóa XIV và Hội đồng nhân dân các cấp thành công rực rỡ.

Nhân dịp Tết Bính Thân, thay mặt chư tôn đức lãnh đạo Giáo hội, Tôi bày tỏ sự cảm ơn sâu sắc đối với sự quan tâm giúp đỡ của các cấp lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với các hoạt động Phật sự của Tăng Ni, Phật tử các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam và gửi lời kính chúc năm mới tới Quý vị lãnh đạo, cùng toàn thể nhân dân đón Xuân Bính Thân vạn sự cát tường như ý!

Nam-mô Hoan Hỷ Tạng Bồ-tát Ma-ha-tát!

ĐỨC PHÁP CHỦ
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
(Đã ký)
Trưởng lão Hòa thượng Thích Phổ Tuệ

Xuân thiền

TRẦN QUÊ HƯƠNG

Dê về ẩn chốn non xanh,
Tìm vui cỏ nhị mật hành rừng sâu.
Khỉ thiêng tĩnh lặng bên cầu,
Dòng thời gian thoảng nhiệm mầu ngàn năm.
Suối thiền thanh diệu thậm thâm,
Hương xuân vô tận nguồn tâm trong lành.
Cõi người sanh tử, tử sanh,
Tụng bài kinh Phật... hóa thành hư vô.
Sắc không, không sắc... nam mô,
A Di Đà Phật... mộng hồ thiên thu!

Năm Thân nói chuyện khỉ

ĐẠI ĐỨC MINH DUY

Năm 2016 là năm Bính Thân. Theo lịch âm, năm Bính Thân (năm con Khỉ) bắt đầu từ ngày 8/2/2016 đến hết ngày 27/1/2017. Trong văn hóa phương Đông, con Khỉ đứng vị trí thứ 9 của 12 con vật trong Thập nhị Địa chi, đại biểu cho địa chi Thân, thuộc mệnh Sơn hạ hỏa (Lửa dưới chân núi). Khỉ là động vật cực kỳ thông minh, nhanh nhẹn, và là loài linh trưởng giống con người nhất trong số các động vật.

Nguồn gốc của loài Khỉ

Khỉ có tên khoa học là "Ceropithecidae", nhưng có nhiều họ khác nhau, được các nhà động vật học phân loại, vì Khỉ sống từng vùng khác nhau trên thế giới. Có loại khỉ ăn thịt, ăn mối cũng như ăn trái cây, lá cây. Vì có nhiều chủng loại nên hình dáng và màu sắc của loài Khỉ cũng khác nhau. Khỉ đuôi dài (*Macaca fascicularis*), Khỉ đuôi lợn (*Macaca leonia*), Khỉ Mốc (*Macaca assamensis*), Khỉ mặt đỏ (*Macaca artoides*), Khỉ vọc xám (*Trachypithecus barbei*), Khỉ đột (*Gorin-Gorilla*), Vượn (*Gibbon*), Đười ươi (*Orangutan*), Khỉ Muôn (*Chimpanzee*), Tinh tinh (*Pan troglodytes*), Khỉ lùn (*Bonobo*), Khỉ đột mỏ dài (*Pavian*)... Theo nghiên cứu của các nhà khoa học, có những giống Khỉ cao lớn trên 1,5m và có bộ óc bằng 1/3 bộ óc con người, Cho nên, chúng khá thông minh và giỏi hơn các thú vật khác. Chúng có thể hiểu được nhiều ký hiệu, một số từ, Cho nên, thường bắt chước loài người rất mau lẹ.

Khỉ trong đời sống văn hóa

Trong văn hóa đại chúng, hình ảnh con khỉ cũng có một vị trí nhất định. Khỉ đi vào đời sống văn hóa người châu Á qua năm Thân, tháng Thân, ngày Thân, giờ Thân.

Trong đời sống văn hóa của người Việt Nam ta, khỉ cũng thường được người đời nhắc đến như nơi nào xa xôi

hoang vắng, người ta thường gọi nơi đó là nơi "*khỉ ho cò gáy*", hay ở Nam bộ, chiếc cầu tre bắc qua kênh rạch ở vùng sông nước được gọi là cầu khỉ. Để nói lên những thói xấu, nhưng không che giấu ai: "*Khỉ lại là khỉ, mèo lại hoàn mèo*". Còn con người, ai hay nhăn nhó thì bảo: "*mặt nhăn như khỉ*", xấu quá lại nói "*khỉ ăn ớt*", "*khỉ nếm mắm tôm*". Để chỉ chỗ ăn ở luộm thuộm, hôi hám thì bị chê "*bẩn như tổ khỉ*". Còn hành động nào quá trớn, đê tiện thì được xem đó là "*trò khỉ*". Tư thế đi đứng không nghiêm chỉnh, vặn vẹo cũng bị chê là "*khỉ leo cây*". Hành động của người không biết điều được ví là kẻ "*rung cây nhát khỉ*", v.v... Trong khá nhiều trường hợp "khỉ" như là một ý nghĩa của tiêu cực, gièm pha.

Từ thời Xuân Thu (770 - 476 TCN) ở Trung Hoa, người ta gọi động vật này là "*Hầu*" (猴). Đến thời nhà Hán, người ta cho rằng khỉ là con vật may mắn, vì từ "*hầu*" đồng âm với từ "*hầu*" - một tước vị quyền quý. Do vậy, trong nhiều tranh vẽ, hình tượng con khỉ mang ý nghĩa là "*phong hầu*" (phong chức tước). Nếu thấy hình tượng con khỉ leo trên cây phong thì biểu tượng mang ý nghĩa "*phong hầu quải ấn*" (đeo ấn phong hầu). Hình ảnh của khỉ thường được điêu khắc hoặc dán trên các bức tường và cửa ra vào với mục đích mong được phước lành và niềm vui. Từ đó về sau, khỉ chính là tượng trưng cho sự tốt lành, may mắn.

Khỉ trong văn học

Trong thi ca - văn học cổ điển Trung Quốc, các thi nhân, Mặt khách thường dùng từ "viên" để chỉ cho khỉ. Nhà thơ Tiêu Thuyên có bài "*Phú đắc dạ viên đề*": "*Quế nguyệt ảnh tài thông,// Viên đề quýnh nhập phong,// Cách nham hoàn tiếu lữ,// Lâm đàm tự hưởng không*"... Trong mỗi câu của bài thơ đều nói đến tiếng vượn kêu, khiến người đọc cảm thấy tiếng vượn kêu thê lương, làn gió lạnh bao trùm. Bài thơ "*Vịnh Viên*" của tác giả Câu Phác Thơ đời Đường nói về nỗi cô đơn của con khỉ được nuôi trong cửa son nhà quyền quí, nhìn lên ánh trăng vằng vặc mà nhớ về những đêm thu cùng đùa vui với chúng bạn, cất lên tiếng kêu ai oán, đã thể hiện nỗi khát vọng tình cảm của chúng: "*Tọa tại Vu Sơn canh hướng tây,// Bất tri hà sự đáo Ba Khê,// Trung tiêu vi ức thu vân bạn,// dao cách chu môn hướng nguyệt đề*". Trong bài "*Bát trường bình văn viên*" của Phạm Thành Đại đời Tống viết: "*Thanh viên linh linh minh ngọc tiêu,// tam thanh lưỡng thanh cao thụ tiêu...* " Bài thơ với từ ngữ thanh thoát, âm điệu bay bổng, đã thể hiện hết tình người qua tiếng vượn.

Trong văn học hiện đại có tác phẩm "*Hành Tinh Khỉ*" là một tiểu thuyết do Pierre Boulle, xuất bản lần đầu vào năm 1963 bằng tiếng Pháp có tên là La Planète des Singes. Nội dung trong "*Hành Tinh Khỉ*", tác giả muốn cảnh tỉnh con người bằng một câu chuyện mang tính triết lý và giáo dục sâu sắc. Ở một hành tinh nọ, loài người đã không ý thức được mình, để cho những thuộc tính xấu phát triển như sự lười nhác, quen hưởng thụ, bỏ mặc đồng loại, sống ích kỷ phát triển. Vì thế, một xã hội văn minh đã được xây dựng ngàn đời bị tiêu diệt.

Họ vẫn là hình hài con người nhưng mọi hành động và suy nghĩ không hơn con vật là bao nhiêu. Những con khỉ trước kia vốn chịu sự chỉ đạo của con người thì nay chúng lại là chủ nhân của một xã hội văn minh, chi phối cuộc sống con người, do giống khỉ ham bắt chước, chịu động não.

Hình tượng Khỉ trong Phật giáo

Mục đích tối hậu của người tu học Phật là đạt được giải thoát giác ngộ. Thế nhưng, điều căn bản trước nhất của mỗi hành giả là phải huấn luyện tâm và làm chủ được tâm. Trong Phật giáo, đặc biệt là trong thiền gia thường ví tâm của con người lăng xăng - lộn xộn như con khỉ. Nhận biết tâm trong cuộc sống đã khó, giữ được tâm bình lặng trong thiền định càng nan giải khôn cùng. Ngài Tịnh Danh từng ví "tâm như khỉ vượn", rất khó chế ngự, rất khó điều phục. Trong *Con đường dẫn đến Phật quả - Những giáo lý về Pháp bảo của sự giải thoát* (Thanh Liên dịch), Gampopa cũng tự vấn: "*Có bao giờ bạn nhìn thấy bức tranh tuyệt đẹp minh họa các giai đoạn của thiền định? Bạn thấy một con voi, một con thỏ, một con khỉ, và một người đàn ông. Con voi là tâm ta, con thỏ là sự hôn trầm, con khỉ là sự xao lãng và người đàn ông là sự chú tâm. Ở cuối trang giấy, con khỉ đang dùng một sợi dây để kéo con voi đến nơi nào nó muốn*".

Chư vị Tổ sư nhận thấy loài khỉ lăng xăng, nhảy nhót nên mượn hình ảnh này sánh ví cho tâm thức của con người là "*tâm viên, ý mã*" (Tâm như con khỉ chuyền cành, ý sinh diệt liên tục như con ngựa giong ruổi ngoài đồng). Tâm người ta cũng thế, không khi nào được yên, cứ lăng xăng, lộn xộn, suy nghĩ, nghĩ hết chuyện này đến chuyện khác, từ quá khứ, hiện tại đến tương lai, đó là tâm viên. Tâm này sẽ đưa con người đến loạn động, phát sinh ra đủ thứ phiền não, cấu uế... Tâm viên (tâm con khỉ) này là một hình ảnh triết lý, biểu trưng cho một dòng tâm thức luôn hoạt động liên tục không bao giờ biết dừng nghỉ. Bởi vậy, tâm chúng sinh bị vô minh che lấp nên phải luân hồi trong vòng sanh tử.

Trong bộ *Jataka* - truyện tiền thân Đức Phật, có nhiều mẩu chuyện kể về tiền thân của Đức Phật đã từng làm con khỉ; như câu chuyện Đức Phật đã làm một con khỉ chúa và đem thân mình nối với sợi dây treo thành một chiếc cầu dây để cứu cả đàn thoát chết. Và trong một mẩu chuyện khác, tiền thân Ngài là một con khỉ thông minh, lanh lợi đã thoát chết trước nanh vuốt của con cá sấu (tiền thân Đề-bà-đạt-đa).

Trong các hệ thống kinh điển, đặc biệt là hệ thống kinh tạng Nguyên thủy, hình ảnh con khỉ xuất hiện như là bài học sống động. Trong kinh điển có lưu lại sự kiện Đức Phật bỏ vào rừng *Parileyya* để sống độc cư thiền tịnh và nhập hạ trong ba tháng mùa mưa khi Tăng đoàn không hòa hợp và không vâng theo lời chỉ dạy của Ngài. Khi Đức Phật an trú và nhập hạ trong khu rừng này thì Ngài cũng đã hóa độ được con voi chúa và con khỉ chúa, chúng đã cảm mến, tình nguyện phục vụ Phật trong suốt thời gian Ngài cư ngụ tại khu rừng này. Con voi chúa làm thị giả hầu hạ Đức Phật, còn con khỉ chúa nhận nhiệm vụ đi hái trái, kiếm thức ăn để dâng cúng lên Ngài. Chúng làm đều đặn như vậy với sự nhiệt tâm và hoan hỷ mà không hề nhàm chán cho đến khi thân hoại mạng chung. Đó là những hình ảnh cao đẹp, những bài học đầy giá trị nhân văn trong kinh điển đã để lại cho hậu thế qua hình ảnh của những con khỉ.

Kết luận

Sang năm mới, năm Bính Thân là dịp tốt để mọi người có thể tu tập và quán chiếu lại chính mình qua hình ảnh con khỉ. Hiện nay, ở một số chùa có trưng bày tượng ba con khỉ với biểu tượng "*bịt miệng = không nói, bịt mắt = không thấy, bịt tai = không nghe*". Con người thường thích nói nhiều, mà nói thì thường là nói toàn chuyện thị phi của người khác, Cho nên, chúng ta phải tập "*không nói thị phi, lời ác, gây đau khổ cho người*". Tập không thấy, không nghe lỗi người để bớt phiền não, sân si. Hãy tập bớt thấy, bớt nghe, bớt nói. Hãy tập sống sao mà khi thấy ta không động, khi nghe ta không phiền, và nói năng không gây bức não cho người. Đa số phiền não sanh khởi do nhìn không thấu, nghĩ không thông, buông không đành, quên không được. Tu là tập buông xả, sống chánh niệm an trú trong hiện tại để đời sống phúc lạc hơn.

Chuyện khỉ tưới cây là một trong những câu chuyện tiền thân của đức Phật được ghi lại trong tập *Jātaka*, và đây là câu chuyện "Kẻ làm hại vườn" số 46 trong phẩm Lợi Ái thuộc *Tiểu bộ kinh* tập 4. Câu chuyện này được đức Thế Tôn thuật lại qua một nhân duyên khi Ngài cùng Tăng chúng đi kinh hành đến vườn nhà của một vị điền chủ dâng cúng ngọ trai ở Kosala và thấy khoảng đất trống không cây cối trong vườn. Và mẩu chuyện ấy được thuật lại với nội dung như thế này:

Thuở trước, khi vua Brahmadatta trị vì tại Ba-la-nại, một ngày lễ hội được tổ chức ở Ba-la-nại. Bắt đầu từ khi nghe tiếng trống lễ hội, toàn thể dân chúng trong thành ào ra tham dự. Lúc bấy giờ, trong vườn nhà vua có nuôi rất nhiều khỉ.

NĂM THÂN: NGẪM VỀ CHUYỆN

KHỈ TƯỚI CÂY TRONG JATAKA

ĐẠI ĐỨC GIÁC ĐOAN

Người giữ vườn suy nghĩ: "Thành phố vui chơi lễ hội, ta sẽ bảo những con khỉ này tưới nước, còn ta sẽ đi chơi lễ hội". Anh ta đến con khỉ đầu đàn và hỏi: Này bạn khỉ chúa, vườn này đã giúp đỡ các bạn nhiều. Các bạn ở đây ăn hoa, trái và đọt non. Thành phố hôm nay đang vui chơi lễ hội. Ta sẽ đi dự hội. Cho đến khi ta về các bạn có thể tưới nước giúp các cây non trong vườn này không?

- Lành thay, chúng tôi sẽ tưới.

- Vậy các bạn hãy cẩn thận.

Để chúng có thể tưới nước, người giữ vườn đưa cho chúng những bao da chứa nước và các thùng gỗ, rồi ra đi. Các con khỉ bắt đầu tưới nước cho các cây non. Con khỉ chúa nói với chúng:

- Này các bạn khỉ, hãy gìn giữ nước. Khi các bạn tưới nước trên các cây non, trước hết hãy kéo những cây ấy lên, xem rễ của chúng như thế nào. Những rễ nào đâm sâu thì tưới nhiều nước vào rễ. Rễ nào không đâm sâu, hãy tưới ít nước. Nếu tưới nhiều nước, chúng ta thật khó tìm thêm nước.

Chúng vâng theo và làm đúng như vậy. Lúc bấy giờ, một người hiền trí thấy các con khỉ ấy làm như vậy trong vườn của vua, liền hỏi:

- Này các bạn khỉ, sao các bạn lại kéo các cây non lên và tưới nước tùy theo lượng của rễ?

Chúng trả lời: Chúa khỉ đầu đàn của chúng tôi khuyên như vậy!

Nghe chúng nói, người hiền trí ấy suy nghĩ: "Ôi! Những kẻ ngu si vô trí, dầu muốn làm điều tốt, lại làm điều có hại!" Rồi vị ấy đọc bài kệ này:

Bậc thiện không làm hại,

Làm lành đem đến lạc;
Người ngu hại điều lành,
Như khỉ giết hại trong vườn.

Người hiền trí ấy chỉ trích con khỉ đầu đàn như vậy rồi đem đoàn tùy tùng của mình ra đi.

Sau đó, đức Thế Tôn nhận định về tiền thân người hiền trí và con khỉ chúa đầu đàn.

Qua câu chuyện chắc mọi người đều nghĩ rằng ai đời nào lại đi nhổ cây non lên và tưới nước tùy theo lượng của rễ phải không? Nhưng ở đây những chú khỉ đã làm như thế. Phải chăng đàn khỉ này đã hành động như vậy để trả thù người chủ, hay muốn hủy hoại khu vườn đã cung cấp trái cây và thực phẩm để nuôi dưỡng chúng? Chắc những giả thuyết ấy đều không phải rồi, bởi đàn khỉ rất tôn trọng người chủ vườn bằng lời đáp *"Lành thay, chúng tôi sẽ tưới"*, và chúng bắt đầu công việc tưới cây một cách cẩn thận bằng cách làm tùy theo rễ cây non thế nào thì sẽ có lượng nước tương ứng thế ấy. Vậy tại sao việc làm đó không mang lại kết quả như mong muốn mà ngược lại còn bị người trí trách mắng và than rằng: *"dầu muốn làm điều tốt, lại làm điều có hại!"*, cũng như bị người trí chê cười là *"những kẻ ngu si vô trí"*.

Quả thật như thế, khi hành động được hướng dẫn bởi sự ngu si vô trí thì kết quả mang lại chắc chắn sẽ là những điều tai hại, ưu sầu và khổ đau. Hình ảnh con khỉ chúa hướng dẫn cho đàn khỉ phương pháp tưới cây ở đây cũng thế, do sự ngu muội kém hiểu biết của con khỉ đầu đàn đã đưa đến hậu quả là những cây non bị chết và để lại một khoảng trống trong vườn. Điều này cũng giống như người thế gian thường nói: ngu si dốt nát + cần cù siêng năng = phá hoại. Ở đây cũng thế, dù đàn khỉ không có ý hủy hoại vườn cây nuôi dưỡng chúng, nhưng do sự hướng dẫn một cách ngu muội của con khỉ đầu đàn mà đã đưa đến kết quả không được mong đợi như vậy. Đối với cuộc sống thế nhân cũng như thế, nếu chúng ta không có được định hướng đúng đắn thì kết quả mang lại cũng chỉ là những bi ai sầu khổ. Bởi định hướng đúng đắn chính là chiếc la bàn để điều khiển, hướng dẫn cho công việc chúng ta đi đến mục đích an toàn, bằng không chúng ta sẽ trôi dạt long bông và xoay vần trong khốn cảnh sương mù mây phủ của ưu sầu, khổ đau mà không thể biết được con đường nào để thoát ra. Chính vì sự quan trọng của việc định hướng ban đầu như thế nên trong kinh tạng đức Thế Tôn thường khuyên nhắc và nhấn mạnh đến tinh thần trí tuệ trên lộ trình nghe học pháp và tu tập. Điều này được Ngài minh thị qua hình ảnh *"hãy lắng nghe và khéo tác ý, ta sẽ giảng... "* nơi đầu mỗi bài pháp thoại, và cũng là hình ảnh nhấn mạnh đến thính giả cái định hướng ban đầu trước khi nghe. Và ngay nơi hình ảnh này chúng ta cũng có thể nhận ra được sự tồn tại của định và tuệ rồi; bởi muốn lắng nghe thì hành giả phải tập trung tâm ý để nghe, Cho nên, yếu tố định đã bắt đầu hiện hữu; và sự khéo tác ý cũng đồng nghĩa với việc hướng tâm tư duy theo con đường chân chánh, đây cũng chính là chánh tư duy hay nói cách khác chính là một chi phần của tuệ trong Bát chánh đạo. Chính Vì thế, mà bậc Chánh Biến Tri cùng chư vị Thánh Tăng luôn luôn đề cập đến chúng trước khi giảng giải một điều gì đó, là để giúp cho người nghe ý thức được việc mình đang nghe và có tác ý chân chánh, hay như lý giác sát đến đối tượng để phát triển định và tuệ. Chính việc giác sát sẽ giúp cho ta thấy được kết quả của việc làm đó sẽ mang lại niềm an vui hay đau khổ, để từ đó ta quyết định có nên thực hiện chúng hay không. Cho nên, việc khéo tác ý sẽ là kim chỉ nam để hướng dẫn cho hành động của ta vượt qua được những cạm bẫy của dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu để đạt đến niềm hỷ lạc vô ưu, vô sầu và vô não như trong kinh "Đoạn Trừ Lậu Hoặc" đức Thế Tôn có dạy:

"Này các Tỷ-kheo, do như lý tác ý, các lậu hoặc chưa sanh không sanh khởi, và các lậu hoặc đã sanh được trừ diệt".

Và để minh chứng thêm cho sự diệu dụng của việc khéo tác ý, chúng ta hãy thử lắng nghe một lời dạy khác của đức Từ Phụ trong phẩm thứ 2 chương 1 của kinh *Phật thuyết như vậy* để thấy được lợi ích và kết quả của chúng:

Vị Tỷ kheo hữu học,
Hành như lý tác ý,
Không một pháp nào khác,
Nhiều lợi ích như vậy.
Để đạt cho bằng được,
Lợi ích thật tối thượng.
Vị Tỷ kheo như lý,
Tinh tấn và tinh cần,
Có thể thành đạt được,
Sự đoạn diệt khổ đau.

Như thế, chúng ta có thể thấy chính nhận thức ban đầu sẽ chi phối đến kết quả của việc làm và đưa đến đời sống an vui hay đau khổ. Cho nên, chính việc tác ý theo khuynh hướng nào: như lý tác ý hay không như tác ý sẽ ảnh hưởng rất lớn đến đời sống của chính ta. Nếu ta được hướng dẫn bởi tác ý không như lý hay cái nhìn tà kiến, nghĩa là cái nhìn sai lệch và không đúng với bản chất của sự vật, thì

thân hành của chúng ta cũng giống như việc làm của những chú khỉ kia vậy, để rồi kết quả là làm hại đến chính mình cùng những người xung quanh, và đặc biệt là hủy hoại đi đời sống thiện lành. Điều này chúng ta có thể nhìn thấy qua hình ảnh chàng thanh niên Ahimsaka (Tôn giả Angulimala lúc chưa xuất gia theo Phật). Ban đầu với cái tâm thiện lành mong cầu đạt được hạnh phúc tối thượng nhưng do sự tác ý không chân chánh mà thanh niên Ahimsaka đã bị người Thầy lừa và đưa vào con đường tà kiến sát hại sinh linh, và trở thành tướng cướp khét tiếng mà ai nghe qua tên cũng phải sợ hãi khiếp đảm. Nói như thế để chúng ta ý thức được sự nguy hại của không tác ý như lý và thấy được giá trị lớn lao của như lý tác ý là như thế nào. Cho nên, bậc Toàn Giác mới đề cao và khẳng định về lợi ích của việc hành trì như lý tác ý:

Hành như lý tác ý,
Không một pháp nào khác,
Nhiều lợi ích như vậy...

Lợi ích ở đây chúng ta có thể nhìn thấy qua việc chính như lý tác ý sẽ tác động và làm nhân để giúp cho hành giả phát triển chi phần chánh kiến, và kết quả ấy có ra cũng bởi định hướng ban đầu được đặt đúng hướng. Điều này đã được đức Thế Tôn khẳng định rất rõ trong phẩm Chủng Tử của *Tăng Chi bộ* kinh:

"Ta không thấy một pháp nào khác, này các Tỷ-kheo, do pháp ấy, chánh kiến chưa sanh được sanh khởi, hay chánh kiến đã sanh được tăng trưởng, này các Tỷ-kheo, như như lý tác ý. Do như lý tác ý, này các Tỷ-kheo, chánh kiến chưa sanh được sanh khởi, hay chánh kiến đã sanh được tăng trưởng".

Không đúng sao được khi mọi hành động, kế hoạch của chúng ta trước khi hiện hữu qua thân hành thì đều do chính cái niệm ban đầu tác khởi và hướng dẫn. Mà niệm này đúng đắn và có giác sát hay có như lý tác ý, nghĩa là lúc này hành động của chúng ta đã có sự hiện hữu của yếu tố quán chiếu suy xét, nhận rõ và phân biệt được đâu đúng đâu sai, đâu chân đâu ngụy. Và việc nhận rõ được đúng sai, chân ngụy cũng chính là tuệ tri được thiện với bất thiện. Mà khi tuệ tri được thiện và bất thiện thì cũng có nghĩa là đã thành tựu được chi phần chánh kiến như Tôn giả Xá-lợi-phất đã định nghĩa trong kinh *Chánh tri kiến*:

"Chư Hiền, khi Thánh đệ tử tuệ tri được bất thiện và tuệ tri được căn bổn bất thiện, tuệ tri được thiện và tuệ tri được căn bổn thiện, chư Hiền, khi ấy Thánh đệ tử có Chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này".

Và khi chánh kiến hiện hữu và trở thành yếu tố định hướng ban đầu cho mọi hành động của cuộc sống thì con đường phát triển tâm linh, thành tựu mục đích đoạn tận các lậu hoặc và đâm thủng màn vô minh để thành tựu mục đích đời sống phạm hạnh như trong phẩm "Đặt Hướng và Trong Sáng" của *Tăng Chi bộ* kinh đã dạy:

"Này các Tỷ-kheo, ví như các sợi râu của lúa mì, hay sợi râu của lúa mạch được đặt đúng hướng, khi bị tay hay chân đè vào, có thể đâm thủng tay hay chân, hay có thể làm cho đổ máu; sự tình này có xảy ra. Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, vì sợi râu được đặt đúng hướng. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo với tâm được đặt đúng hướng, có thể đâm thủng vô minh, làm minh sanh khởi, có thể chứng đạt Niết Bàn; sự tình này có xảy ra. Vì cớ sao? Này các Tỷ-kheo, vì tâm được đặt đúng hướng".

Đến đây, chúng ta có thể thấy câu chuyện tiền thân "Kẻ làm hại vườn" số 46 đã giảng dạy cho mọi người bài học làm thế nào để đem lại kết quả tốt nhất cho cuộc sống, chứ không phải chỉ cần siêng năng là đủ để đem lại niềm an vui, hạnh phúc. Đồng thời qua đó mẩu chuyện còn muốn truyền tải đến nhân sinh một điều hết sức căn bản để mang lại sự hỷ lạc, đó là phải có định hướng ban đầu đúng đắn và chân chánh, hay nói cách khác là cần có trí tuệ để hướng dẫn và soi đường cho hành động, bằng không sẽ giống như lời bậc hiền trí đã nói trong câu chuyện: *"Người ngu hại điều lành, Như khỉ giết hại trong vườn".* Và để minh thị cho điều này chúng ta có thể xem lại ảnh dụ "bắt rắn" mà đức Thế Tôn đã sử dụng trong bài kinh *Ví dụ con rắn* để thấy được cái nhìn ban đầu sẽ tác động và ảnh hưởng như thế nào đến kết quả của việc làm:

"Chư Tỷ-kheo, ví như một người ưa muốn rắn nước, tìm cầu rắn nước, đi khắp chỗ để tìm rắn nước. Người đó thấy một con rắn nước lớn, và người đó bắt con rắn ấy ở lưng hay ở đuôi. Con rắn ấy có thể quay lại cắn người đó nơi tay, nơi cánh tay hay ở một phần nào khác của cơ thể, và người đó có thể do nhân này mà bị chết hay bị đau khổ gần như chết. Vì sao vậy? Chư Tỷ-kheo, vì nắm bắt con rắn một cách sai lạc. Cũng vậy này các Tỷ-kheo, ở đây, một số người ngu si học pháp chỉ vì lợi ích, muốn chỉ trích người khác, chỉ vì lợi ích, muốn khoái khẩu biện luận, và họ không đạt được mục tiêu mà sự học pháp hướng đến. Những pháp ấy vì nắm giữ sai lạc nên đưa họ đến bất hạnh, đau khổ lâu dài. Vì sao vậy? Này các Tỷ-kheo, vì nắm giữ sai lạc các pháp".

Qua đó, chúng ta có thể nhận ra và thấy được vấn đề trọng yếu mà mẩu chuyện tiền thân "Kẻ làm hại vườn" đã mang lại cho người đọc.

Em có phải Xuân

HẢI THIỆN

Một trai trẻ có xuân cùng mắt biếc
Một hoa nhài thơm phức chén trà xuân
Một cánh mai vẫn gọi là xuân đấy
Một cuộc đời đâu nỡ phí hương xuân.
Em có phải một thời làm cỏ dại
Một thời không kịp nghĩ: Có ngày mai?
Có và không trôi dài nhiều vụng dại
Một đời người lầm lỗi đúng và sai...?
Ai cũng bảo xuân đi rồi xuân lại
Em ngọc ngà, em mãi ngà ngọc sao?
Bởi vô minh chẳng rõ kiếp vô thường
Xuân vẽ mộng, vở tuồng nhiều áo não.
Cũng một phồn hoa, cũng phố thị thành
Xuân thật vắng, ta tìm qua sắc áo
Xuân là đạo, đạo là xuân gia đạo
Xuân bềnh bồng huyễn mộng hóa xuân xanh.

Xuân tặng đời

TƯỜNG VÂN

Mọi người chờ đón mùa xuân sang
Nhiều thứ phải lo rất rộn ràng
Tất bật bề ngoài với thiên hạ
Vui xuân như thế cứ miên man.
Phải biết gieo trồng cội gốc xuân
Nơi tâm bất diệt không gian truân
Nơi bao tình nghĩa đầy nhân hậu
Đối xử bằng xuân được thắm nhuần.
Xuân đến xuân đi của đất trời
Tâm xuân đã có không theo thời
Ở luôn mỗi lúc trong ta mãi
Xuân ấy mới là xuân tuyệt vời.
Ánh mắt nụ cười nét mặt tươi
Gặp nhau trân trọng có tình người
Niềm xuân lan tỏa vô phân biệt
Đó mới là xuân để tặng đời.

Mùa xuân

MINH HÀNH

Khi mùa xuân lại về
Rạo rực những vùng quê
Trao đời làn gió mát
Sức sống mới tràn về
Ven đường cây mọc xanh
Lộc cành chồi nảy lá
Gọi mời trong nắng hạ
Khẽ lay mình gió đưa
Nhìn đâu cũng thấy lạ
Cảnh vật luôn đổi thay
Ô hay! Mùa xuân đến
Mang hương sắc diệu kỳ
Cho em thơ áo mới
Chạy khoe khắp phố phường
Lòng hồn nhiên mến thương
Của ngày vui tết đến
Ly rượu mừng chúc tết
Ấm áp tình quê hương
Lời chuyện trò đồng nương
Vui kết tình đồng lữ...
Mùa xuân nói điều gì
Cho lòng ai vui tươi
Đâu về niềm cảm xúc
Mới lạ và tinh khôi!
Mùa xuân lan khắp nơi
Truyền cho đời sức sống
Khởi đầu một năm mới
Hạnh phúc về khắp nơi.

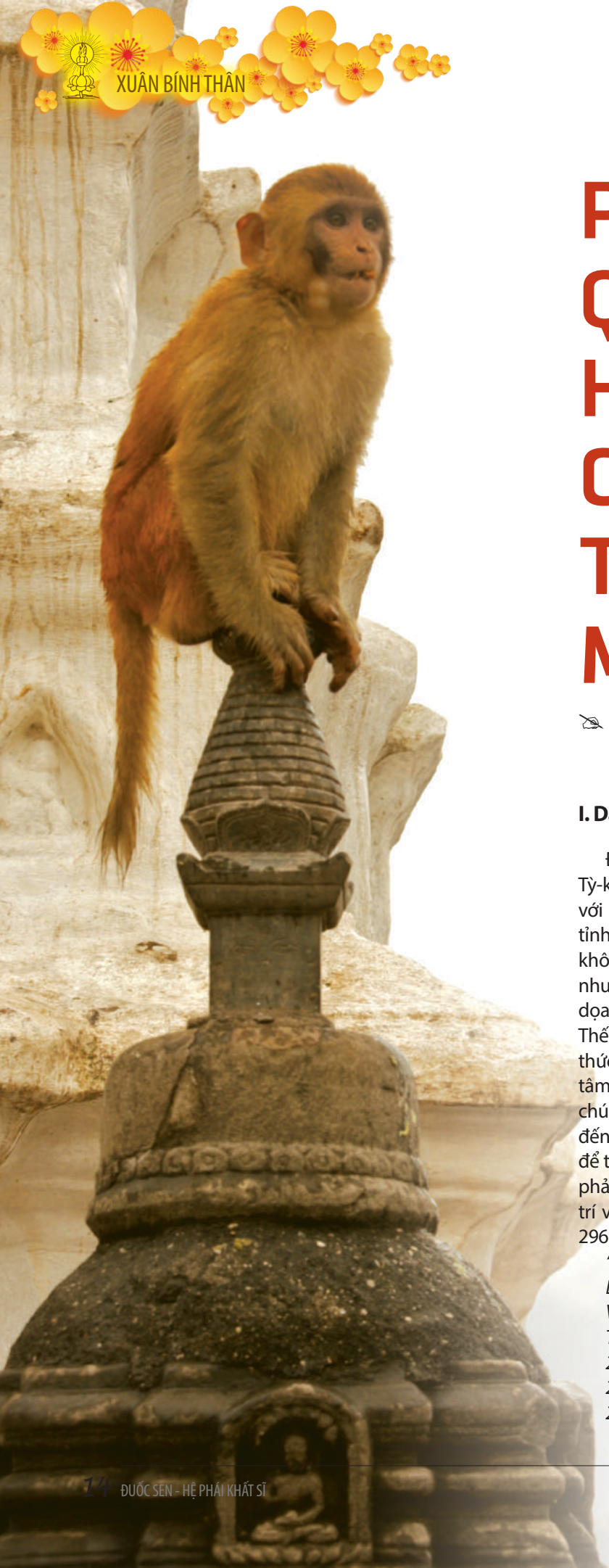

PHÁP TU QUA HÌNH ẢNH CON KHỈ TRONG KINH MI TIÊN

ĐẠI ĐỨC MINH KHẢI

I. Dẫn nhập

Đời sống xuất gia giải thoát của một vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa, Sa-di hay Sa-di-ni phải gắn liền với lòng nhiệt huyết, sự tinh cần, tâm chánh niệm, tỉnh giác luôn luôn. Người tu mà chỉ trong phút chốc không thu thúc thì sẽ bị rơi vào vòng tay của ác ma, như con rùa phải khéo bảo vệ các căn để tránh sự đe dọa hiểm nguy của con dã can. Với lòng từ mẫn, đức Thế Tôn hằng sách tấn hàng đệ tử là phải thường tỉnh thức dù đó là ngày hay đêm, hay bất cứ một nơi nào tâm phải luôn nhớ nghĩ đến đức Phật, chánh pháp, chúng Tăng, sắc thân vô thường, lòng yêu thương đến mọi người, mọi loài và chuyên tâm thiền quán để thấy rõ pháp sinh diệt. Bởi vậy, người tu theo Phật phải thấu hiểu đạo lý này để làm tịnh hóa thân, tâm, trí và mục đích phạm hạnh được tròn đầy, như câu 296 - 301 trong kinh *Pháp Cú* có dạy:

"296, Đệ tử Gotama
Luôn luôn tự tỉnh thức
Vô luận ngày hay đêm
Thường tưởng niệm Phật đà.
297,..., Thường tưởng niệm Chánh pháp.
298,..., Thường tưởng niệm Tăng- già.
299,..., Thường tưởng niệm sắc thân.

300,..., Ý vui niềm bất hại.
301,..., Ý vui tu thiền quán."[1]

Chính việc vâng hành theo lời đức Thế Tôn dạy là để chế phục những phiền não nơi tâm mỗi hành giả. Nhân mùa xuân Bính Thân, người viết muốn chia sẻ ***Pháp tu qua hình ảnh con Khỉ trong kinh Mi Tiên*** để chúng ta có cách nhìn khác về con khỉ cũng có điểm đáng để học hỏi và hành theo, như đức Tổ sư Minh Đăng Quang dạy người Khất sĩ không chỉ học ở một người, một chỗ, một bài học mà phải học cùng nơi khắp xứ và học ở mọi loài: *"Học nơi cỏ, cây, thú, người, trời, Phật, đất, nước, lửa, gió."*[1]

Nếu nhìn đơn thuần thì ở con khỉ không có gì để học, vì nói đến nó là người ta liên tưởng đến "tâm viên ý mã" hay nghĩ về một con khỉ tham ăn mà phải rơi vào cạm bẫy của anh chàng thợ săn, hoặc hình ảnh con khỉ qua cái nhìn của Ngô Thừa Ân thì cũng vẫn lăng xăng, chạy nhảy không có sự an định, như đức vua Mi-lan-đà nhận định: *"Con khỉ thì tốt đẹp gì mà học! Suốt ngày cứ chạy nhảy leo trèo từ cây này sang cây khác, từ cành này sang cành khác - giống như tâm ý lăng xăng của chúng sanh vậy, có hay hướm gì!"*[3]. Đương nhiên, người xuất gia theo Phật phải có tri kiến trong việc học tu mới thấy được những đức tính thuần khiết, lòng bao dung (chuyện chiếc cầu muôn thuở)[4], và sự khéo léo quan sát *(chuyện khỉ chúa)*[5] của con khỉ để chuyển hóa tâm khỉ, vượn nơi mình cho được tĩnh lặng, trong sáng như hồ nước sâu thẳm[6].

II. Nội dung

Trong kinh *Mi Tiên vấn đáp (Milindapanha)*, thông qua hình ảnh ***con khỉ*** có hai điểm đặc biệt, lợi ích mà người xuất gia cần học và hành trì miên mật để cốt lõi phạm hạnh được thành tựu viên mãn như ý và làm chỗ y cứ cho chúng sanh vạn loại. **Một là**, người xuất gia nên diện kiến và thân cận các bậc đầy đủ giới, định, tuệ, tri kiến giải thoát để làm chỗ nương tựa. **Hai là**, phải tác ý và thực hành Tứ niệm xứ trong mọi lúc, mọi nơi cho dù ngày hay đêm.

1. Thân cận Thiện hữu tri thức

Đối với một con khỉ tinh khôn, muốn có cuộc sống thật yên bình thì phải biết thường tìm những cây to lớn, cành nhánh vững chắc, xanh tốt và sum suê làm nơi trú ẩn. Còn đối với người xuất gia, yếu tố quan trọng để xây dựng mục tiêu phạm hạnh cho được hoàn thiện thì phải thân cận những bậc thầy có đầy đủ tố chất của một bậc xuất trần thượng sĩ hay

bậc thiện hữu tri thức trong Phật pháp, như kinh Mi Tiên có nói về hạnh tu của một vị xuất gia trong giáo pháp của đức Thế Tôn: *"Các vị Tỳ khưu phải lựa tìm những bậc phạm hạnh có đạo cao đức cả - như là gốc đại thụ vậy - để nhờ nương, làm chỗ ở cho mình. Bậc phạm hạnh có cành nhánh vững chắc và tàng lá sum suê xanh tốt, ấy là đầy đủ: giới đức, có tàm quý, nhiều pháp lành, đa văn, là người giữ gìn pháp, nâng đỡ pháp; có ngôn ngữ từ ái, tự mình tinh tấn và dìu dắt mọi người tinh tấn đi theo con đường phạm hạnh."*[7]

Một thiện nam tử xuất gia, từ bỏ gia đình sống không gia đình để đi tìm cầu con đường chí thiện, an ổn, thoát khỏi các triền phược, thì phải có định hướng chân chánh bằng tuệ giác. Và con đường này không thể nào thiếu bậc đạo sư đầy đủ giới đức, đa văn, nội tâm vững chãi, trí tuệ siêu phàm. Vì bậc đạo sư là người dẫn đường chỉ lối cho hành giả đi trên lộ trình hướng đến bảo sở được an toàn, ví như người cầm đuốc sáng hướng dẫn người đi trong đêm vượt qua quãng đường đầy chông gai, hiểm trở để đến nơi an ổn. Việc này được nói rõ trong nghi thức đảnh lễ đức Phật của Hệ phái Khất sĩ:

"Trần gian biết nẻo tu hành
Nhờ đèn trí huệ quang minh soi đường."[8]

Sống gần một người nào hay trú xứ nào có đầy đủ điều kiện làm cho tri kiến của hành giả chưa sanh được sanh khởi, pháp lạc chưa thành tựu được thành tựu, và tứ vật dụng được sung túc để hộ trì cho việc đạo quả giác ngộ viên mãn. Mặc dù ở nơi đó có nhiều thử thách hay thậm chí xua đuổi thì hành giả phải kiên trì, kham nhẫn xin ở lại để tu học, như bài kinh Khu Rừng trong *Trung Bộ kinh* có dạy: *"Ta sống gần người này. Khi ta sống gần người này, các niệm chưa được an trú được an trú; tâm chưa được định tĩnh được định tĩnh; các lậu hoặc chưa được hoàn toàn đoạn trừ được hoàn toàn đoạn trừ; và vô thượng an ổn khỏi ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt; và những vật dụng cần thiết cho đời sống mà một vị xuất gia cần phải sắm đủ, như y phục, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, những vật dụng này kiếm được một cách dễ dàng. Chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy phải trọn đời theo sát người này, không được bỏ đi, dầu cho có bị xua đuổi."*[9]

Qua bài kinh, cho ta thấy đức Thế Tôn đã dạy các vị Tỳ-kheo xin pháp học, pháp hành để làm cho tri kiến được phát sanh, tăng trưởng và phải xin tứ vật dụng nuôi thân. *V*à cũng tương đồng với lời đức Phật dạy trong bài kinh *Khu Rừng,* đức Tổ sư Minh Đăng Quang dạy người tu Khất sĩ trong *Chơn lý* "Khất sĩ", có hai cái xin:

"Xin vật chất (vạn vật) để nuôi thân.
Xin tinh thần (các pháp) để nuôi trí."[10]

Đời sống của một vị xuất gia phải làm là sau khi đi vào làng khất thực, độ cơm (nuôi thân) rồi tìm trú xứ thích hợp, nơi thanh vắng, gốc cây, ngôi nhà trống, bãi tha ma, nghĩa địa, để tham thiền quán tưởng, sau khi được bậc đạo sư hướng dẫn pháp học, pháp tu vững vàng (nuôi trí). Nếu điều này được duy trì không bị trở ngại, không thoái lui thì sẽ dễ dàng hướng đến mục tiêu giải thoát không xa, như trong *Tương Ưng Bộ kinh*, bài kinh Khúc Gỗ[11].

Như vậy bài học đầu tiên của con khỉ lưu trú trong rừng thường tìm cây cao bóng cả để làm chỗ lưu trú, còn một vị xuất gia phải biết thân cận, gần gũi học hỏi các vị có đầy đủ phẩm hạnh của một bậc thầy minh triết. Tiếp theo bài học quý báu thứ hai với hình ảnh con khỉ là thường xuyên nghĩ đến pháp giải thoát.

2. Hằng nhớ tưởng đạo lý[12]

Những con khỉ sau khi một ngày đi xa tìm kiếm thức ăn, khi hoàng hôn buông xuống nó lại quay về nơi ở hàng ngày để nghỉ qua đêm. Còn người tu theo Phật phải trở về trú xứ của mình sau một ngày hành đạo, như kinh Mi Tiên giải thích: *"Trong một ngày, lúc hoàng hôn xuống, các vị Tỳ-khưu trong hàng ngũ Sa-môn phải biết trở về trú xứ vắng lặng của mình*

như rừng, nghĩa địa v.v... để nghỉ qua đêm. Khỉ không bao giờ rời bỏ cây ấy lúc ban đêm - thì vị Tỳ-khưu cũng không bao giờ rời bỏ pháp tu Tứ niệm xứ của mình. Suốt đêm, dù đi, đứng, ngồi, nằm cũng hằng phải chánh niệm, tỉnh giác. Đúng như đại trưởng tử của đức Thế Tôn đã thuyết: Vị Tỳ-khưu nên hoan hỷ, mến thích khu rừng và cội cây của mình. Lúc tọa thiền, lúc đi kinh hành hoặc ngủ nghỉ đều không được rời bỏ pháp hành."[13]

Sự thực hành pháp của Phật phải luôn nỗ lực tinh tấn, chánh niệm, tỉnh giác trong từng cử chỉ đi, đứng, ngồi, nằm,... nói theo Đại đức Na Tiên là hành giả ấy đang sống trong hành xứ phạm hạnh của mình. Vì người tu mà rời bỏ pháp Phật thì sẽ bị tham dục, sân giận, phiền não, triền phược xâm chiếm, ngự trị và chi phối, hay nói khác hơn là vị này đã rơi vào tay của ác ma, như trong *kinh Bổn Sanh - Jataka* có nói về chim cút, do vì rời khỏi địa hạt của mình để đi tìm mồi nên đã bị chim diều hâu uy hiếp, nhưng nhờ trí tuệ mới thoát khỏi sự uy hiếp đó. Nhân chuyện này, đức Thế Tôn dạy các vị Tỳ-kheo: *"Do vậy, các ông chớ có đi không đúng chỗ, và đến địa hạt của người khác. Khi ta rời địa hạt của mình, ác-ma sẽ đợi cơ hội, ác-ma sẽ được thuận duyên. Này các Tỷ-kheo, chỗ nào là không đúng chỗ của Tỷ-kheo, là địa hạt của người khác? Đó chính là năm dục lạc. Thế nào là năm? Sắc do mắt nhận thức... Này các Tỷ-kheo, đấy không phải là chỗ của Tỷ-kheo, là địa hạt của người khác."*[14]

Đối với một vị Tỳ-kheo sống trong Pháp và Luật của đức Thế Tôn thì phải luôn thu thúc các căn như ba con khỉ dùng tay che mắt, bịt tai, đậy miệng[15], và thường tác ý đến thiện pháp để phiền não, khổ đau không có cơ hội quấy phá, như trong kinh *Pháp Cú* có đề cập đến hình ảnh người xuất gia đúng nghĩa trong giáo pháp Phật-đà:

"Vị Tỳ-kheo thích pháp
Mến pháp, suy tư pháp
Tâm tư niệm chánh pháp
Không rời bỏ chánh pháp."[16]

Như vậy, nói về mặt giới hạnh thì vị xuất gia không được rời khỏi trú xứ của mình trong đêm để tránh cơ hiểm của thế gian, dù có hành đạo ở nơi nào cũng phải trở về dưới cội cây, trú xứ thanh vắng của mình. Điều này đã được đức Tổ sư Minh Đăng Quang khuyên dạy các vị đệ tử là không nên ra khỏi trú xứ sái giờ quy định nếu không có việc cần thiết và được Giáo hội cho phép, như: *"Cấm vào làng sái giờ (trừ ra có việc của Giáo hội từ sáng đến ngọ)."*[17] *Còn* nói về tu tập để tri kiến chân chánh phát sanh thì vị này phải nỗ lực tâm niệm duy trì pháp hành cho đến ngày thành mãn.

III. Kết luận

Qua hình ảnh **con khỉ** trú ẩn trong rừng, từ đó nhân sinh có được bài học rất thiết thực để ứng dụng vào trong đời sống phạm hạnh và phương cách giáo hóa chúng sanh được hữu hiệu hơn. Đối với người xuất gia hay tại gia muốn đạt được đạo quả giác ngộ, giải thoát phải đến để mà thấy mà biết, mà học hỏi cho chính. Nếu yếu tố đầu tiên trong câu chuyện về con khỉ không được nêu ra sẽ mất đi ý nghĩa quan trọng, lợi ích cho việc học tu. Vì không có bậc thầy mô phạm hướng dẫn thì chúng ta sẽ không có cái thấy biết như thật để đến bảo sở huy hoàng, như trong kinh Pháp Môn Căn Bản có nói: *"Này các Tỷ-kheo, ở đây, có kẻ phàm phu ít nghe, không được thấy các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không được thấy các bậc chơn nhân, không thuần thục pháp các bậc chơn nhân, không tu tập pháp các bậc chơn nhân."*[18] Và bài học thứ hai trong câu chuyện mang tính liên kết chặt chẽ với bài học đầu tiên, ví như con khỉ khi đã tìm được trú xứ vững chắc thì nó sống và sinh hoạt không rời bỏ chỗ ấy. Còn người tu Phật, sau khi thân cận học hỏi và hiểu biết con đường chân chánh thì luôn an trú trong giáo pháp đã được thọ học ấy. Vì pháp được thực hành miên mật, không gián đoạn sẽ đạt được lợi ích rất lớn, như kinh Tứ niệm xứ có nói: *"Này các Tỷ-kheo, ở đây Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời; sống quán thọ trên các thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời; sống quán tâm trên tâm, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời; sống quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời."*[19]

Với sự nhiệt tâm, tinh cần, chánh niệm, tỉnh giác hành trì theo lời Phật dạy sẽ hàng phục được tâm ý vượn khỉ lăng xăng của mình, và thắp lên ngọn lửa tuệ giác để chiếu sáng khắp mọi nơi.

"Ai sống trước buông lung
Sau sống không phóng dật
Chói sáng rực đời này
Như trăng thoát mây che"[20].

Chú thích

1 *Kinh Pháp Cú*, HT. Thích Minh Châu dịch, *Phẩm Tạp Lục, câu 296 - 301*, NXB. Tôn Giáo, Hà Nội, 2006, tr.81 - 82.
2 Tổ sư Minh Đăng Quang, *Chơn lý* Khất sĩ, NXB. Sài Gòn, 1961, tr.131.
3 *Kinh Mi Tiên vấn đáp (Milindapãnha)*, HT. Giới Nghiêm dịch, *Về con khỉ, số 187*, NXB. Văn Học, Hà Nội, 2010, tr.831.

4 *Tiểu Bộ Kinh,* tập 4, HT. Thích Minh Châu và Giáo sư Trần Phương Lan dịch, 2001.

5 *Tiểu Bộ Kinh*, tập 4, HT. Thích Minh Châu và Giáo sư Trần Phương Lan dịch, *Chuyện Khỉ Chúa (Tiền thân Vànarinda),* số 57, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, 2001, tr.375.

6 Như hồ nước sâu thẳm // Trong sáng không khuấy đục // Cũng vậy nghe chánh pháp // Người trí hưởng tịnh lạc. (*Kinh Pháp Cú,* số 82).

7 *Kinh Mi Tiên vấn đáp (Milindapãnha),* tr.831.

8 Hệ phái Khất sĩ, Nghi thức Tụng niệm, Lễ Phật, NXB. Tôn Giáo, Hà Nội, 2003, tr.3.

9 *Kinh Trung Bộ* tập 1, (HT. Thích Minh Châu dịch), *Kinh Khu Rừng, số 17*, NXB. Tôn Giáo, Hà Nội, 2012, tr.146.

10 Tổ sư Minh Đăng Quang, *Chơn lý* Khất sĩ, NXB. Sài Gòn,1961, tr.134.

11 HT. Thích Minh Châu dịch, *Kinh Tương Ưng 4, Thiên Sáu Xứ, Phẩm Rắn Độc, Kinh Khúc Gỗ,* VNCPHVN TP.HCM, 1991, tr. 293.

12 Hệ phái Khất sĩ, Luật nghi Khất sĩ, "Bảy Hàng Cây Báu", NXB. Tôn Giáo - Hà Nội, 2004, tr.50: Bảy hàng cây báu: Thất Giác ý (thất Bồ-đề): 1/ Phân biệt sự lành sự dữ, 2/ Tinh tấn mà lướt lên, 3/ An lạc trong vòng đạo lý, 4/ Thắng phục tâm ý mình đặng làm lành, 5/ Nhớ tưởng đạo lý, 6/ Nhứt tâm đại định, 7/ Vui chịu với mọi cảnh ngộ.

13 *Kinh Mi Tiên vấn đáp (Milindapãnha), Về con khỉ, số 187*, tr.831.

14 *Kinh Tiểu Bộ* tập 5, (HT. Thích Minh Châu dịch), Phẩm Santahava, *Chuyện Chim Diều Hâu (Tiền thân Sakunagghi),* Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, 2001, tr.266.

15 Ba con khỉ tên Mizaru, Kikazaru và Iwazaru: bịt tai, bịt mắt, bịt miệng. Con che mắt tên là mizaru nghĩa là "Tôi không nhìn thấy điều xấu". Con bịt miệng là iwazaru nghĩa là "Tôi không nói điều xấu". Con bịt tai là kikazaru - "Tôi không nghe những điều xấu".

16 *Kinh Pháp Cú* (HT. Thích Minh Châu dịch), *Phẩm Tỷ-kheo,* câu 364, NXB. Tôn Giáo - Hà Nội, 2006, tr.99.

17 Hệ phái Khất sĩ, Luật nghi Khất sĩ, *Giới Bổn Tăng - 90 Giới Hành Phạt* "Quỳ hương", NXB. Tôn Giáo, Hà Nội, 2004, tr.200.

18 *Kinh Trung Bộ,* tập 1 (HT. Thích Minh Châu dịch), *Kinh Pháp Môn Căn Bổn*, NXB. Tôn Giáo, Hà Nội, 2012, tr.19.

19 *Kinh Trung Bộ* tập 1, (HT. Thích Minh Châu dịch), *Kinh Niệm Xứ*, NXB. Tôn Giáo, Hà Nội, 2012, tr. 85.

20 *Kinh Pháp Cú* (HT. Thích Minh Châu dịch), *Phẩm Thế Gian, câu 172*, NXB. Tôn giáo - Hà Nội, 2006, tr.51.

Mừng Xuân đạo 2016

BẢO MINH TRANG

Không gian kết tụ tinh thuần
Hân hoan chào đón nàng XUÂN trở về
Khắp cùng thành thị thôn quê
Ươm bừng khát vọng cận kề yêu thương.
Mùa XUÂN nối nghiệp phi thường
Tô màu tịnh khiết mở đường lý chân
Hồn nhiên gởi ánh trong ngần
Làm cho cảnh vật bội phần đẹp xinh.
Trời XUÂN rạng rỡ lung linh
Cỏ hoa diễm lệ pháp kinh nhiệm mầu
Nắng vàng dệt thảm trân châu
Niềm tin bất diệt bắt cầu Chân Như.
Ưa chân thật ghét giả hư
Hoằng khai thiện mỹ thanh trừ ác gian
Ươm hạnh phúc tặng bình an
XUÂN lồng dịu ấm đơm ngàn sắc duyên.
Người ưa vẻ mộng siêu huyền
XUÂN thêu áo ngọc trinh nguyên diệu kì
Êm câu hát ngọt vần thi
Muôn năm vẫn thế không gì đổi thay.

Ngày cuối năm...

THƯỜNG HUYỄN

Ngày cuối năm vụng về nhẩm lại,
Được mất, buồn vui đoạn đường dài,
Não phiền mấy độ đà rơi rụng?
Quê cũ về chưa nụ tâm khai!
Luân hồi sinh tử thăng trầm mãi,
Năm tháng dừng chưa hỡi gót hài?
Bốn mùa vẫn thế từ thuở ấy,
Nắng xuân cười mỉm chuyện khứ lai.

Câu đối mừng Xuân 2016

NGỌC CHÂU

- *Tiễn Ất Mùi hương thịnh vượng dư âm hoài lắng đọng*
  Nghinh Bính Thân sắc yên bình kết tụ mãi lan xa.
- *Ất Mùi đi để lại hương thịnh vượng nhân dân người người phấn khởi*
  Bính Thân đến mang về sắc bình an xã hội chốn chốn thăng hoa.
- *Tiễn Ất Mùi thiên tăng tuế nguyệt hương hạnh phúc giao hòa thông vũ trụ*
  Nghinh Bính Thân xuân đáo dương trần sắc bình an kết tụ điểm sơn hà.
- *Tiễn Dê đi chiến sĩ bền tâm phấn đấu giữ gìn giang sơn thịnh vượng*
  Mừng Khỉ lại nhân dân vững chí xây dựng xã hội vinh quang.

Có phải mùa Xuân LÀ SỨC SỐNG?

QUÊ HƯƠNG

Từng chiếc lá vàng úa bay theo cơn gió heo may nhịp nhàng rơi trên mặt đất, để lại những cành cây trơ trụi đang vươn mình trong không gian của buổi sớm mai. Theo đó từng luồng khí lạnh thổi qua những căn nhà nhỏ bé dọc triền đồi, chúng đã báo hiệu mùa đông lại về, cuộc sống của người dân cũng sẽ thay đổi theo để thích nghi với thời tiết trong mùa.

Thế rồi, thoáng chốc những nụ hoa bắt đầu hé nở, và ngày một to dần theo năm tháng của bầu trời nắng mới. Có phải đâu đây, không gian trở nên ấm áp, được lan tỏa trên đôi môi của mỗi người đang hân hoan chào đón một mùa xuân đến.

Trong mỗi chiếc lá cũng có sự vận hành của sự sống và chết, từ chồi non đến lá già, từ màu xanh chuyển sang màu vàng. Cuộc sống của con người cũng phải đi theo định luật như thế.

Nhưng có một điều kỳ diệu là, dù trải qua bao nhiêu dông gió, tuyết sương, nắng táp, mưa rơi... thì hoa vẫn nở, trái vẫn to và mặt đất vẫn một màu xanh của cỏ non, như tấm thảm mà thiên nhiên đã ban tặng cho con người. Thế thì, theo quy luật chỉ có mùa xuân là ban vui cho cuộc sống, là hạnh phúc cho mọi nhà, vậy chúng ta hãy lấy mùa xuân tưới mát cõi lòng, hãy áp dụng mùa xuân vào đời sống tu học, xem mùa xuân như một công án để quán chiếu như thiền sư Mãn Giác thuở xưa:

Xuân đi trăm hoa rụng
Xuân đến trăm hoa nở
Việc trước mắt đi qua
Trên đầu già đến rồi
Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua sân trước một cành mai.

(Thiền sư Mãn Giác)

Muốn thế, chúng ta cần phải tăng trưởng pháp hành qua thân khẩu ý, khi được tam nghiệp thanh tịnh thì đời sống sẽ an vui, hạnh phúc. Còn gì bằng khi con người biết chia sẻ với nhau lúc hoạn nạn khó khăn; biết sách tấn nhau khi bị vô minh lôi kéo; biết từ hòa trong ngôn ngữ, an tịnh trong việc làm. Cho nên, chúng ta hãy thanh lọc bằng cách dùng trí tuệ để xua tan bóng tối, tức là đem mùa xuân ngự trị cõi lòng, làm cho tâm hồn tràn đầy sức sống của tứ vô lượng tâm: từ bi hỷ xả; sống theo đạo Bát chánh: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định; phải thường xuyên dùng Tứ nhiếp pháp: bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự để làm cho bản nhạc giao hưởng giữa người và người trên mọi nẻo đường của sinh tử càng thêm thanh v.v... Muốn thực hành như thế, phải tỉnh tâm, phải chánh niệm trong mọi lúc, và quán về sự vô thường để cho tâm hồn tràn đầy sức sống của thương yêu:

Trăm năm trước thì ta chưa gặp
Trăm năm sau biết có gặp không
Cuộc đời sắc sắc không không
Thôi thì hãy sống hết lòng với nhau.

Thật vậy, hãy lấy mùa xuân làm lẽ sống, chúng ta sẽ thấy chung quanh một niềm vui bao phủ, bởi vì ai lại ghét mùa xuân? Đây là mùa của muôn hoa đua nở với khí hậu ấm áp, ôn hòa và trong không gian luôn tỏa ra một sức sống của sự vui tươi, thoải mái, hồn nhiên, an tịnh:

Xuân khứ xuân lai nghi xuân tận
Hoa lạc hoa khai chỉ thị xuân
(Xuân đến xuân đi ngỡ xuân hết
Hoa nở hoa tàn chỉ là xuân).

(Thiền sư Chân Không)

Nhưng để có được một mùa xuân như thế, con người phải trải qua những tháng lạnh buốt của gió đông cùng những sự lạnh lùng của muôn vật.

Theo quy luật của thiên nhiên có bốn mùa là xuân hạ thu đông, mỗi mùa có một đặc trưng riêng biệt, và chúng ta thích nghi với môi trường của nó thì sẽ hưởng được hương vị của từng mùa, mùa hạ khí trời oi bức bởi sức nóng, mùa thu với mưa bay nhè nhẹ và lá vàng rơi lả tả, mùa đông tuyết phủ cả đất trời, duy chỉ có mùa xuân là người bạn đem lại cho tâm hồn sự trẻ trung, mát mẻ do cảnh vật đều xinh tươi và đầy màu sắc của các loài hoa nở. Vì thế, người học đạo nên lấy pháp tâm tưới đến mọi trái tim như mùa xuân thì cảnh giới chung quanh sẽ được bao phủ bằng chân thiện mỹ, bằng tâm không dính mắc, việc đến đi chỉ là duyên giả hợp, tâm hồn ta như cánh nhạn bay xa:

Nhạn quá trường không, ảnh trầm hàn thủy
Nhạn vô di tích chi ý, thủy vô lưu ảnh chi tâm.
(Nhạn bay trong không, bóng chìm đáy nước,
Nhạn không có ý để dấu, nước không có tâm giữ bóng).

(Thiền sư Hương Hải)

Vậy thì, chúng ta hãy sống như mùa xuân, luôn ban sự an vui tưới mát tâm hồn mọi người, dù cho thời tiết thế nào, bạn sẽ thấy sau cơn mưa trời sẽ sáng; hãy lấy mùa xuân là sức sống, thì dù cảnh sắc có đổi thay theo bốn mùa, thăng trầm của nhân thế, mất còn của vật đổi sao dời, theo dòng luân hồi của sinh trụ dị diệt thì:

Thúy trúc hoàng hoa phi ngoại cảnh
Bạch vân minh nguyệt lộ toàn chân
(Trúc biếc hoa vàng đâu cảnh khác
Trăng trong mây bạc hiện toàn chân).

(Thiền sư Thiền Lão)

CHIẾC CỐI ĐÁ CỦA MÁ

HẢI THIỆN

Cho đến giờ, nhà tôi vẫn còn chiếc cối đá thật to, nặng nề, nằm lặng lẽ ở góc nhà. Nhìn chiếc cối, tôi như thấy lại tuổi thơ...

Hồi đó, những ngày cận Tết thì cái cối làm việc không ngừng nghỉ. Bí quyết làm bột ngon của má thật ra rất đơn giản. Má chọn loại nếp tốt, dùng trái khóm xắt nhỏ trộn vào, ngâm nếp khoảng nửa ngày. Trước khi xay nếp, phải lược bỏ xác khóm. Công đoạn vất vả nhất là xay bột.

Lúc nhỏ, tôi có nhiệm vụ phụ má đổ nếp đã ngâm vào cối cho má xay. Cái cối rất nặng, người má lại gầy, mỗi lần quay cối, má phải dùng hết sức mới đẩy nổi. Tôi chỉ việc múc nếp đổ vào cối mà cứ than mỏi tay, đau lưng, trong khi má tôi dùng hết sức để xoay vòng chiếc cối nặng nề, lưng má đẫm mồ hôi... vậy mà má không than thở.

Có lần về quê, các cháu tôi xúm quanh chiếc cối, lạ lẫm hỏi đây là cái gì, dùng để làm chi. Tôi giải thích cho lũ trẻ hiểu và bảo rằng: "Ngày xưa, Ông Bà nội các con đã dùng cái cối này để nuôi chú, bác, cô,... khôn lớn, ăn học nên người và là cái cối của các loại bánh ngày Tết...

Chiếc cối đá của má với tôi... là hôm qua!

(Xuân Bính Thân - 2016)

TÌM HIỂU TIẾT THANH MINH CỦA TRUNG QUỐC VÀ LỄ TẢO MỘ Ở VIỆT NAM

SC. HƯƠNG LIÊN *(TX. Ngọc Ban)*

Ngược dòng lịch sử, Phật giáo đã bắt rễ và phát triển tại nước ta hơn 2000 năm. Trải qua những thăng trầm biến đổi, cải biến, thích ứng, dung hợp, Phật giáo đã dần dần bám rễ ăn sâu vào nền văn hóa dân tộc Việt Nam trở thành một nét văn hóa vô cùng đặc sắc. Bên cạnh đó, song song với truyền thống Phật giáo Việt Nam, Phật giáo Trung Quốc lại rất đa dạng và phong phú không kém, được bao hàm nhiều mảng như: sản phẩm về tinh thần, nghệ thuật điêu khắc, giáo dục Phật giáo, hội họa, thi ca, y phục thông qua mỗi thời đại, nghi lễ của từng địa phương, những ngày lễ tết truyền thống, v.v..., thậm chí đến màu sắc cũng có ảnh hưởng lớn về văn hóa. Phong tục tập quán của người Trung Quốc về các lễ hội chỉ là tập tục tập quán dân gian, tuy chỉ là một mảng nhỏ nhưng nó bao hàm tất cả tập tục bản sắc văn hóa dân tộc. Có thể nói đời sống của người dân Trung Quốc có nhiều phong tục tập quán thú vị, trong đó thú vị nhất có thể kể đến ngày lễ tiết Thanh minh truyền thống. Không giống như các nước phương Tây, ngày lễ của Trung Quốc đều có nét văn hóa độc đáo riêng biệt, điều này đã thể hiện khát vọng theo đuổi cuộc sống hạnh phúc, bình yên, cát tường như ý của người Trung Hoa.

I. TÌM HIỂU TIẾT THANH MINH CỦA TRUNG QUỐC VÀ LỄ TẢO MỘ THEO DÂN GIAN VIỆT NAM

- Theo truyền thuyết, tiết Thanh minh của Trung Quốc được bắt nguồn từ khoảng đầu nhà Chu, đã có trên 2500 lịch sử. Tiết Thanh minh là tiết thứ năm trong "nhị thập tứ khí" và người phương Đông chọn dịp này làm lễ Tế Tổ, Tảo mộ, và cho đến nay một số vùng vẫn còn tục lệ này[1]. Theo nghĩa đen, *thanh* là khí trong, còn *minh* là sáng sủa. Khi tiết Xuân phân qua, những cơn mưa bụi của trời xuân đã hết, bầu trời trở nên quang đãng, sáng sủa, đấy là sang tiết Thanh minh. Những ngày này tiết trời trong sáng, mát mẻ nhất của năm. Chuyện kể rằng, đời Xuân Thu, vua Tấn Văn Công, nước Tấn gặp loạn phải bỏ nước lưu vong, nay trú nước Tề, mai trú nước Sở. Bấy giờ, có một hiền sĩ tên là Giới Tử Thôi theo vua giúp đỡ mưu kế. Một hôm, trên đường lánh nạn, lương thực cạn, Giới Tử Thôi phải lén cắt một miếng thịt đùi mình nấu lên dâng vua. Vua ăn xong hỏi ra mới biết, đem lòng cảm kích vô cùng. Giới Tử Thôi theo phò Tấn Văn Công trong mười chín năm trời, cùng nhau nếm trải bao nhiêu gian truân nguy hiểm. Về sau, Tấn Văn Công giành lại được ngôi báu trở về làm vua nước Tấn, phong thưởng rất hậu cho những người có công, nhưng lại quên mất công lao của Giới Tử Thôi. Giới Tử Thôi cũng không oán giận gì, nghĩ mình làm được việc gì, cũng là cái nghĩa vụ của mình, chứ không có công lao gì đáng nói. Vì vậy, ông về nhà đưa mẹ vào núi Điền Sơn ở ẩn. Tấn Văn Công về sau nhớ ra, cho người đi tìm. Giới Tử Thôi không chịu rời Điền Sơn ra lĩnh thưởng, Tấn Văn Công hạ lệnh đốt rừng, ý muốn thúc ép Giới Tử Thôi phải ra, nhưng ông nhất định không chịu tuân mệnh, rốt cuộc cả hai mẹ con ông đều chết cháy. Vua thương xót, lập miếu thờ và hạ lệnh trong dân gian phải kiêng đốt lửa ba ngày, chỉ ăn đồ ăn nguội đã nấu sẵn để tưởng niệm (từ 3/3 đến 5/3 ÂL). Kể từ đó, ngày mùng 3/3 âm lịch hàng năm được coi là ngày tết Hàn thực, nhằm tưởng nhớ đến công ơn dưỡng dục của những người đã khuất. Dần dần, người dân tiếp nhận tết Hàn thực nhưng ý nghĩa của ngày tết này đã biến đổi và mang đậm màu sắc truyền thống, phù hợp với tâm lý cũng như cuộc sống thường nhật của người dân Trung Quốc. Vào ngày tết Hàn thực, người ta kiêng lửa, mọi việc nấu nướng không được thực hiện, chỉ có dùng bánh trôi - bánh chay hoặc có thể chuẩn bị nấu nướng trước một ngày cho tết Hàn thực với ý nghĩa tượng trưng đó là những thức ăn nguội - *hàn thực*. Vì vậy, người dân còn gọi tết Hàn thực bằng một tên gọi khác là tết Bánh trôi - Bánh chay.[2]

- **Lễ Tảo mộ theo dân gian Việt Nam:** Thông thường cứ vào những ngày đầu năm mới, nhiều gia đình vẫn duy trì thói quen đi tảo mộ người thân, với ý nghĩa mong muốn đón nhận những điều tốt đẹp hơn trong năm mới. "Tảo mộ" nghĩa đen là "quét mộ". Hàng năm, cứ vào khoảng ngày 24, 25 tháng Chạp, nhiều gia đình người Việt đi tảo mộ. Người ta đi thăm viếng, vun lại những nấm mồ, phát cỏ dại, chặt cây cối quanh mộ, sửa sang, tu bổ mộ phần những người quá cố trong gia đình, và cả những phần mộ của các vị tổ tiên nhiều đời trước đó. Để tưởng nhớ người đã khuất, những người còn sống mỗi năm đều cúng giỗ. Và vào mỗi dịp năm cũ sắp qua, năm mới sắp đến, người ta còn lo sửa sang, thăm viếng mồ mả, làm sạch đẹp nơi an nghỉ của ông bà tổ tiên, người thân của mình. Truyền thống tâm linh người Việt tin rằng, khi năm mới đến tất cả mọi thứ đều phải được chuẩn bị, sửa sang cho mới mẻ, kể cả nơi an nghỉ của ông bà, người thân. Đối với cư dân thành thị, những người đã khuất được mai táng trong các nghĩa trang ở thành phố, do vậy thường khó duy trì việc những người trong gia đình, dòng họ khi khuất núi được chôn cất gần gũi, đầm ấm với nhau như ở thôn quê. Nhưng cứ mỗi dịp cuối năm, khi sắp đến Tết Nguyên đán, người thành thị cũng luôn sắp xếp thời gian để đi thăm viếng, chăm sóc phần mộ ông bà, cha mẹ, người thân của mình để tỏ lòng hiếu thuận. Thăm viếng phần mộ tổ tiên cũng là nét đặc trưng của văn hóa cổ truyền, một tục lệ trong "đạo thờ ông bà" của

dân tộc ta vốn từ lâu đã trở thành truyền thống. Dù tất bật thế nào đi chăng nữa trong cuộc mưu sinh, dù cả năm bôn ba làm ăn ở nơi xa, nhưng chốn quay về vẫn là gia đình. Nhiều gia đình cho rằng mỗi dịp tảo mộ cũng là một dịp giãi bày với ông bà, tổ tiên những chuyện đã xảy đến trong năm với cả gia đình, dòng họ; cũng là để thành tâm mời ông bà tổ tiên chuẩn bị cùng về ăn Tết với gia đình.

- Đi tảo mộ trong tiết Thanh minh đã trở thành một tập tục quan trọng trong dân gian và truyền cho đến ngày nay, chỉ có khác là hình thức đơn giản hơn trước. Tại Việt Nam, vào những ngày cuối năm hay đầu năm, các gia đình thường tụ họp ở nghĩa trang để sửa sang, quét dọn phần mộ của tổ tiên và những thân quyến quá cố. Họ đem hương hoa lễ vật bày ở mộ và "cung thỉnh" hương hồn những người quá vãng về nhà ăn Tết cùng con cháu. Khác với Trung Quốc, lễ Tảo mộ chỉ diễn ra vào tiết Thanh minh (khoảng tháng 3 âm lịch) thì ở nước ta, người Việt Nam không những tảo mộ trong tiết Thanh minh mà còn rất quan tâm đến mồ mả ông bà trong ngày Tết Nguyên đán. Mỗi địa phương, mỗi dòng họ, gia đình ấn định ngày "tảo mộ" khác nhau, thời điểm thường là tháng Chạp cuối năm hoặc đầu năm mới. Người Việt cũng coi đây là dịp báo cáo công việc trong năm qua với tổ tiên, ông bà, bố mẹ, người thân, những người đã khuất trong dòng tộc, bày tỏ mong muốn đón nhận những điều tốt đẹp hơn trong một năm mới đang đến. Phong tục làm cỏ các phần mộ (lễ Tảo mộ), sửa sang, thắp hương, đặt hoa quả thành kính tưởng nhớ ông bà tổ tiên là những hoạt động không thể thiếu trong ngày lễ quan trọng này. Đối với người Việt, tiết Thanh minh còn là dịp để con cháu hướng về tổ tiên, cội nguồn. Dù ai đi đâu, ở đâu, đến ngày mùng 3/3 âm lịch cũng cố gắng về với gia đình để được đi tảo mộ, để cùng nhau ngồi bên mâm cơm sum họp gia đình. Những ngôi mộ được người nhà dọn dẹp sạch sẽ, vun đắp thêm đất mới, đó là những tâm đức của người đang sống đối với người đã khuất. Còn người Trung Quốc, Thanh minh tiêu biểu cho thời kỳ vạn vật sinh sôi nảy nở, cũng tiêu biểu cho sự bắt đầu một cuộc sống mới, sanh sản không ngừng, đó là nguyên tắc thiên nhiên. Nhưng sanh mệnh có nguồn gốc của nó, cho nên, người Trung Quốc lấy đức tính tốt đẹp "uống nước nhớ nguồn" làm yếu tố quan trọng.

Trong ngày tiết Thanh minh Tảo mộ, thể hiện xưa và nay, chết và sống, tổ tiên và con cháu dường như dung hòa với nhau, cùng nhau kết hợp trong đó không những tự nhiên thân thiết mà còn sâu đậm tình người. Tiết Thanh minh có triết lý thâm sâu tinh tế, bởi vì trong thế hệ người Trung Quốc, cuộc sống của một người là thông suốt quá khứ, hiện tại, và vị lai, điều này gọi là *Đạo lý học vấn truyền* từ đời này sang đời khác. Bình thường con người đem sanh tử phân làm hai, dành cho nhận xét giá trị chánh phản. Ví như *sanh* là mặt chánh, tiêu biểu cho giá trị tích

cực, *chết* là mặt phản, tiêu biểu cho giá trị tiêu cực, *chết* là sự kết thúc của một đời người, cởi bỏ những giá trị của đời sống làm cho tất cả đều trở về không. Mỗi dân tộc đều có tư tưởng nhớ ơn tổ tông, tức giá trị cuối cùng và quan tâm sau chốt của sanh mệnh. Nho giáo cụ thể "lập mệnh trên tinh thần "kính Tổ", đem tiểu ngã của cá nhân nối liền với đại ngã của dân tộc. Đó là tư tưởng báo ân người xưa. Người Trung Quốc mượn tiết Thanh minh Tảo mộ tổ tông, thể hiện luân lý thâm tình đời đời dìu dắt cùng nhau sanh tồn lại làm trí tuệ cao nhất và tình cảm chân thành nhất của nhân loại, biểu hiện tình cảm hài hòa giữa người với người, đồng thời bỏ đi tất cả mâu thuẫn tranh chấp của nhân gian.

II. SỰ ẢNH HƯỞNG CỦA PHẬT GIÁO ĐỐI VỚI HAI NGÀY LỄ TRÊN

Việc ứng dụng Phật pháp vào các sinh hoạt truyền thống của nhân dân là một việc rất có ý nghĩa. Ngoài mục tiêu hoằng pháp còn có ý nghĩa xây dựng nếp sống mới, văn minh, tiết kiệm. Lễ Tảo mộ là một phong tục tập quán hết sức tốt đẹp của người Việt, đặc biệt là những gia đình theo đạo Phật. Có thể nói, nơi thành thị việc này không được chú trọng lắm nhưng ở các vùng nông thôn thì rất là quan trọng.

Lễ Cầu siêu và Tảo mộ trong tiết Thanh minh ngoài mục đích cầu nguyện cho âm siêu, dương thới còn là phương tiện để tạo tình đoàn kết cho bà con và cũng thể hiện tinh thần từ bi, bình đẳng của đạo Phật. Đó là việc mọi người cùng nhau tảo mộ trong một ngày, gia đình này giúp cho gia đình kia, kể cả các mộ phần không có thân nhân cũng được thắp hương, dọn dẹp sạch sẽ. Mọi người cùng nhau niệm Phật, tụng kinh với sự gia trì chú nguyện của chư Tăng

là một việc vô cùng công đức để hồi hướng cho thân nhân quá vãng. Đó cũng là buổi lễ cầu siêu chẩn tế vong linh được tổ chức hàng năm tại công viên nghĩa trang mang ý nghĩa cao đẹp, đậm nét văn hóa của Phật giáo và của dân tộc Việt Nam, thể hiện tinh thần uống nước nhớ nguồn, hiếu thảo với ông bà, cha mẹ, luôn tưởng nhớ và biết ơn những người đi trước, phản ánh được nét đẹp tâm linh của người phương Đông. Đặc biệt, tư tưởng Phật giáo đã lồng vào với hình thức vô cùng gần gũi đó là hình thức cầu siêu cho vong linh Cửu Huyền Thất Tổ. Hễ nhà nào có mồ mả ông bà tổ tiên, đến ngày này họ cùng nhau đi tảo mộ, còn những gia đình tại thành thị khi người thân qua đời, họ thiêu lấy cốt gởi ở chùa, tịnh xá thì ngày này họ cũng về chùa, tịnh xá lau dọn bình cốt, tụng thời kinh cầu siêu, dâng trái cây, hoa quả, thức ăn chay dâng lên cúng dường mười phương Tam bảo và cúng Cửu huyền Thất tổ cho người thân đã quá vãng, hồi hướng cầu siêu cho thân nhân được vãng sanh về Tây phương Tịnh độ... Đây cũng là dịp để thắp nén hương lòng, bày chút hoa quả, tưởng nhớ ông bà, tổ phụ và những người thân đã khuất. Con cháu có đi làm ăn xa cũng thu xếp về quê tảo mộ nhân dịp này để tưởng nhớ đến gia tiên, những người đi trước, nhớ về nguồn cội, đồng thời là dịp gặp gỡ gieo duyên với Tam bảo. Hình ảnh ngôi chùa, cây đa, giếng nước luôn đi sâu vào tâm khảm của mỗi con người. Thanh minh không chỉ thể hiện đạo hiếu, tấm lòng luôn hướng về ông cha, tổ tiên, mà còn là dịp để giáo dục con cháu về văn hóa truyền thống "uống nước nhớ nguồn" của dân tộc.

Thanh minh tuy không phải là cái tết lớn, nhưng lại gắn liền với đạo đức, bổn phận của con cháu phải tưởng nhớ công lao của tổ phụ, của những người đi trước, đây chính là ngày giỗ tổ chung để mọi người

có dịp báo hiếu, trả nghĩa, gọi là đền ơn đáp nghĩa một phần nào ơn sinh thành, tạo dựng của tổ tiên, của những người quá cố. Do vậy, hàng năm đến tiết Thanh minh, con cháu sinh sống ở bất cứ nơi nào cũng về tham dự để tỏ lòng báo ân sinh thành dưỡng dục của các bậc tiền bối. Bên cạnh đó, Tiết Thanh minh được thể hiện qua tinh thần báo hiếu trong nhà Phật mà Hòa thượng Tuyên Hóa từng dạy: "*Đạo hiếu có bốn thứ: một là đại hiếu, hai là tiểu hiếu, ba là viễn hiếu, bốn là cận hiếu. Đại hiếu, tức là báo đền ơn cha mẹ của mình trong nhiều đời về trước, báo đền ơn của sư trưởng. Tiểu hiếu, tức là hiếu thảo với cha mẹ trong đời này mà thôi; lo lắng, chăm sóc làm cho cha mẹ vui vẻ, phụng dưỡng, an ủi, đó tức là cung kính cha mẹ, cúng dường cha mẹ. Viễn hiếu, tức là kính trọng các bậc Thánh hiền xưa kia, lấy mỗi lời nói mỗi công hạnh của họ làm gương sáng để mình bắt chước noi theo. Cận hiếu, tức là ngoại trừ hiếu thảo với cha mẹ mình, cũng cần phải hiếu thảo với cha mẹ người khác*".

KẾT LUẬN

Ngày lễ truyền tải những văn hóa truyền thống phong phú, điều hòa cuộc sống của con người. Thông qua ngày lễ, người ta có thể làm sống dậy truyền thống, hiểu rõ được văn hóa truyền thừa trong những ngày lễ; cũng có thể buông lỏng thân tâm, thể nghiệm nội hàm phong phú của cuộc sống, từ đó làm cho sanh mạng thêm dồi dào mỹ mãn. Dịp lễ để mọi người tụ hội là một đặc điểm cực kỳ quan trọng của văn hóa Trung Quốc. Những dịp lễ theo bốn mùa tự nhiên trong năm cùng với cuộc sống của con người phát sanh mối quan hệ mật thiết, bao hàm tinh thần của trời đất và trật tự nhân gian, đó là khắc họa tư duy tốt đẹp "*trời người hợp nhất*".

Trong lịch sử văn hóa, những ngày lễ truyền thống không bị con người lãng quên. Từ truyền thống của những ngày lễ, chúng ta thể hội được điều kỳ diệu của bốn mùa biến hóa, thể nghiệm sự sống và biến hóa tự nhiên đan xen vào nhau. Những ngày lễ truyền thống nhắc nhở chúng ta một năm cũng giống như một đời người, mỗi một ngày lễ truyền thống tiêu biểu cho một giai đoạn sanh trưởng, phát triển của con người. Tại mỗi một giai đoạn sanh trưởng, phát triển đó đều phải nắm vững thời cơ làm cho tâm mình trầm tĩnh, nhắn bảo bản chất sanh mạng của mình, đồng thời làm một bản kiểm thảo để suy nghĩ. Như vậy, không chỉ biểu hiện có trách nhiệm với sanh mạng của mình mà còn cho thấy biết được thế nào để làm chủ sanh mạng của mình.

Tảo mộ, Thanh minh cũng là ngày giỗ chung của mọi nhà hướng tới người quá cố nhằm báo hiếu trả nghĩa. Dù đi làm ăn xa đến đâu, đầu hoặc cuối năm ai nấy cũng cố gắng về chăm sóc bằng được mộ phần của tổ tiên và sum họp gia đình. Là dịp để cha chú kể lại những kỷ niệm về người xưa, dạy bảo cháu con, dâu rể, biết về mộ phần, tên tuổi, vai vế của người nằm dưới đất và chứng tỏ cho làng xóm biết dòng họ mình vẫn còn người phụng thờ. Với nhiều gia tộc, việc tảo mộ được quy định rất rõ ràng trong gia phả, cứ đến thời gian ấy con cháu phải về phụng sự, và đó là một sợi dây vô hình nối kết dòng họ.

Có thể nói tảo mộ Thanh minh là một nét đẹp trong văn hóa tâm linh của dân tộc, biểu thị cao độ tính chất nhân văn và đạo lý làm người. Đây là mùa lễ hội thiêng liêng, có tính chất chu kỳ, đi vào tiềm thức người Việt, nhắc nhở mỗi người con trở về với quê hương nguồn cội, thực hiện đạo hiếu theo tư tưởng Phật giáo và xây dựng cuộc sống đoàn kết, thủy chung, thắm đượm nghĩa tình. Riêng ở nước ta, người dân thường tổ chức cả hai lễ ấy vào tháng 3 Thanh minh hay những ngày cuối năm. Chỉ có điều, người miền Bắc và miền Trung coi trọng ngày Thanh minh, tảo mộ, còn người miền Nam đề cao lễ Vu Lan báo hiếu hơn.

Chú thích

1 Đàm Gia Kiên (chủ biên), *Lịch sử văn hóa Trung Quốc*, NXB. Khoa học Xã hội, tr. 222.

2 Dịch từ tài liệu tiếng Hán của SC. TS. Kiên Liên.

CHÙM THƠ XUÂN

Quảng Tâm Năng - Quách Đạo Tây

Xuân hoa

Xuân rơi trên cánh Hoàng Mai
Kiêu sa Đào thắm, trang đài Tường Vi
Xuân ngời trên khóm Dã Quỳ
Thoảng hương bát nhã, lưu ly Hồng Đào
Xuân hy vọng bởi Tú Cầu
Dạ hoa Quỳnh trắng, thơm lâu Hải Đường
Tầm Xuân, Thược Dược, Hướng Dương
Bông Hồng vàng trắng, ngát hương Lan rừng
Xuân đơm hoa Huệ thơm lừng
Vô thường hoa Sứ, nhiều chùm Bát Tiên
Bình dân Vạn Thọ, Đỗ Quyên
Xuân ngời hương sắc, khắp miền đầy hoa.

Chiều Xuân

Tôi đến đây, nắng chiều vàng nhạt
Mãi trơ nhìn bóng đổ chùa nghiêng
Ngâm nga bài tụng Kim Cang kệ
Tích xưa Lục Tổ, ngộ vào thiền.
Trầm ngâm thầm niệm lời xưa dạy
Hoa tuệ phàm phu, khó mở khai
Yên ắng chiều xuân, nơi tĩnh lặng
Bước đi lòng nặng, nỗi u hoài...

Xuân tuổi già nua

Xuân nào cho tuổi già nua
Tâm nên hướng thượng lên chùa hưởng xuân
Với lòng nhân ái bao dung
Thiền hành từng bước, mở lòng đầy hoa.
Hoa xuân ươm ngát tuổi già
Vườn cây xanh tốt, mượt mà lộc non
Đến chùa tâm rộng mở hơn
Từ hiền bi mẫn, tình thương thấm dần.
Bớt đi vọng niệm bâng khuâng
Tâm suy việc thiện, nói thuần lời vui
Buông câu vị kỷ cái tôi
Là xuân tràn ngập như hồi thiếu niên.
Biết bố thí, xem nhẹ tiền
Bỏ lòng ham muốn cho thiền định tâm
Trì giới, nhẫn nhục nhắc lòng
Mỗi ngày tinh tấn là xuân tràn đầy.
Tứ đại năm uẩn thân này.
Trần gian huyễn ảo như mây khói chiều
Tiếng cười rộng mở yêu thương
Xuân trong ý niệm, sẽ nhiều niềm vui...

ĐẠO PHẬT KHẤT SĨ VIỆT NAM : ÁNH ĐẠO VÀNG LAN TỎA

HÒA THƯỢNG GIÁC TOÀN

Vào thập niên 40 của thế kỷ XX, một giai đoạn hết sức phức tạp trong dòng lịch sử dân tộc, Đạo Phật Khất Sĩ đã xuất hiện từ chí nguyện "Nối truyền Thích-ca Chánh pháp" của ngài Minh Đăng Quang (1923-1954), một vị du Tăng được người đời sau kính ngưỡng như một bậc Thánh. Đạo Phật Khất Sĩ có mặt trước hết ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, đến gần cuối thế kỷ XX đã trở thành một hệ phái biệt truyền của Phật giáo Việt Nam. Bài tham luận này trình bày những đóng góp của Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam đối với Phật giáo Việt Nam, với tính cách một cành nhánh lan tỏa từ ánh đạo vàng, cội nguồn của Phật pháp.

I. Bối cảnh xuất hiện của Đạo Phật Khất Sĩ

Đầu thế kỷ XX, Việt Nam hoàn toàn bị Pháp thống trị, Nam kỳ là xứ thuộc địa, Trung và Bắc kỳ hưởng quy chế bảo hộ; nhưng những nỗ lực khôi phục chủ quyền vẫn âm ỉ trên cả ba kỳ. Phật giáo du nhập Việt Nam từ hơn 2.000 năm qua, đã có nhiều dấu hiệu sa sút, nay nỗ lực chấn hưng, mong góp phần nâng cao dân trí và chờ thời cơ giành độc lập. Trong lúc ấy, Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời vào năm 1930 và từng bước dựng lập ngọn cờ lãnh đạo kháng chiến.

Tình hình loạn lạc thúc đẩy con người tìm chỗ dựa tâm linh. Nhiều tôn giáo bản địa xuất hiện

trong vùng đồng bằng sông Cửu Long. Đạo Phật Khất Sĩ là một trong những tổ chức thuần túy tôn giáo, tuy xuất hiện khá muộn nhưng đã cắm rễ khá sâu trong lòng người vùng đồng bằng sông Cửu Long và dần dần phát triển thành một Hệ phái biệt truyền của Phật giáo Việt Nam.

1. Tình hình chính trị trên cả nước

Vào năm 1940, Nhật mở rộng ảnh hưởng ở Đông Nam Á và khống chế Pháp tại Đông Dương. Năm 1945, Nhật đảo chính Pháp để nắm quyền, sau đó tuyên bố trao trả độc lập cho Việt Nam dựng lên một Chính phủ thân Nhật. Ngày 19-8, phong trào Việt Minh tổ chức tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Khi Nhật đầu hàng Đồng Minh, Pháp tìm cách trở lại Việt Nam và tranh chấp với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vừa thành lập. Cuộc kháng chiến chống Pháp diễn ra, kéo dài đến năm 1954 thì chiến tranh kết thúc bằng một chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ và một Hiệp định đình chiến với kết quả là đất nước Việt Nam tạm thời bị chia đôi.

2. Hoàn cảnh xã hội ở đồng bằng sông Cửu Long

Đồng bằng sông Cửu Long - một phần của Nam Bộ, được sáp nhập lãnh thổ của Việt Nam trong vòng hơn 300 năm qua do sự khai phá của những lưu dân người Việt từ miền Bắc và miền Trung là chính, kết hợp với một số người Minh Hương, Thanh Hà... cùng những người bản địa thuộc các tộc Chăm, Khmer và các tộc ở Tây Nguyên. Ngay từ đầu, văn hóa ở vùng đồng bằng sông Cửu Long đã có sự giao thoa giữa nhiều dân tộc khác nhau.

Từ năm 1862, người Pháp bắt đầu cai trị Nam Bộ bằng chính sách đồng hóa triệt để. Người Nam Bộ vừa sớm tiếp thu những cái mới, vừa kiên trì chống lại sự đồng hóa của người Pháp.

Đến năm 1945, dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Việt Minh mà nòng cốt là Đảng Cộng sản, Nam Bộ đứng dậy kháng chiến chống Pháp. Với đặc điểm Nam Bộ, cuộc kháng chiến trong vùng đồng bằng sông Cửu Long cũng có nhiều nét khác biệt, đó là sự tham dự của nhiều thế lực quân sự cát cứ, nhiều xu hướng chính trị khác nhau cùng tranh giành ảnh hưởng.

3. Không khí tôn giáo trong vùng Tây Nam Bộ

Nam Bộ là vùng đất non trẻ có sự pha trộn của nhiều dòng chảy văn hóa khác nhau, có sự đa tạp của tín ngưỡng và tôn giáo. Tín ngưỡng chủ đạo ở cư dân Nam Bộ gồm tục thờ ông bà, tư tưởng Khổng Mạnh còn sót lại nhưng đã bị biến thể, và tư tưởng Phật giáo Đại thừa có những yếu tố thần bí của Lão giáo và các hình thức bùa ngải xâm nhập. Kế đó là Phật giáo Nguyên thủy vốn là tôn giáo chính của đồng bào gốc Khmer và Hồi giáo là tôn giáo chính của đồng bào Chăm. Ngoài ra, một bộ phận cư dân đồng bằng sông Cửu Long đã tiếp nhận Thiên Chúa giáo. Bên cạnh đó, các hình thái tín ngưỡng đa thần, bái vật... của đồng bào thuộc các tộc người Tây Nguyên cũng đã tác động đến nếp sống tâm linh của những người tiên phong mở đất, luôn phải đối phó với những điều bất ngờ của vùng đất mới đầy lạ lẫm.

Hoàn cảnh đặc biệt của miền Nam đã khiến cư dân Nam Bộ hình thành nên tinh thần khoan dung, phóng khoáng, giản dị, vị tha, bộc trực, biết yêu thương đùm bọc lẫn nhau, yêu tự do, yêu quê hương đất nước, sẵn sàng xả thân vì nghĩa, sẵn sàng chống áp bức cường quyền và rất cần đến những chỗ dựa tâm linh. Với những đặc trưng đó, cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long đã sớm phát triển những hệ thống tôn giáo bản địa.

3.1 Bửu Sơn Kỳ Hương và các ông Đạo

Phong trào Bửu Sơn Kỳ Hương do ngài Đoàn Minh Huyên thành lập vào năm 1849 ở vùng chợ Mới An Giang. Ngài rao giảng đạo Phật với những phương pháp hành trì đơn giản, phổ biến giáo lý Tứ ân, khuyến khích dân chúng khai hoang, hình thành các trung tâm dinh điền trong vùng Đồng Tháp và Châu Đốc. Ngài được tôn xưng là Phật Thầy Tây An.

Một số vị khác tự cho mình có khả năng đặc biệt: chữa bệnh bằng bùa chú, tiếp cận được thần linh, thấy được các cảnh giới khác, có những hành vi lạ... xưng là ông Đạo, cũng phổ biến các đường lối tâm linh khác nhau. Các nhà nghiên cứu cho rằng hiện tượng ông Đạo phần nào phản ánh sự đối kháng của người nông dân Nam Bộ trước chính quyền thực dân.

3.2 Đạo Cao Đài

Khoảng thập niên 1920, các vị Ngô Văn Chiêu, Lê Văn Trung, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang... nương theo nhân duyên, thành lập đạo Cao Đài và được chính quyền đương thời công nhận. Năm 1926, đạo Cao Đài xây dựng Tòa Thánh Tây Ninh làm cơ sở hành đạo. Giáo lý Cao Đài dung hợp tư tưởng của các tôn giáo lớn là Phật giáo, Đạo giáo, Nho giáo và Ki-tô giáo; khuyên tín đồ không sát sinh, sống lương thiện, làm lành lánh dữ, giúp đỡ mọi người, cầu nguyện, thờ cúng tổ tiên và ăn chay để thể hiện tình thương vạn loại. Đáp ứng được khát vọng tâm linh của dân chúng, đạo Cao Đài nhanh chóng phát triển cả về tín đồ và cơ sở. Các tài liệu nghiên cứu về đạo Cao Đài cho rằng thời kỳ đầu Đạo này có khuynh hướng chống Pháp một cách kín đáo.

3.3 Phật giáo Hòa Hảo

Nối tiếp khuynh hướng Bửu Sơn Kỳ Hương là Phật giáo Hòa Hảo được ngài Huỳnh Phú Sổ sáng lập vào năm 1939 tại An Giang. Căn bản giáo lý của Phật giáo Hòa Hảo là học Phật tu nhân và thực hành Tứ Ân hiếu nghĩa. Tín đồ Phật giáo Hòa Hảo là các cư sĩ tại gia. Là một tôn giáo cách tân có xu hướng nhập thế nên Phật giáo Hòa Hảo rất coi trọng các hoạt động từ thiện xã hội. Tín đồ Phật giáo Hòa Hảo đại đa số là nông dân sinh sống tại các tỉnh thành phía Nam nhưng tập trung đông nhất trong vùng Tây Nam Bộ.

3.4 Tác động của phong trào Chấn hưng Phật giáo

Phong trào Chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam xuất hiện trong thập niên 1920 đã ảnh hưởng đến không khí tôn giáo ở Nam Bộ. Ban đầu, Hội Nghiên cứu Phật học Nam kỳ ở Sài Gòn, Lưỡng Xuyên Phật học hội ở Trà Vinh... đã xuất bản các tạp chí Phật học để truyền bá Phật pháp và làm cho không khí tìm hiểu Phật học ở Nam Bộ thêm khởi sắc. Từ đó, nhiều tổ chức Phật giáo khác ra đời, nghiên cứu kinh điển Bắc tông, phát triển Thiền tông và Tịnh độ tông. Các chùa và các nhóm Phật tử Nam Bộ tiếp tục liên kết với nhau thành lập các hội đoàn Phật giáo hoạt động khá sôi nổi.

3.5 Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam

Một nét đặc biệt trong những ảnh hưởng của phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam ở Nam Bộ là sự thành lập Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam, một tổ chức Phật giáo xuất phát từ Sa Đéc, Đồng Tháp, chỉ quy tụ các cư sĩ cùng nhau nghiên cứu và ứng dụng giáo lý của Đức Phật, do ngài Tông sư Minh Trí chủ trương, được Chính phủ đương thời chính thức công nhận vào năm 1934. Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam đề xướng Phước Huệ song tu. Tu Phước là đóng góp công sức, trí tuệ và tài vật để phát triển ngành y dược học dân

tộc làm phương tiện tạo cơ hội cho quần chúng đến với đạo. Tu Huệ là học Kinh-Luật-Luận của Phật giáo để nâng cao sự hiểu biết về bản chất cuộc đời nhằm đạt tới cuộc sống giải thoát yên vui. Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam phát triển chung quanh các Hội quán là trụ sở ở cấp địa phương, nơi có đặt các phòng thuốc nam phước thiện chữa bệnh miễn phí theo y học cổ truyền.

3.6 Phật giáo Nam tông (Nguyên thủy)

Trước đây, Phật giáo Nam tông ở Việt Nam chỉ thịnh hành trong cộng đồng người Khmer. Khoảng năm 1940, người Việt bắt đầu tiếp nhận truyền thống Phật giáo Nam tông do các ngài Hộ Tông, Thiện Luật... du học ở Nam Vang truyền về. Ban đầu, Phật giáo Nam tông Việt Nam xây dựng chùa Bửu Quang ở Gò Dưa, Thủ Đức để làm cơ sở hoằng pháp. Đến năm 1957, khi nhân sự đã vững vàng và cơ sở hành đạo đã phát triển, Tổng hội Cư sĩ và Tăng-già Nguyên thủy Việt Nam đã được thành lập tại chùa Kỳ Viên ở Sài Gòn.

4. Tình hình Phật giáo các nước trong tiểu vùng sông Mê-kông

Mê-kông là con sông xuyên biên giới quốc gia trong vùng Đông Nam Á phát nguyên từ Tây Tạng,

chảy qua tỉnh Vân Nam Trung Quốc và các nước Myanmar, Lào, Thái Lan, Campuchia rồi đổ vào Việt Nam trước khi ra biển Đông. Các quốc gia nằm trong lưu vực con sông này có thời gian coi Phật giáo là Quốc giáo. Phật giáo thịnh hành ở những xứ này là Phật giáo Nguyên thủy, khác với Việt Nam và Trung Quốc theo truyền thống Đại thừa.

II. SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẠO PHẬT KHẤT SĨ

Đạo Phật Khất Sĩ chính thức ra đời vào năm 1947 trong vùng đồng bằng sông Cửu Long, cụ thể là xuất phát tại Mỹ Tho, trong một môi trường ở đó các tổ chức tôn giáo chính đã có cơ sở vững vàng bên cạnh những hình thái tôn giáo khác cũng đang tích cực phổ biến giáo lý, thu hút tín đồ. Mặc dù xuất hiện khá muộn nhưng Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam vẫn phát triển và hiện nay đã trở thành một hệ phái Phật giáo có tầm vóc không chỉ ở Việt Nam mà còn vươn ra có mặt ở hải ngoại.

1. Sơ lược tiểu sử ngài Minh Đăng Quang

Sáng lập Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam là ngài Minh Đăng Quang, được người đời sau tôn xưng là Tổ sư Minh Đăng Quang. Ngài có thế danh là Nguyễn Thành Đạt, sanh năm 1923 tại quận Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, là con út của cụ ông Nguyễn Tồn Hiếu (1894-1968) và cụ bà Phạm Thị Tỵ, tự Nhàn (1892-1924). Từ nhỏ, Ngài đã sớm biết chuyên tâm niệm hương cúng Phật hàng ngày, và ăn chay mỗi tháng 10 ngày theo gương cha.

Khi đi học, Ngài lấy tên Lý Huờn. Tốt nghiệp bằng Sơ học của Pháp năm 13 tuổi, Ngài không muốn học tiếp mà xin gia đình cho đi tu nhưng không được chấp thuận.

Năm 1937, Ngài tự ý rời nhà tìm thầy học đạo trên đất Campuchia. Ở đó, Ngài được giới thiệu đến các chùa theo Phật giáo Nguyên thủy để học tiếng Khmer và đọc kinh Phật.

Cuối năm 1941, Ngài trở về Vĩnh Long rồi lên Sài Gòn làm việc. Ngài lập gia đình vào năm 1942, có được một người con gái, nhưng cả người bạn đời và con gái Ngài đều bị bệnh và sớm lần lượt qua đời.

Vào năm 1943, Ngài quyết chí lên vùng núi Thất Sơn ẩn tu. Trong năm 1944, Ngài đến Mũi Nai ở Hà Tiên nhập định miên mật trong bảy ngày đêm và ngộ đạo tại nơi đây.

2. Việc mở mang mối đạo (khai sơn phá thạch)

Trong hai năm, từ 1944 đến 1946, Ngài được một thiện nam thỉnh về ẩn tu tại chùa Linh Bửu ở làng Phú Mỹ tỉnh Mỹ Tho.

Sau mùa an cư đầu tiên, Ngài bắt đầu hướng dẫn các đệ tử hành đạo quanh vùng. Ngài thu nhận đệ tử rất chọn lọc. Trong năm 1947, Ngài chỉ thu nhận bốn vị Tăng, sáu vị Ni và một chú điệu khoảng 10 tuổi. Từ năm 1948 trở đi, Ngài thu nhận thêm nhiều người xuất gia; chư Tăng được Ngài giáo huấn rất kỹ càng. Trong năm 1948, Ngài hướng dẫn một đoàn Khất sĩ du hành về Sài Gòn, tạo một dấu ấn nơi thủ phủ miền Nam lúc bấy giờ, rồi lại quay về hành đạo trong khu vực giữa hai nhánh sông Cửu Long, đẩy mạnh việc phát triển nền đạo.

Để mở rộng việc truyền bá tư tưởng, Ngài soạn bộ *Chơn lý* gồm 69 tập, mở ra nhà in Pháp Ấn đặt tại Tịnh xá Ngọc Viên ở Vĩnh Long chuyên in các tập *Chơn lý* do chính Ngài sáng tác.

Trong tập Chơn lý *"Đạo Phật Khất Sĩ"* (phần Nguồn Khất sĩ Nam Việt), Ngài đã viết về hành trạng của mình như sau: *"Minh Đăng Quang Khất sĩ xuất gia 1944 tại Vĩnh Long, đi tu tìm học nơi hai giáo lý Đại thừa và Nguyên thủy của Việt Nam và Campuchia... Sau khi về lại Nam Việt, Ngài phát đại nguyện 'Nối truyền Thích-ca Chánh pháp', tự mình thật hành giới luật Tăng đồ tại tỉnh Mỹ Tho, hành đạo ra Long An, xuống Mỹ Tho, Gò Công, Bến Tre... rồi trở lại Long An, Thủ Thừa cho đến*

cuối năm 1946. Đầu năm 1948, Ngài đưa giáo pháp Khất sĩ đến Sài Gòn, ánh sáng của lá y vàng phất phơ thổi mạnh làm bật tung cánh cửa các ngôi chùa tông giáo, kêu gọi Tăng chúng tản cư khắp xứ, kéo nhau quay về kỷ luật. Năm 1950 huỳnh y trở gió bay về hướng nam Hậu Giang, nổi lên lố nhố những núi vàng, pháp tháp... Nổi bật nhất là ở tại sông Cửu Long trung giang, bửu tháp vượt cao hơn hết, năm Quý Tỵ - 1953".

3. Giáo lý của đức Phật Thích-ca trong Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam

Với phương châm "Nối truyền Thích-ca Chánh pháp", Tổ sư Minh Đăng Quang gìn giữ truyền thống mà đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã vạch. Ngài dung hợp mọi tinh hoa của Phật giáo Nam tông và Phật giáo Bắc tông. Ngài đã thành tựu và lưu truyền cho hậu thế một dòng truyền thừa với ba pháp yếu quan trọng sau đây:

3.1 Tinh thần viễn ly trong hạnh xuất gia: Thể hiện đúng tinh thần tu tập giải thoát theo giáo lý của đức Phật, yếu chỉ đầu tiên trong hạnh nguyện tu tập của người Khất sĩ là tư tưởng viễn ly; người Khất sĩ thực hiện việc xuất gia để sống cuộc sống thoát trần.

3.2 Sự tinh tấn trong tu tập: Học tập gương cầu đạo của đức Phật trong suốt sáu năm khổ hạnh, người Khất sĩ luôn luôn tinh tấn trong việc tu tập, không lúc nào giải đãi, cho đến lúc thân chứng giải thoát và an trú trong đạo quả.

3.3 Tinh thần hoằng hóa độ sinh: Khi chứng đạt đạo quả rồi thì người Khất sĩ tích cực hoằng hóa độ sinh; coi đó là một sứ mạng thiêng liêng, không ngại gian lao, không từ khó nhọc. Người làm đạo phải có đủ nhẫn lực và tư duy lực, đồng thời xem sự kham nhẫn như là niềm vui giải thoát trên con đường tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự.

Giáo pháp của Khất sĩ nêu cao việc quay về với nguồn cội tâm linh, quyết tâm thực hành Giới - Định - Tuệ. Đối với đời sống cộng đồng, người Khất sĩ cộng trú tu học trong những ngôi già-lam tịnh xá. Tổ sư nêu lên phương châm: *"Nên tập sống chung tu học: Cái SỐNG là phải sống chung, cái BIẾT là phải học chung, cái LINH là phải tu chung".* Sống chung tu học để nung đúc, rèn luyện, tăng trưởng cái sống, cái biết, cái linh; chính là cụ thể hóa tinh thần "Tam tụ Lục hòa" mà chư Phật đã giáo huấn tự ngàn xưa.

Khi chọn *Hoa sen* và *Ngọn đèn chơn lý* làm biểu tượng cho dòng pháp "Nối truyền Thích-ca Chánh pháp - Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam", Tổ sư Minh Đăng Quang đã bày tỏ chí hướng đem chánh pháp thanh tịnh như hoa sen của chư Phật để soi đường dẫn lối cho người hữu duyên bằng ngọn đèn chơn lý. Đó là cách phụng thờ chánh pháp tốt đẹp nhất.

Bằng những hình ảnh ẩn dụ, trong quyển *Chơn lý* "Trên mặt nước", Tổ sư Minh Đăng Quang nói đến lá sen, hoa sen và gương sen đều có chân gốc trong bùn nhưng đã vươn lên khỏi mặt nước và chẳng hề dính bùn. Bùn nặng nề, dơ bẩn, rã rời nên chìm xuống đáy, tượng trưng cho sự xấu ác, tội lỗi của con người vị kỷ. Nước trôi chảy, tượng trưng cho xã hội thanh thoát tùy duyên. Sen vượt lên cao tượng trưng bậc xuất gia, người Khất sĩ... có hành động như lá sen, có lời nói như hoa sen, có tư tưởng như gương sen. Gốc sen còn ở

trong bùn, tượng trưng người tu còn phải nương nhờ trần thế, xin ăn xin mặc để nuôi thân tu học, nhưng tâm trí đã vượt lên trên sự xấu ác. Sen nhờ bùn nuôi dưỡng, sen cũng trả ơn bằng cách hứng chịu nắng mưa, sương gió che chở cho nước và đất trước những động chạm từ bên ngoài. Người tu cũng đền trả cho đời bằng sự hiền lương trong lời nói thuần hòa, việc làm hiền thiện, tư tưởng trong sạch; đóng góp vào việc tạo nên nền tảng đạo đức cho xã hội.

Tương tự những ẩn dụ trong kinh "Khởi thế nhơn bổn" thuộc *Trường bộ*, Tổ sư cũng nhìn lại quá trình tiến hóa của quả địa cầu, thấy rằng thuở ban sơ, nhân loại ít người nên còn hồn nhiên, đến lúc đông đúc thì phân chia chủng tộc, giai cấp, có ta có người, chen lấn giành giật; Ngài cho rằng trần thế chẳng khác gì bãi đất bùn. Nhưng Ngài cũng chỉ cho thấy chính bãi đất bùn đó có tác dụng nuôi sống sen, là hột giống giác ngộ. Cũng nhờ sự xấu ác của tầng đáy mà có sự thanh thoát của tầng cao; có tội lỗi khổ sở của đời mà có đạo đức của kẻ hành đạo; và kẻ biết đến đạo đức cũng sẽ biết đến hạnh viễn ly, không trở lại với cái xấu ác nữa. Ngài cho rằng đời là cái hồ có đất có nước để ươm hạt giống sen, và ai ai rồi cũng là sen hết.

Biểu tượng *Hoa sen* và *Ngọn đèn chơn lý* chính là lý tưởng của Tổ sư về một quốc độ có một cuộc sống an vui thuần thiện của tất cả mọi người; trong đó người tu phải thể hiện một đời sống nghiêm tịnh thanh thoát, thắp lên ngọn đèn chơn lý phụng hiến cho đời.

Tổ sư Minh Đăng Quang còn nêu lên một điều rất đặc biệt mà ít người lưu ý, rằng "Việt Nam Đạo Phật không có phân thừa". Chính vì thế, giáo pháp của Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam thể hiện rõ tư tưởng Đại thừa trong khi xiển dương việc thực hành một phần công hạnh của Phật giáo Nguyên thủy. Khác với Phật giáo Nam tông thay vì dùng Tam tịnh nhục, Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam chủ trương ăn chay, mở rộng tinh thần từ bi và sử dụng kinh điển Đại thừa như các *kinh Kim Cang, Hoa Nghiêm, Bát-nhã, Pháp Hoa, Đại Tạng*... trong việc truyền bá giáo lý của đức Phật.

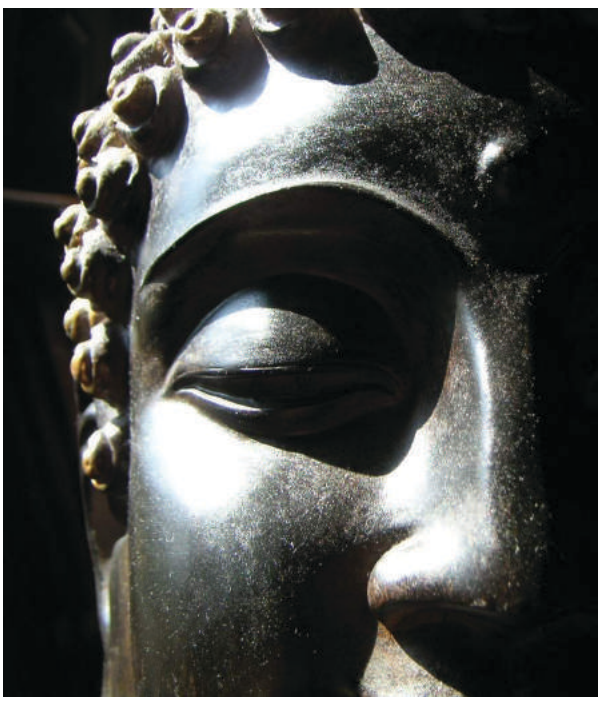

Xuất thân ở Nam Bộ, ngài Minh Đăng Quang có phương pháp truyền đạo phù hợp với tâm lý người Nam Bộ, thuyết giảng Phật pháp bằng những hình ảnh sống động, sử dụng những ngôn từ dễ hiểu, đi thẳng vào lòng người. Tuy sử dụng ngôn ngữ bình dân nhưng Ngài vẫn có những lập luận sâu sắc, thể hiện một trình độ chứng ngộ cao vời, khiến ngay cả những vị trí thức lớn tuổi cũng tâm cảm đón nhận quy kính.

4. Những đóng góp đầu tiên cho Phật giáo đồng bằng sông Cửu Long

4.1 Hình thành đoàn Du Tăng Khất Sĩ đầu tiên

Rằm tháng bảy năm Mậu Tý (1948), Tổ sư Minh Đăng Quang thành lập đoàn Du Tăng Khất Sĩ đầu tiên, gồm có 21 vị sư, xuất phát từ Vĩnh Long đi hành đạo lên vùng Sài Gòn-Gia Định-Chợ Lớn (nay là TP.HCM) và miền Đông Nam Bộ. Chuyến hành đạo này đã để lại nhiều dấu ấn tốt đẹp trong lòng người ở các nơi mà đoàn Du Tăng Khất Sĩ đã đi qua. Lần đầu tiên xuất hiện trong suốt 2.000 năm lịch sử Phật giáo Việt Nam, đoàn Du Tăng Khất Sĩ là một đường lối hoằng pháp độc đáo của Tổ sư Minh Đăng Quang. Mô hình đoàn du Tăng này cũng là một bản sao của đoàn du Tăng thời Đức Phật.

4.2 Những ngôi tịnh xá đầu tiên

Hình ảnh các vị Khất sĩ khiêm cung đi xin ăn tu học đã khắc sâu vào lòng người dân niềm kính phục khiến họ quy ngưỡng. Từ đó, những ngôi tịnh xá hình bát giác lần lượt được dựng lên bởi các vị đệ tử tại gia của Tổ sư Minh Đăng Quang để các vị Khất sĩ có nơi tạm lưu trú hành đạo khắp các tỉnh thành Nam Bộ. Ngay trong năm 1947, ở thị xã Vĩnh Long, Ngài cho dựng tại cầu Kinh Cụt ngôi tịnh xá đặt tên là Pháp Vân. Cũng trong tỉnh Vĩnh Long, Ngài đã chứng minh cho việc xây dựng Tịnh xá Trúc Viên, sau này đổi tên là Ngọc Thuận. Tính đến hết năm 1953, đã có tới hơn hai mươi ngôi tịnh xá, hoặc do chính Tổ sư Minh Đăng Quang đích thân sáng lập hay chứng minh việc xây dựng, hoặc được dựng lên theo chủ trương của các vị đại đệ tử của Ngài ở nhiều tỉnh thành miền Nam, như Bình Dương, Vĩnh Long, Cần Thơ, Sa Đéc, Sóc Trăng,

Bạc Liêu, Long An, Tây Ninh, Sài Gòn, Trà Vinh, Mỹ Tho, Gia Định... Đặc biệt, có cả một ngôi tịnh xá đã được xây dựng tại Bình Thuận thuộc Nam Trung phần. Điều này cho thấy sự phát triển rất mạnh của Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam ngay trong buổi đầu mở đạo.

II. TIẾP TỤC ĐÓNG GÓP CHO PHẬT GIÁO ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG SAU NGÀY TỔ SƯ VẮNG BÓNG

1. Sự vắng bóng của ngài Minh Đăng Quang

Ngày rằm tháng Giêng năm Giáp Ngọ (1954), Tổ sư Minh Đăng Quang tập trung chúng Tăng về Tịnh xá Ngọc Quang ở Sa Đéc để chỉ dạy việc tu tập. Sau đó, Ngài lên đường viếng các tịnh xá ở miền Đông và miền Tây Nam Bộ, ghé thăm Núi Cấm rồi về lại Tịnh xá Ngọc Quang tụng giới và cúng hội vào ngày 30 tháng Giêng. Sáng ngày mùng 1 tháng 2 năm Giáp Ngọ (5/3/1954), Tổ sư Minh Đăng Quang đi Vĩnh Long và Cần Thơ. Khi đến bến phà Cái Vồn, Ngài được mời gặp tướng Năm Lửa - Trần Văn Soái. Kể từ đó, hầu như không ai còn được thấy hành tung của Ngài.

Như vậy, ngài Minh Đăng Quang đã có mặt ở trần thế 32 năm, hành đạo suốt 10 năm (từ 1944 đến 1954) và nỗ lực nối truyền chánh pháp của Phật Thích-ca được 7 năm (1947-1954). Về sau hàng môn đồ đã chọn ngày mùng 1 tháng hai âm lịch để tưởng niệm sự kiện Ân sư vắng bóng. Tuy thời gian hành đạo và hoằng pháp của Ngài quá ngắn nhưng đã để lại cho đời hơn 100 vị Tăng Ni đệ tử tiếp nhận chân truyền tư tưởng của Đạo Phật Khất Sĩ cùng với hơn hai chục ngôi tịnh xá rải rác khắp miền Nam Việt Nam làm cơ sở hành đạo và một bộ *Chơn lý* gồm 69 bài luận thuyết minh giáo pháp.

2. Các đệ tử của Ngài tiếp tục phát triển nền đạo

Sự vắng bóng đột ngột của Tổ sư Minh Đăng Quang đã tạo nên một sự hụt hẫng trong lòng giáo chúng và các đệ tử của Ngài. Tuy nhiên, khi nhớ lại việc Tổ sư phó chúc việc lãnh đạo Giáo đoàn vào ngày Rằm tháng Bảy năm Quý Tỵ (1953) tại Tịnh xá Ngọc Viên và lời Ngài căn dặn chư đệ tử chiều ngày 30 tháng Giêng năm Giáp Ngọ (1954) tại Tịnh xá Ngọc Quang là "sẽ đi tu tịnh tại **núi Lửa**", các vị đại đệ tử của Ngài hiểu rằng Tổ sư Minh Đăng Quang đã biết trước và đã sắp đặt mọi việc trước ngày đi xa. Vì thế, chư vị yên tâm mạnh dạn tiếp nối hạnh nguyện của Thầy. Thi hành lời dạy của Tổ sư, chư Tăng Ni Khất sĩ thượng thủ phân công nhau tiếp tục việc hoằng đạo, tạo nên một thời kỳ phát triển mới cho Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam.

Theo phó chúc của Tổ sư, các vị Giác Chánh, Giác Tánh và Giác Như điều hành giáo đoàn. Các ngài

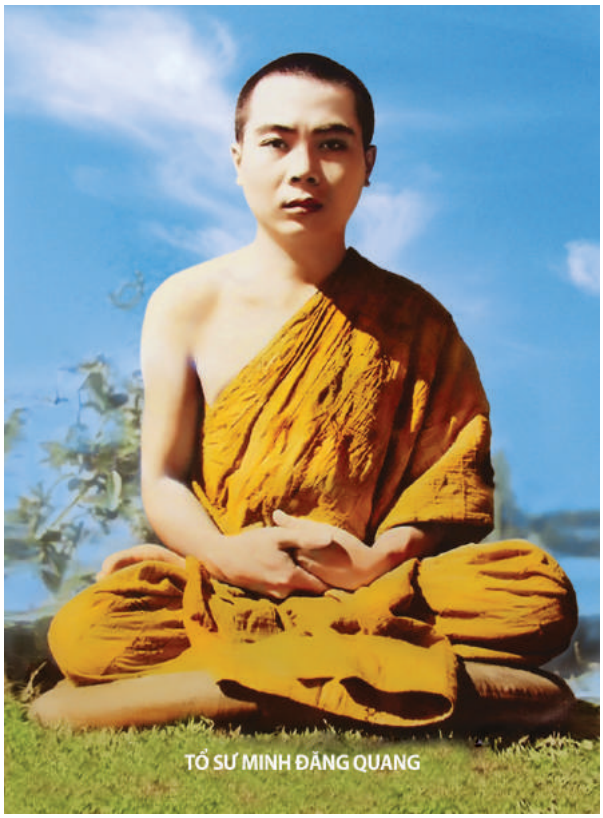
TỔ SƯ MINH ĐĂNG QUANG

hướng dẫn đoàn Du Tăng đi ra miền Trung dọc theo vùng duyên hải (1956-1957) rồi sau đó trở lại miền Nam vào sâu các làng mạc xa xôi thuộc một số tỉnh ở miền Đông và miền Tây Nam Bộ. Trong lúc ngài Giác Chánh lãnh đạo cuộc du phương hành hóa thì ngài Giác Như có nhiệm vụ duy trì sự hoạt động ở các tịnh xá đã thành lập. Trong quá trình du phương hành đạo này, các ngài tiếp nhận thêm đệ tử xuất gia và tại gia, mở rộng Giáo đoàn.

3. Hình thành các Giáo đoàn tiếp theo

Khi đoàn Du Tăng trở về miền Nam, một số vị có duyên đã trụ lại miền Trung để tiếp tục hoằng pháp. Trong các năm 1957 và 1958, hai vị Trưởng lão Giác Tánh và Giác Tịnh thành lập Giáo đoàn II, hành đạo ở vùng duyên hải miền Trung từ Bình Thuận ra đến Quảng Trị; Trưởng lão Giác An thành lập Giáo đoàn III, nỗ lực truyền pháp ở một phần duyên hải miền Trung và đi ngược lên Tây Nguyên. Khi trở về Nam, Pháp sư Giác Nhiên thành lập Giáo đoàn IV vào năm 1957, Trưởng lão Giác Lý thành lập Giáo đoàn V vào năm 1960 và Hòa thượng Giác Huệ, Hòa thượng Giác Đức thành lập Giáo đoàn VI vào năm 1962, tập trung giáo hóa ở vùng Đông và Tây Nam Bộ. Các vị Ni trưởng cũng tích cực hoằng pháp, thành lập Giáo hội Ni giới Khất sĩ Việt Nam lấy Tịnh xá Ngọc Phương ở quận Gò Vấp, Gia Định (nay thuộc quận Gò Vấp, TP.HCM) làm trụ sở chính.

Vào tháng 5/1966, một kỳ Đại hội được tổ chức để thành lập Giáo hội Tăng-già Khất sĩ Việt Nam. Đến năm 1971, Giáo hội Tăng-già Khất sĩ thành lập hai viện: Viện Chỉ đạo cung thỉnh chư trưởng lão Tôn túc chứng minh, Viện Hành đạo quy tụ chư Thượng tọa, Đại đức có năng lực đảm đương Phật sự. Hai viện này đã hoạt động liên tục đến ngày đất nước thống nhất vào năm 1975.

Sau ngày 30/4/1975, chư Tăng Ni Khất sĩ về an trú tại những ngôi tịnh xá để tinh tấn tu hành theo giáo huấn của Tổ sư. Một số vị nương theo thời duyên di chuyển đến các xứ Âu, Mỹ, Úc để phát triển mối đạo. Từ năm 1980, ánh đạo Y Bát chơn truyền của Tổ sư Minh Đăng Quang đã có mặt ở nhiều nơi trên thế giới.

Theo báo cáo Tổng kết công tác Phật sự năm 2014 của Giáo hội Phật giáo Việt Nam biên soạn ngày 20/01/2015, hiện nay, trên cả nước, kể cả ở một số tỉnh thành phía Bắc, Hệ phái Khất sĩ Việt Nam có 1.395 vị Tăng và 1.863 vị Ni đang tu học, góp phần làm Phật sự tại 550 tịnh xá. Ngoài ra, ở hải ngoại, chủ yếu là tại Hoa Kỳ, Canada, Pháp, Úc... hiện có trên 50 tịnh xá, tịnh thất với khoảng hơn 100 Tăng Ni tu học và hành đạo.

4. Thực hiện tinh thần "nên tập sống chung tu học" theo giáo hóa của Tổ sư

Đầu năm 1980, Giáo hội Tăng-già Khất sĩ Việt Nam và Giáo hội Ni giới Khất sĩ Việt Nam cùng tích cực tham gia Ban Vận động Thống nhất Phật giáo Việt Nam. Trên tinh thần hòa hợp, hai Giáo hội Tăng Ni Khất sĩ đã cử 6 đại biểu tham dự Hội nghị đại biểu thống nhất thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam vào tháng 11 năm 1981 tại chùa Quán Sứ, Thành phố Hà Nội; để rồi trở thành một trong chín tổ chức Phật giáo sáng lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Từ đây, các tổ chức Phật giáo Khất sĩ dùng chung một danh xưng mới là Hệ phái Khất sĩ Việt Nam.

III. NÉT ĐẶC THÙ TRONG NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA HỆ PHÁI KHẤT SĨ CHO PHẬT GIÁO VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam là một hiện tượng tôn giáo đặc biệt của vùng đồng bằng sông Cửu Long với chủ trương rõ rệt là "Nối truyền Thích-ca Chánh pháp", và "Đạo Phật Việt Nam không phân thừa", đi sát với giáo lý nguyên thủy của đức Phật, thọ nhận hành trì những đặc điểm tinh hoa của Phật giáo Nam tông và Bắc tông. Dựa vào sự sáng tạo của vị Tổ sư và sự tận tụy của các vị đại đệ tử đã nhận được chân truyền, những đóng góp của Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam cho Phật giáo nơi này có nhiều nét đặc thù.

1. Làm sống lại hình ảnh các vị Tỳ-kheo thời đức Phật

Một đóng góp rất quan trọng của Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam là làm sống lại hình ảnh các vị Tỳ-kheo thời đức Phật. Bóng dáng những con người đầu trần chân đất đắp y vàng bá nạp ôm bình bát, bình thản chậm rãi bước đi khất thực để giáo hóa chúng sanh trên mọi nẻo đường đã gieo những ấn tượng sâu sắc trong lòng quần chúng đang đau khổ vì chiến tranh, vì đói khổ, vì bị ức hiếp bởi ngoại bang. Trong xã hội đang bị đảo lộn thời đó, dân chúng cũng đã có những cách rất riêng của họ để kiểm chứng xem các vị Sa-môn ấy tu thật hay tu giả. Và họ đã thật sự xúc động khi thấy đó đúng là những con người đang thực hành hạnh nguyện "Nối truyền Thích-ca Chánh pháp". Sự nghiêm cẩn của Tổ sư Minh Đăng Quang trong lúc chọn đệ tử đã là thành công đầu tiên của Ngài.

2. Làm phong phú giáo lý của đức Phật

Giáo lý của đức Phật xuất hiện từ hơn 2.500 năm trước, truyền bá từ Ấn Độ đến các nước khác, và đã bị pha trộn nhiều màu sắc. Với những lời lẽ đơn sơ nhưng không thiếu phần sâu sắc, lại phù hợp với thời đại và tâm lý người đương thời, giáo lý Khất sĩ đã triển khai những tinh hoa của cả hai tông, loại bỏ những rườm rà nhuốm màu mê tín hay thần bí, gìn giữ những đặc sắc của tư tưởng Đại thừa và cách hành trì Nguyên thủy: nhấn mạnh đến *việc không chen lộn trong đời về chỗ ở; ăn chay mỗi ngày một bữa trước giờ ngọ; tu sĩ không sử dụng tiền bạc; mọi người đều là Khất sĩ như nhau, không hình phạt, không quyền, không trị, chỉ có một sự dạy mà tất cả được yên...* Những điều đó đã làm giáo lý của đức Phật trở thành sống động trong cuộc sống hàng ngày.

3. Làm đậm nét tinh thần hành trì giáo pháp của đức Phật

Theo đúng những chỉ dạy của Tổ sư Minh Đăng Quang, người Khất sĩ thực hành nếp sống giản dị. Tài sản vật chất của người Khất sĩ chỉ có một y một bát. Tất cả những phương tiện hành đạo đều thuộc về hàng cư sĩ, các vị hộ pháp. Tài sản thực sự của Khất sĩ là trí tuệ, hiểu đúng *quả địa cầu là cái quả to bằng tứ đại, trong đó có chứa chúng sanh cũng bằng tứ đại (Võ trụ quan)...* và vì vậy mà xuất gia Khất sĩ lớp trên phải thực hành "*Tứ y pháp*": *1. Người tu xuất gia giải thoát phải lượm vải bỏ mà đâu lại thành áo, nhưng có ai cúng vải, đồ cũ thì được nhận; 2. Người tu xuất gia giải thoát chỉ ăn đồ xin mà thôi, nhưng ngày hội, thuyết pháp đọc giới bổn, được ăn tại chùa; 3. Người tu xuất gia giải thoát phải nghỉ dưới cội cây, nhưng có ai cúng lều, am nhỏ bằng lá một cửa thì được ở; 4. Người tu xuất gia giải*

thoát chỉ dùng cỏ cây hoa lá mà làm thuốc trong khi đau, nhưng có ai cúng thuốc dầu đường thì được dùng. Tứ y pháp là chánh pháp của võ trụ, quý báu hơn hết.

4. Sáng tạo những nét độc đáo về hình thức tu học

Một trong những nét đặc trưng của giáo lý cũng như sinh hoạt thực tế của người Khất sĩ là có những sáng tạo có tính cách độc đáo về hình thức tu học. Giáo lý của Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam được thể hiện bằng ngôn ngữ giản dị, sống động, thực tiễn, phù hợp với tâm tính người Nam Bộ. Nghi thức của Khất sĩ cũng rất tinh giản, không rườm rà, hình thức. Đặc biệt, kiến trúc ngôi tịnh xá là một sáng tác của ngài Minh Đăng Quang. Sau ngôi tịnh xá đầu tiên là Pháp Vân, những ngôi tịnh xá kế tiếp đều được Tổ sư Minh Đăng Quang đặt tên ghép với chữ Ngọc: Ngọc mang ẩn dụ tịnh xá là nơi hoằng hóa, làm lợi cho chúng sanh, có giá trị như những viên ngọc quý. Chữ ghép với Ngọc, Ngài cho phép tùy nghi dùng tên địa phương nơi tịnh xá tọa lạc hay một từ có ý nghĩa đạo đức thể hiện hoài bão của tập thể dựng nên tịnh xá.

Khi kiến lập cơ sở hạ tầng cho Đạo Phật Khất Sĩ, Tổ sư Minh Đăng Quang đã phác họa mô hình tịnh xá tám cạnh làm nơi quy tụ chúng Tăng Ni, tháp 13 tầng để thờ Pháp, có các nhà giảng kinh, nhà nghỉ mát và thọ thực, nơi tạm trú của Tăng, nơi tạm trú của Ni, nơi sinh hoạt của nam nữ cư sĩ riêng biệt... trong một khu đất có hồ sen, có núi đất, có ao rạch nhưng không được trồng bông và cây ăn trái, ở nơi xa chợ búa, xa nơi đông đúc phồn hoa, xa chốn binh gia, xa nơi tôn giáo... có hàng rào làm ranh, có cổng sáng 7 giờ mở ra chiều 5 giờ đóng lại để các sư có nơi tu tịnh...

Với mô hình này, Ngài đã xác lập tịnh xá là dành cho cả tứ chúng và chú ý đến tháp là tháp thờ giáo pháp của đức Phật với 13 tầng tượng trưng cho 13 nấc tiến hóa của chúng sanh từ địa ngục tiến lên chánh giác, gồm lục phàm, tứ thánh, tam tôn. Ngài cũng không xem đạo của Ngài là tôn giáo, mà chỉ là con đường.

5. Xây dựng ngôi nhà chung Phật giáo Việt Nam

Như trên đã trình bày, vào năm 1980, cả hai Giáo hội Khất sĩ Tăng và Ni đều tích cực tham gia cuộc vận động nhằm thống nhất Phật giáo Việt Nam, và trong Đại hội thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam, các đoàn thể Khất sĩ thể hiện tinh thần "Tam tụ - Lục hòa" cùng cử một đoàn đại biểu chung cho Khất sĩ. Tinh thần ấy đã khiến nhiều giáo đoàn Khất sĩ khác, chưa gia nhập Giáo hội Tăng-già Khất sĩ Việt Nam thời 1969, lần lượt xin sáp nhập vào Hệ phái Khất sĩ. Từ khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam được thành lập, Hệ phái Khất sĩ Việt Nam cũng đóng góp nhiều công sức trong việc xây dựng Giáo hội. Ở tất cả mọi cấp của Giáo hội, các thành viên thuộc Hệ phái Khất sĩ không chỉ tham gia về mặt tinh thần mà còn đóng góp mọi phương tiện cần thiết để tiến hành các Phật sự, chẳng những trong nước mà còn ở nước ngoài.

Là một trong chín tổ chức Phật giáo tham gia sáng lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam, việc phát triển của Hệ phái Khất sĩ cũng là sự phát triển của Phật giáo Việt Nam. Hệ phái Khất sĩ luôn tích cực tham gia mọi Phật sự. Đặc biệt, sự đóng góp của các vị tôn túc giáo phẩm thuộc Hệ phái Khất sĩ Việt Nam trong thành phần Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Trị sự của Giáo hội Phật giáo Việt Nam cũng như trong các cấp Giáo hội được đánh giá cao với những hoạt động thiết thực ở mọi lãnh vực, từ Hoằng pháp đến Giáo dục Tăng Ni, từ Truyền thông đến Văn hóa, từ tổ chức Hướng dẫn Phật tử đến Tăng sự, và nhất là trong công tác Từ thiện xã hội, vốn là nếp quen của Hệ phái.

6. Góp phần xây dựng một nền văn hóa dung hợp dựa trên truyền thống Nam Bộ

Với phương châm "Nên tập sống chung tu học", với quan điểm "Phật giáo Việt Nam không phân thừa" và trên tinh thần thu góp tinh hoa của mọi tông phái, hoạt động của Hệ phái Khất sĩ Việt Nam có tác động lớn đến việc xây dựng một nền văn hóa dung hợp, vốn là đặc điểm của tinh thần Nam Bộ, nơi sớm có sự hỗn dung của các nền văn hóa khác biệt vào lúc xây dựng vùng đất mới ở miền Nam nước Việt.

IV. KẾT LUẬN

Đã hơn 70 năm từ khi Tổ sư Minh Đăng Quang mở nền đạo ở làng Phú Mỹ tỉnh Mỹ Tho (hiện nay thuộc tỉnh Tiền Giang), ngày nay Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam đã có những bước phát triển mạnh mẽ. Cùng với Phật giáo Việt Nam ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, hình ảnh người Khất sĩ khoác y vàng ôm bình bát thanh thoát hành đạo mô phỏng và tái hiện công hạnh Tăng-già thời đức Phật đã có mặt không chỉ trên khắp cả nước từ Nam ra Trung và một số nơi trên đất Bắc mà còn xuất hiện ở cả hải ngoại. Nền tảng của sự phát triển này xuất phát từ những cơ sở ban đầu xuất hiện trong vùng đồng bằng sông Cửu Long; với ý nghĩa đó, ngôi tịnh xá ở Mỹ Tho được Tổ Minh Đăng Quang sáng lập nhằm đánh dấu nơi khai mở Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam được Tổ đặt tên là Mộc Chơn. Tinh thần "Nối truyền Thích-ca Chánh pháp" của Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam vẫn tiếp tục tỏa sáng, trở thành một gạch nối giữa các hình thái thực hành của các truyền thống lâu đời của Phật giáo.

Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam có được thành tựu ấy trước hết là nhờ sự nghiêm cẩn của Tổ sư Minh Đăng Quang trong lúc tiếp nhận và giáo huấn đệ tử ngay từ những buổi đầu; sau đó là tinh thần tiếp nối hạnh nguyện của Ngài bởi những vị đại đệ tử chân truyền quyết tâm nối chí Tổ sư.

Về phương diện giáo lý, việc Tổ sư Minh Đăng Quang nhấn mạnh đến ba yếu tố hành trì gồm: *Tinh thần viễn ly trong hạnh xuất gia, Sự tinh tấn trong tu tập và Tinh thần hoằng hóa độ sinh*, đã trở thành cái kiềng ba chân để người Khất sĩ tự tin dựng lập tâm nguyện gìn giữ giới luật căn bản trong lúc thực hiện hạnh nguyện tự độ, lợi tha... chính là nền tảng vững vàng cho sự phát triển của Hệ phái và Phật pháp dài lâu.

Hoạt động của Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam đã thực sự góp phần làm phong phú giáo lý của đức Bổn sư và làm đậm nét tinh thần hành trì giáo pháp của Thế Tôn. Bên cạnh đó, với tinh thần "Nên tập sống chung tu học" theo phương châm "Nối truyền Thích-ca Chánh pháp", Hệ phái Khất sĩ thành viên Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã có những sáng tạo độc đáo trong các hình thức hành đạo, trong việc xây dựng cơ sở tu học, góp phần tích cực cho việc xây dựng ngôi nhà chung Phật giáo và một nền văn hóa dung hợp dựa trên truyền thống Nam Bộ.

Hòa với Phong trào Chấn hưng Phật giáo trên thế giới, xuất phát từ Ấn Độ năm 1888, đến đầu thế kỷ XX, các quốc gia thuộc tiểu vùng sông Mê-kông cũng sôi nổi hoạt động nhằm phục hồi sinh khí của Phật giáo Nam tông Nguyên thủy, vốn đã trầm lắng từ khi xuất hiện chủ nghĩa đế quốc của phương Tây. Không khí này cũng có phần tác động vào Phong trào Chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam phát xuất vào thập niên 1920; cụ thể là sự kiện người Việt đã bắt đầu tiếp nhận truyền thống Nguyên thủy vào khoảng thập niên 1940 như đã trình bày ở trên. Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam kết hợp tư tưởng Đại thừa và truyền thống Nguyên thủy, có thể được coi là một bộ phận, một dòng chảy của Phong trào Chấn hưng Phật giáo, góp sức chấn hưng Phật giáo trước hết trong vùng Tây Nam Bộ bằng những nét sáng tạo đặc biệt và thực sự có hiệu quả. Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam có thể được coi là một gạch nối chung hưởng, chung nguồn lan tỏa từ hai truyền thống Phật giáo ngàn năm trên thế giới.

Với những thành tựu ấy, cùng với tất cả những tổ chức Phật giáo khác của người Việt trong vùng đồng bằng sông Cửu Long và các tổ chức Phật giáo của hết thảy cư dân tiểu vùng sông Mê-kông, Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam đã kế thừa truyền thống tốt đẹp của Phật giáo Bắc tông và Nam tông, tâm nguyện là một cành nhánh lan tỏa từ ánh đạo vàng của đức Bổn sư. Như mọi con sông đều đổ về biển cả, giáo lý của Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam cùng hội nhập tư tưởng của mọi tổ chức Phật giáo khác trong vùng đều hòa vào biển Phật pháp nhiệm mầu mà đức Thế Tôn đã khai sáng cách đây hơn 25 thế kỷ.

Tài liệu tham khảo chính

- Tổ sư Minh Đăng Quang, *Chơn lý*, Thành hội Phật giáo TP.HCM ấn hành, 1993.
- Hòa thượng Thích Thiện Hoa, *Phật học Phổ thông*, Thành hội Phật giáo TP.HCM ấn hành, 1997.
- Hàn Ôn, *Minh Đăng Quang Pháp giáo*, Chúng Minh Đăng Quang tái bản 2001.
- Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận*, NXB. Văn Học, Hà Nội, tái bản 2008.

Tài liệu tham khảo bổ sung

- Lê Thành Khôi, *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến giữa thế kỷ XX*, Nguyễn Nghị dịch, Nhã Nam và NXB. Thế Giới, 2014.
- Nguyễn Văn Trung, *Hồ sơ về Lục Châu học, Tìm hiểu con người ở vùng đất mới*, NXB. Trẻ, 2014.
- Phan An, "Người Việt Nam Bộ từ góc nhìn tôn giáo", Website Văn hóa học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.
- Mạc Đường, "Đặc điểm tín ngưỡng và tôn giáo ở Nam Bộ theo cách tiếp cận Dân tộc học-Tôn giáo", Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 4/2004.
- Một số trang Wikipedia.

ĐỌC CHƠN LÝ BÁT CHÁNH ĐẠO

TT. MINH THÀNH PH.D

TIẾP THEO

Chánh văn:

5.- Chánh mạng: là không nuôi loài vật để bán, không mua bán loài vật, không mua bán người (sự mai dong). Không mua bán thuốc độc, không mua bán đồ binh khí, không mua bán các thứ rượu để nuôi sống, không sống theo lẽ ác tà, không vì lẽ sống của mình mà giết hại mạng sống khác.

Bàn thảo:

Kinh Trường Bộ có định nghĩa về Chánh mạng, *"Này các Tỷ-kheo, thế nào là Chánh mạng? Này các Tỷ- kheo, ở đây vị Thánh đệ tử từ bỏ tà mạng, sinh sống bằng chánh mạng. Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là Chánh mạng."* Ở chi phần Chánh nghiệp, kinh tạng sơ kỳ dùng phương pháp liệt kê chi tiết; còn ở chi phần Chánh mạng, kinh tạng sơ kỳ lại nói gọn hơn và Chánh mạng được định nghĩa, *"từ bỏ tà mạng, sinh sống bằng Chánh mạng... như vậy gọi là Chánh mạng"*. Cách định nghĩa này đòi hỏi người nghe phải có vốn liếng kiến thức sẵn để tự trả lời ít nhất hai câu hỏi: Tà mạng là gì? Như thế nào là sinh sống bằng Chánh mạng? Trường hợp không có vốn liếng kiến thức sẵn sẽ phải tìm tòi nơi khác để có câu trả lời cho hai câu trên.

"Đại kinh bốn mươi" thuộc *Trung Bộ Kinh* chính là một nơi khác thích hợp để có thể tìm đến để bổ sung định nghĩa của Chánh mạng:

"Và thế nào, này các Tỷ-kheo, là chánh mạng? Chánh mạng, này các Tỷ-kheo, Ta nói có hai loại: có loại chánh mạng, này các Tỷ-kheo, hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y; có chánh mạng, này các Tỷ-kheo, thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi.

Và thế nào, này các Tỷ-kheo là chánh mạng hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y? Ở đây, này

các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử bỏ tà mạng, nuôi sống với chánh mạng, như vậy, này các Tỷ-kheo là chánh mạng, hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh mạng, thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi? Cái gì, này các Tỷ-kheo thuộc về từ bỏ, từ đoạn, từ khước, viễn ly tà mạng đối với một vị tu tập Thánh đạo, thuần thục trong Thánh đạo. Có vô lậu tâm, có Hiền Thánh tâm; như vậy, này các Tỷ-kheo là chánh mạng, thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi."

"Kinh Phạm võng" thuộc *Trường Bộ Kinh* và *Kinh Di giáo* thuộc Hán tạng trình bày rất chi tiết những hành vi thuộc về tà mạng như buôn bán vũ khí, chất độc, bói toán, xem sao giải hạn, phù chú, phép thuật, bùa ngải, kiết hung, địa lý, phong thủy. Tại sao những việc tệ lậu như vậy tồn tại dai dẳng hàng ngàn năm và có thể kéo dài khoảng một ngàn năm nữa? Câu trả lời bộc trực có lẽ là: Tại vì những việc đó liên quan tới tiền bạc, tài sản, quyền lực và vị thứ trong xã hội và nhiều thứ trần đời nữa không tiện nêu lên. Câu chuyện tiền bạc, tài sản, quyền lực và vị thứ trong xã hội chi phối đời sống tu tập của Tăng sĩ là câu chuyện dài nhiều tập. Nếu đó là vấn nạn thì không phải là loại vấn nạn nhất thời của thời hiện đại hay hậu hiện đại mà đã từng là vấn nạn từ thời xa xưa, thời cổ đại, trung đại. Vấn nạn đã mang tính trường kỳ thì chuyện tìm ra và thực hiện giải pháp để hóa giải thậm chí chỉ khiêm tốn là để sống chung nhưng dễ thở hơn với vấn nạn cũng phải trường kỳ. Thanh tịnh hóa pháp khất thực, uy nghiêm hóa pháp khất thực với những quy phạm chặt chẽ, những quy định nhất quán, những lề luật ràng buộc là một trong những giải pháp trường kỳ cần phải làm trường kỳ. Làm cho đến khi hết thảy chúng sanh đồng thành Phật đạo[1].

Chánh văn:

6.- Chánh tinh tấn là ráng giữ không cho sự ác sắp phát khởi ra được, ráng dứt sự ác đã có trong thân tâm, ráng làm những sự lành mà mình chưa làm, ráng làm những sự lành mà mình sẵn có cho được thêm lên, ráng nghe, học hỏi, giảng dạy, tu tịnh, giữ giới.

Bàn thảo:

"Kinh Đại niệm xứ" thuộc *Trường Bộ Kinh*, "Kinh Phân biệt về sự thật" thuộc *Trung Bộ Kinh*, và *Tương Ưng Bộ Kinh* đều gần như đồng nhất với nhau trong cách định nghĩa Chánh tinh tấn như sau:

"Này các Tỷ-kheo, và thế nào là Chánh tinh tấn? Này các Tỷ-kheo, ở đây Tỷ-kheo, đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn không cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các ác, bất thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn trừ diệt, vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn khiến cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn khiến cho an trú, không cho băng hoại, khiến cho tăng trưởng, phát triển, viên mãn. Vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là Chánh tinh tấn."

Tạm đặt tên Tinh-tấn-bốn-chi (TTBC). Ngoài TTBC, kinh tạng sơ kỳ còn có dạng Tinh-tấn-năm-chi (TTNC) được ghi lại trong "Đại kinh Bốn Mươi" thuộc *Trung Bộ Kinh* như sau:

1. Ai tinh tấn đoạn trừ tà kiến, thành tựu chánh kiến; như vậy là chánh tinh tấn của vị ấy.
2. Ai tinh tấn đoạn trừ tà tư duy, thành tựu chánh tư duy, như vậy là chánh tinh tấn của vị ấy.
3. Ai tinh tấn đoạn trừ tà ngữ, thành tựu chánh ngữ; như vậy là chánh tinh tấn của vị ấy.
4. Ai tinh tấn đoạn trừ tà nghiệp, thành tựu chánh nghiệp; như vậy là chánh tinh tấn của vị ấy.
5. Ai tinh tấn đoạn trừ tà mạng, thành tựu chánh mạng; như vậy là chánh tinh tấn của vị ấy[2].

Cần ghi nhận *Chơn lý* chỉ đề cập dạng TTBC mà không đề cập đến dạng TTNC. Ở đây, chúng ta tạm lướt qua dạng TTNC và chỉ bàn đến dạng TTBC. Để dễ

so sánh và trực quan hơn, xếp TTBC trong Kinh tạng và TTBC trong Chơn lý song song, chúng ta có bảng đối chiếu như sau:

KINH TẠNG	CHƠN LÝ
- Đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn không cho sanh khởi, vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. - Đối với các ác, bất thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn trừ diệt, vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. - Đối với các thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn khiến cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. - Đối với các thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn khiến cho an trú, không cho băng hoại, khiến cho tăng trưởng, phát triển, viên mãn. Vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí.	- Ráng giữ không cho sự ác sắp phát khởi ra được. - Ráng dứt sự ác đã có trong thân tâm. - Ráng làm những sự lành mà mình chưa làm. - Ráng làm những sự lành mà mình sẵn có cho được thêm lên. - Ráng nghe, học hỏi, giảng dạy, tu tịnh, giữ giới.

Điều có thể thấy ngay là Kinh tạng có cấu trúc câu dài và khúc chiết hơn, trong khi Chơn lý thì có tính nắm bắt và cô đọng. Về phương diện định danh, Kinh tạng gọi cái phản diện là *"Cái ác, bất thiện pháp"*, gọi cái chính diện là "Thiện pháp". Chơn lý gọn và đối xứng khi gọi hai cái là "Sự lành" và "Sự ác". Câu hỏi có thể đặt ra: Tại sao? Câu trả lời mang tính suy luận: Văn hóa Ấn Độ cổ đại không đặt nặng tính đối xứng, biền ngẫu trong khi nền văn hóa Khổng giáo Việt Nam mà Chơn lý chịu ảnh hưởng lại xem tính đối xứng và biền ngẫu rất quan trọng.

Vì mang tính khúc chiết nên chúng ta có thể phân tích mạch ý tưởng thành ba bước. Bước một là nêu lên bốn đối tượng cần phải ứng xử theo cấu trúc A, B, C, D. Bước hai là nêu lên cách ứng xử: Khởi lên ý muốn A', B', C', D', tương ứng theo trật tự với bốn đối tượng trên. Và, bước ba là nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí.

Điều khá thú vị là Chơn lý trong trường hợp này tỏ ra rất kiệm lời. Thay vì tám từ trong cụm từ "Nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí", Chơn lý chỉ dùng một từ duy nhất "Ráng". Và, thay vì đặt ở cuối câu như là một hậu tố mang tính quyết định thì Chơn lý lại đặt ở đầu câu mang tính dẫn đạo. Ráng A', B', C' và D'.

Trong bốn đối tượng của Tinh tấn có hai đối tượng mang tính tiêu cực và hai đối tượng tích cực; có thể gọi là phản diện và chính diện, về mặt đạo đức gọi là sự lành và sự ác, cái lành và cái ác. A và B mang tính tiêu cực, C và D mang tính tích cực. Tiêu cực thì 'Ráng' chế tài, cắt giảm, thậm chí là trừ diệt; tích cực thì nuôi dưỡng, bồi đắp, phát triển. Nhìn từ lăng kính triết học để phân biệt cái nào là chất và cái nào là lượng, hay nói nôm na hơn, cái nào là da thịt và cái nào là xương tủy. Theo nguyên tắc, cái nào biến chuyển nhiều là da thịt, cái nào khó biến chuyển hay bất biến là xương tủy; có thể nói ngắn gọn là biến số và hằng số. Nhìn lại bảng kê ở trên chúng ta thấy Kinh tạng có một hằng số dành

cho Chánh tinh tấn là "**Vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí.**"Trong khi đó *Chơn lý* có một hằng số khác: "**Ráng nghe, học hỏi, giảng dạy, tu tịnh, giữ giới.**" Đây chính là yếu tố đặc trưng, cốt lõi, có thể nói là "linh hồn" hay cái "thần" của Chánh tinh tấn hay TTBC. Sở dĩ chi thứ sáu của Bát thánh đạo có tên là Tinh tấn là nhờ vào cái linh hồn hay cái thần này.

Điều khác biệt: Trong Kinh tạng thì hằng số gắn bó chặt chẽ với từng đối tượng về phương diện nội dung lẫn hình thức. Trong khi đó *Chơn lý* cho hằng số đứng riêng một mình như là một chi 4' (bốn phẩy) của Chánh tinh tấn. Chi 4' này vừa khác biệt về mặt hình thức trình bày, vừa khác biệt về nội dung được chuyển tải, đó là những nội dung chung chung; không phải là không liên quan nhưng mối liên quan ở đây không trực tiếp và sát sao với Chánh tinh tấn: Nghe, học, dạy, tu thiền và giữ gìn giới luật. Đây là phong cách hay mô thức mà Chơn lý thường xuyên thể hiện: Trong lúc đang khép lại một đề tài hẹp hay một khung cửa nhỏ thì cũng là lúc mở ra một đề tài khác, một khung cửa khác, thường thì rộng hơn, tổng quát hơn. Ở đây, Chơn lý khép lại khung nhìn gói gọn trong giáo lý Tinh tấn giới hạn bó hẹp và Chơn lý lập tức mở ra một khung nhìn tổng quan rộng rãi hơn về nội dung tu tập. Nói nôm na, tu là phải cố gắng, phải "ráng".

Một tiêu chí căn bản để nói về tinh tấn là đoạn đối đáp giữa đức Phật với Tỷ-kheo Sona đang trong trạng thái thối chí ngã lòng. Xin được dùng tiêu chí căn bản quan trọng này để làm đoạn kết cho Chánh tinh tấn[3].

- Thầy nghĩ thế nào, này Sona? Có phải thuở trước, khi còn là gia chủ, Thầy giỏi đánh đàn tỳ-bà có dây?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Thầy nghĩ thế nào, này Sona? Khi những sợi dây đàn tỳ-bà của Thầy quá căng thẳng, trong khi ấy, đàn tỳ-bà của Thầy có phát âm hay sử dụng được không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Thầy nghĩ thế nào, này Sona? Khi những sợi dây đàn tỳ-bà của Thầy quá chùng, trong khi ấy, đàn tỳ-bà của Thầy có phát âm hay sử dụng được không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Nhưng này Sona? Khi những sợi dây đàn tỳ-bà của Thầy không quá căng thẳng, không quá chùn xuống, nhưng vặn đúng mức trung bình, trong khi ấy, đàn tỳ-bà của Thầy có phát âm hay sử dụng được không?

- Thưa được, bạch Thế Tôn.

- Cũng vậy, này Sona, khi tinh cần tinh tấn quá căng thẳng, thời đưa đến dao động; khi tinh cần tinh tấn quá thụ động, thời đưa đến biếng nhác. Do vậy, này Sona, Thầy phải an trú tinh tấn một cách bình đẳng, thể nhập các căn một cách bình đẳng, rồi tại đấy nắm giữ tướng.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Chú thích:

1 Giải pháp trường kỳ khác là những khóa tu tập mà việc tham gia, đa số trường hợp là tự nguyện, nhiều trường hợp được khuyến khích bằng vật lực, tài lực..., vẫn có trường hợp là quy định. Dĩ nhiên, một số rất ít, khoảng một phần ngàn trường hợp là phải áp dụng phương thức hơi cưỡng chế một chút! Nếu không chịu thì thôi.

2 Điều này có thể khiến cho người đọc đặt ra câu hỏi: Tại sao lại dừng ở Chánh mạng? Giả sử trường hợp văn mạch không dừng thì sẽ có những đoạn như sau:

6. Ai tinh tấn đoạn trừ tà niệm, thành tựu Chánh niệm; như vậy là Chánh tinh tấn của vị ấy.

7. Ai tinh tấn đoạn trừ tà định, thành tựu Chánh định; như vậy là Chánh tinh tấn của vị ấy. Và, nếu bỏ qua căn bản của luận lý thì sẽ thêm đoạn:

8. Ai tinh tấn đoạn trừ tà tinh tấn, thành tựu Chánh tinh tấn; như vậy là Chánh tinh tấn của vị ấy.

3 *Tăng Chi Bộ Kinh*, Chương Sáu pháp.

TÌM HIỂU VỀ BÁT CHÁNH ĐẠO TRONG CHƠN LÝ

LIÊN TRÍ

Dẫn nhập

Bát chánh đạo là một trong những giáo lý căn bản nhất của đạo Phật, do đó, tất cả các học giả và hành giả đều chú trọng về đề tài này là một điều tất nhiên. Đức Tổ sư Minh Đăng Quang cũng không ngoại lệ. Trong 60 bài giảng (cùng với 9 bài chuyên về Luật dành riêng cho giới xuất gia) của Ngài được kiết tập lại trong bộ *Chơn lý*, Bát chánh đạo là một trong số những bài được coi là quan trọng nhất thể hiện quan điểm, đường hướng hành trì và tôn chỉ của hệ phái Khất sĩ. Bát chánh đạo trong *Chơn lý* là một sự diễn đạt khác của tôn chỉ: Nối truyền Thích Ca chánh pháp - Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam của Tổ sư Minh Đăng Quang. Bài Bát chánh đạo này được nhiều vị trong hàng đệ tử học thuộc lòng, coi đây là kim chỉ nam trong cuộc sống thường nhật của mình. Cùng với một số bài khác trong *Chơn lý*, bài Bát chánh đạo được đọc tụng thường xuyên trong các giờ học *Chơn lý* tại các cơ sở tịnh xá.

Đã có một số bài viết về bài pháp này. Hòa thượng Giác Toàn đã có bài **Những ý pháp của Tổ sư Minh Đăng Quang trong Chơn lý "Bát chánh đạo"** trong đó, Hòa thượng rút ra năm bài học từ bài Bát chánh đạo: Bát chánh đạo trong sự liên quan đến sự sống, với vạn vật thiên nhiên, với chức năng và phận sự của người xuất gia, với quan niệm sống và hành trì hàng ngày và với tám đạo, tám quả. Tuy nhiên, bài viết chỉ gom nội dung bài Bát chánh đạo trong *Chơn lý* vào năm tụ trên cho dễ nắm bắt, còn phần giảng giải thêm không đáng kể. Thượng tọa Minh Thành có loạt bài nhiều kỳ (đã đến kỳ 7) với tựa đề **Đọc Chơn lý Bát chánh đạo**. Sự phân tích, giải thích trong loạt bài này khá rộng, song vẫn còn nhiều điều bỏ ngỏ. Vì lẽ đó, sau khi đọc xong những bài này, người viết vẫn còn cảm hứng để viết về Bát chánh đạo trong *Chơn lý* vì thấy nhiều khía cạnh vẫn chưa được triển khai đúng mức. Bài viết này là một

nỗ lực để làm điều này nhằm bổ sung thêm vài ý tưởng về nội dung bài Bát chánh đạo trong *Chơn lý*.

Giải thích các chi phần của Bát chánh đạo y cứ trên kinh điển

Đức Tổ sư dùng một phần bài pháp này để giải thích các chi phần của Bát chánh đạo hoàn toàn phù hợp với cách giải thích truyền thống vốn được trình bày trong hệ thống kinh điển nguyên thủy cũng như phát triển. Đức Tổ sư viết **chánh kiến** nghĩa là thấy rõ tứ thánh đế (***tr.70-71***). Đây là cách giải thích nhất quán ở tất cả các tài liệu xưa nay viết về Bát chánh đạo. Điều này đã được khẳng định rõ ràng trong kinh, tiêu biểu như trong **Tương ưng bộ kinh** (***Tập V, chương XII, phẩm IV, kinh số 36: Sanh loại; kinh số 39: Cột trụ***). Những tài liệu Phật học phổ biến xưa nay chủ yếu định nghĩa chánh kiến như vậy. Thế nhưng, những phương diện ít được nhắc đến trong các tài liệu Phật học xưa nay được đức Tổ sư dạy rằng, chánh kiến là thấy biết rõ nhơn và quả, thiện và ác (***tr.71***). Điều này được đức Phật nhắc đến trong một số kinh như kinh **Không gì chuyển hướng** (***Trung bộ kinh số 60***), **Đại kinh Vacchagotta** (***Trung bộ kinh số 73***), kinh **Esukari** (***Trung bộ kinh số 96***). Nội dung này được đức Tổ sư nhấn mạnh ở đây vì nó rất thiết thực cho một hành giả trong quá trình hành trì chánh kiến trong thực tế cuộc sống: hiểu rõ sự vận hành khách quan của nhân quả để làm chủ trong tiến trình tạo nhân, biết rõ thiện ác để nuôi thiện đoạn ác.

Chánh tư duy được hiểu là suy nghĩ chân chánh là điều người học Phật nào cũng rõ. Cụ thể hơn, trong **Đại kinh Xóm ngựa** (***Trung bộ kinh số 39***), đức Phật tuyên bố: "*Với chánh tư duy, chúng ta thọ thực, không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, mà chỉ để thân này được sống lâu và được bảo dưỡng, để (thân này) khỏi bị thương hại, để hỗ trợ phạm hạnh*". Hoặc ở một bài kinh khác, đức Phật dạy rõ "*Thế nào là chánh tư duy? Tư duy về ly dục, tư duy về vô sân, tư duy về bất hại*" (***Kinh Phân biệt sự thật, Trung bộ kinh số 141***). Như vậy, những gì đức Tổ sư dạy trong *Chơn lý* hoàn toàn khế hợp với ý kinh này, rằng "*chánh tư duy: là sự suy xét không đành làm loài vật phải bị hại. Suy xét không đành làm cho loài vật phải đau đớn. Suy xét đặng tránh khỏi ngũ dục, để tìm sự xuất gia giải thoát, tầm tòi các nghĩa lý để độ mình và độ người*" (***Chơn lý, tr.71***). Lời giải thích cụ thể, rõ ràng bằng ngôn ngữ mộc mạc, dễ hiểu, phù hợp với mọi căn cơ của hành giả giúp cho mọi người nắm bắt dễ dàng ý tưởng trong quá trình hành trì mà vẫn sát với ý kinh là một sự dụng công, dụng ngữ tuyệt vời của Tổ sư vậy.

Chánh ngữ (thực hành lời nói chơn chánh ở bốn phương diện), **chánh nghiệp** (từ bỏ sát sanh và phi phạm hạnh), **chánh mạng** (nuôi sống bằng chánh mạng, không làm 5 nghề được đề cập trong kinh (***Tăng chi bộ kinh, chương V, phẩm XIII, kinh số 177: người buôn bán***), **chánh tinh tấn** (đoạn ác, nuôi thiện) trong *Chơn lý* hoàn toàn y cứ trên cách định nghĩa truyền thống và thống nhất ở tất cả các kinh vốn rất phổ biến và quen thuộc với tất cả chúng ta nên không cần trình bày lại ở đây.

Chánh niệm được định nghĩa trong kinh là "*quán thân trên thân, thọ trên các cảm thọ, tâm trên tâm, pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời*" (***Tương ưng bộ kinh, tập IV, chương II, phẩm I, kinh số 7: Tật bệnh; tập V, chương I, phẩm I, kinh số 8: Phân tích***). Điều này được đức Tổ sư diễn đạt tương tự "*chánh niệm: là nhớ chắc các tướng trong thân là thể vô thường, khổ não, vô ngã. Cái thọ vui hay cái thọ khổ, những sự lành, những sự ác, các danh từ và sắc pháp trong thế gian đều là vô thường, khổ não, vô ngã, không tham sân si, dục vọng, luyến ái*" (***Chơn lý, tr.71***). Rõ ràng chánh niệm là tu tập tứ niệm xứ để thấy rõ bản chất vô thường, khổ và vô ngã để từ bỏ tham, sân, si vậy. Sự diễn đạt trong *Chơn lý* sát nghĩa với kinh điển nguyên thủy mà thật dễ hiểu, nhờ vậy mọi người

dễ nắm bắt ý pháp của đức Tổ sư làm cơ sở cho sự hành trì trong cuộc sống.

Chánh định là thành tựu bốn thiền dục giới được Tổ sư trình bày nhất quán với nội dung trong kinh điển, điển hình như trong **kinh Thân hành niệm** (***Trung bộ kinh số 119***), **kinh Phân biệt về sự thật** (***Trung bộ kinh số 141***) nên không cần nhắc lại.

Như vậy, vẫn trung thành và nhất quán với ý kinh trong việc giải thích các chi phần của Bát chánh đạo, đức Tổ sư giữ nguyên vẹn lời kinh với một số chi phần như chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn và chánh định vì những điều này quá rõ ràng, cụ thể và thích hợp với quá trình hành trì. Với những chi phần còn lại, đức Tổ sư vẫn tôn trọng giữ nguyên ý tưởng, khéo giải thích bằng ngôn ngữ dễ hiểu, thực tế liên hệ trực tiếp đến sự hành trì để tất cả chư Tăng Ni đệ tử có thể nắm bắt chính xác những điều cần thực hành trong cuộc sống của một người xuất gia tu học trong giáo pháp.

Bát chánh đạo - đi trọn một đời tu

Đức Tổ sư xác định, cuộc sống tu tập của một người xuất gia, từ khi bước chân vào cửa đạo là bắt đầu sống với Bát chánh đạo, là hướng đến con đường thánh, đi trên con đường thánh để thành tựu các quả thánh. Ngài cụ thể hóa con đường tu tập qua các giai đoạn tương ứng với con đường thánh tám chi phần này. Thực hành Bát chánh đạo là đi trọn con đường hành trì trong cuộc sống tu tập. Do vậy, ngoài việc giải thích y cứ hoàn toàn trên kinh điển như vừa trình bày, đức Tổ sư phác họa con đường ấy qua cách giải thích rất thực tế, mang tính ứng dụng cao, cụ thể như sau:

Chánh kiến: "*Thấy rõ lẽ thật đạo pháp, liền xuất gia giải thoát, lìa bỏ sự tà kiến vô minh lầm lạc của đời ác trược, bỏ khổ tìm vui*" (***Chơn lý, tr. 69***). Như vậy, phát tâm xuất gia, lìa bỏ ngôi nhà tội lỗi của thế gian, bước vào cửa đạo là có chánh kiến. Cách giải thích này hoàn toàn khế hợp với cách giải thích trong kinh điển và nhất quán với cách giải thích của chính đức Tổ sư ở trên, rằng chánh kiến là thấy rõ tứ đế, thấy nhân-quả, thiện-ác. Có thấy khổ và nguyên nhân của khổ trong cuộc sống thế tục, cuộc sống mà đức Phật thường mô tả trong kinh điển là "*con đường đầy bụi trần*" (khổ đế) do tham luyến cảnh đời (tập đế), hướng đến con đường "*trắng bạch như vỏ ốc, phóng khoáng như hư không*", mục đích giải thoát (diệt đế), nên chọn con đường xuất gia để dốc toàn sức lực, thời gian và tâm trí thực hành pháp giải thoát (đạo đế). Chính ý thức rõ nhân-quả, thiện-ác mới "*bỏ khổ tìm vui*". Như vậy, đức Tổ sư xác định chặng đường đầu tiên của người xuất

gia vào đạo là biểu hiện của sự thực hành chánh kiến.

Chánh tư duy: "*Chiêm nghiệm, sưu tầm chơn lý để được trí huệ, phải ở nơi chỗ vắng, núi, rừng, vườn một mình ít lâu*" (***Chơn lý, tr.69-70***). Đức Tổ sư đã khéo hướng dẫn người mới xuất gia nhập đạo vào con đường thực hành tâm linh, theo đó, sự chiêm nghiệm, tư duy, tìm hiểu chơn lý giải thoát để phát sinh trí tuệ là con đường tất yếu của mỗi hành giả. Để hỗ trợ cho mục đích tu học, một nơi thanh vắng, ít ồn náo, không bị nhiều duyên trần chi phối sẽ là môi trường lý tưởng nhất để thực hành. Đức Phật thường dạy chư đệ tử rằng sau khi khất thực về, tìm một khu rừng, gốc cây, nhà trống để hành thiền. Ở đây, đức Tổ sư chỉ lặp lại lời dạy trên theo một cách nói khác mà thôi. Người vừa mới rời môi trường sống của người cư sĩ nhiều phận sự với đời để nhập vào hàng ngũ xuất gia, cần chọn cho mình một môi trường cách ly nếp sống cũ, mới có thể xa dần khuynh hướng, thói quen, nếp sống bận rộn vốn được huân tập bấy lâu nay. Do đó, cần phải ở một nơi vắng vẻ trong một thời gian nhất định để có môi trường tốt nhất dần thích nghi với nếp sống đạo. Tuy nhiên, chúng ta không nên hiểu lầm chỗ này để rồi mới vào đạo không bao lâu mà không theo Thầy như luật định, tự ý tách rời tập thể ra riêng khi chưa thuần thục nếp sống đạo hành và chưa vững vàng pháp hành của người xuất gia phạm hạnh.

Chánh ngữ: "*Để nói pháp dắt dẫn dạy khuyên người, sau khi đã thấu lý đạo đắc quả, để cho được cái học tự nơi nghe, nơi suy nghĩ, nơi sự hành động, cùng nơi sự nói luận, giảng giải*" (***Chơn lý, tr.70***). Ở đây, cách hiểu truyền thống về chánh ngữ được nâng lên một tầm cao hơn và có tính ứng dụng thiết thực nhất cho một người xuất gia thời hiện đại. Chánh ngữ được đức Tổ sư xác lập rõ ràng, là dùng phương tiện lời nói để xiển dương giáo pháp, để chia sẻ kinh nghiệm tu tập, nói giảng, trao đổi, luận bàn giáo lý sau khi tự thân hạ thủ công phu và thấu đáo nghĩa lý của kinh điển và các pháp hành. Hành giả có được chánh ngữ là nhờ một thời gian trú nơi thanh vắng, chiêm nghiệm sưu tầm chơn lý và có được trí tuệ, chứ không phải để tạo nghiệp xấu ác, đem lại đau khổ cho người, quả báo khổ cho mình. Đây được coi như một trong những phận sự của người xuất gia, khi giai đoạn tự tu, tự độ được thực hành đến một mức độ nhất định, phải nghĩ đến bổn phận độ tha của người xuất gia. Đức Tổ sư cũng xác định rõ, nói pháp là một phương tiện để kết hợp việc học qua ba phương diện: "*học tự nơi nghe*" (văn), "*nơi suy nghĩ*" (tư) và "*nơi sự hành động*" (tu) với việc dạy thông qua "*sự nói luận, giảng giải*". Đây là cách kết hợp giữa cho và nhận, học và dạy, tự độ và độ tha để công hạnh của người xuất gia dần viên mãn và hoàn thiện trong nếp sống trung đạo.

Chánh nghiệp: Trên cơ sở chánh nghiệp được hiểu là hành động chân chánh như trong kinh điển và hầu hết các tài liệu Phật học đề cập đến, đức Tổ sư giải thích cặn kẽ, thực tế pháp hành của người xuất gia theo hướng ứng dụng trong cuộc sống tu tập thanh bần đạm bạc. Ngài dành trọn phần này để mô tả đời sống du hành theo "Tứ y pháp" trung đạo - tôn chỉ hành đạo của đức Tổ sư và chư Tăng Ni Khất sĩ. Trong số tám chi phần được giải thích ở đây, phần chánh nghiệp được chú trọng nhiều nhất khi Ngài dành đến 138 từ (hơn 38%) số từ để nói về nội dung phần này, trong khi đó, 7 chi phần còn lại chỉ được gói gọn trong 223 từ. Điều này cũng phản ánh một sự thật rằng, đức Tổ sư rất coi trọng nếp sống du phương rày đây mai đó, khất thực nuôi thân, tối thì lều lá gốc cây, tiện đâu nghỉ đó, mặc y bá nạp che thân tạm, bệnh thì không tự tìm cầu, làm thuốc mà uống để giữ tâm không tham, không chấp, không cầu, không vướng mắc. Đây là nếp sống lý tưởng được chọn như một nét đặc trưng của chư Tăng Ni Khất sĩ. Đức Tổ sư xây dựng một cộng đồng xuất gia sống hòa hợp trong tinh thần vô trụ vô chấp với nỗ lực đưa hình ảnh của Phật Tăng xưa tái hiện trong Tăng đoàn Phật giáo Khất sĩ qua pháp hành độc đáo của đạo Phật mà đến giai đoạn này (những năm giữa thập niên năm mươi của thế kỷ trước) đã bị lãng quên đến mức xóa nhòa trong quá trình hội nhập vào nền văn hóa Việt. Với chủ trương hành trì nếp sống thanh tịnh đúng nghĩa, "*đi khắp nơi học dạy trau tâm, lấy sự cứu độ người làm nghề nghiệp*" (***Chơn lý, tr.70***), chủ trương hành trì "Tứ y pháp" là một trong những đóng góp tích cực của đạo Phật Khất sĩ vào công cuộc chấn hưng Phật giáo nước nhà trong giai đoạn lắm nhiễu

nhương và nhiều tệ nạn do cách sống tà nghiệp của nhiều người xuất gia chuyên nghề cúng tụng, nặng về âm thinh, sắc tướng trong thời kỳ này. Thực hành "Tứ y pháp" thể hiện nét đặc trưng của Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam, có sức cảm hóa nhanh chóng và thu hút đông đảo quần chúng biết quy ngưỡng về đạo Phật. Vì lẽ đó, đức Tổ sư chú trọng nhiều hơn vào chi phần chánh nghiệp là điều dễ hiểu.

Chánh mạng: "*Là không có cái sống cho mình, thân là của đạo, của chúng sanh, sống bằng tâm chơn như, thân có không, còn mất chẳng mến, chết trong sạch hơn sống nhơ bẩn*" (***Chơn lý, tr.70***). Trên cơ sở nuôi mạng chân chánh, không làm năm nghề kém trong sạch như được đề cập trong **Tăng chi bộ kinh, chương V, kinh số 177: Người buôn bán**, đức Tổ sư nâng tiêu chuẩn của chánh mạng lên tầm cao hơn, có giá trị ứng dụng thực tế hơn khi khuyến khích các đệ tử sống nuôi mạng chân chánh đúng pháp của một người xuất gia. Đó là sống cho đạo, sống cho chúng sanh, sống vị tha chứ không vì lầm chấp cái thân giả tạm tội lỗi này mà mến tiếc, chiều chuộng, cung phụng nó bất chấp nhân quả, sống thấp hèn. Lời dạy này nhắc mỗi người xuất gia phải sống quên mình vì đạo, coi nhẹ bản thân mà phụng sự tha nhân. Người xuất gia cần hành trì pháp chánh mạng trọn đời như vậy.

Chánh tinh tấn: "*Là sự cố gắng kiên tâm, trì giới nhập định, và đi hành đạo giáo hóa khắp nơi*". Siêng năng ngăn ác, diệt ác, siêng năng gieo thiện, dưỡng thiện theo cách giải thích truyền thống của chánh tinh tấn xem ra còn quá bao quát và chung chung đối với phận sự và sự hành trì thường ngày của một người xuất gia giải thoát. Đức Tổ sư đã cụ thể hóa những điều cần làm trên cơ sở của bốn phương diện trên để sự thực hành của chư Tăng Ni được cụ thể hơn và nhờ đó, sự hành trì có hiệu quả hơn. Ngài dạy chánh tinh tấn là sự kiên tâm, dồn năng lượng để duy trì thực hành **giới**, tu tập thiền **định** và dùng trí **tuệ** đi giáo hóa chúng sanh. Nói cách khác, chánh tinh tấn là kiên định thực hành tam vô lậu học. Theo cách trình bày của đức Tổ sư, chánh tinh tấn còn được hiểu là thể hiện viên dung cả hai phương diện trí (tiến trình tu tập Giới-Định-Tuệ) và bi (đi hành đạo giáo hóa khắp nơi). Mỗi chi phần của Bát chánh đạo được đức Tổ sư triển khai một cách thiết thực nhất về phương diện hành trì cho cả cuộc đời người xuất gia được huân vào nếp sống hành trì hướng đến mục đích giải thoát.

Chánh niệm: "*Là niệm tưởng Phật, niệm tưởng Pháp, niệm tưởng Tăng, niệm tưởng chúng sanh khổ, để tìm phương tiện cứu độ*" (***Chơn lý, tr.70***). Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng là những đề mục thiền quán quen thuộc để các hành giả thực hành trong cuộc

sống, nhằm chuyển hóa tham, sân, si, đạt đến sự an tịnh của tâm, khai mở trí tuệ, giác ngộ, giải thoát. Điều này được đức Phật nhắc nhiều lần trong các bài pháp và ghi lại trong kinh điển. "*Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, nếu được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến nhứt hướng nhàm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết Bàn*" (***Tăng chi bộ kinh, chương I, phẩm XVI, kinh số 1: Niệm Phật***). Ở một bài kinh khác, tầm quan trọng của pháp tu đề mục này được ghi nhận rằng "*Ai tùy niệm Như Lai hay đệ tử Như Lai, với lòng tin an trú, với lòng ái mộ an trú, nhứt hướng thuần tín, đưa đến thanh tịnh cho các loài chúng sanh, vượt qua sầu bi, chấm dứt khổ ưu, đạt được chánh lý, chứng ngộ Niết Bàn. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là tùy niệm vô thượng*" (***Tăng chi bộ kinh, chương VI, phẩm III, kinh số 30: Trên tất cả***). Đức Tổ sư nhắc lại các đề mục này trong chánh niệm hoàn toàn khế hợp kinh điển.

Bên cạnh sự giải thích phổ biến có tính truyền thống, đức Tổ sư còn luận về chánh niệm y cứ trên một số ý kinh ít phổ biến khác từ lời Phật dạy. Bên cạnh pháp niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng để tăng trưởng giới, định, tuệ, hướng đến giải thoát là mục đích tối hậu của người xuất gia, đức Phật còn phân biệt có hai loại chánh niệm: chánh niệm thuộc về thế tục và chánh niệm xuất thế gian. Ngài giải thích, chánh niệm thuộc về thế tục là ghi nhớ, không quên lãng, luôn hướng đến đường lành (***Kinh 785, Tạp A hàm quyển 28***). Trên cơ sở này, lời đức Tổ sư dạy "*niệm tưởng chúng sanh khổ, để tìm phương tiện cứu độ*" (***Chơn lý, tr.70***) hoàn hoàn khế hợp với kinh điển vậy. Vẫn biết chánh niệm thuộc về thế tục chưa phải là cứu cánh, nhưng đây là nền tảng vững chắc để thực hành chánh niệm xuất thế gian. Đây là pháp tu thực tế, phù hợp với tất cả mọi người ở mọi trình độ nhận thức và học thức.

Chánh định: "*Là Niết-bàn chơn như, hay là sự nhập định, sau khi từ bi trí huệ đã đầy đủ. Cũng gọi hưu trí nín nghỉ, sau khi rồi xong hết việc, của cải có dư*" (***Chơn lý, tr.70***). Đức Tổ sư mô tả chánh định là thành tựu bốn thiền dục giới theo cách hiểu trong kinh Nikāya đã được trình bày ở phần trên. Ở đây, Ngài nói đến trạng thái tâm vắng lặng, là không còn sự câu thúc của tham, sân, si, đầy đủ từ bi và trí tuệ. Đạt đến trạng thái này, hành giả có khả năng tịnh hóa nội tâm, vắng bặt mọi vọng niệm. Ý tưởng này được đức Tổ sư rút ra từ một số bài kinh. Trong kinh đức Phật dạy "*Tu tập chánh định, với cứu cánh là đoạn tận tham, với cứu cánh là đoạn tận sân, với cứu cánh là đoạn tận si. Tu tập chánh định, thể nhập vào bất tử, với mục đích là bất tử, với cứu cánh là bất tử. Tu tập chánh định, thiên về Niết Bàn, hướng về Niết Bàn, xuôi về Niết Bàn*" (***Tập V, chương I, phẩm VII, kinh số 161: Tầm cầu***). Cùng với ý tưởng này, khi đức Phật nhập Niết Bàn, tôn giả Anuruddha nói bài kệ rằng "*Chính tâm trú chánh định; Không tham ái tịch tịnh; Tu sĩ hướng diệt độ; Chính tâm tịnh bất động; Nhẫn chịu mọi cảm thọ; Như đèn sáng bị tắt; Tâm giải thoát hoàn toàn*" (***Kinh Đại bát Niết Bàn, số 16 Trường bộ kinh; Tương ưng bộ kinh, tập I, chương VI, phẩm II, kinh số 5: Đại bát Niết Bàn***). Cách giải thích của đức Tổ sư hoàn toàn khế hợp với kinh điển rằng chánh định là tâm giải thoát hoàn toàn, viên mãn cả hai phương diện từ bi và trí tuệ, chứng đạt Niết Bàn vậy. Kham nhẫn với các cảm thọ, kinh ví như "*đèn sáng bị tắt*", còn đức Tổ sư thì gọi đó là "*hưu trí, nín nghỉ*". Không tạo thêm các cảm thọ mới, kinh gọi là "*tâm giải thoát hoàn toàn*" thì đức Tổ sư cho đó là "*rồi xong hết việc*". Với nội tâm kiên cố, nguồn năng lượng dồi dào kết tinh của bi trí viên dung giúp hành giả tiến sâu vào các tầng thiền tiếp theo, thì đó là lúc "*của cải có dư*" vậy.

Với cách giải thích các chi phần của Bát chánh đạo vừa trình bày, đức Tổ sư vẫn y cứ trên kinh điển để giải thích các ý pháp một cách chính xác và nhất quán. Tuy nhiên, để đáp ứng nhu cầu tu tập cho số đông chúng đệ tử với sự chênh lệch về căn cơ, trình độ nhận thức, Ngài đặt trọng tâm vào sự vận dụng

Bát chánh đạo để thực hành trong cuộc sống hàng ngày bằng ngôn ngữ bình dân, dễ hiểu, dễ lãnh hội nhất ngay cả với người bình dân ít học. Chính vì chú trọng vào phương diện tu tập, thực hành trong nếp sống hàng ngày, Ngài ưu tiên hơn khi giải thích chi phần chánh nghiệp, với mục đích hướng dẫn pháp hành cho chư đệ tử Tăng Ni theo con đường truyền thống của Phật Tăng xưa, thực hành nếp sống chân chánh, thanh cao, đạm bạc để ghi dấu một đạo Phật giải thoát đúng nghĩa trong lòng quần chúng. Xuyên suốt từ chi phần đầu tiên là chánh kiến, thấy rõ bản chất cuộc sống, thấy rõ thiện ác khổ vui, chọn con đường xuất gia cho đến chi phần cuối cùng là chánh định, hoàn thành xong việc cần làm, nghỉ ngơi trong an tịnh với sự viên mãn của từ bi và trí tuệ là trọn vẹn một đời tu tập vừa tự lợi, vừa lợi tha. Trên con đường ấy, then chốt vẫn là *đi khắp nơi học dạy trau tâm, lấy sự cứu độ người làm nghề nghiệp*" (***Chơn lý, tr.70***).

Trung đạo trong Bát chánh đạo

Nói đến Bát chánh đạo là nói đến con đường Trung đạo. Sở dĩ đức Phật gọi sự thực hành Bát chánh đạo là con đường trung đạo, bởi lẽ do vô minh mà nhận thức lầm lạc, mới chọn lối sống cực đoan. Một cực đoan là hưởng thụ dục lạc, đắm nhiễm pháp trần, không đưa đến ly tham, giải thoát. Một cực đoan khác là ép xác khổ hạnh, đưa đến phiền não, khổ đau. Hai lối sống này đức Phật đều đã trải nghiệm và không có hiệu quả, lại không đưa đến giác ngộ giải thoát. Cuối cùng Ngài từ bỏ cả hai, chọn con đường trung đạo và thành tựu đạo quả, viên mãn hạnh nguyện độ sanh với con đường trung đạo này. Như vậy, nếu có chánh kiến - nhận thức đúng đắn thì đã biết chọn con đường đúng tránh hai cực đoan để không chuốc lấy khổ đau. Nếu có tư duy chân chánh, đã biết tư duy về con đường đúng tránh hai cực đoan. Tương tự như vậy cho tất cả các chi phần còn lại trong Bát chánh đạo thì hành giả đưa cuộc sống của mình vào quỹ đạo chân chánh từ nhận thức, tư duy, hành động cho đến mọi hành vi, cố gắng, nghĩ nhớ an định và phát triển trí tuệ đều chân chánh. Trên nền tảng thuần thục thân, miệng và ý trong nếp sống chân chánh biểu hiện ở tám chi phần của Bát chánh đạo, hành giả có trí tuệ để biết rõ việc đúng-sai, hay-dở, thiện-ác, lợi-hại để định hướng cuộc sống. Nhờ vậy, vị ấy tránh được hai cực đoan vốn gây nhiều khổ đau cho mình và cho người. Chính vì lẽ đó, đức Phật rất nhiều lần tuyên bố Bát chánh đạo là con đường trung đạo. Ý nghĩa này được đức Tổ sư nhắc lại tương tự như vậy trong Chơn lý. Ngài nhấn mạnh "*Tất cả các pháp lành trong thế gian đều thuộc vào tám phần của Bát chánh đạo, không thể nói viết cho cùng... Bát chánh đạo gồm cả tam tàng Pháp bảo, tám muôn bốn ngàn Pháp môn, ba ngàn Pháp cái, mà chơn như (chánh định) là mục đích chỉ có một*" (***Chơn lý, tr.72)***.

Cùng với sự chỉ rõ con đường chánh qua tám chi phần như trong kinh điển truyền thống, thêm vào đó, khi giải thích mỗi chi phần như một phần hành trì thực tế, đức Tổ sư nhấn mạnh sự thực hành trung đạo trong cuộc sống hàng ngày với tám phương diện này. Với **chánh kiến**, Ngài nói "*thấy biết chắc con đường trung đạo dẫn đến nơi diệt khổ*" (***Chơn lý, tr.71***) để rồi xuất gia, sống đạm bạc, thực hành lời Phật dạy. **Chánh tư duy** là vừa quán xét sự khổ muôn loài mà không làm tổn hại, vừa quán xét sự khổ của bản thân mà tránh khỏi ngũ dục (***Chơn lý, tr.71***), vừa tự tu vừa giúp người, lợi mình lợi người, độ mình vừa độ người. **Chánh ngữ** là vừa học vừa dạy, vừa xin vừa cho, vừa thu thúc tu tập trang nghiêm tự thân vừa chia sẻ giáo pháp giải thoát thông qua ba phương diện nghe, suy nghĩ và hành động. **Chánh nghiệp** là thực hành tứ y pháp, xin đủ ăn để nuôi mạng, không nhịn đói cũng không tham lam tích trữ, không chấp có người có ta, vừa học vừa dạy trên đường du hóa, "*lấy sự cứu độ người làm nghề nghiệp*" (***Chơn lý, tr.71***). **Chánh mạng** là nuôi mạng sống vì đạo, cho đạo, cho chúng sanh chứ không ích kỷ sống cho riêng mình. Ngài không bảo chúng ta phải khổ hạnh, ép xác, đì đọt thân này mà phải nuôi thân tạm để nương nơi thân mà "*sống bằng tâm chơn như*" (***Chơn lý, tr.71***). **Chánh tinh tấn** là vừa trì giới, nhập định và đi hành đạo giáo hóa khắp nơi. Vừa tu cho mình vừa phụng sự chúng sanh, vừa phát triển trí tuệ trên nền tảng của giới và định, vừa thể hiện tâm từ bi đối với muôn loài. **Chánh niệm** là quán các pháp hữu vi đều chịu sự chi phối của vô thường, khổ và vô ngã nên tâm không dục vọng, luyến ái, không tham sân si và đây là cơ sở để mở ra con đường chân chánh của trung đạo. Chánh niệm là ngoài các đề mục niệm tưởng Phật Pháp Tăng, còn niệm chúng sanh khổ để tìm phương cứu độ. Đây là nếp sống trung đạo lợi mình lợi người. **Chánh định** đã đến đích của một đời người, viên mãn trí bi, tự lợi lợi tha, tâm sống trong Niết Bàn chơn như mà thân hành đạo giáo hóa khắp nơi. Đây là sự vẹn toàn của nếp sống trung đạo, nếp sống Bát chánh đạo vậy.

Với cách giải thích rất cụ thể và rõ ràng, con đường trung đạo của Bát chánh đạo không còn trong ý tưởng, trong suy nghĩ, trong lập luận nữa mà được thể hiện thực tế qua thân, khẩu và ý, qua công việc và sinh hoạt thường ngày của mỗi người

đang thực hành theo lời Phật dạy. Bắt đầu bước vào con đường tu tập là khởi đầu cho hành trình thực hành Bát chánh đạo. Ngài nói "*xuất gia khất sĩ làm Tăng, ở vào trong Bát chánh đạo, kêu là nhập đạo*" (***Chơn lý, tr.76***) Sống trong Bát chánh đạo là sống với đầy đủ sự tỉnh giác chánh niệm và cân bằng giữa trí tuệ và từ bi, giữa thân và tâm, giữa xin và cho, giữa học và dạy, giữa giới luật và thiền định, giữa tự lợi và lợi tha một cách trọn vẹn.

Thay lời kết

Thực hành Bát chánh đạo là đi trên con đường trung đạo chân chánh, đưa đến sự thành tựu giải thoát, giác ngộ, Niết Bàn. Đây là giáo lý nền tảng nhất trong hệ thống giáo lý của đạo Phật. Đức Phật từng tuyên bố, "*xưa cũng như nay, chỉ nói lên sự khổ và con đường diệt khổ*" (***Kinh Ví dụ con rắn, Trung bộ kinh số 22***). Con đường diệt khổ ấy thường được nhắc đến là Bát chánh đạo. Như vậy, sứ mạng của đức Phật là đem lại bức thông điệp cứu khổ cho mọi người và bức thông điệp ấy được cụ thể hóa và đơn giản hóa qua việc thực hành Bát chánh đạo. Có thể nói không quá rằng thực hành Bát chánh đạo là đã trọn vẹn thực hành lời Phật dạy. Muốn dứt khổ giải thoát luân hồi là phải thực hành Bát chánh đạo.

Không phải ngẫu nhiên đức Tổ sư Minh Đăng Quang chọn mô hình bát giác tượng trưng Bát chánh đạo làm kiến trúc kiểu mẫu cho ngôi chánh điện ở tất cả các tịnh xá thuộc Hệ phái Khất sĩ. Ngôi chánh điện là nơi quan trọng nhất của một đạo tràng, thường chiếm diện tích lớn nhất, ở vị trí trung tâm nhất, dễ thấy nhất và là nơi chư Tăng Ni và Phật tử sử dụng thường xuyên nhất trong các hoạt động tu tập của mình. Dù ở trong hay ở ngoài ngôi chánh điện, cấu trúc bát giác này luôn trong tầm mắt, thu hút sự chú ý của mọi người, và là trung tâm điểm của sự chú ý, dù rằng chư Tăng Ni vẫn tiếp xúc với ngôi chánh điện mỗi ngày. Chính vì lẽ đó, kiến trúc bát giác đặc thù của ngôi chánh điện tượng trưng Bát chánh đạo là một sự nhắc nhớ thường xuyên về sự ứng dụng Bát chánh đạo vào trong đời sống tu tập của mỗi người con Phật theo phương pháp tự kỷ ám thị tích cực. Đây là cách tác động liên tục để một phản xạ có điều kiện trở thành phản xạ vô điều kiện. Khởi đầu là sự nhắc tâm, luôn chánh niệm tỉnh giác trong nhận thức, tư duy, sử dụng lời nói, hành động, phương tiện nuôi sống, trong quá trình sử dụng nguồn năng lượng nội tâm, trong sự nghĩ nhớ và an trú tâm vào thiền định theo con đường chân chánh mà đức Phật đã dạy. Dần dần, tất cả những điều này cần thuần thục như một quán tính mà không cần dụng công nữa. Nói cách khác, với sự hiện diện của biểu tượng Bát chánh đạo là ngôi chánh điện, người sử dụng kiến trúc có mô hình đặc thù này luôn có cơ hội nhắc mình trong mọi thời khắc, trong mọi sinh hoạt thường ngày, nhằm đưa mình vào quỹ đạo sống trong giáo pháp Bát chánh đạo một cách thuần thục và tự nhiên nhất có thể.

Trong bài viết này, người viết mạo muội trình bày quan điểm cá nhân về Nguyên nhân Tổ sư khai sơn lập đạo; Mục đích rốt ráo của Khất sĩ là gì và Con đường đưa đến toàn giác không có phân thừa mà đức Tổ sư Minh Đăng Quang đã trình bày qua ba quyển Chơn lý: "Hòa bình", "Trường đạo lý" và "Đạo Phật Khất Sĩ".

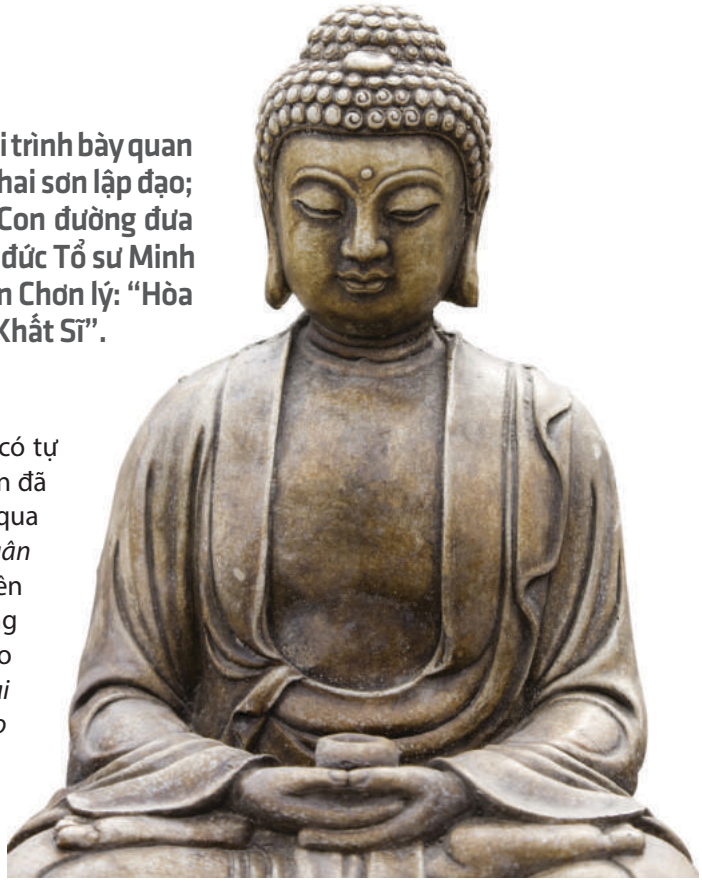

CON ĐƯỜNG ĐẾN TOÀN GIÁC KHÔNG CÓ PHÂN THỪA

NS. TÍN LIÊN

Con đường tu tập đến toàn giác vốn có tự ngàn xưa, nhưng do lớp bụi thời gian đã phủ mờ, và đức Thế Tôn đã phải trải qua thời gian dài *"lang thang trong vòng luân hồi vô lượng kiếp"* để mãi tìm người thợ làm nên ngôi nhà ngũ uẩn của chúng sanh, cuối cùng Ngài đã bật lên lời cảm thán khi vừa thành đạo dưới cội bồ-đề: *"Này kẻ làm nhà kia, nay Như Lai đã tìm gặp ngươi. Từ nay ngươi khỏi cất nhà cho Như Lai nữa. Kèo cột của ngươi đã bị ta phá tan; cây đòn dông của ngươi cũng bị ta bẻ gãy. Như Lai đã chứng quả vô sanh bất diệt, đã đoạn tận mọi ái dục".*[1] Con đường tu tập để đoạn tận vô minh và ái dục ấy chính là con đường Bát chánh đạo, Giới - Định - Tuệ, hay nói rộng ra là 37 Phẩm trợ đạo.

Con đường tu tập ấy vốn có tự ngàn xưa[2], Thế Tôn đã làm sống dậy và làm huy hoàng với hình ảnh Tăng đoàn đầy trí tuệ, trang nghiêm.

Bẵng qua thời gian hơn 2.500 năm đến thời đại của Tổ sư Minh Đăng Quang, Phật giáo Việt Nam như cái bát bể[3], chia manh mún ra tông giáo, đất nước loạn lạc chiến tranh, nhơn sanh thống khổ.

Trong *Chơn lý* "Hòa bình", Tổ sư xót xa thấy chúng sanh thời nạn khổ nên suy tư tìm phương cứu khổ. Ngài thấy rằng:

- Người đời chia rẽ từng nhóm khối xã hội gia đình, cá nhân tư kỷ, do đó mới có họa chiến tranh[4].

- Do con người sống thiếu đạo đức, mất cả lòng nhơn. Do sát sanh gây oan oan tương báo lẫn nhau. Do lòng tham lam ích kỷ sanh trộm cắp, giựt giành[5].

Phương pháp để chấm dứt chiến tranh là:

- Con người phải sống đạo đức, phải tu: *"Thế gian tất cả hiền lành / tức thời thế giới hòa bình tự nhiên"*[6].

- Con người phải không sát sanh, không trộm cắp mà hành hạnh bố thí, cúng dường:

"Đạo cứu thế muôn ngàn điều luật,
Đây hai điều phương thuật cứu tinh:
Không trộm cắp, không sát sinh,
Ấy là hai đấng thần linh hộ trì". (tr.395)
"Lòng tham làm giặc hiểm nghèo,
Hạnh tu bố thí gương treo sửa đời". (tr.397)

Tiến lên một bước rốt ráo, con người xuất gia, hành Tứ y pháp, đi trì bình khất thực, làm gương đạo đức để lập đời đạo đức, dẫn loài người đến mức an vui, không còn loạn khổ:

"Trong đời phải cần tu hai pháp/ Ăn chay và vui hạp đi xin
Luật nghiêm giới cấm giữ gìn / Muôn người hòa hiệp như in một người.

Ấy phương pháp lập đời đạo đức / Dẫn loài người đến mức yên vui.

Không còn loạn khổ chia phui / Ủ ê tang tóc ngậm ngùi đau thương!" (tr. 398)

Như vậy trong mỗi xứ muốn được bình yên là phải cần có đạo đức, trước lập đạo, sau cứu đời mới đặng. Sự lập đạo ấy là hòa hiệp, hòa hiệp là sẽ bình yên, có hòa bên trong trước, thì ngoài sẽ bình sau. Sao gọi là hòa bên trong? Tức là phải hợp tác Tăng-già, phải liên hiệp tông giáo cư gia, và phải cải tổ xã hội gia đình. Tất cả bằng giới luật Phật. Hòa bên trong bằng giới luật của Phật như vậy thì người ngoài mới quí trọng, thương yêu chúng ta. Do vậy được bình yên bên ngoài. Trong hòa thì ngoài bình.

Vậy giới luật quí báu ở đời là:

- Giới luật xuất gia (đạo làm Phật).
- Giới luật tại gia (đạo làm Trời).
- Giới luật xã hội, gia đình (đạo làm người).

Trong đời ai cũng đều giữ giới luật như thế thì lớn nói nhỏ mới nghe. Cũng như cha không uống rượu thì dạy con kiêng cữ rượu mới được...

"*Chỉ có đạo đức mới có hòa bình, bằng không có đạo đức thì chẳng có hòa bình. Nếu có hòa bình chăng nữa đó là những hòa bình tạm dối, không bền thật*".

"*Thế mới gọi đời là lẽ sống chung tu học càng nhiều thiện lành trong sạch, có giới luật của từng lớp một như nhau, là báu quý, tốt đẹp lắm. Còn ai không kỷ luật là tất nhiên phải bị tai nạn sợ sệt, vì tưởng sai, lầm hiểu. Có biết rõ như vậy, mới thấy ra võ khí sức lực của trong đời, là dùng phòng ngừa sự thất luật, cùng việc bất ngờ thôi, chớ hòa bình là ở tại nơi giới luật đạo đức, nếu ai đem chỉ ra bằng lời nói rõ rệt, là sẽ nên được việc*"[7].

Người nói đạo lý phải thật tu thì lời nói mới có kết quả, mới có trọng lượng. Người cầm cân nẩy mực cho dân phải gần dân, sát dân thì mới hiểu dân, lời nói ra của mình kêu gọi bình đẳng dân là chủ mới đúng, mới kết quả. Bằng không là sai lạc, dân không tin, không nghe.

Tóm lại, "*có Giới luật mới không còn là đám rừng hoang hỗn loạn, con người sẽ định tâm sáng trí. Thế nên: đạo Phật, đạo Trời, đạo Người là Giới luật. Tăng-già, tông giáo, xã hội, gia đình là Giới luật. Giới luật là hòa, là đạo, là quả. Kết quả giới luật là kết quả quý báu, quý báu vô cùng. Vì chúng sanh ở trong một xứ nào mà có đạo, có giới luật là mặt đất tốt đẹp, có tu học, sống chung thì đâu còn có sự ghét ganh hiềm ty, vị kỷ đối với nhau nữa. Chừng ấy tức là kẻ thiếu ăn, người thiếu sống, trong ngoài, với ai, người ta đều hiểu biết cho nhau, trao đổi cùng nhau, đâu còn ai đói chết mà không phải gọi là bình yên trong ngoài, bình yên lâu dài mãi mãi, do nhờ sự kết quả của Giới luật Phật. Với chơn lý ấy, mà thực hành đúng được thì chừng đó trong ngoài, việc lớn nhỏ, ta người, với ai, ở đâu, đều cũng thảy được hòa bình hết*"[8].

Vì tất cả lý do trên nên Tổ sư đã chủ trương cần phải thành lập "Trường đạo lý", vì Tổ sư thấy ra chơn lý của võ trụ là xin nhau sống chung không thể riêng lẻ được.

"*Chơn lý của võ trụ là sống chung: xin, cho, học, dạy. Ta là tất cả, tất cả là ta, ta sống cho tất cả, tất cả sống cho ta, tiếng ta đây là tất cả, đó tức là chơn lý võ trụ. Kẻ thật hành đúng chơn lý gọi là Khất sĩ. KHẤT: ấy là xin, SĨ: đây là*

học. Xin ấy rồi lại cho. Học đây rồi lại dạy. XIN phẩm thực, để nuôi thân giả tạm, CHO sự thiện lành phước đức, để bảo giữ sự sống dài lâu. HỌC bằng cách lượm lặt phương pháp khắp nơi, rút nhiều kinh nghiệm. DẠY là đem kết quả thật hành đặc điểm, chỉ lại cho người. Cái xin, cái học, cái dạy, cái cho, hai pháp nương sanh, mở ra một con đường xán lạn cho tất cả kẻ về sau tiến bước. Con đường ấy kêu là đạo. Đạo của sống là xin nhau sống chung, đạo của biết là học chung, đạo của linh là tu chung".

- "Đạo đây là chơn lý võ trụ của chúng sanh chung, chớ không phải tông giáo tư riêng. Kẻ sống đúng chơn lý kết quả rốt ráo giác ngộ gọi là Phật, theo tiếng thông thường cũng kêu là đạo Phật. Khất sĩ chúng tôi lập nối truyền Chánh pháp của Phật Thích-ca Mưu-ni, xuất hiện nơi xứ Việt Nam này, với mục đích cố gắng noi y gương Phật, thay Phật đền ơn và để đáp nghĩa chúng sanh trong muôn một, đang thời nạn khổ"[9].

Trường đạo lý cũng đồng nghĩa với Trường đạo đức. Trường này "*sống chung tu học mở rộng các lớp, lấy dùng chung cho tất cả đạo giáo phái*"[10]. Nơi đó mọi người cùng hành trì theo Giới - Định - Tuệ, lớp dưới 5 giới, lớp giữa 8 giới, lớp trên là bậc xuất gia từ 10 giới trở lên. Tùy cấp giữ giới, tu định và trình độ trí tuệ cao thấp mà phân thứ lớp. Trong trường học nầy mọi người bình đẳng, không phân biệt chủng tộc, màu da, giai cấp, số tuổi. Chỉ biết có sự ngăn ác, làm thiện, tu học sống với nhau cho được sáng suốt, yên lặng và trong sạch mà thôi.

Trong trường này mọi người sống y chơn lý lẽ thật là tu hành tiến lên, từ địa vị một học trò, lên một đàn anh, đến trở nên thầy giáo; sau rốt là giám đốc, Tổ sư, nghỉ việc. Có nghĩa là trong trường đạo lý hay trường học đạo đức này chúng sanh sẽ tiến hóa, bước lên, đi tới, học chung. Mục đích chỗ đến của chúng sanh là nên người thiện lành, rồi làm bậc Trời, Thánh, và sau rốt thành Phật là chỗ đến rốt ráo[11].

"Trường đạo lý được ví như một cái trái ngon thơm của 3 lớp người, đó là: người thiện lành (vỏ), Trời (thịt cơm) và Phật tại thế (hột). Trường này sẽ là hột giống. Từ hột giống này sẽ nẩy nở lan tràn ra khắp thế giới, nhơn loại, sẽ là gương mẫu thiên đường, là miếng đất mới đầu tiên trong không gian lịch sử của quả địa cầu này. Y theo đó làm bản dạng, thì vĩnh viễn chúng sanh không còn chiến tranh, không còn chết khổ vì nhau, không còn vô minh tội lỗi, phân chia cướp lợi, là bởi ai ai cũng tự giữ gìn luật răn, cấm ác, từ 5 giới sắp lên, và có được học kinh nghiệm. Noi theo đó thì trong đời chỉ dụng cái thiện, cái học, cái tu. Càng nhiều cái thiện là càng hay, còn cái ác, một mảy cũng không nên chứa để"[12].

Trường đạo lý cũng chỉ cho thân và tâm của mỗi con người. "*Mỗi thân hình người, mỗi một thế giới cũng có thể lập nên một cõi Phật, một trường đạo lý, nó phải là cái nhà sống chung tu học hòa thuận an vui của chúng ta tạm trong mỗi kiếp; nó có ích quí đối với chúng ta lắm*"[13].

Vậy, **nguyên nhân Tổ sư khai sơn lập đạo** là vì: Chiến tranh hiện tại đã khiến cho chúng sanh sống trong thống khổ. Tổ sư mong muốn chấm dứt nạn khổ chết, đem lại hòa bình cho chúng sanh bằng cách: tu hành cảm hóa giác ngộ diệt tranh; đem Chánh pháp của Phật đi vào cuộc đời. Chúng sanh nhơn loại nếu sống theo giới luật của Phật sẽ sống với nhau hòa bình, dứt chiến tranh, không còn khổ[14].

Bên cạnh đó, đạo Phật ở Việt Nam lúc bấy giờ "như cái bát bể", phân chia tông phái, người tu chơn chánh hiếm hoi, người không chơn chánh đi sai lệch đường lối cổ xưa của Phật. Cho nên, nhằm phục hồi chấn chỉnh như Phật Tăng xưa, Tổ sư giương cao ngọn cờ "Nối truyền Thích-ca Chánh pháp, Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam" để làm duyên cho chứng đắc đạo và quả, tự giác - giác tha, tự lợi - lợi tha.

Ta có thể tóm lại, **mục đích của Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam** là:

- Nâng cao đời sống tu tập với mục đích đạt đến rốt ráo giải thoát. Không dừng lại, bằng lòng ở phước báu hữu lậu của cảnh giới nhơn, thiên. Noi y theo gương Phật, Chánh pháp của Phật, hành Tứ y pháp, tu tập Giới-Định-Tuệ để đạt sự giác ngộ giải thoát khỏi sanh tử luân hồi.

- Sau đó đem sự giác ngộ ấy dạy lại cho chúng sanh, thay Phật để đền ơn đáp nghĩa cho chúng sanh trong muôn một đang thời nạn khổ[15].

Và **con đường tu tập ấy không có phân thừa**, không phải là đạo Phật gì cả, chỉ là danh xưng tạm để hiển lộ chơn lý. Con đường ấy cho tất cả chúng sanh chung, không phân biệt tôn giáo, sắc tộc, màu da, đẳng cấp xã hội, không có phân thừa.

"Khất sĩ là danh từ chơn lý của tất cả chúng sanh, là sống xin, để cho được biết linh tu học, chớ không vì tư kỷ. Khất sĩ mặc dầu đang mang hình thức đạo Phật, nhưng Khất sĩ cũng cố sức để hiểu rằng: Phật là giác chơn, là cái biết thật tự nhiên, là nghĩa lý của tiếng Phật, mục đích của cái biết nơi mình, chớ không phải mê tín mờ quáng, mà tự trói mình trong chữ Phật, tiếng đạo, hay tông giáo riêng biệt! Nghĩa là, Khất sĩ là đang học pháp Phật, mà cũng như là đang học với các giáo lý khác, học chung với các pháp trong vũ trụ, tách mình xa với tất cả sự trói buộc, mực giữa không không, không dính nhập vào riêng với ai hết!". Bởi lẽ Khất sĩ là đang tập tu tìm học, lẽ phải nào, sự ích lợi nào, đời đạo cái chi tốt đẹp là Khất sĩ sẽ về theo tu học. Quyến thuộc của Khất sĩ may ra tạm có, ấy là những ai đã nhận ra và thật hành đúng chơn lý Khất sĩ như nhau, chớ ngoài ra, tất cả chúng sanh là bạn chung, đang sống chung tu học. Khất sĩ như của tất cả, tất cả cũng là như của Khất sĩ; Khất sĩ như lòng vũ trụ, trong đó bao bọc chung những chúng sanh các pháp và vạn vật. Giáo lý Khất sĩ là con đường sáng của nhựt nguyệt tinh quang, là ánh sáng để chỉ rõ con đường trong sạch giải thoát, là hạnh phúc quý báu của sự sống chung tu học, yên vui, tiến hóa, là cảnh sáng giữa ban ngày; cũng là con mắt mở sáng tỏ rõ phân biệt, hay là con đường trung đạo chánh đẳng chánh giác vô thượng, là con đường tạm đi đến nơi chơn thật.

Khất sĩ là con đường tạm đi đến nơi chơn thật!

Kìa đoàn Du Tăng Khất Sĩ là con đường tạm hiện tại, để đi đến nơi chơn thật"[16].

Con đường tu tập ấy không có phân thừa, không phải là đạo Phật gì cả. Chỉ là danh xưng tạm để hiển lộ chơn lý. Con đường ấy cho tất cả chúng sanh chung, không phân biệt tôn giáo, sắc tộc, màu da, đẳng cấp xã hội, không có phân thừa.

Ghi chú:

1 Kinh Pháp cú, 153-154.
2 Tương ưng bộ kinh, kinh Thành cổ.
3 CL. Hòa bình II, tr.374.
4 CL. Hòa bình I, tr.367.
5 CL. Hòa bình VII, tr.395- 397.
6 CL. Hòa bình VII, tr.395, 397, 398.
7 CL. Hòa bình V.
8 CL. Hòa bình IV, tr.383.
9 CL. Hòa bình I, tr.368.
10 CL. Trường đạo lý, tr.23.
11 CL. Trường đạo lý, tr.16- 20.
12 CL. Trường đạo lý, tr.24.
13 CL. Trường đạo lý, tr.25.
14 CL. Hòa bình VII, tr. 398.
16 CL. Đạo Phật Khất Sĩ, tr. 880- 881.

DIỆU LÝ CỦA CHƯ PHẬT VÀ TỰ TÂM TỰ ĐỘ

ÂN SƠN - TUỆ LIÊN & HẢI LIÊN *chuyển ngữ*

Đại sư Huệ Năng là Tổ thứ sáu của Thiền tông, vốn là một tiều phu nơi vùng đất hoang dã tại Lĩnh Nam. Một hôm, lúc Ngài đang bán củi trong chợ, ngẫu nhiên nghe một vị cư sĩ trì tụng *Kinh Kim Cang*, không ngờ người cực khổ một chữ cũng không biết như Ngài khi nghe được câu "*Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*" (Nên phát khởi tâm không dính mắc vào đâu cả) mà lại hoát nhiên khai ngộ! Thế là dưới sự chỉ điểm và giúp đỡ của vị cư sĩ thiện tâm này, Ngài từ biệt quê nhà, đi lên Hồ Bắc để cầu pháp với ngài Hoàng Mai.

"Bồ-đề bổn vô thọ,
Minh cảnh diệc phi đài,
Bổn lai vô nhất vật,
Hà xứ nhá trần ai"
(Bồ-đề vốn không cây,
Gương sáng cũng không đài,
Xưa nay không có vật,
Cớ sao vướng bụi trần).

Tại chùa Đông Sơn núi Song Phụng ở Hoàng Mai Hồ Bắc (nay là chùa Ngũ Tổ), ngài Huệ Năng nhờ bài kệ này mà lọt vào được đôi mắt sáng suốt của Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn. Ngũ Tổ đã đem y bát của Thiền tông truyền cho Ngài. Y bát mà ngài Huệ Năng nhận được không đơn thuần chỉ là chiếc áo ca-sa do Tổ sư Đạt-ma mang từ Ấn Độ đến, mà là cả một tòa giang sơn và là một trái phá! Tuy chiếc ca-sa này, các Tổ sư đời đời truyền lại cho nhau chỉ là một tín vật, cũng không phải là bản thân của Phật pháp, nhưng có nó mới có thể chứng minh quý vị và Tổ sư các đời dùng tâm ấn tâm, và cùng thở một hơi thở với đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Mọi người chính là Tổ, chính là Phật! Nhưng rất nhiều đồ đệ vì danh lợi nên không hiểu rõ đạo lý lấy tâm truyền tâm, tâm có sự sắc sảo của nó, mà cho rằng có được ca-sa là trở thành Tổ sư, nên luôn nghĩ mưu tính kế để cướp đoạt. Vì thế, y bát tương truyền xưa nay như nghìn cân treo sợi tóc! Huống hồ ngài Huệ Năng là một tiều phu xuất thân từ Nam man, một chữ cũng không biết, ngay cả điều tối thiểu là xuống tóc thì Ngài cũng chưa xuống - chưa xuất gia, lại được truyền y bát của Thiền tông, người trong thiên hạ có ai mà phục cho được?!

Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn nói: *"Ngay trong đêm nay ngươi nên đi nhanh đi, sợ e có kẻ sẽ hại ngươi!"*

Đại sư Hoằng Nhẫn lo lắng đồ đệ không quen đường đi, đích thân đưa Ngài xuống núi. Trong đêm tối tịch mịch, hai thầy trò họ đi như bay, đi mãi cho đến bên bờ Trường Giang.

Sao rơi trên đồng rộng, trăng lên trên dòng sông. Ánh trăng mờ bao trùm xuống dòng Trường Giang càng làm cho dòng sông thêm rộng lớn, mạch nước ngầm sôi động, sóng nước cuộn trào, tất cả là một vùng thần bí mênh mang. Đại sư Ngũ Tổ dẫn Huệ Năng đến bờ sông. Bến đò này ban ngày náo nhiệt, người qua

lại rộn ràng nhộn nhịp, bây giờ vắng lạnh đón tiếp hai Thầy trò họ, chỉ có tiếng sóng vỗ vào bờ đê.

Tiếng sóng lớn ì ầm vọng trong đêm thâu làm cho cảnh vật thêm yên tĩnh, sông vắng không người tự chèo thuyền qua sông. Hai Thầy trò vội vàng nhảy lên một chiếc thuyền con. Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn vừa đến cầm cây chèo thuyền, Huệ Năng liền nói: *"Sư phụ! Xin Ngài ngồi yên, để con chèo thuyền"*.

Đại sư Hoằng Nhẫn nói một lời mà nhắm đến hai việc: *"Ta là Thầy, nên phải do Ta chèo thuyền đưa con đến bờ kia!"*

Huệ Năng hiểu ý, cười nói: *"Lúc đệ tử còn mê, phải nhờ Thầy độ, nay con đã ngộ rồi phải tự độ mình thôi"*.

Đại sư Hoằng Nhẫn gật đầu lia lịa: *"Hay lắm! Hay lắm! Phiền não của mình tự mình đoạn trừ, sanh tử của mình tự mình giải thoát. Tham thiền tu đạo, bất cứ ai cũng không thể thay thế được. Sư phụ chỉ có thể là người chỉ rõ phương hướng ở phía trước. Phải chăng có thể đạt đến sự không còn sanh diệt của bờ bên kia, chỉ có thể dựa vào sự tự độ của mỗi cá nhân. Sau này, Thiền tông phát triển rực rỡ là nhờ vào con"*.

Sóng lớn cuồn cuộn như mây trời, vầng trăng sáng trong veo như chiếc thuyền, chiếc thuyền nhỏ lao vun vút như tên bắn sang bờ bên kia - Giang Châu*.

Sau khi đắc pháp với Ngũ Tổ, ngài Huệ Năng được Sư phụ dặn dò không nên gấp gáp công khai thuyết pháp. Đợi cơ duyên chín muồi rồi mới hoằng pháp. Vì thế, ngài Huệ Năng từ Hoàng Mai trở về thôn Tào Hầu ở Thiền Châu mai danh ẩn tích. Ở đó có một vị Nho sĩ tên Lưu Chí Lược đối đãi với Ngài rất nồng hậu. Tuy Lưu Chí Lược theo nghiệp Nho nhưng gia đình của ông lại có duyên với nhà Phật.

Cô của ông xuất gia là một Ni sư sống ở chùa Sơn Giản gần thôn Tào Hầu, pháp hiệu là "Vô Tận Tạng". Ni sư Vô Tận Tạng lấy việc trì tụng *Kinh Niết Bàn* làm khóa tu hàng ngày. Cho nên, lúc ngài Huệ Năng và Lưu Chí Lược đến thăm viếng, Ni sư đang tụng *Kinh Niết Bàn*, tự nhiên cũng nói đến *Kinh Niết Bàn*. Ni sư Vô Tận Tạng cười rạng rỡ, khiêm cung thưa với ngài Huệ Năng: *"Nghe cháu tôi nói, đối với Phật pháp Ngài nghiên cứu rất sâu. Kinh Niết Bàn này bần Ni tuy đã trì tụng nhiều năm nhưng vẫn còn có nhiều chỗ chưa hiểu rõ lắm, xin Ngài chỉ điểm chỗ mê mờ"*.

Vừa nói, Ni sư vừa lấy cuốn kinh dày đưa cho ngài Huệ Năng. Ngài Huệ Năng xua tay nói: *"Hổ thẹn, hổ thẹn! Từ trước đến nay tôi chưa từng đi học. Cho nên, không biết chữ, càng không thể đọc kinh. Nhưng nếu Ni sư đọc lời kinh ra, có lẽ tôi có thể giải đáp ý nghĩa trong đó cho Ni sư"*.

Nụ cười rạng rỡ trên khuôn mặt Ni sư Vô Tận Tạng trong nháy mắt đã biến mất và chuyển thành mây đen u ám. Ni sư thu lại tầm mắt, với giọng điệu hơi trách móc và nói: *"Phật cấm nói láo. Cho nên, người học Phật thành thật là điều đầu tiên. Ông ngay chữ cũng không biết, làm sao có thể giải thích đạo lý thâm sâu ở trong kinh văn được?"*

"Chân lý của Phật pháp và văn tự không liên quan gì với nhau!"

Ngài Huệ Năng đúng là người chưa nói cho người ta kinh sợ thì chưa thôi! Lưu Chí Lược và Ni sư Vô Tận Tạng đều bị câu nói này của Ngài làm cho kinh hoàng: Cái gì? Phật pháp thần kỳ, huyền diệu và văn tự không có liên quan gì? Vậy thì, còn cần thiên kinh vạn quyển này làm gì nữa? Người xưa thập tử nhất sinh đến Tây Thiên thỉnh kinh, chẳng phải để mang về những quyển kinh sách hay sao?

Hai người đang nhìn ngài Huệ Năng chăm chăm giống như đang nhìn thấy quái vật. Ngài Huệ Năng lại không hiểu gì cả hít hít lỗ mũi, vừa tìm kiếm khắp nơi, vừa hỏi rằng: *"Hương hoa từ đâu đến vậy?"*

Ngài Huệ Năng này không chỉ là một người "có mắt như mù" mà còn giống người mù thật, ngay cả loài hoa rừng Thấu Lan Mạn Ni sư Vô Tận Tạng cúng trên bàn thờ Phật cũng nhìn không thấy. Ni sư Vô Tận Tạng đưa tay chỉ bình hoa cúng trên bàn thờ và nói: *"Ô! Bần Ni mỗi sáng sớm đều hái hoa dại cúng Phật. Hương hoa thoang thoảng trong phòng chính là mùi hương chúng toả ra".*

Huệ Năng lại nghiêng tai, lắng nghe gì đó: "Có người đang đánh đàn ở đâu đó?"

Lưu Chí Lược nói: *"Ngôi chùa này sở dĩ được gọi là chùa Sơn Giản, chính vì bên trái có một khe suối, nước suối róc rách giống như tiếng đàn. Xem kìa, chính là bên kia"*. Lưu Chí Lược chỉ tay ra phía ngoài chùa.

Ánh mắt của ngài Huệ Năng không nhìn theo hướng tay anh ta chỉ mà chăm chú đếm đầu ngón tay của anh ta. Lưu Chí Lược vừa giận vừa buồn cười, nói: *"Huệ Năng! Ông vốn là người rất sắc sảo thông minh. Hôm nay bị làm sao vậy? Ông nhìn ngón tay tôi làm gì? Ngón tay không phải là nước suối, cũng không phát ra âm thanh!"*

Lúc này Huệ Năng mới cười lớn, nói: *"Các ngươi thấy không, chân đế của Phật pháp cũng giống như hương hoa đẹp đẽ thơm tho, cũng giống như tiếng động của nước chảy. Nhưng văn tự, chỉ giống như ngón tay của các ngươi chỉ cho ta xem. Ngón tay có thể chỉ ra chỗ hương hoa và nước chảy đang có mặt, nhưng bản thân ngón tay của các ngươi hoàn toàn không phải là mùi hương của hoa dại, cũng không phải là tiếng nước chảy. Vì thế, nhìn một đoá hoa đẹp, nghe tiếng nước suối chảy hoàn toàn không nhất định phải thông qua ngón tay chỉ".*

Cuối cùng, Huệ Năng tổng kết lại rằng: *"Diệu lý của chư Phật, không liên quan đến văn tự. Cho nên, không thể chấp trước đối với kinh văn"*.

Từ đó, Ni sư Vô Tận Tạng rất kính phục ngài Huệ Năng và đã lễ bái sát đất. Ni sư khen ngợi ngài Huệ Năng với dân chúng trong thôn rằng: *"Ngài thiên cơ tự ngộ, không có Thầy mà tự thông hiểu, người thường không thể theo kịp, là bậc đại Bồ-tát tái thế".*

Vì thế, dân chúng trong thôn Tào Hầu dưới sự lãnh đạo của bậc đại thiện Tào Thúc Lương, lễ thỉnh ngài Huệ Năng vào trú trong chùa cổ Bảo Lâm rất nổi tiếng ở vùng đó.

---

* *Nay là Cửu Giang.*

NANH VUỐT CỦA VÔ MINH

THƯỜNG HUYỄN *(chuyển ngữ)*

(Nguyên bản: The Fangs of Unawareness của Thiền sư Maha Boowa Ñanasampanno, Thượng tọa Thanissaro dịch từ tiếng Thái sang tiếng Anh).

Trạng thái tâm đang có mặt của vô minh là một trạng thái rất đẹp, cả gan và táo bạo - không chỉ tỏa sáng mà còn cả gan, táo bạo, và khinh suất bởi sự táo bạo của nó nữa, nó cho rằng nó rất thông minh. Nó không phải khinh suất một cách thường tình. Nó khinh suất theo đúng với bản tính trạng thái tâm thuộc loại này. Đây còn gọi là chín hình thức *mana*, còn gọi là *ngã mạn*. Chín hình thức của tâm ngã mạn nằm ngay đây. Đức Phật giải thích điều này trong *Năm thượng phần kiết sử* (*sanyojana*) bao gồm *sắc ái, vô sắc ái, mạn, trạo cử* và *vô minh*. *Mạn* có nghĩa là làm ra vẻ. Làm ra vẻ là trạng thái tâm kết hợp làm một với *vô minh* quan niệm rằng tự ngã của tôi, đó là "*tôi*", là "*của tôi*" và rồi đi so sánh: "*Những người kia như thế nào? Hay những người này ra sao? Phải chăng tâm của họ ngang hàng với tôi? Cao hơn tôi? Thấp hơn tôi?*" Đấy là nguyên nhân tại sao có đến chín loại *mạn*. Ví dụ, tâm chúng ta thấp hơn tâm của họ và chúng ta làm ra vẻ thấp hơn họ, cao hơn họ hay ngang hàng. Tâm chúng ta ngang hàng với họ và chúng ta làm ra vẻ thấp hơn họ, cao hơn họ hay ngang bằng với họ. Tâm chúng ta cao hơn họ, và chúng ta làm ra vẻ thấp hơn họ, cao hơn họ hay ngang bằng họ...

Phiền não ở mức độ tinh tế lấy trạng thái tâm này ra so sánh, bởi vì trong phương diện này nó có những chiếc nanh độc. Những nanh độc của nó rất cứng và bén. Đó là những nanh độc của *vô minh*: Chúng còn được gọi là *mạn*, hay *quá mạn*. Một khi trạng thái này bị đoạn diệt, lấy cái gì để làm ra vẻ nữa? Lấy cái gì để tỏa sáng nữa? Để làm ô uế? Để táo bạo hay liều lĩnh? Để sợ hãi? Không còn gì nữa cả, một khi bản chất đó đoạn diệt ngang qua sức mạnh của trí tuệ.

Những điều này, bạn đã biết, là những hiện tượng tạo ra những vấn đề tương hợp với cấp độ của chúng. Cấp độ của chúng là tinh tế nên chúng sắp xếp tạo ra những vấn đề tinh tế. Khi phiền não đoạn tận, không còn gì để tạo ra vấn đề nữa cả. Không có bất cứ vấn đề gì nữa ở mọi góc độ, không có bất cứ điều kiện gì cho

thực tại quy ước tạo thêm những mối liên hệ xa rộng hơn. Tất cả chỉ còn lưu lại một sự thanh tịnh tuyệt đối, đó là nguyên nhân tại sao nói không còn vấn đề gì nữa cả.

Sự thanh tịnh tuyệt đối là điều kiện cho cái gì? Vấn đề gì nó tạo ra? Đức Phật dạy rằng chúng ta chạy theo những vấn đề. Đấy là chỗ họ đuổi theo. Tuy nhiên có nhiều cấp độ của *thủ*, *hữu* và *sanh* có thể khởi lên trong tâm, nó nhận biết chúng từng bước một cho đến khi nó đạt đến điểm hội tụ, rồi để lại những hạt giống của những điều này từ đó cấy trồng ở đây ở kia như được gọi là *sanh*. Vì vậy, chúng ta đốt cháy chúng với *tapas (khổ hạnh)*, ngọn lửa của sự tinh tấn, cho đến khi chúng hoàn toàn bị đoạn diệt. Thế lúc bấy giờ cấp độ *thủ*, *hữu* và *sanh* nào nối kết xa hơn? *Chúng ta phải hỏi ai*? Nếu đức Phật đang ngồi trước chúng ta, chúng ta cũng sẽ không hỏi Ngài, bởi vì chân lý đối với chúng ta cũng như đối với Ngài. Không có gì khác nhau để cho chúng ta phải hỏi. Đấy là lý do tại sao giáo pháp được gọi là *sanditthiko (thiết thực hiện tại)*: Chúng ta nhận biết điều đó và tự mình thấy rõ nó. *Paccattam veditabbo viññuhi (chỉ bậc trí mới có thể biết được)*: Những người nhận biết nó, đó là chỉ chính tự thân họ biết điều đó. Có nghĩa là chỉ những người có thực tập mới biết được điều đó. Nó không thể nào dành sẵn cho bất cứ ai khác.

Đây là những gì mà đức Phật gọi *brahmacariyam vusitam (phạm hạnh thành mãn)*: Công việc kết thúc. Các công việc làm rung chuyển trái đất đã được hoàn tất - rung chuyển trái đất bởi vì *thủ*, *hữu* và *sanh* hình thành tự thân họ với đất, nước, gió và lửa; hay bởi vì cấp độ nào của *thủ*, *hữu* và *sanh* là một vấn đề của quy ước thì giờ đã bị lật đổ nhào. Đấy là tại sao chúng ta nói rung chuyển trái đất. Vậy điều gì đang chuyển dời không trú lại trong tâm nữa?

Bây giờ chúng ta có thể quan sát phiền não. Một khi chúng ta đã diệt sạch phiền não trong tâm, thì làm sao phiền não có thể lẩn trốn chúng ta được khi tự thân chúng hiển thị nơi tâm hay hành động ở những người khác? Tâm này không thể giúp nhưng có thể nhận biết nó mọi lúc. Như chúng bảo, phiền não thường điều khiển chúng ta hoàn toàn mà chúng ta không hề hay biết, vậy đức Phật và các bậc A-la-hán có thể có bất kỳ rắc rối gì trong việc nhận biết chăng? Họ nhận diện ngay trong chớp mắt và đã cảm thấy nhàm gớm rồi. Những vị nhận biết và nhận biết đến trình độ chán ghét: Họ tuyên bố gì về điều ấy? Đối với chúng ta, chúng ta hoàn toàn mù mờ và sống trong sự mù lòa ấy. Chúng ta không nhận biết những việc của riêng mình hay của bất cứ ai khác. Không bên nào biết cả nhưng mỗi bên đều tự nghĩ rằng nó nhận biết, nó biết, nó đúng và vì vậy cả hai tranh cãi với nhau, cắn nhau như bầy chó, bởi vì con mắt bên trong của họ không thấy. Họ không có con mắt tuệ giống như đức Phật và chư Thánh đệ tử. Đấy là cách phiền não luôn song hành: Nó cho rằng nó đúng và tự đề cao nó. Càng thấp kém, nó càng tự cho nó tốt. Đấy là tính cách của phiền não. Từ xưa đến giờ, nó chưa bao giờ phục tùng chân lý của giáo pháp.

Chính vì vậy, chúng ta thực tập để dập tắt những phiền não này. Đừng để chúng nấn ná lại trong tâm. Nghiền nát chúng cho đến khi chúng hoàn toàn vỡ nát, rã rời và rồi bạn có thể sống trong thanh thản: tâm hoàn toàn mở ra và lúc này một hồ tâm trong suốt, không còn một nghi hoặc vẩn vơ qua. Nếu so sánh với thực tại quy ước, đó là một không gian bên ngoài tâm nhưng đó cũng chỉ là một cách nói mà thôi.

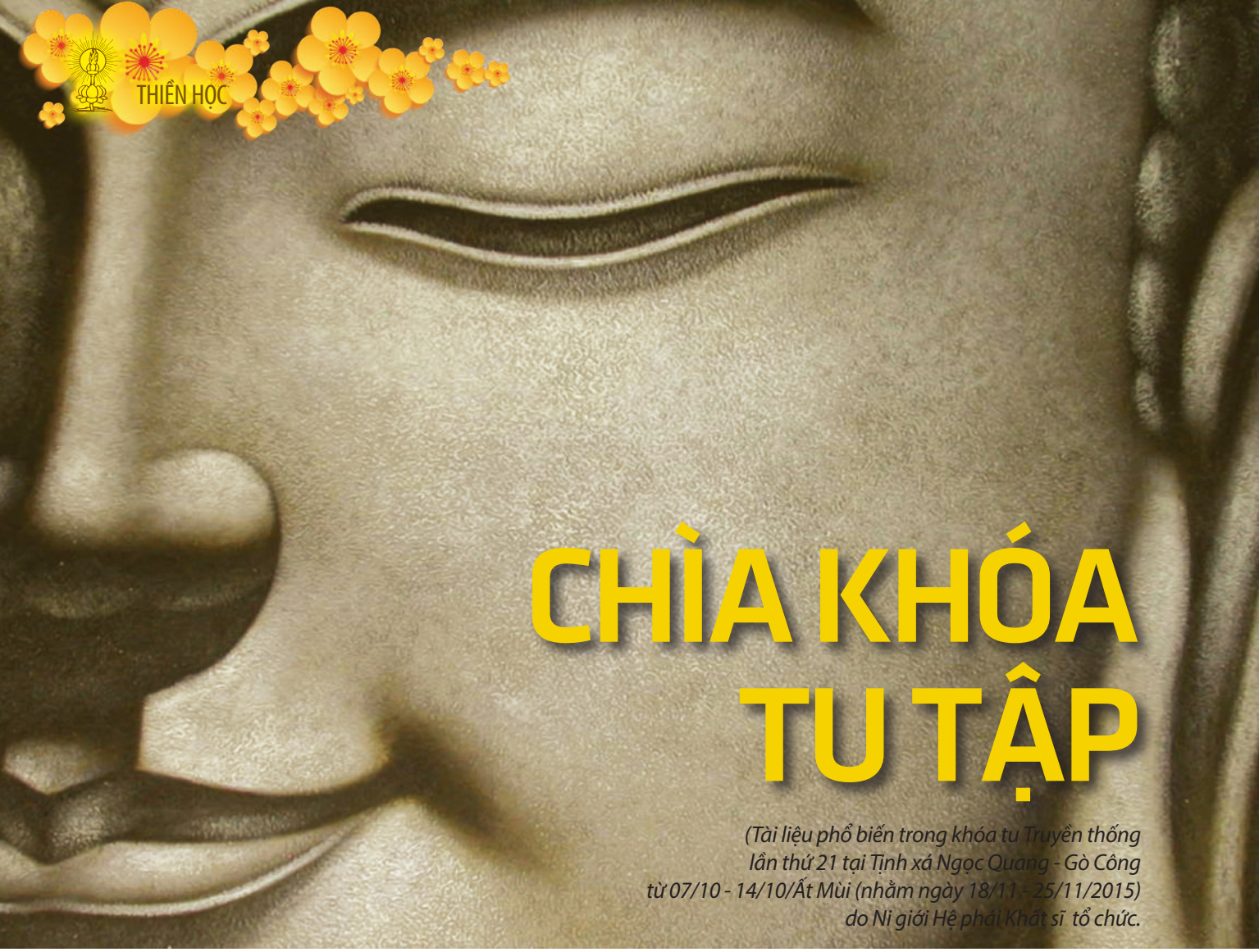

CHÌA KHÓA TU TẬP

(Tài liệu phổ biến trong khóa tu Truyền thống lần thứ 21 tại Tịnh xá Ngọc Quang - Gò Công từ 07/10 - 14/10/Ất Mùi (nhằm ngày 18/11 - 25/11/2015) do Ni giới Hệ phái Khất sĩ tổ chức.

NT. KHIÊM LIÊN

I. Bàn về vai trò quyết định của công năng "Kiến tánh và phương pháp Tri vọng" trên lộ trình tu tập

Tu là một khái niệm có nội dung và ý nghĩa rất rộng, bao gồm cả hai lĩnh vực thân và tâm, đời và đạo.

Từ việc rèn tâm luyện chí đến việc trau dồi tư cách, chỉnh đốn tác phong, sửa đổi oai nghi, trang nghiêm giới tướng... tất cả đều được gọi là tu cả.

Tuy nhiên, trong tám vạn bốn ngàn trần lao có một điểm then chốt nhất mà người tu (hành giả) nếu nắm được, nhận thức được thì việc tu tập sẽ trở nên đơn giản, nhẹ nhàng, không phải gắng sức, khổ công, tiêu hao năng lượng. Ví như người đi tìm kho báu mà trong tay có sẵn bản đồ và chìa khóa kho thì niềm tin sẽ được kiên định, mỗi bước chân là mỗi thâu ngắn hành trình, hành giả sẽ thấy phấn chấn tinh thần, gia tăng nỗ lực, tiến đồ mỗi ngày một xán lạn, không đợi đến đích mà hỷ lạc có mặt ngay trên lộ trình, dầu gặp phải bao chướng ngại hành giả không bao giờ thối thất Bồ-đề tâm.

Giác ngộ, giải thoát là mục tiêu tối hậu của người tu, cũng như kho báu là mục đích duy nhất của người đi tìm châu báu, muốn đạt được mục đích hành giả phải hội đủ những điều kiện sau đây:

Tự tin, Quyết chí và Nỗ lực

Người tu muốn đạt được đạo quả giác ngộ, trước tiên phải tin chắc rằng mình vốn sẵn có hạt nhân giác ngộ. Tiếp theo niềm tin là quyết chí tạo thắng duyên cho hạt giác ấy có điều kiện nảy mầm, lên cây, cuối cùng nỗ lực xới đất gieo hạt, bảo vệ hạt giống, và đến khi hạt đã thành cây, người tu vẫn phải chuyên cần vun phân, tưới nước, giữ gìn, phòng tránh sâu rầy cho cây từ non dại đến lớn già, đủ thời gian cần thiết để đơm hoa, kết quả.

Như vậy, điều kiện quyết định đối với người tu là phải tin chắc vào Phật tánh sẵn có của chính mình. Phật dạy: "*Nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh*" (tất cả chúng sanh đều có giác tánh).

1. Vấn đề Kiến tánh (thấy tánh)

Phật là dịch âm của chữ *Buddha* của Ấn Độ, người Trung Hoa dịch là Giác, Việt Nam ta dịch là Biết. Giác tánh là tánh biết.

Giác tánh này sẵn có ở trong mỗi chúng sanh như Phật đã khẳng định. Ở trong chúng sanh, giác tánh này chỉ mới là hạt mầm nhỏ bé. Tuy nhỏ bé nhưng là hạt chắc, hạt khô, hạt bất hoại, mang sẵn tiềm năng phát triển đến vô biên, tương lai sẽ trở thành cây giác, cho ra những quả giác thơm ngon, là nguồn thực phẩm bổ dưỡng và thiết yếu, nuôi thân và tâm linh của người tu.

Kinh Bát Nhã diễn tả giác tánh này bằng hàng loạt danh từ phủ định, hùng tráng như: "*Bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm... vô khổ, tập, diệt, đạo v.v...*"

Giác tánh này còn có những cái tên mang giá trị tuyệt đối và vô cùng biểu cảm như: "*Bản thể chơn như, bản lai diện mục, bản tâm thanh tịnh, bản giác viên mãn, tự tánh Niết Bàn, chơn tánh, pháp thân, chủ nhân ông...*"

Lục Tổ Huệ Năng khi nhận ra giác tánh này, Ngài ngạc nhiên nói lớn: "*Chẳng ngờ tánh mình vốn sẵn thanh tịnh, chẳng ngờ tánh mình vốn sẵn đủ cả, chẳng ngờ tánh mình vốn không động lay, chẳng ngờ tánh mình hay sanh muôn pháp*".

Người tu, khi nhận biết giác tánh của chính mình rồi (trong nhà Thiền gọi là KIẾN TÁNH) như người đi tìm kho báu có được bản đồ trong tay và có luôn cả chìa khóa để mở kho báu ấy. Hòa thượng Thanh Từ nói:

"*Kiến tánh khởi tu, dụng công ít mà kết quả nhiều. Chưa kiến tánh mà tu, dụng công nhiều mà kết quả rất ít*".

Bởi vì, chưa kiến tánh mà tu, có khác nào người đi tìm kho báu mà không có bản đồ, không biết chính xác địa điểm của kho báu thì khả năng đi lạc là rất có thể. Và dầu cho có hao tốn rất nhiều tâm lực để đến được bảo sở nhưng không có chìa khóa thì cũng không thể nào mở kho hầu sở hữu bảo vật, chỉ đứng ngoài nhịn thèm.

Thế cho nên, kiến tánh là chìa khóa để người tu mở kho tàng Tuệ giác. Biết chắc chắn rằng hiện tại mình đã có sẵn hạt giác mới dám kỳ vọng quả giác ở ngày mai, không phải mơ mộng hão huyền. Từ cơ sở này, hành giả đủ niềm tin, nỗ lực phấn đấu thực hành Bát chánh đạo để đạt cho được mục đích mà mình đã thiết tha mong mỏi, theo đuổi suốt cả cuộc đời.

Tuy nói phấn đấu nhưng không phải nhọc nhằn, gắng gượng, bởi vì, tất cả việc làm hữu vi là của Ngũ uẩn, do sự điều động của Hành uẩn. Hòa thượng Thiện Hoa nói: "*Bồ-tát mượn huyễn thân, tu huyễn pháp môn, độ huyễn hữu tình, chứng huyễn Thánh quả*" (*Phật học Phổ thông*).

Giáo lý Tứ diệu đế mà Đức Phật đã khám phá ra rất thực tế, vén mở cho ta bốn sự thật vĩnh cửu của cuộc sống. Đạo đế (Bát chánh đạo) được thiết lập trên nền tảng khoa học, hoàn toàn không có bóng dáng của ảo tưởng, hoang đường.

2. Phương pháp thiền TRI VỌNG

VỌNG đối lập với CHƠN, là cái được kết hợp bởi nhiều bộ phận riêng lẻ, không có thực thể, không có tự tính, không có cốt lõi.

Về mặt thân, gọi là Giả (huyễn thân), về mặt tâm gọi là Vọng (vọng tưởng).

Đứng từ góc độ CHƠN mà nhìn thì thân chúng ta đây là huyễn hóa, là sự vay mượn từ bên ngoài, là sự tập hợp của nhiều yếu tố. Trong *Kinh Vô ngã tướng*, Đức Phật phân tích rất chi ly, chỉ dạy rất tường tận về thân con người. *(Xin đọc kinh Vô ngã tướng* do Minh Đức Triều Tâm Ảnh *dịch)*.

Đức Phật chia thân này ra làm 2 phần: Phần vật chất và phần tinh thần. Phần vật chất Phật gọi là SẮC, phần tinh thần Phật gọi là DANH.

Phần vật chất (SẮC), Đức Phật chia thành 4 loại:

- Đất : Loại cứng, mềm.
- Nước : Loại lỏng, ướt.
- Lửa : Loại nóng, lạnh.
- Gió : Loại chuyển động, không khí.

Bốn loại vật chất này được gọi chung là SẮC UẨN.

Phần tinh thần (DANH), Đức Phật cũng chia thành 4 nhóm:

- Nhóm Cảm thọ (Thọ uẩn)
- Nhóm Tư tưởng (Tưởng uẩn)
- Nhóm Tâm hành (Hành uẩn)
- Nhóm Nhận thức (Thức uẩn)

Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức: Ngũ uẩn (5 nhóm).

Phần vật chất, đầu tiên hình thành thai nhi do từ tinh huyết của cha mẹ. Khi ra khỏi bào thai, hài nhi được nuôi lớn bằng vật ăn, thức uống và môi trường thiên nhiên (khí hậu).

Phần tinh thần, những hiểu biết, những kiến thức có được là do học hỏi nơi cha mẹ, thầy giáo, bạn bè và môi trường xã hội. Người lanh lợi, siêng năng thì thu gom được nhiều. Cho nên, hiểu rộng, biết xa. Người chậm chạp, biếng lười thì thu nhặt ít ỏi, do đó sự hiểu biết cũng cạn cợt, thua sút bạn bè. Nhưng chung quy đều là của vay mượn, không phải tự mình có. Thiền sư nói: "*Tùng môn đắc nhập phi thị gia trân*" (của cải từ ngoài cổng vào là không phải của báu nhà mình). Mà phàm cái gì vay mượn, cái đó phải trả, không thể chiếm dụng luôn được. Đây là sự thật tột cùng của cuộc sống mà đệ tử của Đấng Toàn Giác phải liễu tri.

Vọng tưởng rõ nét nhất là lúc hành thiền, hành giả đang chánh niệm trên đề mục, nhưng vọng tưởng cứ phát khởi lên, nhớ lại những chuyện đã qua; chẳng hạn như hôm qua có người đã khen ngợi mình hoặc xúc phạm mình, hiện tại chuyện ấy không còn nữa, hoàn toàn không có thật, không có con người thật (sắc trần), không có lời nói thật (thinh trần) mà chỉ là bóng dáng của sắc, của thinh. Bản chất của sắc tướng, âm thinh đã là không thật, đã là duyên hợp (tục đế), huống nữa là bóng dáng của thinh, sắc ấy. Vậy mà, vì vô minh không biết minh sát trên sự thật ấy, còn để cho bóng dáng của giả, huyễn khống chế, điều động... Nhớ lại những lời khen hôm qua mà thấy thích thú là tham tâm hoạt động, nhớ lại lời chê hôm qua mà cảm thấy bực bội là sân tâm hoạt động, lại còn để cho tham, sân lôi kéo tâm mình ra khỏi đề mục, thất bại thời công phu. Duy thức học gọi vọng tưởng này là "*lạc tạ ảnh tử*", tức là bóng dáng của sáu trần rơi rớt trong tàng thức của mình. Tất cả vọng tưởng, bóng dáng của lục trần này có cái tên chung là "pháp trần".

Có người nhận lầm tàng thức này là Như Lai tàng. Như Lai tàng là pháp thân, là bản giác bất sanh bất diệt, còn tàng thức là kho chứa pháp trần (*lạc tạ ảnh tử*). Tàng thức thuộc phạm trù Tục đế, Như Lai tàng thuộc phạm trù Chơn đế. Học sinh của các trường Trung cấp Phật học đều nắm vững môn Duy thức học và vai trò, vị trí của tàng thức này. Khi tu tập đã chứng đắc thì thức chuyển thành trí. Tiền ngũ thức: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, chuyển thành "Thành sở tác trí". Ý thức (thức thứ sáu) chuyển thành "Diệu quán sát trí". Mạt-na thức (thức thứ bảy) chuyển thành "Bình đẳng tánh trí", còn Tàng thức (A-lại-da) chuyển thành "Đại viên cảnh trí", phẩm chất đồng với Như Lai tàng.

Như đã nói ở trên, thân ngũ uẩn (5 nhóm) nầy từ Sắc đến Danh, đều là vật vay mượn, không có gì là TA hay của TA cả, là sự kết hợp của nhiều bộ phận không có thực thể. Cũng như ngôi nhà có ra là do sự kết hợp của những bộ phận: rui, mè, kèo, cột, đòn tay, đòn dông, mái lá... Nếu tháo rời từng bộ phận ấy ra thì ngôi nhà không còn nữa. Cái ta mà lâu nay thế gian chấp thủ, ái luyến tôn vinh là do hiểu sai sự thật, hiểu sai chân lý. Chính do từ sự hiểu biết sai lầm ấy, con người mới dính mắc vào thân, tâm, cho đến khi xác thân hết hạn sử dụng, mục rã mà tâm bám níu vẫn không buông, vẫn tìm mọi cách để tạo tác một sắc thân khác, để được hiện hữu trở lại ở thế gian này (luân hồi).

"Này chư Tỳ-khưu, chính do uẩn, do ái ấy mà sinh các khổ. Đã vậy còn chưa đủ, còn chấp rằng ngũ uẩn ấy là ta, là của ta, thọ uẩn ấy là ta, là của ta, chính ngũ uẩn ấy là nguyên nhân bao hàm tất thảy khổ mà người tu tập nội quán, minh sát cần phải thấy rõ" (Kinh *Vô ngã tướng*, Minh Đức Triều Tâm Ảnh *dịch*).

Chia chẻ thân ngũ uẩn này ra là Đức Phật làm cái công việc tháo rời từng bộ phận của ngôi nhà Ngũ uẩn, không còn bản ngã kiên cố để sở y, để luyến ái, dính mắc nữa và đó chính là giải thoát, Niết Bàn, mục tiêu tối hậu của Sa-môn hạnh.

"Chiếu kiến ngũ uẩn giai không độ nhất thiết khổ ách" (*Kinh Bát Nhã*).

"Thấy ra năm uẩn đều không,
Bao nhiêu khổ ách khốn cùng vượt qua".
(Bát Nhã tâm kinh, Nghi thức Tụng niệm HPKS*)*

"Giáo pháp Vô ngã tướng của Như Lai được thiết lập là để tu tập, để nhìn vào bên trong nội quán, minh sát, để chấm dứt khổ (dukkha). Từ lâu các tư tưởng truyền thống cũng như quan niệm của phần đông đều cho rằng có một cái ngã, một thực hữu, một tự tánh, một linh hồn ở nơi sắc, thọ, tưởng, hành, thức này, nơi ngũ uẩn này. Từ nhận thức sai lầm ấy, biết bao nhiêu đau thương, thống khổ, trầm luân, tử sinh cũng khởi từ cái ngã và ngã sở ấy cả" (Kinh *Vô ngã tướng,* Minh Đức Triều Tâm Ảnh *dịch).*

Biết được cái Giả, cái Vọng (ngũ uẩn) đồng thời cũng biết luôn được cái chơn, cái thật (giác tánh, pháp thân) là cái vô vi, không màu sắc, tướng mạo, hữu vi như thân năm uẩn nhưng lại rất mầu nhiệm *"hay sanh muôn pháp"* như Lục Tổ nói. Dầu giác tánh vô vi, không tướng mạo, cũng như hư không, không tướng mạo nhưng không phải không có. Ví như điện, không thấy được nhưng vẫn hằng hữu và hoạt động rất đắc lực. Cắm vào quạt, quạt quay; cắm vào máy, máy hát. Quạt hư, máy hư không hoạt động được nhưng điện không mất. Bản giác cũng vậy, chẳng những hằng hữu mà còn rất nhiệm mầu (hay sanh muôn pháp).

Phật nói con người có ba thân: 1) Pháp thân như đã bàn luận. 2) Báo thân là thân năm uẩn có đầy đủ thiện và bất thiện nghiệp. 3) Ứng hóa thân là diệu dụng của pháp thân (hay sanh muôn pháp). Như mọi sự tiến bộ văn minh khoa học, hoặc mọi Phật sự lợi tha, bao gồm thần thông của các nhà đạo sĩ đều nằm trong Ứng hóa thân này. Tuy nhiên, tác dụng của Ứng hóa thân là hai chiều, và tùy theo dụng tâm của tác nhân mà sự ứng hóa ấy trở nên thăng hoa hay bại hoại.

Khi đã nhận ra được giác tánh thì vọng tưởng không còn khả năng thao túng nữa. Cũng như khi chủ nhà xuất hiện thì khách chẳng còn quyền hạn gì trong ngôi nhà ấy nữa (viễn ly điên đảo mộng tưởng cứu cánh Niết Bàn - *Kinh Bát Nhã*).

Tóm lại: Kiến tánh hay Tri vọng là chìa khóa để mở kho tàng Tuệ giác. Về mặt Tuệ học, kiến tánh là nắm vững lý thuyết do thấy giác tánh trực tiếp hoặc qua kinh nghiệm bản thân, cơ sở căn bản cho việc tu tập, thực hiện Niết Bàn.

Về mặt Tuệ hành, cần phải Tri vọng, dõng mãnh loại trừ những tư tưởng sai lầm truyền thống, những định kiến, thành kiến che mờ chân lý, bóp méo sự thật, cản trở hành trình tâm linh; và đây là giai đoạn thực hiện Bát chánh đạo một cách đắc lực.

Như vậy, Kiến tánh và Tri vọng có một mối quan hệ biện chứng với nhau.

Về mặt Tuệ thành là minh sát vô ngã, vô thường thành công và ứng dụng Tuệ giác ấy vào cuộc sống thường nhật một cách hiệu quả. Bởi vì, Tuệ giác KIẾN TÁNH, TRI VỌNG thừa sức đốt cháy vọng tưởng, giải thể ngũ uẩn. Không thực hiện được là do tập khí sâu dày, do thói quen cố hữu, do tâm tham ngoan cố, chứ không phải do không hiểu ra.

* Bài kệ Khải hoàn, Đức Phật đọc lên sau khi chứng ngộ đã thuyết minh hùng hồn về khả năng vô hiệu hóa vai trò tạo tác của Tập đế.

Hỏi: Tánh giác thuộc phạm trù chân đế không phải tục đế tương đối thì làm sao diễn tả, so sánh, nhận biết và hình dung ra?

Trả lời: Câu hỏi rất hay! Đúng vậy! Lý trí con người chỉ hiểu biết những gì thuộc phạm trù thế gian, trong cuộc sống tương quan của tục đế. Tánh giác là thuộc tánh của bản giác chơn tâm, không thể suy nghĩ hay lý giải (*bất khả tư nghì, bất khả xưng thuyết*). Nhưng

có thể nhận biết qua trực giác (biết thẳng) của 6 căn và qua pháp môn thiền định, thiền sinh nhạy bén sẽ dễ dàng nhận ra thâm tín lời Phật dạy: "*Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành*".

Xin nêu ra đây vài ví dụ cụ thể để làm sáng tỏ vấn đề:

Ví dụ: Chúng ta đang đi bộ, vì lơ đãng không để ý dưới bước chân, thình lình chúng ta giẫm nhầm một vật gì mềm mềm, có vẻ như con rắn, phản xạ tức thời của chúng ta là nhảy vọt lên, không cần suy nghĩ nên nhảy tới hay nhảy lui, nhảy sang trái hay nhảy sang phải. Cái phản ứng trực tiếp ấy là trực giác hằng hữu từ bản giác chơn tâm biểu hiện ra, không đợi lý trí can thiệp, tính toán.

Một ví dụ nữa: Chúng ta đang ngồi đây, có ai đó cầm cây nhang đang cháy châm vào sau lưng ta, hoặc châm nơi đầu, hoặc châm nơi chân, bất cứ nơi nào trên thân thể chúng ta cũng đều có xúc giác trực tiếp, thì đâu cần lý trí xen vào và cũng không có kẽ hở để thời gian góp mặt, bởi vì, vừa chạm là ta đã giật thót người. Tánh biết ấy chẳng những trực tiếp đơn thuần (trực giác) mà còn biến mãn khắp thế gian (thân người là một thế giới thu nhỏ và cùng chất liệu cấu trúc như vũ trụ). Trực giác hay tánh giác ấy không chỉ dành riêng cho xúc giác mà biến mãn khắp toàn thân cho cả 5 căn: thị giác (mắt), thính giác (tai), khứu giác (mũi), vị giác (lưỡi), xúc giác (thân). Và không chỉ riêng cho loài người mà bình đẳng cho tất cả chúng sanh như: trâu, bò, gà, vịt, chó, mèo, cá, tôm, sâu, bọ (hễ chạm vào chúng là chúng cũng phản ứng liền)... Tánh giác lại còn là cơ sở căn bản để phát triển quả giác (Phật) trong tương lai (*Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành*).

"Trong *Kinh Lăng nghiêm*, Đức Phật dạy: "*Từ nhất minh tinh sinh lục hòa hợp*". Nghĩa là từ một cái trong sáng sinh ra sáu cái hòa hợp. Thí dụ như có một ngôi nhà nhỏ, trong nhà có một ngọn đèn neon đang cháy sáng. Nhà ấy có sáu cửa, mỗi cửa đều mở toang ra. Ban đêm có người đứng ngoài tối biết trong nhà có đèn hay không, phải nhìn vào các cửa, nếu thấy ánh sáng từ các cửa phát ra thì biết trong nhà có ngọn đèn. Thật sự chúng ta chưa thấy được ngọn đèn, chỉ thấy được ánh sáng của ngọn đèn phát ra từ sáu cửa.

"*Nhất minh tinh sinh sáu hòa hợp tức là sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Nơi sáu căn đều có mang ánh sáng của tinh minh đó*". (Trích *Thiền sư Việt Nam cuối thế kỷ XX* của HT. Thích Thanh Từ).

Như vậy, thị giác (mắt), thính giác (tai) v.v... đều từ bản giác mà ra. Nhận được một giác là nhận được toàn giác hay Như Lai tàng.

Có câu chuyện thiền rất thâm thúy:

Tướng quốc Bùi Hưu đến thăm thiền viện. Ông cũng thuộc hàng thiền gia. Vào khách đường, ông thấy trên vách có treo tấm hình của một cao Tăng, ông hỏi vị Tăng tri khách:

- Hình ảnh cao Tăng đây mà cao Tăng ở đâu?

Vị Tăng tri khách không trả lời được. Tướng quốc hỏi:

- Trong chùa có thiền sư nào không?
- Có một vị Tăng mới đến, trông có vẻ thiền sư lắm.
- Cho tôi được gặp vị ấy.
- Khi thiền sư ra (Thiền sư Hoàng Bá), tướng quốc đặt lại câu hỏi:
- Hình ảnh cao Tăng đây mà cao Tăng ở đâu?

Thiền sư trả lời bằng tiếng kêu to như hét:

- Bùi Hưu!
- Dạ
- Ở đâu?

Bị kêu tên mình đột ngột, tướng quốc không kịp đề phòng, chỉ dạ theo phản xạ tự nhiên. Thiền sư lại bồi thêm câu hỏi thứ hai: "Ở đâu?" Tức thời tướng quốc trực nhận ra con người thật của chính mình, nghĩa là không phải thân ngũ uẩn tướng quốc sinh hoạt hàng ngày, mà đó chính là bản giác viên dung hay bản lai diện mục, biểu hiện qua thính giác; cũng như ông chủ, không phải là ngôi nhà.

Những buồn, vui, thương, ghét trong ta cũng vậy, tất cả phiền não ấy đều do duyên sinh và luôn luôn vô thường, biến đổi. Vì thiếu tuệ minh sát, chúng ta mới rước khách về làm chủ, lâu ngày thành thói quen (tập khí) để rồi ta mất hết chủ quyền và trở thành nô lệ cho thất tình lục dục.

"Đem thân làm kẻ tội đày,
Cho bao vật chất nó cai trị mình.
Để tâm làm vật hy sinh,
Suốt đời theo lịnh dục tình dắt lôi".

(Kệ Thân, *Luật nghi Khất sĩ*)

Phải hiểu cho đúng đắn rằng cái gì còn mãi đó, không mất mới là chủ. Tánh giác là hằng hữu lúc nào cũng có, như thính giác kêu thì nghe liền, xúc giác chạm thì biết liền v.v... Bình thường giác tánh ấy tiềm ẩn nhưng khi đụng đến là có ngay. Còn buồn, vui, thương, ghét thì khi có khi không, và phải có điều kiện thì buồn, hoặc vui... mới sinh khởi. Như vậy, phiền não là khách vãng lai, còn giác tánh là chủ nhà thường trú.

Phải thấy sự nguy hiểm của phiền não mà viễn ly, và phải thấy giác tánh bất sanh bất diệt mà quay về nương tựa (*phản quan tự kỷ*), đó là Đạo đế dẫn đến Diệt đế Niết Bàn.

Chỉ thẳng là diệu thuật mà các thiền sư thường sử dụng để khai thị môn đồ và người được hỏi, nếu nhạy bén sẽ nhận được giác tánh qua 6 căn.

Ngộ thì liền tức khắc (đốn), nhưng tu thì phải dần dần (tiệm). Cũng như thấy có cơm đã dọn sẵn thì biết mình sẽ không bị đói nữa, nhưng để được no bụng phải ăn dần dần từng miếng một thì mới giải quyết được yêu cầu của bao tử.

CHƠN, VỌNG là hai mặt của một thực tại. Thiền sư dạy: "*Đốn ngộ tuy đồng, Phật đa sanh tập khí thâm. Phong đình ba thương dũng, lý hiện niệm dư xâm*". Nghĩa là hiểu tuy bằng Phật nhưng chưa thực hành được, hiểu thì liền tức khắc cũng bằng với Phật, nhưng vì nhiều kiếp sanh thân tập khí (thói quen) ăn sâu trong tâm. Cho nên, gió dừng mà sóng vẫn còn mạnh, chân lý thì rõ ràng nhưng vọng niệm cứ xâm nhập mãi khiến tâm không được an. Vừa dấy niệm là mất chơn, niệm lặng chơn mới hiện. Cho nên, muốn thấy được giác tánh, tuyệt đối không nên khởi niệm, công phu tu thiền là ở chỗ đó. Vai trò của lý trí ở đây là không thích hợp. Hễ lý trí hoạt động thì chơn tâm bị che mờ, cũng như bóng tối và ánh sáng không thể đồng khởi, đồng hành, đồng tồn tại.

Huyễn thân, vọng tưởng là cái sinh diệt, vô thường, vô ngã là cái che mờ giác tánh, hậu quả là khổ đau. Chơn như, Niết Bàn là cái hằng hữu, là cái bản lai thanh tịnh, vô lậu, không phiền não. Người tu nên sáng suốt lựa chọn cho mình cái nào, và viễn ly cái nào hầu hoàn thiện mục tiêu tối hậu là giác ngộ, giải thoát.

Qua những dẫn chứng trên, quý vị đã nắm được chưa? Nghĩa là đã kiến tánh chưa? Tự tin rằng mình có khả năng thực hiện Giác hạnh viên mãn chưa? Nếu chưa thì hãy chiêm nghiệm (chánh tư duy) và nỗ lực hành thiền. Gió yên thì sóng lặng, mặt biển bình an xanh biếc sẽ dần dần hiện ra, còn lại chỉ là vấn đề thời gian.

Thiền sư Trần Tôn Túc nói: "*Việc lớn chưa sáng như đưa đám ma mẹ, việc lớn sáng rồi cũng như đưa đám ma mẹ*". Nghĩa là khi chưa giác ngộ phải tu khẩn trương để được giác ngộ. Khi giác ngộ rồi, cũng phải tu tích cực để ứng dụng tuệ giác ấy vào cuộc sống hàng ngày thì mới được tự tại an vui.

Kiến tánh là chìa khóa vạn năng để mở kho tàng Giác hạnh viên mãn.

Kho tàng Giác hạnh viên mãn vốn sẵn có nơi chính mình. Kiến tánh là từ kinh nghiệm trực tiếp, là thầm hội, diệu hội, không thể do người khác dạy bảo được. Thiền sư chỉ dùng mẹo để khai thị cho thiền sinh vậy thôi. Phật, Tổ có cho ta được thì cũng đều là bánh vẽ, không thể giải quyết được cơn đói xé lòng nếu mình không nhận ra yếu chỉ.

Cầu chúc quý vị nói riêng (nhóm trình pháp), thiền đường đại chúng nói chung tất cả đều KIẾN TÁNH.

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Kệ khải hoàn

NT. HUỲNH LIÊN *(dịch và thi hóa)*

Trải bao nhiêu kiếp luân hồi
Ta đi đi mãi tìm hoài không ra
Ai là người thợ cất nhà?
Dựng nên kiếp sống, tạo ra cuộc đời.
Hỡi này người thợ kia ơi!
Ta vừa tìm gặp được ngươi đây mà.
Từ nay ngươi khỏi cất nhà,
Những sườn cùng nóc ta đà phá tan.
Như Lai đã chứng Niết-bàn
Tận trừ ái dục vào hàng Vô sanh.

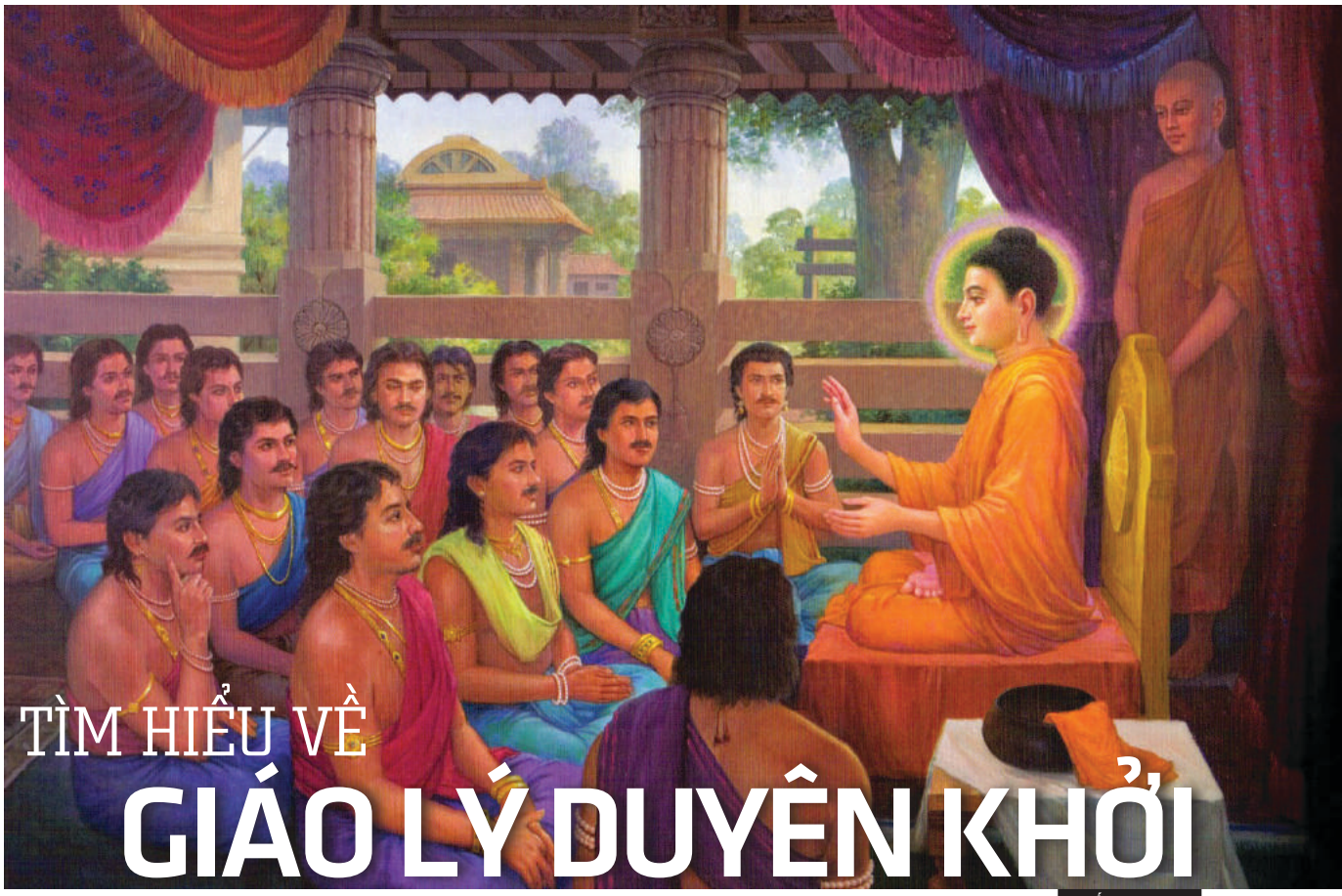

TÌM HIỂU VỀ GIÁO LÝ DUYÊN KHỞI

TIẾP THEO

TK. MINH CHƠN

Giáo lý Duyên khởi đã trở thành giáo lý nền tảng của đạo Phật. Vì vậy mọi giáo lý khác của Phật giáo cũng được xây dựng trên nền tảng giáo lý Duyên khởi. Chính điều này đã làm cho các giáo lý của đức Phật có một sự thống nhất. Các nhà Phật học xem giáo lý Duyên khởi như một sợi chỉ báu xuyên suốt toàn bộ các giáo lý của đức Phật. Giáo thuyết nào đi ra ngoài phạm vi duyên khởi, có thể khẳng định giáo lý đó không phải của đạo Phật. Muốn nghiên cứu các giáo lý căn bản khác như Nhân quả, Nghiệp báo, Tứ đế, Luân hồi, Ngũ uẩn, Tam pháp ấn v.v... cho thông suốt ắt không thể bỏ qua chìa khóa Duyên khởi. Từ đó chúng ta mới thấy hết được mối liên hệ hữu cơ giữa giáo lý Duyên khởi với các giáo lý khác của đức Phật, cũng như mối liên hệ giữa chúng với nhau. Nhờ ánh sáng duyên khởi chúng ta có một tầm nhìn xuyên suốt về đạo Phật, từ cái chung nhất đến cái vi tế nhất. Cho nên, có thể nhận định rằng: thông hiểu giáo lý Duyên khởi là nắm được cái cốt lõi nhất của đạo Phật và biết được con đường đưa đến giải thoát mọi phiền não, luân hồi, đau khổ.

1. Duyên khởi và Nhân quả

Giáo lý Duyên khởi có thể được nhìn từ khía cạnh nhân quả. Mười hai chi phần nhân duyên vừa làm nhân vừa làm quả cho nhau. Như vô minh làm nhân của hành nhưng lại là kết quả của lậu hoặc. Hay hành là quả của vô minh nhưng lại làm nhân của thức. Nếu xét hai chi đứng kế nhau, chi trước làm nhân chi sau làm quả. Còn nếu xét trên tổng thể thì mười hai chi phần làm nhân quả cho nhau. Giáo lý nhân quả có lẽ được biết nhiều nhất qua thuyết Tam thế lưỡng trùng nhân quả. Thuyết này lý giải một cách xuất sắc nhất về giáo lý nhân quả, luân hồi thông qua 12 chi phần nhân duyên. Theo thuyết này, sự hiện hữu của con người với tất cả những khổ đau đều có nguồn gốc từ nhân quả. Sở dĩ con người có mặt ở đời này là do đời trước đã gieo nhân hữu lậu. Nhân này chính là hai chi vô minh và hành. Vô minh, hành trong quá khứ sẽ tạo thành quả khổ vui hiện tại bằng các chi từ thức cho đến hữu. Do không giác ngộ, con người lại tiếp tục gieo nhân hữu lậu để phải tái sinh trong tương lai. Điều này được biểu hiện qua ba chi ái, thủ, hữu hiện tại làm nhân cho hai chi sanh và lão tử. Hai

cặp nhân quả biểu hiện qua ba đời đã nói lên kiếp sống nhân quả luân hồi của chúng sanh vô cùng tận. Trong mười hai nhân duyên, các chi vô minh, hành, ái, thủ, hữu đóng vai trò làm nhân sinh tử; các chi nhân duyên còn lại đóng vai trò kết quả sinh tử. Thuyết Tam thế lưỡng trùng nhân quả nói lên sự hiện hữu của con người vốn do duyên sinh, nhân quả. Nó phá tan thuyết không nhân, không quả sai lầm của một số ngoại đạo. Đồng thời nó cũng chứng minh rằng việc khổ vui do chính con người tạo ra chứ không phải do thượng đế hay một đấng thần linh nào như lý thuyết của một số tôn giáo. Sự khẳng định này có giá trị rất lớn về mặt giáo dục bản thân của chúng ta. Khiến người ta có tinh thần tự chủ, có trách nhiệm về hành động của chính mình:

"Tự mình làm điều ác
Tự mình làm nhiễm ô,
Tự mình ác không làm,
Tự mình làm thanh tịnh,
Tịnh, không tịnh tự mình
Không ai thanh tịnh ai." [1,48]

Thật vậy, nhân quả khổ đau hay nhân quả giải thoát là do chính con người. Con người tạo nhân nào ắt phải chịu kết quả dị thục của nó. Ngoài ra, thuyết duyên sinh, nhân quả còn cho chúng ta biết con đường đi đến giải thoát khổ đau cũng phải tiến hành theo quy luật duyên sinh nhân quả. Nếu 12 nhân duyên tập khởi làm nhân thì việc sống chết sầu bi là quả. Và việc chấm dứt 12 nhân duyên đạt trạng thái an lạc Niết Bàn là quả thì con đường Bát chánh đạo hay Giới, Định, Tuệ là nhân. Có thể nhận ra rằng nhân quả thế gian và xuất thế gian thông qua giáo lý Duyên khởi mà được sáng tỏ thêm. Vì thế, đức Thế Tôn đã nhiều lần khẳng định việc giải thoát hay đau khổ cũng ngay nơi thân năm uẩn này: "*Chính trong xác thân không quá một tầm có thức có tưởng này. Như Lai tuyên bố thế giới, thế giới tập khởi, thế giới đoạn diệt và con đường đưa đến thế giới đoạn diệt.*" [2,643]

Trên đây là nói về 12 chi phần duyên khởi được trình bày theo nhân quả có liên hệ đến khổ đau hay giải thoát của con người. Do tính đặc thù của duyên khởi nên có thể nói duyên khởi chính là nhân quả. Nếu trình bày duyên khởi bằng hai chi phần này thì ta cũng tìm thấy cách trình bày tương tự trong luận Đại Tỳ-bà-sa. Nhân quả nhờ có duyên khởi mà thành tựu. Mười hai nhân duyên khởi nhìn theo thứ đệ nhân quả thì có trước có sau, hay nhân quả khác thời. Còn quan sát theo nghĩa duyên sinh thật sự, ấy là nhân quả đồng thời. Vì vô minh sanh tức hành sanh hay toàn bộ 11 chi phần kia sanh khởi. Nhân và quả cùng sanh cùng diệt chớ không theo thứ tự thời gian. Như vậy có hai loại nhân quả dị thời và nhân quả đồng thời được tìm thấy trong giáo lý Duyên khởi. Nhân quả dị thời dùng để khảo sát lý duyên sinh trong phạm vi hẹp, theo nhận thức thông thường của chúng sanh. Nhân quả đồng thời dùng để khảo sát lý duyên khởi trên bình diện tổng quát rộng lớn. Lý thuyết nhân quả đồng thời được khai thác nhiều trong các trường phái Phật giáo Đại thừa.

2. Duyên khởi và Nghiệp

Giáo lý Duyên khởi có liên quan mật thiết với thuyết nghiệp báo của đạo Phật. Theo quan niệm của Phật giáo thì cả thế gian này được tạo thành bởi nghiệp. Chúng sanh bị vô minh chi phối, chấp trước vào các pháp hữu hình hữu hoại, sinh diệt vô thường cho là có thật ngã, thật pháp. Từ đó khởi sanh ái, thủ, hữu tạo thành nghiệp tái sanh trong ba cõi sáu đường. Điều này được biểu hiện cụ thể qua mười hai chi phần duyên khởi. Do nghiệp nhân quá khứ phát khởi từ vô minh, hành nên mới có thân năm uẩn hiện tại. Thân hiện tại bị vô minh huân tập lại tạo nghiệp mới để hình thành một đời sống trong tương lai.

Động cơ tạo nghiệp chính là hành uẩn hay 2 chi hành, hữu trong 12 nhân duyên. Hành gồm có thân hành, khẩu hành, ý hành. Ba loại hành này tương đương với ba nghiệp thân, khẩu, ý. Trong đó ý nghiệp còn gọi là tư tâm sở đóng vai trò chủ đạo. Theo Thắng Pháp Tập Yếu Luận, một lộ trình tư tưởng hay ý nghiệp được chia làm 17 chập tâm lý. Đầu tiên xuất hiện ba chập Bhavanga hữu phần, kế một tâm ngũ môn hướng, một tâm ngũ quan thức, rồi tiếp thọ tâm, suy đạt tâm, xác định tâm, 7 chập Javana tốc hành tâm và 2 chập đăng ký tâm. Trong lộ trình tư tưởng trên, 7 chập Javana tốc hành tâm có năng lực tạo nghiệp hơn cả. Chập tốc hành tâm đầu có năng lực tạo nghiệp yếu nhất nên trổ quả ngay trong kiếp sống hiện tại gọi là Hiện nghiệp. Chập tốc hành tâm thứ 7 trổ quả liền sau kiếp hiện tại, gọi là Hậu nghiệp. Còn năm chập tâm tốc hành từ thứ 2 đến thứ 6 có thể trổ quả bất cứ lúc nào trong vòng luân hồi từ kiếp hiện tại cho đến khi giải thoát gọi là nghiệp Vô hạn định. Hiện nghiệp và Hậu nghiệp nếu không sanh quả trong hiện tại hay đời sau, năng lực của nó hoàn toàn bị triệt tiêu, không còn khả năng sanh quả gọi là nghiệp Vô hiệu lực. Như vậy theo tiến trình thời gian chúng ta có bốn loại nghiệp:

Hiện nghiệp: quả báo trổ sanh ngay đời hiện tại.

Hậu nghiệp: quả báo trổ sanh sau kiếp hiện tại.

Nghiệp vô hiệu lực: nghiệp không có tác dụng sanh ra quả.

Nghiệp vô hạn định: quả báo trổ sanh vào bất cứ lúc nào trong kiếp luân hồi.[3,330]

Phần trên nói về động cơ của nghiệp, tức tư tâm sở hay là chi phần hành và hữu trong 12 nhân duyên. Bây giờ chúng ta hãy tìm hiểu về mối liên hệ giữa ba yếu tố duyên khởi: Hoặc, Nghiệp, Khổ như được đề cập trong luận *Tỳ-bà-sa* và *Thanh Tịnh Đạo*. Chính ba yếu tố này liên kết làm nhân quả cho nhau khiến bánh xe sanh tử xoay vần bất tận. Vì Hoặc duyên Nghiệp, Nghiệp duyên Khổ, Khổ lại nuôi dưỡng Hoặc. Cứ như thế ba chi Hoặc, Nghiệp, Khổ sanh khởi không ngừng. Ngài Phật Âm đã phân tích tiến trình này như sau trong bộ Thanh Tịnh Đạo: "*Ở đây, hành và hữu là cái vòng nghiệp; vô minh, ái, thủ là cái vòng hoặc; thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ là cái vòng quả báo. Bánh xe sanh tử có ba vòng ấy quay mãi, vì các duyên chưa dứt khi lậu hoặc chưa dứt.*"[18,975] Ba vòng Hoặc, Nghiệp, Khổ liên tục xoay chuyển như vậy khiến cho chúng sanh bị sanh tử luân hồi hết đời này qua đời khác. Sự tình này hoàn toàn không do một linh hồn bất tử hay một bản ngã thường trụ nào cả. Chúng chỉ trình diễn một vòng sinh khởi qua 12 nhân duyên hay do ba yếu tố Hoặc, Nghiệp, Khổ mà thôi:

"Không người tạo nghiệp nhân
Không ai nhận nghiệp quả
Chỉ hiện tượng trôi lăn

Không có gì khác cả
Ngoài tri kiến chánh chân
Không kiến nào đúng cả".[4,339]

Tuy sự sanh tử của chúng ta bị chi phối bởi nghiệp nhưng nghiệp trong đạo Phật hoàn toàn không phải định nghiệp hay tiền định. Chúng ta có thể chuyển hóa nghiệp bằng sự tu hành. Con người hoàn toàn có được tự do ý chí để quyết định cuộc đời mình tốt hay xấu, khổ hay vui, giải thoát hay luân hồi. Vì nghiệp mang tính duyên sinh, Cho nên, nó cũng được hình thành và hoại diệt theo duyên. Một khi vô minh, ái, thủ bị diệt thì vòng nhân duyên hữu lậu cũng diệt theo, và nghiệp cũng không còn lý do tồn tại.

3. Duyên khởi và Tứ đế

Giáo lý Duyên khởi và giáo lý Tứ đế được xem như là hai viên bảo châu vô giá của đạo Phật. Cả hai đều chỉ ra nguyên nhân sanh tử khổ đau cũng như nguyên nhân đưa đến giải thoát Niết Bàn. Bởi vậy đức Thế Tôn thường trình bày giáo lý Duyên khởi trong hình thức Tứ đế và ngược lại. Người có Chánh tri kiến hiểu rõ lý Tứ đế thì nhất định sẽ nắm được giáo lý Duyên khởi. Cũng thế, ai thông suốt giáo lý Duyên khởi thì sẽ hiểu rõ giáo lý Tứ đế. Đây chính là mối tương quan tương duyên đặc biệt giữa Duyên khởi và Tứ đế.

Kinh Tương Ưng, đức Phật trình bày duyên khởi trong hình thức Tứ đế như sau:"*... Đây là già, đây là chết. Do sanh khởi, già chết khởi. Do sanh diệt, già chết diệt. Đây là Thánh Đạo Tám ngành đưa đến già chết đoạn diệt tức là Chánh Tri Kiến, Chánh Tư Duy,... Chánh Định... Và này các tỳ kheo, đây gọi là hành. Do vô minh khởi, hành khởi. Do vô minh diệt, hành diệt. Đây là Thánh Đạo Tám ngành đưa đến đoạn diệt các hành tức là Chánh Tri Kiến, Chánh Tư Duy,... Chánh Định".* [5,78-80]

Theo đoạn kinh trên, chúng ta thấy Khổ đế đồng nghĩa với 12 nhân duyên. Mười hai nhân duyên hiện hữu, tức là toàn bộ khổ uẩn hiện hữu hay có thân năm uẩn. Từ đó mọi đau khổ do sanh già bệnh chết sầu bi khổ ưu não cũng xuất hiện theo.

Tập đế được biểu hiện qua 12 nhân duyên tập khởi, như sanh là nhân tập khởi của già chết, hữu là nhân tập khởi của sanh. Cứ như thế phăng dần đến vô minh là nhân tập khởi của hành. Do vậy, Tập đế ở đây bao hàm toàn bộ 12 nhân duyên tập. Trong ấy vô minh, hành, ái, thủ, hữu luôn là động cơ chủ yếu của Tập đế. Trong kinh, đức Phật dạy ái làm chủ nhân chính của Tập đế là nói một cách tổng quát vậy.

Diệt đế được hiểu như là 12 nhân duyên đoạn diệt, đồng nghĩa với khổ đau đoạn diệt. Như trên đã trình bày, vô minh, ái, thủ, hữu đóng vai trò chủ nhân của Tập đế. Bởi Diệt đế ở đây chính là trạng thái chấm dứt vô minh, ái thủ. Trên hình thức duyên sinh, một chi phần đoạn diệt tức là 12 chi phần đoạn diệt. Nhưng điểm thực dụng trong việc tu hành, chúng ta phải đột phá chi phần vô minh, ái dục là hiệu quả hơn cả. Vô minh, tham ái đoạn diệt, tức là Diệt đế hay Niết Bàn hiện hữu.

Đạo đế, con đường đưa đến chấm dứt 12 nhân duyên không ngoài Bát chánh đạo hoặc 37 phẩm trợ đạo hay gọi chung là Giới, Định, Tuệ.

Giáo lý Tứ đế đã minh định rõ ràng hai cặp nhân quả khổ đau và nhân quả giải thoát. Khổ đế, Tập đế thuyết minh cho nhân quả khổ đau, còn Diệt đế và Đạo đế làm phát sanh nhân quả giải thoát. Giáo lý 12 nhân duyên cũng tương tự như thế. Tuy nhiên, lý Duyên khởi chú trọng về mặt tìm hiểu thực trạng khổ đau của kiếp sống nhân sinh và phương hướng đưa đến giải thoát nhưng không đưa ra đường lối tu tập cụ thể như giáo lý Tứ đế. Mặt khác, giáo lý Duyên khởi sẽ giúp chúng ta hiểu sâu hơn về lý nhân quả. Vì 12 nhân duyên vừa là Khổ đế vừa là Tập đế. Mỗi chi phần trong 12 nhân duyên vừa đóng vai trò kết quả mà cũng là nguyên nhân. Điều trên đã giải thích tại sao chúng sanh bị luân chuyển trong vòng sanh tử luân hồi không dứt. Chính là do Tập đế làm nhân cho Khổ đế và ngược lại. Hoặc như ba luân Hoặc, Nghiệp, Khổ làm nhân duyên sinh khởi cho nhau không đứt đoạn như đã nói trong phần nghiệp. Tóm lại, giáo lý Duyên khởi không những có liên quan với giáo lý Tứ đế mà còn làm sáng tỏ giáo lý này trên nhiều phương diện. Tứ đế, Duyên khởi luôn luôn đi song hành với nhau và hỗ trợ cho nhau, đồng thời hỗ trợ cho các giáo lý căn bản khác nữa.

4. Duyên khởi và Năm uẩn

Mười hai nhân duyên thuyết minh sự hiện hữu của con người. Con người có khi được định nghĩa bằng Ngũ uẩn. Do vậy, 12 nhân duyên và Năm uẩn cũng có mối tương đồng với nhau.

Cả hai giáo lý Duyên khởi và Ngũ uẩn đều nói lên thực trạng vô ngã của con người. Con người thật ra chỉ là 12 yếu tố duyên sinh hay năm uẩn. Những yếu tố này do duyên hòa hợp giữa hai nhóm vật chất và tinh thần. 2 yếu tố này cùng sinh cùng diệt, không bao giờ tồn tại riêng biệt. Nếu đứng riêng lẻ thì không thể thành tựu con người hay chúng hữu tình. Trong kinh Tương Ưng, đức Phật ví dụ như hai cây lau nương vào nhau cùng đứng. Một cây ngã thì cây kia cũng ngã theo. Chi danh

sắc trong 12 nhân duyên đồng nghĩa với 5 yếu tố Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức của năm uẩn. Theo lý duyên sinh, danh không thể tồn tại nếu thiếu sắc, Và ngược lại, sắc sẽ không hiện hữu nếu thiếu danh. Điều này nói lên ý nghĩa duyên khởi giữa vật chất và tinh thần. Không có cái nào có trước, cái nào có sau như quan niệm của một số trường phái theo duy tâm hay duy vật. Phật từng dạy danh sắc không thể hình thành nếu không có sự hòa hợp giữa tinh cha, huyết mẹ và hương ấm. Do vậy, con người chính là sự giả hợp của 12 nhân duyên hay năm uẩn đã nói lên tính duyên sinh vô ngã. Trong ấy ngoài 2 yếu tố vật chất và tinh thần ra thì hoàn toàn không có một linh hồn bất tử nào ngự trị cả. Ai chấp nhận có linh hồn thường tại, có một bản ngã hiện hữu trong thân này sau khi chết chỉ là sự mê lầm, điên đảo, thất vọng, đau khổ mà thôi.

Bản thân giáo lý Năm uẩn cũng hình thành, phát triển theo lối duyên sinh. Đứng về mặt nhân quả đồng thời, một uẩn có mặt thì lập tức các uẩn khác cũng có mặt, một uẩn diệt thì bốn uẩn kia cũng không tồn tại. Còn xét về mặt nhân quả dị thời thì năm uẩn sinh khởi theo tiến trình Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Sự sắp xếp thứ tự năm uẩn không phải hoàn toàn ngẫu nhiên mà có đạo lý của nó. Do có sắc, hay căn trần duyên với nhau mà xúc sinh, do xúc sinh thọ, thọ sinh tri giác, do tri giác mà có hành, do có hành mà thức được huân tập và nuôi dưỡng. Đạo lý này được đức Thế Tôn diễn tả trong kinh Mật Hoàn: "*Chư hiền, do nhơn con mắt và các sắc pháp, nhãn thức khởi lên, sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên xúc nên có cảm thọ. Những gì có cảm thọ thời có tưởng, những gì có tưởng thời có suy tầm, những gì có suy tầm thì có hý luận. Do hý luận ấy làm nhơn, một số hý luận vọng tưởng ám ảnh tâm một người đối với sắc pháp do con mắt nhận thức về quá khứ, tương lai và hiện tại.*" [6,254]

Giáo lý Duyên sinh không chỉ có mối tương quan với giáo lý Năm uẩn mà còn liên hệ mật thiết với giáo lý Thập nhị xứ và Thập bát giới. Thật ra, giáo lý Thập nhị xứ, Thập bát giới là hình thức mở rộng của giáo lý Năm uẩn mà thôi. Đối với giáo lý Năm uẩn, Phật chú trọng phân tích kỹ phần Danh để giáo hóa những ai chấp tinh thần làm ngã. Giáo lý Thập nhị xứ phân tích sâu rộng phần vật chất nhằm mục đích phá trừ sự chấp ngã của sắc thân, còn giáo lý Thập bát giới thì triển khai cả hai phần vật chất và tinh thần để giác ngộ cho những ai chấp chặt Danh sắc là bản ngã. Sau đây là mối tương quan giữa năm uẩn và mười hai chi phần nhân duyên:

- Vô minh và hành thì tương đương với Hành uẩn trong năm uẩn
- Thức trong 12 nhân duyên tương đương với Thức của năm uẩn
- Danh sắc đồng nghĩa với năm uẩn
- Lục nhập chính là Sắc uẩn.
- Thọ của 12 nhân duyên tương ưng với Thọ uẩn
- Ái, thủ, hữu là Hành uẩn
- Sinh và lão tử, tức là sự sinh thành và hoại diệt của năm uẩn. [7,202]

Đến đây, một lần nữa chúng ta thấy giáo lý Duyên khởi là cầu nối kết với các giáo lý căn bản khác của đức Phật lại với nhau. Từ đó tạo nên một điểm thống nhất trong toàn bộ giáo lý của Thế Tôn.

5. Duyên khởi và Tam pháp ấn

Tam pháp ấn gồm có Vô thường, Vô ngã và Khổ. Có thuyết thêm vào pháp ấn Không tạo thành Tứ pháp ấn. Tam pháp ấn của Phật giáo Nguyên thủy và Phật giáo Phát triển có phần khác nhau về tên gọi cũng như cách trình bày. Ở đây chúng ta chỉ xét Tam pháp ấn của hệ Nikaya mà thôi.

Duyên khởi được xem là chân lý của thế gian, của các pháp hữu vi, Tam pháp ấn được xem như hệ luận rút ra từ giáo lý Duyên khởi. Bản thân lý Duyên khởi đã nói lên thực trạng của các pháp hữu vi là vô thường, vô ngã và khổ đau. Đức Phật định

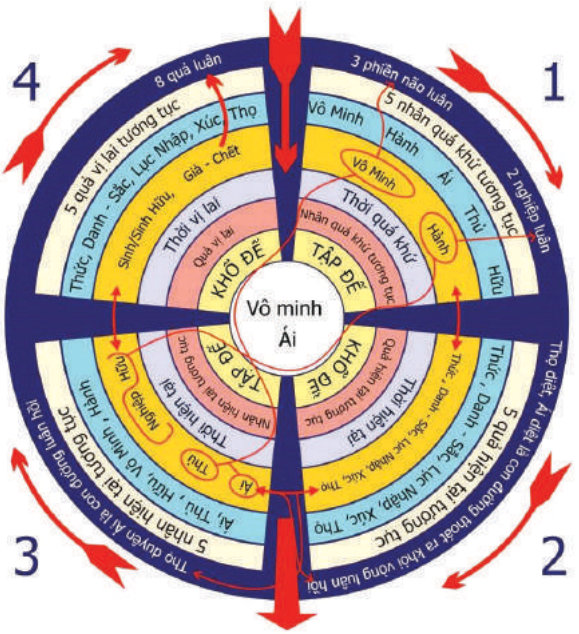

nghĩa duyên sinh chứa đầy đủ ba pháp ấn: "*Duyên sinh pháp là các pháp được tác thành, hữu vi, biến hoại, tan rã, đoạn diệt, vô thường*". Các pháp hữu vi khi gặp các duyên hợp lại gọi là sanh, khi các duyên tan rã gọi là diệt. Vì chúng sanh diệt theo duyên Cho nên, mang tính vô thường. Các pháp hữu vi do nhiều duyên tạo thành, và không có một yếu tố nào làm chủ Cho nên, chúng mang tính vô ngã. Các pháp hữu vi mang tính vô thường, vô ngã, nếu ai lầm chấp chúng có ngã tính thường tồn rồi khởi tâm tham ái chấp trước, khi chúng đi theo qui luật vô thường, vô ngã thì nhất định phải chịu khổ đau. Đó là chúng ta xét Tam pháp ấn một cách tổng quát, còn Tam pháp ấn đối với con người thì sao? Con người là pháp duyên sinh được biểu hiện qua 12 chi phần nhân duyên hay năm uẩn. Trong ấy các nhân duyên sinh diệt liên tục không ngừng. Không có cái gì thường trụ. Từ tâm pháp cho đến sắc pháp đều sinh diệt theo duyên. Hai chi sinh và lão tử đã bao hàm cả một chuỗi sanh thành, hoại diệt của một đời người, một tiến trình tâm thức, hay một pháp hữu vi. Đây là tính vô thường vậy. Mười hai nhân duyên sinh khởi, không cái nào làm chủ thể, cũng không có cái gì làm nguyên nhân đầu tiên. Mọi câu hỏi về cái ta đều trái với chân lý duyên khởi. Theo lý duyên sinh, chúng ta không thể nói ai xúc, ai thọ, ai ái, ai đau khổ. Mà phải hỏi do duyên gì xúc sinh, thọ sinh, ái sinh, đau khổ sinh. Ngài Phật Âm đã lý giải tính vô ngã của con người bằng một bài kệ đặc sắc:

"Có đau khổ nhưng không người chịu khổ
Có việc làm dù chẳng có người làm
Không kẻ diệt vong dù có Niết Bàn
Có đạo lộ song có đâu hành giả". [8,339]

Thật vậy, đạo lý duyên sinh chính là vô ngã tính. Vô ngã là thực tính, như lý tính của vạn hữu. Con người chỉ là sự giả lập của năm uẩn hay mười hai nhân duyên Cho nên, cũng vô ngã. Mười hai nhân duyên sinh khởi là toàn bộ khổ đau tập khởi. Con người có thân năm uẩn Cho nên, phải chịu tất cả những khổ đau của kiếp nhân sinh. Nào là sinh già bệnh chết, sầu bi khổ não v.v... và nhiều thứ khổ khác nữa. Nhưng chưa hết, cái khổ đau nhất của con người chính là do không giác ngộ tính vô thường, vô ngã của bản thân và thế giới rồi khởi tâm tham ái, chấp thủ tạo ra vô số nghiệp phải tái sinh trong ba cõi sáu đường không cùng tận:

Sinh ra rồi lớn rồi già
Rồi đau rồi chết lìa qua một đời
Rồi theo nghiệp luân hồi trở lại
Cũng sanh thân cũng mãi tấn tuồng
Bánh xe tứ khổ quay cuồng
Sanh già bệnh chết theo vòng chuyển xoay.

Tóm lại, ba pháp ấn có liên hệ mật thiết với mười hai nhân duyên và có mối liên hệ hữu cơ với nhau. Vô thường cũng chính là vô ngã, khổ đau, duyên sinh. Trong ba pháp ấn này, hễ nói đến một pháp, tức liên quan đến hai pháp còn lại. Vì vô thường đứng về mặt thời gian, vô ngã xét về mặt không gian, khổ có mặt do không hiểu chân lý duyên sinh. Cả ba pháp này phát sinh từ giáo lý Duyên khởi. Thế nên giác ngộ lý Duyên khởi cũng đồng nghĩa với giác ngộ Tam pháp ấn, con đường đưa đến sự thanh tịnh và chấm dứt khổ đau.

(Còn tiếp)

Chú thích:

[1, 48] Thích Minh Châu dịch, *kinh Pháp cú*, NXB. Tôn Giáo, Hà Nội, 2000.

[2,643] Thích Minh Châu dịch, *kinh Tăng Chi I*, VNCPHVN ấn hành, TP.Hồ Chí Minh, 1996.

[3,330] Phạm Kim Khánh dịch, *Đức Phật và Phật pháp*, Thành hội PG TP.Hồ Chí Minh, 1998.

[4,339] Trần Phương Lan dịch, *Đức Phật lịch sử*, VNCPHVN ấn hành, TP.Hồ Chí Minh, 1997.

[5,78-80] Thích Minh Châu dịch, *kinh Tương ưng II*, VNCPHVN ấn hành, TP.Hồ Chí Minh, 2003.

[6,254] Thích Minh Châu dịch, *kinh Trung bộ I*, VNCPHVN ấn hành, TP.Hồ Chí Minh, 1992.

[7,202] Thích Chơn Thiện, *Phật học khái luận*, NXB. TP.Hồ Chí Minh, 1998.

[8,339] Trần Phương Lan dịch, *Đức Phật lịch sử*, VNCPHVN ấn hành, TP.Hồ Chí Minh, 1997.

Đức Phật chưa từng dạy pháp môn thứ hai nào ngoài Bát chánh đạo.
Giảng dạy, tu học và công việc làm đạo theo con đường Bát chánh đạo, tức là không phải tôn vinh mình, đề cao bản ngã mình mà là tôn vinh đức Phật, không phải ca ngợi nhận thức hoặc cách thức làm đạo của mình mà là qua đó để ca ngợi Chánh pháp và phát triển một đạo Phật nguyên gốc với đầy đủ trí tuệ và lòng từ bi.

ỨNG DỤNG VÀ TU TẬP BÁT CHÁNH ĐẠO

TK. GIÁC CHINH

I. Giới thiệu chung

Bát chánh đạo là pháp môn cổ xưa của con đường Phật giáo nguyên gốc, và là giáo lý căn bản của Đạo đế trong Tứ đế. Vì thế, khi các hành giả và các thiền sinh tu tập để thành tựu chánh trí, đạt đến trí tuệ và giác ngộ giải thoát thì cần phải trở về thực hành con đường Bát chánh. Nếu hành giả thực hành và giảng dạy các pháp môn mà ở ngoài sự vận dụng tám chi phần chánh đạo thì quyết định hành giả không thể chứng đắc các quả vị của Sa-môn và không thể đi vào giải thoát toàn vẹn. (Lời tóm kết được rút ra từ Tiểu Kinh Sư Tử Hống trong Trung bộ kinh). Bát chánh đạo là một trong 37 Bồ-đề phần (bodhipākṣika-dharma), tức là một trong 37 Giác chi trong đạo Phật.

Thuật ngữ Phật học của Bát chánh đạo trong các bản kinh gốc Pali là Ariyo aṭṭhaṅgiko maggo, trong tiếng Sanskrit là Ārya 'ṣṭāṅga mārgaḥ, tham khảo vào cách trình bày và giảng giải của đức Phật Thích-ca Mâu-ni, các hành giả và thiền sinh có thể nhận thấy cụm từ aṭṭhaṅgiko maggo tức là Bát chánh đạo hay Bát Thánh đạo, Bát chi Thánh đạo, Bát Thánh đạo phần,... gọi ngắn là Bát chánh, Bát đạo, Bát chi, Bát pháp...

Bát chánh đạo là con đường độc nhất đi vào giải thoát hết thảy các lậu hoặc. Hành giả có thể đi vào giải thoát bằng ngõ Bảy giác chi, Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Năm căn, Năm lực... nhưng tất cả những cửa ngõ ấy đều được bao hàm trong Bát chánh đạo.

Pháp hành của người xuất gia trong đời sống hàng ngày là pháp Bát chánh đạo. Cho nên, các hành giả Khất sĩ, các nam nữ cư sĩ thiền sinh thực hành và ứng dụng Bát chánh đạo, tức là đang ứng dụng con đường tám nhánh để giải thoát khỏi Khổ *(duḥkha)*, thành tựu chánh trí, chứng đạt Niết Bàn.

II. Như thế nào là Tám chi phần Chánh đạo?

Hành giả Khất sĩ và nam nữ cư sĩ khi thực hành và ứng dụng giáo pháp cần nên hiểu và nhận thức đúng đắn con đường Bát chánh đạo:

1. Chánh kiến

Chánh kiến là chi phần đầu tiên trong Bát chánh đạo, thuật ngữ trong tiếng Pali là sammā-diṭṭhi, trong tiếng Sanskrit được biết đến với danh từ samyag-dṛṣṭi; Chánh kiến tức là phá vỡ vô minh

nghiệp tập ngàn đời ngàn kiếp, cái thấy cái nhìn đúng với chân lý, đúng với sự thật y như chúng là, hành giả ứng dụng Chánh kiến, tức là người đã có cái thấy, cái biết chân chánh bằng trí tuệ vượt qua không gian và thời gian; hành giả đó đạt được cái nhìn trung đạo (Majjhimà patipadà), không vướng kẹt trong bất kỳ lý luận nào, không vướng vào tri thức hiểu biết để vượt thoát khỏi ngã và pháp.

Chánh kiến là điểm cốt lõi, trọng tâm của Bát chánh đạo. Trong tám chi phần thì chúng tương quan và tương duyên lẫn nhau, thực hành thiền định hay tu tập Tứ niệm xứ ở cấp độ cao nhất thì hành giả cần phải biết rằng chúng vận hành đồng thời chứ không phải bước đi theo từng bước hoặc thực hành hết chi phần này đến chi phần khác theo số thứ tự. Dù cho ngay cả ở mức độ bắt đầu và thấp nhất cũng vậy, mỗi chi phần trong Bát chánh đạo đều được tác động với một mức độ nào đó của chánh kiến.

Chánh kiến là sự tuệ tri như thật bản chất của thế gian. Hành giả thực hành và tu tập cần phải có một sự hiểu biết rõ ràng về Tứ Thánh đế. Đó là: Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế. Chánh kiến là kết quả của việc hành thiền đều đặn và liên tục, một hành giả và thiền sinh tu tập thiền định hết sức nhiệt tâm và thận trọng của nội tâm; nghệ thuật của sự đạt trí tuệ là cái nhìn có chánh kiến, một người có chánh kiến thì sẽ không có cái nhìn mê mờ, mê tín về mọi hiện tượng của các pháp.

2. Chánh tư duy

Chánh tư duy là chi phần thứ hai trong Bát chánh đạo, tức là suy nghĩ chơn chánh, thuật ngữ trong tiếng Pali là sammā-saṅkappa, luôn dùng tư duy chân chánh để tu đạo, thực hành đạo và hướng đạo, giúp cho mọi người ứng dụng và tu tập đúng với con đường Bát chánh để ra khỏi sanh tử luân hồi.

Khi hành giả và thiền sinh đã làm chủ tâm, không để cho tâm làm chủ mình, thì lúc ấy hành giả tu tập chánh trí bao gồm hai chi đầu, đó là Chánh kiến và Chánh tư duy.

Chánh tư duy có nghĩa là hành giả và thiền sinh thực hành pháp hành Tứ niệm xứ trong đời sống hàng ngày để luôn có định niệm và tư duy chân chánh; tức là trong quá trình hành pháp và hoằng pháp giúp đời giúp người, hành giả luôn có những tư duy liên quan đến các cách tư duy như sau:

Tư duy sự xuất ly, trong Kinh Tạng đức Phật thường dùng cụm từ: Nekkhamma-samkappa để chỉ cho trạng thái tư duy chân chánh này;

Tư duy vô sân để nuôi dưỡng lòng từ ái mà trong Kinh Tạng đức Phật thường dùng cụm từ: Avyàpàda samkappa;

Tư duy vô hại để nuôi dưỡng và phát triển lòng bi mẫn như trong Kinh Tạng đức Phật thường dùng cụm từ: Avihimsà-samkappa.

Trong quá trình tu tập Bốn niệm xứ và thực hành Tứ vô lượng tâm, hành giả và Thiền sinh cần phải phát triển đồng thời những tư duy này, vì chúng cần được tu tập và mở rộng đến muôn loài chúng sanh không phân biệt chủng tộc, giai cấp, dòng dõi hay tín ngưỡng nào, hay loài vật nào... Cũng như trong quá trình tu tập và làm đạo, hoặc chia sẻ kinh nghiệm học hỏi hành pháp v.v... thiền sinh tuyệt nhiên không được nghĩ và xem rằng mình ban phát lòng từ, lòng bi mẫn đến cho ai đó hoặc loài nào đó, vì như thế là đã thể hiện bản ngã và tự ngã trong cái tôi, cùng tự coi mình là trung tâm và ích kỷ thì đó không phải là tư duy hành pháp chân chánh, nó không phải là tư duy chân chánh.

Hành giả ứng dụng và tu tập Bát chánh đạo trong chi phần Chánh kiến, tức trí tuệ thì cũng tương duyên đang thấm nhuần Chánh tư duy; Chánh kiến và Chánh tư duy đi đôi với nhau và không bao giờ mất chúng trong tu tập niệm xứ và cách sống trong đời sống của mình; cái đó gọi là tuệ giác đi đôi với lòng bi mẫn. Ứng dụng và thực hành Bát chánh trong hai chi phần này như thế chúng ta sẽ thấy đâu là người có trí giàu lòng bi mẫn, vị tha và vô ngã, và đâu là người vô minh, chấp thủ với bản ngã, và lòng tham muốn, vị kỷ, thù hận và bạo hành thì không thể nào đi chung cùng với trí tuệ. Nghệ thuật của an vui, hạnh phúc và giải thoát, tức là nghệ thuật phát triển lòng bi mẫn đi đôi với tuệ giác trong đời sống.

Nghệ thuật ứng dụng và tu tập Bát chánh đạo nằm ở chỗ mời người có mắt (trí tuệ) đến để thấy và thực hành chứ không phải đến để tin. Chính việc đến để thấy, hiểu và thực hành không phải để tin một cách mù quáng, đây là điều cốt lõi của Bát chánh đạo được đức Phật thuyết giảng và tán thành.

3. Chánh ngữ

Chánh ngữ là lời nói chân chánh, hành giả Khất sĩ cùng nam nữ cư sĩ thực hành và ứng dụng giáo pháp sẽ nhận thấy trong thuật ngữ Phật học Pali là cụm từ sammā-vācā, trong tiếng Phạn là samyag-vāk; tức là những lời nói thể hiện chân lý ngay tại đây và bây giờ, những lời nói về Tứ diệu đế để cho người nghe thấu hiểu được chân lý.

Thực hành và ứng dụng Chánh ngữ tức là:

- Không nói dối, đồng thời phải luôn luôn nói sự thật.
- Không nói lời ly gián gây sự bất hòa và chia rẽ, đồng thời phải nói những lời nào đưa đến sự hòa hợp và đoàn kết.
- Không nói những lời thô ác, cộc cằn, thay vào đó phải nói những lời từ ái, tế nhị.
- Không nói những lời vô ích, ngồi lê đôi mách, thay vào đó phải nói những lời có ý nghĩa và không bị bậc trí khiển trách.

Nếu không nương vào sự áp dụng ngôn từ thì hiện thực tối cao của chân lý không được trình bày; và không đến chỗ hiện thực tối cao thì không thể trực chứng được chân lý; nghệ thuật của sự chân thật chính là ngôn từ thể hiện chân lý ngay tại đây và bây giờ bằng cái nhìn chánh kiến.

4. Chánh nghiệp

Chánh nghiệp là những hành nghiệp chân chánh; có nghĩa là suy nghĩ, lời nói và hành động tương tầm tương tức với Chánh kiến, thuật ngữ trong tiếng Pali là sammā-kammanta; khi một người có Chánh kiến rồi thì suy nghĩ và hành động đều là chân chính.

Chánh nghiệp là cách ứng dụng trong hành động và ngôn từ đều thể hiện đạo lý chánh trí để người khác khi nghe hoặc nhìn thấy là nhận được đạo lý, nhờ đó có thể khai mở chân lý nơi chính mình, những hành động được xuất phát từ nơi thân của mình, nơi lời nói của mình được thể hiện trọn vẹn và nhất quán với cái đạo lý giác ngộ giải thoát, và khai mở trí tuệ cho mọi người để họ nhận chân ra được chân lý nhiệm mầu, đó được gọi là chánh nghiệp.

Về mặt ứng dụng và thực hành của Chánh nghiệp đối với nam nữ cư sĩ và thiền sinh, tức là tránh:

Không sát sanh

Không trộm cắp

Không tà hạnh (ngoại tình, dan díu).

Khi thực tập chánh nghiệp là khi đó hành giả đồng thời cũng phải trau dồi lòng bi mẫn, sự rộng lượng và đời sống đơn giản trong sạch. Nghệ thuật của sự hài hòa giữa nội dung và hình thức chính là sự nuôi dưỡng và phát triển lòng từ bi trong một đời sống rộng lượng và đơn giản.

5. Chánh mạng

Chánh mạng tức là có một đời sống chơn chính, không bao giờ bị chi phối bởi cái thân mạng luôn thay đổi giữa cũ và mới trong mỗi giây phút trôi qua, trong kiếp sống này, nhận diện chính mạng ngay bây giờ và ở đây. Người sống đúng chính mạng là người hòa nhập cái chỗ bất sanh bất diệt, sáng suốt nhiệm mầu trong mỗi một phút giây đều mới mẻ của hiện tiền này, tức là người đó đã có đủ chính mạng, thuật ngữ trong tiếng Pali sammā-ājīva mà đức Phật đề cập đến trong Chánh mạng chính là nghĩa này vậy.

Đối với các hành giả Khất sĩ, và nam nữ cư sĩ thiền sinh ứng dụng Chánh mạng tức là từ bỏ những lối làm ăn sinh sống tà vạy, bất chính, từ bỏ cách làm ăn đem lại sự tai hại, khổ đau cho mình và cho người khác, theo những chỉ bày trong Luật tạng và lời răn dạy của đức Phật và bậc thiện tri thức thì đời sống chánh mạng là nên từ bỏ buôn bán:

- Vũ khí (từ bỏ),
- Súc vật để giết thịt (từ bỏ),
- Người, ở đây muốn nói đến tình trạng mua bán nô lệ rất thịnh hành vào thời xưa và thời đức Phật (từ bỏ), ngày nay trong thời hiện đại nạn buôn người cũng còn diễn ra (từ bỏ).
- Các loại thức uống có men gây nghiện, say (từ bỏ),
- Các loại độc dược (từ bỏ).

Một sự nghiệp giàu mạnh đáng trân quý và thưởng thức chính là một sự nghiệp được đặt trên nền của những thiện ý, vì an lạc và hạnh phúc của chính mình, của gia đình mình và của cả hành tinh này. Nghệ thuật của sự xây dựng và phát triển sự công bằng xã hội chính là những nguyên tắc đạo đức được nhắm vào việc làm cho xã hội an ổn bằng cách thúc đẩy sự hợp tác, hòa hợp và những quan hệ chính đáng giữa con người với nhau.

Một thiền sinh có lối sống lành mạnh và đạo đức thì nó là nền tảng cho sự phát triển tinh thần, sự an lạc trong thiền định, là nguồn năng lượng nuôi dưỡng đời sống tâm linh và làm cho tâm được vững vàng, an tịnh. Không có một đời sống an lạc trong một lối sống dục lạc vô độ, tham lam và ích kỷ; nghệ thuật của cuộc sống thảnh thơi trong đời sống và trong thiền vị chính là sự nhận diện, từ bỏ và chuyển hóa cuộc sống vô độ, tham lam và ích kỷ.

Nghệ thuật của sự nhận diện cái đẹp, tức là nhận thấy rằng thân mạng này luôn cũ đi và luôn mới ra trong từng giây, từng phút; nhận diện và nuôi dưỡng năng lượng như vậy chúng ta sẽ nhận thấy chúng ta luôn đẹp, vì chúng ta nhận thấy vô thường và có năng lượng chánh niệm.

6. Chánh tinh tấn

Chánh tinh tấn là người luôn luôn nhiệt tâm, chuyên cần an trú ở nơi chánh niệm, nuôi dưỡng định niệm để người đó sống trong từng khoảnh khắc mới mẻ của hiện tiền, không lầm lẫn, không bao giờ bị mê mờ giữa vọng niệm và chánh niệm. Luôn nhận biết chúng một cách rõ ràng có tuệ tri chân chánh, chính vì vậy mà thuật ngữ trong tiếng Pali mà thiền sinh có thể nhận thấy là sammā-vāyāma, tức là đức Phật đề cập đến trạng thái thức tỉnh tinh tấn, tinh tấn tức là thức tỉnh - thức tỉnh chính là tinh tấn.

Thiền sinh thực hành và ứng dụng Bát chánh đạo trong chi phần này tạm hiểu là sự cố gắng kiên trì trong tỉnh thức và có niệm lực. Để ngăn ngừa những tư duy ác, bất thiện chưa sanh, không cho sanh khởi trong tâm hành giả, và đoạn trừ những tư duy ác đã sanh. Hành giả và Thiền sinh làm cho sanh khởi và phát triển những tư duy thiện chưa sanh. Từ đó thúc đẩy và duy trì những tư duy thiện đã sanh càng thêm tăng trưởng và dồi dào.

Một tâm hồn trong sáng và tĩnh lặng là nhờ siêng năng định chỉ và đoạn trừ những tư duy ác, bất thiện.

Luôn cảnh giác và chặn đứng những tư duy không lành mạnh, đồng thời tu tập, thúc đẩy, duy trì những tư duy thiện lành và trong sáng đang sanh trong tâm hành giả và trong đời sống hàng ngày. Một đời sống an bình và một thế giới hòa bình nhờ sự nuôi dưỡng và phát triển tư duy lành mạnh và trong sáng. Nghệ thuật của sự phát triển an lạc và hòa bình chính là sự làm chủ lời nói và hành động của mình, nhìn một cách toàn diện trong óc tư duy của mình bằng những tư duy chân chánh, và tránh những ý nghĩ điên đảo thì con người và thế giới bên ngoài sẽ an bình.

7. Chánh niệm

Chánh niệm là một danh từ có nguồn gốc từ chữ Pali là sammā-sati, trong tiếng Phạn là samyak-smṛ ti; là thuật ngữ mà các hành giả Khất sĩ và Thiền sinh thực tập chánh niệm ngày nay thường nhận thấy trong hầu hết các Kinh điển cốt lõi trong đạo Phật. Chánh niệm tức là sự tỉnh giác, không quên niệm, biết rõ các pháp một cách trọn vẹn, biết rõ những gì phát sanh ngay trong mỗi giây phút của hiện tại, bây giờ và ở đây. Chánh niệm là sự tuệ tri được những gì đang có mặt, đang xảy ra (biết rõ). Chánh niệm là một loại năng lượng niệm chân chính và nhất niệm này đi theo ta ngàn đời muôn kiếp về sau không còn thay đổi được nữa và đến khi đạt giải thoát. Thiền sinh thực hành và ứng dụng Bát chánh đạo trong chi phần Chánh niệm, tức là phát khởi niệm hay gán sự chú tâm vào các hoạt động của Thân, Thọ, Tâm, Pháp; mà đức Phật đã đề cập trong Tứ niệm xứ chính là "Thân hành niệm: Kàyanupassanà". Niệm và nhận diện "Các cảm thọ: Vedanànupassanà", tức là niệm Thọ trong Tứ niệm xứ. Niệm và nhận diện "những hoạt động của tâm: Cittanupassanà", tức là Tâm hành niệm trong Tứ niệm xứ. Niệm và quán "Các pháp: Dhammànupassanà", tức là niệm Pháp trong Tứ niệm xứ.

Khi một hành giả và thiền sinh có niệm lực chính là thực hành một cách thiện xảo và khéo léo trong tương tác lẫn nhau với Chánh tinh tấn, nhờ có năng lượng chánh niệm và luôn tinh tấn niệm lực định niệm trong hành thiền mà có thể chặn đứng sự khởi sanh của những tư duy bất thiện, đồng thời phát triển những tư duy thiện đã có mặt.

Nghệ thuật của sự chánh niệm chính là sự thận trọng đối với những hành động thân, khẩu, ý của chính mình; một tâm hồn tích cực và tĩnh lặng phát sinh theo sau năng lực chánh niệm, ngăn ngừa và tiêu trừ sự tổn hại nhàu nát của tâm, tạo động lực cho một sự tiến bộ của tâm và nuôi dưỡng một tâm hồn lành mạnh trong đời sống. Nghệ thuật của sức mạnh chính là sự buông xả những tâm hồn nặng trĩu ngàn đời trong đời sống, thân và tâm khỏe không phải là nhấc chúng lên mạnh mà là đặt chúng xuống một cách nhẹ nhàng.

8. Chánh định

Muốn nhập định và có chánh định thì phải loại bỏ vọng tưởng, tức là loại bỏ những suy nghĩ lung tung tự động khởi niệm trong đầu và trong tâm không có vọng niệm, sau một thời gian thực hành và tu tập thiền, hành giả và thiền sinh đạt được Chánh niệm tỉnh giác, nghĩa là tâm không loạn động như trước, những suy nghĩ vẩn vơ vừa mới manh nha nổi lên đã bị phát hiện và loại bỏ ngay khi đó.

Chánh định là sự an định vững chắc của tâm, chính sự tập trung đã làm cho tâm an trú và khiến cho nó không bị dao động, xáo trộn. Trong thiền ta có Tứ thiền, nghĩa là bốn cấp độ nhập định được chia ra từ Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền và Tứ thiền, như vậy xét về công phu tu thiền chúng ta có Tứ thiền. Còn để thành tựu những tính chất và trạng thái của Định, khi tu tập hành giả phải buông tâm không trú vào đâu cả, và như thế, tâm dễ mở rộng thênh thang.

Hành giả và thiền sinh hành thiền với bốn mức thiền này đều có nhập và xuất theo đúng cách (đúng cách như Tứ niệm xứ), nghĩa là khi muốn an trú mức thiền nào, ta phải có thời gian dụng công chứ không phải đó là những trạng thái thường xuyên. Rồi khi muốn trở lại trạng thái như cũ, ta cũng phải mất công thoát ra chứ không phải tức thì là được. Trong đời sống hàng ngày, bình thường khi không nhập thiền, một hành giả an trú trong nội tâm tỉnh giác vắng lặng nhưng không phải là bốn mức thiền này.

Bốn mức thiền này chỉ được thực hiện trong tư thế bất động tọa thiền mà thôi. Tuy nhiên, cũng có khi một hành giả vừa đi vừa nhập thiền rất sâu, ví dụ như ngài Tôn giả Mục-kiền-liên, tham khảo trong kinh Sa-môn quả thuộc *Trường bộ kinh* thiền sinh sẽ thấy lúc đó ngài Mục-kiền-liên vừa đi vừa nhập thiền phát khởi thần thông, vì thần thông có nghĩa là vừa vào định vừa hành động. Sẽ trình bày trong một bài pháp khác về chủ đề Thiền định theo bài kinh Sa Môn Quả trong Trường Bộ kinh do đức Phật giảng.

Chánh định là sự an định vững chắc của tâm, có thể so sánh với ngọn đèn cháy sáng không dao động ở nơi kín gió. Chính sự tập trung đã làm cho tâm an trú và khiến cho nó không bị dao động, xáo trộn. Việc thực hành định tâm (*Samàdhi*) đúng đắn sẽ duy trì tâm và các tâm sở ở trạng thái quân bình, vì vậy trong thuật ngữ Pali được đức Phật đã đề cập bằng cụm từ sammā-samādhi, chính là nghĩa này.

Chánh định phát triển và có mặt nhờ có Chánh tinh tấn và Chánh niệm, chúng sẽ giúp cho tâm định vững vàng, có khả năng đẩy lùi những chướng ngại, những tham dục đang khuấy động tâm hành giả. Nghệ thuật của sự an cư, an định chính là sự hòa nhập vào đời sống hiện tại một cách tinh tế không đối kháng.

Bát chánh đạo chính là ba môn học Giới - Định - Tuệ, tức là Tam học (*tividhàsikkhà*). Khi hành giả và thiền sinh ứng dụng Bát chánh đạo thì không nên hiểu là những "con đường: maggo" riêng biệt.

Theo kinh nghiệm của đức Phật dựa vào Tam học, hành giả phải thực hành:

Giới: sīla, tức là thực hành các chi phần chánh đạo: Chánh ngữ (*Sammà-vàca*), Chánh nghiệp (*Sammà - kammanta*), Chánh mạng (*Sammà àjiva*).

Sau đó là Định: samādhi, tức là thực hành các chi phần chánh đạo: Chánh tinh tấn (*Sammà-vayama)*, Chánh niệm (*Sammà-sati*), Chánh định (*Sammà-samàdhi*).

Cuối cùng là Huệ: paññā, tức là thực hành các chi phần các chánh đạo: Chánh kiến (*Sammà-ditthi*), Chánh tư duy (*Sammà-samkappa*).

Con đường đó được gọi là con đường Trung đạo (*Majjhimà patipadà*); tức là tránh xa hai cực đoan: lợi dưỡng, đắm mình trong dục lạc được xem là thấp hèn, dung tục và dẫn đến nguy hại là cực đoan thứ nhất. Thứ hai, là tự hành hạ mình bằng các hình thức khổ hạnh nghiêm khắc dẫn đến đau khổ, thấp hèn và nguy hại, bại liệt...

Hành giả Khất sĩ và thiền sinh thực hành và ứng dụng Tam học (tividhàsikkhà) thì không nên xem và nghĩ rằng một trong ba môn học hoặc Giới hoặc Định hoặc Tuệ tự thân nó là cứu cánh; mà mỗi môn học là một phương tiện để đi đến cứu cánh, để đạt đến trí tuệ và giải thoát. Nghĩa là, mỗi môn học không thể tu tập độc lập với các môn học khác, vì nó là cái kiền 3 chân không thể thiếu một trong 3. Tam học nương tựa và hỗ trợ lẫn nhau, nhờ Giới củng cố cho Định, và Định trở lại thúc đẩy trí tuệ; nhờ Trí tuệ giúp hành giả loại trừ tà kiến, thấy các pháp (sự vật hiện tượng) như chúng thực sự là, đó là thấy cuộc sống và tất cả pháp liên quan đến cuộc sống đều phải chịu sanh, diệt, vô thường, chúng không có một tự ngã, không có một tự tính tự tồn tại mà là mọi hiện tượng tâm lý và vật lý tạo nên đời sống đều nằm trong một mối liên hệ với nhau, chúng là nguyên nhân của một yếu tố này và là kết quả của một yếu tố khác.

III. Tham khảo con đường Bát chánh đạo trong kinh Tương Ưng Bộ, Thiên Đại Phẩm, Tương Ưng Đạo, đức Phật định nghĩa Bát chánh đạo như sau: (Hòa thượng Thích Minh Châu *dịch* Việt)

"Này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường Thánh đạo Tám ngành? Tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh tri kiến? Này các Tỷ-kheo, chính là trí về khổ, trí về khổ tập, trí về khổ diệt, trí về con đường đưa đến khổ diệt. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh tri kiến.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh tư duy? Này các Tỷ-kheo, chính là xuất ly tư duy, vô sân tư duy, vô hại tư duy. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh tư duy.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh ngữ? Này các Tỷ-kheo, chính là từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh ngữ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh nghiệp? Này các Tỷ-kheo, chính là từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ phi Phạm hạnh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh nghiệp.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh mạng? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử đoạn trừ tà mạng, nuôi sống với chánh mạng. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh mạng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh tinh tấn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, với mục đích khiến cho các ác, bất thiện pháp từ trước chưa sanh không cho sanh khởi, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tấn, trì tâm; với mục đích khiến cho các ác, bất thiện pháp đã sanh được trừ diệt, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tấn, trì tâm; với mục đích khiến cho các thiện pháp từ trước chưa sanh nay được sanh khởi, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tấn, trì tâm; với mục đích khiến cho các thiện pháp đã được sanh có thể duy trì, không có lu mờ, được tăng trưởng, được quảng đại, được tu tập, được viên mãn, khởi lên ý muốn, cố gắng, tinh tấn, sách tấn, trì tâm. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh tinh tấn.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh niệm? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, với mục đích điều phục tham ưu ở đời; Tỷ-kheo sống quán thọ trên các thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm với mục đích điều phục tham ưu ở đời; Tỷ-kheo sống quán tâm trên tâm, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm với mục đích điều phục tham ưu ở đời; Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm với mục đích điều phục tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh niệm.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh định? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly pháp bất thiện, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ. Làm cho tịnh chỉ tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh, nhất tâm. Vị ấy ly hỷ trú xả, chánh niệm, tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là chánh định." (Bản dịch của HT. Thích Minh Châu)

Chúc các hành giả, các thiền sinh, các bạn và thân hữu xa gần an lạc, chánh niệm và luôn có cái nhìn chánh kiến, vì chánh kiến là cốt lõi của Bát chánh đạo, mà Bát chánh đạo là cốt lõi trong đạo Phật.

(Bài pháp thực hành Chánh niệm được học và thực tập vào Khóa Thiền mùa Thu tại Thiền viện Pháp Thuận - Dharma Meditation Temple, 2015).

NHỮNG HÀNH VI KHOAN DUNG ĐÁNG GHI NHẬN

Trong lịch sử châu Á

TT. MINH THÀNH PH.D

Đây là một cố gắng lựa chọn và đưa ra xem xét những hành vi khoan dung đáng ghi nhận đã từng xảy ra trong dòng chảy của lịch sử phương Đông từ Ấn Độ đến Việt Nam và Nhật Bản. Bài viết dựa trên giả định cho rằng sự khoan dung trước hết được đức Phật Thích-ca Mâu-ni khởi phát đầu tiên và ấn tượng ở Ấn Độ cổ đại. Tinh thần khoan dung từ đó song hành với những đức hạnh khác của con người như lòng từ ái và chủ trương bất bạo động đã được liên tục kế thừa cho đến ngày nay đối với những nền văn hóa có ảnh hưởng của Phật giáo.

Chủ đề của hội thảo là "Văn hóa khoan dung, Việt Nam và Nhật Bản: Đồng hành và Phát triển" và tôi chuyển sang tiếng Anh là *"The Culture of Tolerance of Vietnam and Japan: Accompanying and Developing"*. Chủ đề này được chia làm ba đề tài như sau:

1. Sự tương đồng và khác biệt giữa văn hóa Việt Nam và Nhật Bản.
2. Văn hóa khoan dung và hòa hợp ở Việt Nam và Nhật Bản: Từ lý thuyết đến thực tiễn.
3. Giao lưu phát triển văn hóa Việt Nam - Nhật Bản.

Về phương diện học thuật, tôi có ít cơ hội tiếp xúc với nền văn hóa Nhật Bản, tuy nhiên tôi vẫn ngưỡng mộ nó. Sự ngưỡng mộ của tôi được kích khởi bởi nhiều sản phẩm có đóng mác "Làm ở Nhật Bản"

(Made in Japan) và bởi những tin tức từ những kênh truyền thông đại chúng. Cách đây hơn mười năm tôi mơ được làm một nhà du hành quanh đất nước xinh đẹp này. Không may, tôi đã cố gắng nhưng thất bại rồi lại thôi. Hy vọng là lần cố gắng tới sẽ làm cho giấc mơ của tôi thành sự thật.

Mới thoạt nhìn chủ đề: *"Văn hóa khoan dung: Việt Nam và Nhật Bản - Đồng hành và Phát triển"*, đầu tiên tôi nghĩ rằng khoan dung có nhiều mối liên quan đến hành vi tha thứ và chấp nhận. Từ điển Farlex miễn phí trên mạng cung cấp những định nghĩa chi tiết hơn cho khoan dung như là năng lực hay khả năng chịu đựng sự hiện hữu của những con người, hay những hành động đáng phản đối, hay những lời nói chứa những quan điểm xúc phạm.

Những ý nghĩa nêu trên đây căn bản và khả tín, tuy nhiên lại quá đơn giản và không đáp ứng được sự tìm tòi sâu xa hơn. Bổ sung, Tự điển Reader's Digest Reverse cung cấp thêm một số hàm nghĩa của hình dung từ 'khoan dung'. Trong đó, sự bàn thảo của tôi liên quan đến ba hàm nghĩa sau đây: (1) Không giáo điều và tự do, nhất là về giáo lý và nghi lễ của giáo hội, giáo-hội-quảng-thông, khi đó 'khoan dung' có từ 'không-nhỏ-hẹp' *(latitudinarian)* là đồng nghĩa. (2) Tha thứ cho những sai trái hay tội lỗi của người khác, khi đó 'hiền hòa' *(lenient)* là từ đồng nghĩa của nó. Và (3) không thù hận *(unvengeful)*, ý muốn bỏ qua hay quên đi, khi đó thuật ngữ đồng nghĩa của nó là 'rộng lượng' *(magnanimous)*[1].

Giả định rằng khoan dung Ấn Độ như là đầu nguồn tôi sẽ bàn thảo chủ đề này qua các đề mục sau đây: *(1) Khoan dung như là một chính sách; (2) Khoan dung trọn vẹn ở Ấn Độ cổ đại; (3) Khoan dung mang tính cách Việt Nam; và (4) Khoan dung mang tính cách Nhật Bản.*

Khoan dung như là một chính sách

"... Chữ *'toleration'* khi được sử dụng trong phương diện luật pháp, giáo sĩ hay giáo lý, thì có ý nghĩa hạn chế đặc biệt. Nó hàm nghĩa không ra tay cấm đoán hay ngược đãi. Tuy nhiên, nó lại gợi lên sự không chấp nhận ngấm ngầm, và thông thường chỉ cho một tình thế trong đó sự tự do mà nó cho phép thì có tính giới hạn và có điều kiện. Khoan dung không tương đương với tự do tín ngưỡng, và càng kém xa sự bình đẳng tôn giáo. Nó cho rằng có sự hiện hữu của một quyền lực, quyền lực này có thể áp bức, nhưng vì những lý do của riêng nó nên sự áp bức không được đẩy đến mức cực đoan. Nó ám chỉ cho sự không ra tay một cách tự nguyện, một sự hiền hòa chính trị"[2].

Như vậy, chúng ta thấy những hàm ý tiêu cực mà thường thì không hiển lộ rõ ràng lắm khi chúng ta mới thoạt nhìn qua từ 'khoan dung'. 'Khoan dung' không bao giờ là tuyệt đối, cũng như mọi thứ khác trong thế giới mang tính tương đối này. Nó thì tương đối, tương đối đến độ có thể làm cho chúng ta ngạc nhiên. 'Khoan dung' gợi ý về một mức độ không chấp nhận ở phía cầm quyền. Mức độ của cảm giác không vui vẻ nằm lặng lẽ bên trong của mọi trường hợp thể hiện sự chấp nhận ở bề ngoài. Về phương diện tôn giáo, khoan dung chưa bao giờ có nghĩa là một cái gì đó có tính lý tưởng như sự tự do tôn giáo, chưa nói gì đến sự bình đẳng tôn giáo. Dòng lịch sử tôn giáo quanh thế giới có nhiều chứng cứ không thể phủ bác về tính lan tràn toàn cầu hay khu vực của bất khoan dung, tôi muốn nói từ phản nghĩa thẳng thừng của khoan dung.

Sự khoan dung chưa bao giờ là vô điều kiện và vô hạn, nó gần như luôn luôn được người ta cân nhắc cẩn thận để quyết định bao nhiêu khoan dung là vừa để đạt được những mục tiêu cụ thể nào đó. Những động cơ mang tính lý trí của sự khoan dung biến hóa khá lý thú trong một lăng kính nhiều mặt, từ sự đơn thuần bạc nhược và không có khả năng thực thi những biện pháp cấm đoán cho đến sự tôn

trọng quyền quyết định của mọi người, từ sự lơ là lười biếng cho đến sự rộng lượng đối với những cái đáng phản đối, từ mong muốn giữ yên sự đoàn kết bằng cách nhân nhượng cho đến sự hiểu biết rộng rãi và sự khiêm tốn tránh công nhiên biểu tỏ rằng mình không sai lầm. Và, cái thấy sâu xa nhất là trí tuệ nhận ra rằng 'bạo lực không phải là phương thuốc chữa trị'[3].

Sự khoan dung trọn vẹn ở Ấn Độ cổ đại

May mắn tràn đầy, dân tộc Việt Nam và Nhật Bản có nhiều thế kỷ cùng chia sẻ một nền tảng giống nhau về phương diện văn hóa và tín ngưỡng phương Đông. Trong đó, hệ tư tưởng Phật giáo đã và đang góp phần đáng kể trong việc xây dựng nền tảng văn hóa. Giờ đây chúng ta hãy bàn thảo về quan niệm khoan dung mà cả hai dân tộc, được xem như là tiếp biến cùng từ một ngọn nguồn ở Ấn Độ. Nhân vật lịch sử nổi trội nhất rõ ràng đã đưa ý tưởng khoan dung của đạo Phật vào cuộc sống trong đất nước Ấn Độ cổ đại dưới quyền cai trị của mình là Đại đế Asoka. Câu chuyện kể lại rằng ngay sau khi có được chiến thắng quyết định đối với những lực lượng kháng cự ở Kalinga, vị Đại đế này đã một mình vi hành trở lại bãi chiến trường đẫm máu lúc trời chạng vạng, nơi vừa mới diễn ra cuộc đối đầu quân sự tàn khốc. Những gì mà vị Đại đế này nhìn thấy đã làm ông sửng sờ và khiến trái tim ông se thắt. Trong ánh sáng chập chờn Ông thấy rải rác nơi này nơi kia những bộ phận còn lại của những thân thể bị chặt đứt nằm trong những vũng máu. Ông nghe những âm thanh đứt quãng khàn đặc rên xiết, kêu than oán hờn từ thân thể oằn oại của những người bị thương quá nặng và đang chờ chết. Ông quay khỏi cảnh tượng kinh hoàng với một thay đổi tận gốc rễ trong tâm hồn. Ông thề rằng, ông sẽ không bao giờ chinh phạt bằng bạo lực quân sự nữa, và ông sẽ chinh phục bằng sức mạnh của giáo pháp *(dharma)*. Phần thực chất của giáo pháp, điều mà sau này ông làm sáng tỏ qua hành động của mình, là giáo pháp bất bạo động hay *ahimsa* trong tiếng Ấn Độ. Như đã biết, khi nào có giáo pháp bất bạo động thì tự nhiên khi ấy có giáo pháp khoan dung đi theo sau. Đó là dạng "sức mạnh mềm" trong thuật ngữ ngày nay. Có thể nói rằng như là kết quả của cú sốc Kalinga, vị Đại đế này bắt đầu triển khai hệ tư tưởng Phật giáo rộng khắp đế quốc của mình. Những sử gia gọi ông ta là Constantine của Phật giáo Ấn Độ. Từ đó nhiều chỉ dụ và quyết định của vị Đại đế này đều lấy cảm hứng từ quan niệm từ ái, bất bạo động và khoan dung. Thực sự, vị Đại đế này đã có những cái để đời trong nền pháp luật được tạc vào đá diễn đạt chính sách tự do tôn giáo. Sau đây là một trong những bia ký của ông:

"Đức thánh thượng, người con yêu quý của các thần linh, tôn trọng hết thảy mọi giáo phái, nhưng không xem các tặng vật và sự vinh danh là quan trọng bằng sự phát huy cái bản chất chủ yếu của mọi giáo phái, trong đó cách thức căn bản là tôn trọng giáo phái của mình và đừng bao giờ nói xấu giáo phái của người khác"[4].

Chuyện cụ thể hóa cho lòng khoan dung ở trên, hay dùng từ chuyên môn hơn "không-nhỏ-hẹp" *(latitudinarian)* mà Asoka đã thực hiện, quả thật là đã thừa tiếp từ lời nói và sự thực hiện khoan dung được ghi chép lại trong câu chuyện cuộc đời đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Sự kiện sau đây không nên làm chúng ta ngạc nhiên. *"Hồi đó ở Nalada, một cư sĩ giàu có và danh vọng tên là Upali, một đệ tử tại gia nổi tiếng của Nigantha Nataputta (Jaina Mahavira), ông này được Mahavira công nhiên sai phái đến gặp đức Phật để đánh bại Ngài trong một cuộc tranh luận về một số luận điểm trong lý thuyết Nghiệp báo, vì những quan điểm của đức Phật về đề tài này khác với những quan điểm của Mahavira. Quá ngược lại với sự kỳ vọng, khi cuộc thảo luận chấm dứt Upali đã tín phục và cho rằng những quan điểm của đức Phật là đúng, còn những quan điểm của thầy mình là sai. Vì vậy, ông ta cầu xin đức Phật thu nhận ông ta làm một đệ tử cư sĩ (Upasaka). Nhưng đức Phật đã khuyên ông ta nên cân nhắc lại và không nên vội vàng, vì 'cân nhắc cẩn thận là việc tốt cho một người nổi tiếng như ông'. Khi Upali giải bày ước muốn lần nữa, đức Phật đã yêu cầu ông ta tiếp tục tôn trọng và cúng dường những vị đạo sư cũ của mình như đã làm trước đây"*[5].

Người ta có thể thấy rằng cách hành động và cách phản ứng lại - được thực hiện trong hầu hết những mối quan hệ ngày nay như chính trị, quân sự, kinh tế - đơn giản là bất khoan dung và trong mức độ nào đó là đầy bạo lực.

May mắn thay, như đã đề cập ở trên, trong vốn liếng văn hóa dân tộc Việt Nam và Nhật Bản đã chia sẻ với nhau trong nhiều mức độ khác nhau về quan niệm lòng từ ái, về bất bạo động được xem như đã thừa tiếp từ truyền thống của đức Phật Thích-ca Mâu-ni, và Asoka, vị đại đế của Ấn Độ cổ đại, đã cụ thể hóa một cách tốt đẹp.

Lại nữa, người ta có thể ghi nhận rằng năm ba thế kỷ trước đây khi mà người phương Tây đến và mang theo nền kỹ nghệ cùng kỹ thuật tiên tiến, Việt Nam và Nhật Bản lại một lần nữa cùng chia sẻ trong một mức độ nào đó một cảm giác tương tự về sự siêu đẳng có tính vật chất và đồng thời chủ trương toàn trị độc thần bất dung nạp của phương Tây. Tuy nhiên, sự giải mê dần dần chen vào. Và, không phải tất cả cái hào nhoáng đều là vàng.

Thật sự, điều mà họ sáng ra không phải là mới mẻ hay nguyên thủy, đó chỉ là cái mà trước đó bản thân người phương Tây đã sáng ra từ lâu rồi. Họ (chính người phương Tây) đã chép lại, và bằng cách nào đó đã chuẩn hóa trong dạng kiến thức có tính toàn thư. *"Tuy nhiên, dù sự thật có đáng than vãn đi nữa thì cũng không nên khiến chúng ta kinh ngạc, sự bất khoan dung được thấy nhiều hơn ở những quốc gia theo Ky-tô giáo hơn là bất kỳ dân tộc nào khác. Chủ nghĩa đa thần cho phép hệ thần phổ phát triển đến vô tận. Lý thuyết của nó chấp nhận sự hiện hữu của những vị quốc thần khác trong những quốc gia khác. Nhưng chủ nghĩa độc thần (hay nhất thần) không những phủ nhận sự hiện hữu của bất cứ vị thần nào như vậy mà nó còn xem việc thờ phụng những vị thần khác là một sai trái, là tách rời khỏi việc thờ phụng vị Thần thật. Vì vậy, Ky Tô giáo cũng như Do Thái giáo, nền tảng để xây dựng lên Ky Tô giáo, về mặt lý trí chủ yếu là hung bạo; và công việc truyền đạo hăng hái, điều mà sự thật này hàm ý, dễ dàng chuyển thành những hành động công khai đàn áp việc thờ cúng thần tượng và chủ trương đa thần, những thứ đối nghịch hẳn với tánh ý của những người Cơ đốc đích thực"*[6].

Khoan dung mang tính cách Việt Nam

Trong đất nước Việt Nam thời trung đại, chúng ta có triều đại lịch sử nhà Trần. Trong thời đại này, ngoài sự ảnh hưởng lâu đời của Khổng giáo và Lão giáo Trung Quốc, nền văn hóa Việt Nam còn có được những quan niệm nhà Phật tác động rộng rãi khắp nước, trong đó quan niệm về khoan dung và lòng từ ái là nổi trội. Sau chiến thắng giặc Nguyên Mông từ phương Bắc với hàng ngàn lính xâm lăng bị bắt, vị Vua nhà Trần đã quyết định phóng thích,

đồng thời cung cấp phương tiện vận chuyển, thức ăn và nước uống để họ về nhà an toàn.

Một trong những hậu quả của chiến tranh là vấn đề nội bộ. Đó là, có những người Việt Nam đã phản bội, lén lút phục vụ cho những kẻ xâm lăng, nhận thấy họ có sức mạnh áp đảo, khả năng chiến thắng rõ rệt, và có thể đặt đất nước dưới sự thống trị của họ một cách nhanh chóng, có thể chỉ trong nay mai mà thôi. Sự tình đã không xảy ra theo hướng mà những người này tính trước. Những người Việt Nam yêu nước cuối cùng đã chiến thắng. Những gì xảy ra trong bí mật giờ đây đã lộ ra với một danh sách tên họ trong tay. Câu hỏi được đặt ra cho vị Vua Trần là, có tuyên án tử hình họ như là tấm gương quy chuẩn để tận diệt ngay bất cứ một ý tưởng phản bội nào, và để bảo vệ an toàn sự trung thành trong tương lai. Vị Vua Trần đã trả lời bình thản và dứt khoát "Không", rồi ra lệnh công khai đốt đi danh sách của những người đáng chết.

"Khi quân Nguyên vẫn còn mạnh mẽ, có một số quan lại không trung thành đã liên lạc với họ. Ngay sau khi lực lượng Nguyên Mông bị đánh bại, một danh sách những người xin hàng đã được tìm thấy. Triều thần muốn xét xử và trừng phạt nhưng vua Thánh Tông nghĩ rằng chẳng lợi ích gì trong việc trừng trị những cá nhân thấp kém và đem đốt danh sách đi để tất cả mọi người đều được yên ổn trở lại"[7].

Tinh thần khoan dung vẫn tiếp nối. Và, có một ngạc nhiên thú vị khi nhận ra rằng sự khoan dung chữa lành những vết thương trong lòng tốt hơn là tôi nghĩ trước đây. Chiến tranh Việt Nam là một trong những thảm họa mà thế giới từng biết qua với hàng triệu người bị tác động hậu chấn và hệ sinh thái bị tổn thương không thể phục hồi, chưa nói đến những người đã nằm xuống mà chưa chắc đã được yên nghỉ. Là hậu quả của chiến tranh, điều đã kéo dài dai dẳng nơi những người có lương tâm, những người sống sót qua cuộc chiến, là những vết thương lâu lành, thuộc thể xác hay tâm hồn. Như là những cố gắng để làm lành những vết thương, làm dịu đi những bất ổn trong tâm trí, một số đáng kể những cựu quân nhân Hoa Kỳ đã trở lại Việt Nam không phải để sát phạt như trước đây mà là để biểu đạt ý muốn làm lành. Về phía mình, người Việt Nam đã đón chào một cách thân thiện những người đã từng đấu tranh quyết liệt với nhau. Dù cho thái độ thân thiện như vậy có phải là do người xưa truyền lại hay không, thái độ đó đã làm cho những cựu quân nhân thăm lại Việt Nam ngạc nhiên. Điều này được Patrick Hagopian ghi chép: *"Càng lúc càng có nhiều cựu binh Hoa Kỳ thăm lại Việt Nam và đến thăm những chiến trường cũ. Một số cựu binh đã kinh ngạc khi thấy rằng những người Việt Nam trước đây đã từng cầm vũ khí chống lại họ trong "Cuộc chiến Hoa Kỳ" giờ đây dường như không còn chút thù nghịch... Một cựu binh Hoa Kỳ mắt đã bị mù vì một vết thương thời chiến nói: "Tôi đến đây không phải để chữa trị khỏi mù mà là để làm lành những vết thương trong lòng tôi. Và, tôi nghĩ điều đó đã xảy ra"*[8].

Khoan dung mang tính cách Nhật Bản

Tâm ý Nhật Bản: Thấu hiểu nền văn hóa Nhật Bản đương đại là tác phẩm đặc biệt ra sức bàn thảo về những tiêu ngữ văn hóa riêng lẻ và có mức độ biệt lập nào đó khiến cho, như là một tác dụng không cố ý, nền văn hóa Nhật Bản có vẻ như không có gì liên can tới sự khoan dung[9]. May thay, với một cái nhìn toàn cục hơn, G.B. Sansom trong tác phẩm *Nhật Bản:*

Văn Hóa Sử Yếu, xuất bản cách nay 85 năm[10] đã có đề cập đến mạch ngầm khoan dung đã được nhận thấy trong Nhật Bản trung đại, đặc biệt là trong thời đại Kamakura (1185-1333) và thời đại Muromachi (1333-1576). Mặc dầu trình trạng chính trị bất ổn nhưng kỷ nguyên này đã chứng kiến sự thăng hoa của nghệ thuật và văn hóa như trong trà đạo, kiến trúc, kịch nô (Noh), thơ hài cú, thư pháp, tranh thủy mặc, cắm hoa, vườn cảnh, điêu khắc, và hoa văn[11]. Có mức độ khác biệt nhau nhưng tất cả đều có được nguồn cảm hứng từ tông phái Zen của Phật giáo.

"Nhưng, ông ta (một độc giả) có lẽ sẽ kết luận rằng dân tộc Nhật Bản đã thể hiện trong những vấn đề của tín ngưỡng một sự khoan dung gần như đạt đến độ chẳng-có-gì-phải-bận-lòng. Điều này hiếm có ở châu Âu. Và có một phương diện, trong đó lịch sử tôn giáo của Nhật Bản có khả năng là độc nhất, đó là sự phát triển của tông phái Zen. Sự ảnh hưởng của tông phái này ở Nhật Bản nhu nhuyến và bao trùm đến độ nó đã trở thành tinh hoa của nền văn hóa tinh tế Nhật Bản"[12].

Trong những nhà tư tưởng của Nhật Bản ngày nay, Daisaku Ikera có thể được ghi nhận qua tác phẩm *Vì hòa bình: Bảy con đường đi đến sự hòa hợp toàn cầu: Cái nhìn của nhà Phật*. Ông đã dành nguyên một chương thứ ba trong tám chương của tác phẩm của mình để đề xuất Con Đường Đối Thoại và Khoan Dung. Ông đã mạnh mẽ cổ xúy quan điểm cho rằng khoan dung là một trong những nguyên lý mà nền hòa bình và hòa hợp của thế giới cần phải dựa vào. Thế giới ngày hôm nay đang bị mắc kẹt theo một cách nào đó vào quan niệm phổ thông "Chiến tranh là để cho có hòa bình". Ikera đã cố gắng thay đổi một cách sâu xa quan niệm đó, nêu ra để xem xét một nhận thức "Hòa bình tương thích với công lý". Nhận thức này do Giáo sư danh dự Arthur Kaufmann của Đại học Munich đề xướng và được làm sáng tỏ qua việc chỉ ra sáu tiền đề để đạt đến dạng hòa bình có nền tảng là công lý. Trong tác phẩm của Ikera, năm chương đầu dành cho việc bàn thảo về vấn đề bình đẳng và trách nhiệm, "Chương thứ sáu là nguyên lý khoan dung. Nếu như suy nghĩ của láng giềng có đi ngược lại với quyền lợi của bạn đi nữa thì bạn vẫn nên tôn trọng"[13]. Sự khoan dung mà được đính kèm với một thí dụ cụ thể thẳng thừng như thế này cũng không nên khiến bạn giật mình. Tôi nghĩ rằng thái độ tôn trọng ở đây không hàm ý gì ngoài sự thấu hiểu bao trùm[14].

Cuối cùng nhưng cũng không kém phần quan trọng, đối với tiểu tựa "Khoan dung mang tính Nhật Bản" có một câu hỏi có thể nêu lên, khoan dung trong nền văn hóa Nhật Bản thì có sắc thái hay nét riêng như thế nào? Có thể ghi nhận rằng khoan dung ở quốc gia Nhật Bản có liên quan với những định chế dân chủ của quốc gia này hơn là liên quan tới niềm tin của nước Nhật dành cho những yếu tố hay những phần tử ngoại lai xa lạ. Nói cách khác, niềm tin của dân tộc Nhật Bản - nhờ niềm tin này mà có sự khoan dung - không đặt vào bản thân những kẻ xa lạ hay những phần tử cực đoan mà đặt vào hệ thống dân chủ của họ. Họ dựa vào cái hệ thống đang bảo vệ cho sự an toàn của họ, nghĩa là, "người Nhật không thật sự tin những kẻ ngoại lai xa lạ nhưng lại tin chắc rằng những kẻ ngoại lai đó sẽ không làm gì hại được họ. Điều này nhờ vào một niềm tin sâu sắc nơi những thiết định nhằm bảo vệ họ"[15].

Vì vậy, có lý khi giả định rằng đối với những người có niềm tin hay hành xử đối với cái đúng và cái sai không giống theo cách của người Nhật thì sự khoan dung của người Nhật vẫn sẽ kéo dài, miễn là người Nhật cảm thấy sự an toàn của hệ thống

chính trị của mình không bị thách thức và đe dọa[16]. Giả định này gần gũi với sự thực tế như thế nào vẫn là một câu hỏi chưa được trả lời.

Lời kết, qua bài viết chúng ta có thể nhận ra rằng khoan dung là một thuật ngữ thuộc phạm vi chính trị, đạo đức và tôn giáo hơn là thuộc phạm vi văn hóa; và mối liên hệ giữa khoan dung ở Ấn Độ và khoan dung ở Việt Nam và Nhật Bản được gợi lên rất mỏng manh, Cho nên, mối liên hệ này cần được làm cho rõ ràng hơn với những nghiên cứu sâu hơn. Nhân cơ hội này, tôi xin được nói lời cảm ơn đến Hòa thượng Giác Toàn đã giới thiệu tôi đến với hội thảo. Xin được cảm ơn GS. Võ Văn Sen đã gửi thư mời, cảm ơn PGS. Nguyễn Công Lý đã khích lệ tôi viết bài. Tôi xin nợ một lời cảm ơn đối với những tác giả, những nhà biên tập của những tác phẩm mà tôi đã trích dẫn và đã liệt kê ở phần sách tham khảo. Cảm ơn.

Tài liệu tham khảo:

Daisaku Ikera, *For the Sake of Peace: Seven Paths to Global Harmony: A Buddhist Perspective*, Middleway Press, California, 2001.

G.B. Sansom, *Japan: A Short Cultural History*, Tuttle Publishing, Japan, 1931.

James Hastings (ed.), *Encyclopedia of Religion and Ethics*, New York: Charles Scribner's Sons, Edinburgh, 1922.

Ken'ichi Ikeda and Sean Richey, *Social Networks and Japanese Democracy: The Beneficial Impact of Interpersonal Communication in East Asia*, Routledge, New York, 2012.

Patrick Hagopian, *The Vietnam War in American Memory: Veterans, Memorials and the Politics of Healing*, University of Massachusetts Press, Boston, 2011.

Rahula, *What the Buddha Taught*, p. 4.

Roger J. Davies and Osamu Ikeno (ed.), *The Japanese Mind: Understanding Contemporary Japanese Culture*, Tuttle Publishing, Japan, 2002.

Ryuho Okawa, *Into the Storm of International Politics,* IRH Press, Tokyo, 2014.

Thich Dong Bon, *The Sangha's Political Role in Ly-Tran Dynasties*, Religion Publishing House, Hanoi 2006.

Chú thích:

1 The remaining conotations are broad-minded, long-suffering, yielding to others' wishes, Tolerant of other people's whims, desires, or faults. Broad-minded is usually used in matters of sexual conduct, then it has "permissive" as synonym. Long-suffering, putting up patiently with provocation, then it has "forbearing" as synonym. Yielding to others' wishes, then it has "complaisant" as synonym. Tolerant of other people's whims, desires, or faults, then it has "indulgent" as synonym.

2 James Hastings ed., *Encyclopedia of Religion and Ethics*, New York: Charles Scribner's Sons, Edinburgh: T. & T. Clark, 1922, p. 360.

3 Ibid.

4 Ibid., p.361.

5 Rahula, *What the Buddha Taught*, p. 4.

6 James Hastings (ed.), ibid., pp. 360-1.

7 Thich Dong Bon, *The Sangha's Political Role in Ly-Tran Dynasties*, Religion Publishing House, Hanoi 2006, p. 73.

8 Patrick Hagopian, *The Vietnam War in American Memory: Veterans, Memorials, and the Politics of Healing*, University of Massachusetts Press, Boston, 2011, p. 415.

9 Roger J. Davies and Osamu Ikeno (ed.), *The Japanese Mind: Understanding Contemporary Japanese Culture*, Tuttle Publishing, Japan, 2002.

10 G.B. Sansom, *Japan: A Short Cultural History,* Tuttle Publishing, Japan, 1931.

11 http://factsanddetails.com/japan/cat16/sub106/item496.html; http://www.britannica.com/event/Muromachi-period

12 G.B. Sansom, ibid., p. 338.

13 Daisaku Ikera, *For The Sake of Peace: Seven Paths to Global Harmony: A Buddhist Perspective*, Middleway Press, CA, 2001, pp. 150-1.

14 Though diverse in what might be taken as guideline in policy or action, that which Ryuho Okawa from Japan says is in concordance with Daisaku Ikera, holding that "Some kind of new standard or direction that the world should take needs to be clearly defined. This new direction has to be a moral philosophy to create a new world order and that moral philosophy must include economic principles. Accordingly, it must be a moral philosophy that stimulates global economic growth under the perspective of world justice." See Ryuho Okawa, *Into the Storm of International Politics,* IRH Press, Tokyo 2014.

15 Ken'ichi Ikeda and Sean Richey, Social Networks and Japanese Democracy: The beneficial Impact of Interpersonal Communication in East Asia, Routledge, New York, 2012, p. 95.

16 Ibid.

HỌC TRÒ VÀ TỊNH XÁ

NHƯ LIÊN

Đây là một trong những hình ảnh khá quen thuộc của thầy trò chúng con tại Tịnh xá Ngọc Tường (TP. Mỹ Tho). Vâng, đó là những chuyến đi thực sự đã để lại trong lòng mỗi thầy trò những ấn tượng sâu đậm, những bài học vô giá. Và có lẽ, giây phút đó cũng là thời điểm bắt đầu của những hạt giống thiện lành được gieo trồng trên những mảnh đất non tơ.

Trong phạm vi bài viết này, xin được điểm lại những chuyến đi đã được thực hiện trong thời gian qua. Và những bài học mà thầy trò chúng con rút ra được từ những chuyến đi ấy. Tất cả bắt đầu từ một lời "rủ rê" đơn giản:

- Rằm này, cô và tụi con đi ăn cơm chay ở tịnh xá, tụi con có muốn không?

- Yeah... Yeah.Tất cả đồng loạt giơ tay. Hiếm khi nào cả lớp được đi chung, lại là được đi chùa nữa chứ. Những ánh mắt háo hức, những câu hỏi liên tiếp được đặt ra:

- Cô ơi, tịnh xá ở đâu? Tụi con có lạy Phật không? Khi lạy Phật, con cầu nguyện, cuối năm nay, con thi đậu Đại học được không cô?

- A, con biết tịnh xá ở đâu rồi, nó gần nhà con. Cô ơi, hôm đó con rủ nội con cùng đi có được không cô?

Cô giáo cảm thấy lo lo, coi bộ dắt "đám giặc" con nít này vào tịnh xá thì hơi bị mệt đây. Tuy đã từng có kinh nghiệm dắt học trò đi tham quan, đi công tác xã hội nhưng lần này là đi chùa, nơi trang nghiêm, thanh tịnh. Tụi nhỏ vốn hiếu động, đa số lại chưa từng biết đạo.

Vậy là, trước mỗi chuyến đi, từng lớp học trò được hướng dẫn sinh hoạt kỹ: Nào là, vào tịnh xá tụi con nhớ đi đứng, nói năng nhỏ nhẹ, lễ phép; Tan học, khi tụi con vào, thức ăn đã được các cô chú Phật tử chuẩn bị sẵn, nhớ ăn hết thức ăn, bỏ thừa là mang tội đó. Nào là, ăn xong tụi con nhớ dọn dẹp bàn ghế và rửa chén phụ các cô chú nhe... Nào là... vân vân và vân vân, bao nhiêu điều cần dặn dò, nhắc nhở.

Thế rồi, đều đặn các kỳ cúng Hội, quý Sư và các cô chú Phật tử ở tịnh xá quen dần với sự có mặt của những đứa học trò nhỏ. Khuôn viên tịnh xá tràn

ngập màu áo trắng: màu trắng của những chiếc áo giới, màu trắng đồng phục học sinh. Lúc đó cô giáo mới an tâm, tụi nhỏ đã tuân thủ những lời dặn của cô khá nghiêm túc.

Trước giờ ăn trưa, tất cả xếp hàng rất trật tự khi đọc kinh. Chắc chắn, với nhiều đứa thì đây là lần đầu tiên được hòa trong không khí trang nghiêm của đạo tràng, lần đầu tiên đọc kinh cùng Phật tử. Giọng đọc chưa quen, cao thấp, lớn nhỏ không đều (chắc do tụi nhỏ quen với giọng trả bài trên lớp). Tuy nhiên, tất cả đều tỏ ra khá nhiệt tình.

Nhiệt tình đó còn được thể hiện rõ trong giờ ăn. Hầu như, tụi nhỏ "xử lý" hết cơm và thức ăn trên bàn. Thức ăn ngon, khẩu vị lạ, lại được ăn chung với nhau. Thêm vào đó, tụi nhỏ cũng đang đói sau một buổi học trên lớp, nhưng có lẽ quan trọng hơn, đó là được dùng cơm chay trong không khí thanh tịnh của tịnh xá, và sự tiếp đãi ân cần, tình cảm của các cô chú Phật tử trong đạo tràng.

Sau giờ ăn. Tụi nhỏ chia thành nhiều nhóm. Con trai khiêng bàn ghế, dẹp thau bát, lau dọn giảng đường. Con gái rửa chén, lau chén... Một không khí lao động khá khẩn trương, sôi nổi. Với nhiều đứa, đây là lần đầu tiên có cơ hội tự phục vụ và phục vụ cho người khác, thực sự bằng tâm vui vẻ và tự nguyện. Nhìn tụi nhỏ làm việc cật lực, mồ hôi nhễ nhại, cô giáo hơi xót nhưng lại vui và hài lòng về học trò lắm.

Dọn dẹp xong, tất cả cùng lên lễ Phật. Cô rất thích nhìn học trò mình khi đó. Bởi lẽ, bình thường thì tụi nhỏ vốn rất ồn ào, lóc chóc, đúng chất học trò. Nhưng khi quỳ trước tượng Phật, gương mặt tụi nhỏ thành tâm đến không ngờ. Giây phút ấy, mấy đứa thật đáng yêu!

Phải chăng, niềm tín ngưỡng sâu xa nơi đức Phật vốn đã là truyền thống tâm linh của người Việt tự bao đời? Phải chăng, vẻ uy nghi nhưng đầy từ bi của đức Phật đã chiêu cảm tâm hồn trẻ thơ? Phải chăng, đó là năng lượng lành từ sự tu tập của quý Sư, của Phật tử? Có lẽ là tổng hợp của tất cả.

Và có lẽ, thiện lành vốn là hạt giống luôn có sẵn trong mảnh đất tâm của mỗi chúng sinh. Duy có điều cỏ dại và rác rưởi vô minh đã khỏa lấp mất chúng. Làm sao để những chủng tử bồ đề có cơ hội nảy mầm, gieo thêm mầm Phật pháp vào mảnh đất tâm hoang sơ kia và giúp cho những người trẻ đi đúng hướng trong hành trình tìm về bên trong của chính mình? Đó mới là điều quan trọng!

Vào những ngày rằm lớn trong năm (rằm tháng giêng, rằm tháng bảy, rằm tháng mười), tụi nhỏ đã trở thành những tình nguyện viên đắc lực của tịnh xá. Được các cô chú Phật tử huấn luyện "nghiệp vụ" chỉ trong vòng 15 phút nhưng những đứa học trò vốn chỉ biết học và chơi, phút chốc thoăn thoắt với vai trò tình nguyện. Mấy đứa biết chia thành nhiều nhóm nhỏ, hướng dẫn khách tham quan đến lễ Phật và dùng cơm chay.

Có lúc, con số tình nguyện viên lên đến 70. Nhìn đâu cũng thấy thấp thoáng đồng phục thể dục của học trò. Chúng lễ phép và nhiệt tình mời khách đến từng bàn ăn đã được dọn sẵn và ân cần phục vụ. Giờ cao điểm, khi lượng khách đến đông và liên tục, thật bất ngờ, có đứa đã bỏ dép, đi chân đất để chạy bàn. Một không khí làm việc khẩn trương và hợp tác, một tinh thần phục vụ hết mình. Ít nhiều tụi nhỏ cũng đã để lại những ấn tượng đẹp trong lòng người đi lễ chùa. Thấy thế Cô đã nói đùa rằng: kiểu này chắc Cô mở quán cơm chay cho tụi con có dịp phát huy khả năng tiếp khách!

Khi vãn khách cũng là lúc tụi nhỏ đã thấm mệt. Đứa nào cũng "tự giác" ngồi vào bàn ăn, tự phục vụ. Nhìn tụi nhỏ ăn ngon lành và đầy hồn nhiên, thấy thương lắm.

Hết kỳ cúng Hội này đến kỳ cúng Hội khác, hết dịp này đến dịp khác, hết lớp này đến lớp khác, thầy trò chúng con vẫn thường xuyên có mặt ở tịnh xá. Những chuyến đi cứ ngày một nhiều hơn, và những bài học về đời, về đạo, cũng ngày một nhiều hơn!

Bài học đầu tiên - những bài học về kỹ năng sống

Trước hết, đó là bài học về kỹ năng giao tiếp.

Những đứa học trò nhỏ vốn thường xuyên bị đóng khung trong phạm vi gia đình và bốn bức tường của lớp học, nay bước ra ngoài, tự tin và chủ động. Đến tịnh xá, tụi con được tiếp xúc với quý Sư, với các cô chú Phật tử, được tận hưởng bầu không khí yêu thương và thân thiện từ mọi người.

Chắc chắn trong môi trường tu học của tịnh xá, khi giao tiếp với mọi người ở đây, tụi con sẽ gặp nhiều thuận lợi hơn so với môi trường giao tiếp ngoài xã hội. Tụi con học được cách nói lời ái ngữ, cách thể hiện tình cảm một cách chừng mực, nhẹ nhàng nhưng chân thành và ấm áp.

Sau mỗi chuyến đi, cô vẫn thường nghe những lời chia sẻ từ đám học trò: các cô chú ấy tốt với tụi con lắm, cứ bảo tụi con ăn nhiều, ăn cho no nhe! Khi tụi con làm việc, các cô chú hay nhìn tụi con rồi cười vui... Ai cũng nói chuyện với tụi con vui vẻ và thật hiền từ.....

Khi "đóng vai" tình nguyện viên, tụi nhỏ học được khá nhiều điều cần học. Đó là dịp thực tập lời ái ngữ khi tiếp khách, là cách chăm sóc và phục vụ cho mọi người bằng một thái độ hoàn toàn tự nguyện, bằng

cái tâm vô tư, vô vụ lợi. Có những lúc, cũng khá đuối vì phải phục vụ liên tục nhưng tụi nhỏ vẫn luôn nhiệt tình và vui vẻ. Nhìn cái cách tụi nó chạy tới chạy lui để đem từng đôi đũa, từng ly nước cho khách, và nghe cách tụi nó trả lời với khách dễ thương, cô đã an tâm về học trò của mình.

Qua đó, tụi nhỏ dạn dĩ hơn, chủ động và linh hoạt hơn trong giao tiếp với người lạ; gắn bó và đoàn kết với nhau hơn trong tình bạn. Có thể nói, bài học về kỹ năng giao tiếp - đó là bài học thực tế sống động mà không sách vở nào có thể dạy được!

Cùng với kỹ năng giao tiếp, tụi nhỏ còn được rèn luyện kỹ năng tự phục vụ và phục vụ cho mọi người

Học trò của cô hầu hết được sự bảo bọc và chăm sóc quá kỹ của ba mẹ. Tụi chúng như những chú gà công nghiệp, được nuôi trong những cái chuồng kín, được cho ăn cho uống đầy đủ, và sợ nắng gió mưa dông. Do vậy, khả năng tự bươn chải, khả năng đề kháng với tập nhiễm kém. Mặt khác, chính sự hy sinh vô điều kiện của ba mẹ, vô hình chung làm chúng dễ hình thành tính vị kỷ ở trẻ thơ. Và đó quả là điều đáng sợ!

Khi đến tịnh xá, sau giờ ăn, tụi con phụ giúp các cô chú một cách nhiệt tình. Mỗi nhóm một việc, chỉ một thoáng là giảng đường đã được quét dọn, chén bát cũng được rửa sạch.

Cô thật mát ruột khi nghe lời khen của nhiều Phật tử: Học trò cô giỏi quá! Mọi người có ngờ đâu, hầu hết những cậu ấm cô chiêu này rất ít khi làm những công việc đó. Mẹ của một bé học trò (cũng là Phật tử của tịnh xá) đã hết sức bất ngờ khi nghe kể lại rằng: "Con gái của chị rửa chén giỏi lắm!".

Còn đây là lời kể của học trò: Tụi con vui vì được phụ giúp các cô chú. Tụi con thích cách rửa chén theo kiểu dây chuyền ở tịnh xá (tại khu vực rửa chén, có khoảng 5-6 thau nước được đặt cạnh nhau. Mỗi đứa phụ trách một thau, cũng là một công đoạn của công việc rửa chén!).

Khi làm tình nguyện viên trong những ngày rằm lớn, tụi nhỏ càng có dịp rèn kỹ năng tổ chức và sắp xếp công việc, kỹ năng làm việc nhóm. Mỗi nhóm vài đứa phụ trách hẳn 1 bàn ăn. Đứa mời khách vào bàn, đứa bưng bê thức ăn, đứa phụ trách lau dọn bàn. Những lúc cần, các nhóm vẫn sẵn sàng hỗ trợ nhau một cách nhịp nhàng.

Xưa, chỉ quen được phục vụ. Nay, trở thành người phục vụ. Tụi nhỏ có vẻ thích thú, vì được làm việc chung với nhau, được tự mình phục vụ cho người khác, nhất là trong những sự kiện quan trọng như thế này. Có vẻ như, đứa nào cũng tự thấy mình phải có trách nhiệm thực hiện tốt công việc được giao. Không gian tịnh xá, không chỉ tấp nập khách đến viếng mà còn rộn ràng bởi không khí làm việc của tình nguyện viên.

Có đứa đã kể lại với một thái độ thật phấn khởi: một bác hỏi con "Con học trường nào? Tụi con nói sao để được vào tịnh xá phụ công quả? Tụi con còn nhỏ mà biết làm việc như vầy, tốt quá!"

Và cũng thật vui khi biết được rằng, trong số những vị khách đến tịnh xá vào những ngày này, có cả phụ huynh của những tình nguyện viên. Những vị khách đó, ngoài lý do đi lễ Phật còn muốn tận mắt nhìn thấy con mình trong vai trò là người phục vụ!

Biết tự phục vụ và phục vụ cho mọi người ở một chừng mực nhất định, đó là biểu hiện của sự trưởng thành, của lòng thương yêu. Ngoài ra, những trải nghiệm thực tế đó sẽ giúp tụi con chủ động hơn, tự tin hơn, khi giao tiếp, khi phải giáp mặt với vô vàn những tình huống chưa hề được lập trình sẵn trong cuộc sống.

Bài học thứ hai - bài học về giáo dục nhân cách.

Đó là bài học lớn, là bài toán hay nhất và khó giải Nhất của xã hội hiện nay. Trong bối cảnh đạo đức xã hội ngày càng xuống cấp, bạo lực học đường ngày càng gia tăng, giáo dục nhân cách phải được xem là bài học hàng đầu trong giáo dục tuổi trẻ, nhất là tuổi trẻ học đường.

Trước hết, đó là bài học về lòng yêu thương con người trong cuộc sống.

Thầy trò con có duyên lành được Sư dành cho nhiều buổi giảng pháp. Thường thì sau giờ cúng Hội, Sư sẽ sắp xếp thời gian để nói chuyện với học trò. Con vẫn nhớ những lời Sư dạy: Cuộc sống là sự tương giao giữa cho và nhận. Mỗi người sinh ra trên cuộc đời này theo lời Phật dạy, đều mang bốn ân nặng: Ân đất nước, Ân cha mẹ, Ân Thầy Tổ, Ân chúng sinh. Khi hiểu được điều đó, và mở rộng tâm ra để yêu thương, con người ta sẽ sống bao dung hơn, vị tha hơn và sẽ hạnh phúc hơn.

Thông qua các câu chuyện nhỏ nhưng đầy thú vị và sâu sắc; bằng việc dẫn những lời dạy của đức Phật một cách khéo léo, quý Sư đã truyền cho tụi nhỏ những thông điệp về lòng thương yêu.

Thầy trò con cũng đã có dịp dự những buổi lễ truyền giới. Tụi nhỏ được nghe Sư giảng: thế nào là quy y? Người Phật tử khi giữ năm giới thì được những ích lợi gì? Con vẫn nhớ lời Sư: "Giới luật là hàng rào để mỗi người tự bảo vệ mình và góp phần bảo vệ xã hội. Nếu ai cũng giữ được năm giới thì xã hội sẽ không cần nhà tù, mà chỉ có trường học, có trại dưỡng lão". Vâng, giáo lý của nhà Phật và nhiều tôn giáo khác luôn hướng con người đến đời sống thiện lành. Việc giữ gìn những giới luật đó, xét cho cùng cũng là để thực hiện lòng thương yêu của con người trong cuộc sống.

Có lần, Sư giảng một đoạn trong bài kinh nói về tình thương. Cuối buổi giảng, Sư đặt câu hỏi: Bài học tụi con rút ra được hôm nay là điều gì? Rất nhanh, một bé học trò đã trả lời: Đó là lòng yêu thương mọi người. Vì yêu thương mọi người là yêu thương chính mình.

Con hiểu, Sư luôn gởi gắm tâm nguyện hướng đạo và hướng thiện cho chúng sinh. Trong đó giới trẻ luôn là đối tượng cần được đặc biệt quan tâm, vì đây chính là tương lai của Phật pháp.

Tâm yêu thương, ở một tầng sâu hơn - đó chính là lòng vị tha. Vâng, vị tha là nét đặc sắc của lòng yêu thương, và cũng là bài học quý báu thứ hai mà học trò của con được học từ những bài giảng của Sư: "Vị tha là quên mình vì người, là giúp người một cách vô tư, vô điều kiện. Khi làm điều gì cho ai, tụi con không nên có tâm mong cầu. Vì mong cầu được khen, được người khác biết ơn, đôi khi là nguyên nhân sinh ra phiền não"!

Con hiểu, ý Sư muốn nhắc nhở thầy trò con về mục đích, về động cơ khi thực hiện các chuyến đi công tác xã hội. Sư còn nhắc đi nhắc lại điều này: tâm vị tha sẽ đem đến an lạc, hạnh phúc. Ngược lại, tâm vị kỷ là nguồn gốc của khổ đau, bất hạnh. Sư mong thầy trò con hiểu và biết ứng dụng những điều này trong cuộc sống để đem lại sự bình an cho mình và cho người!

Con thật vui khi nghe được một lời chia sẻ của học trò: Những điều Sư dạy rất có ý nghĩa với chúng con trong cuộc sống sau này. Con đang tập thực hành chữ "thương" mà Sư đã dạy!

Một học trò cũ của con, hiện là du học sinh, và cũng là đệ tử của Sư, đã nhắn tin với con: Tụi nhỏ giờ sướng quá, được nghe Sư giảng bằng giọng nói truyền cảm, trong không gian thanh tịnh. Nếu con được nghe những lời giảng đó sớm hơn, con đã không phải lao đao tìm cầu danh lợi nơi xứ người.

Những gì mà thầy trò con có được qua các chuyến đi ở tịnh xá, thật nhiều và thật quý. Không chỉ là những bài học hay và bổ ích mà còn là những trải nghiệm sâu sắc. Đó còn là những phút giây thư giãn của thầy trò con sau những giờ học miệt mài, căng thẳng.

Với học trò, đây sẽ là một trong những kỷ niệm đẹp, những trải nghiệm quý giá của thời học sinh. Tâm hồn trẻ thơ như những tấm vải trắng thanh khiết nên một khi chúng đã được nhuộm "màu đạo", màu ấy sẽ dễ thấm và thấm sâu. Cũng như vậy, những ký ức tuổi thơ sâu sắc sẽ ăn sâu vào tiềm thức, vào tâm hồn người, bất chấp thời gian và không gian. Có lẽ nhiều năm sau nữa, khi chúng đã trưởng thành và có dịp chắc sẽ có nhiều đứa quay lại nơi này, tìm lại ký ức xưa. Chỉ mới cách đây vài hôm, có một học trò cũ nhắn tin rằng: Lâu rồi, con không được đi tịnh xá với cô! (cô bé này hiện đang học ở TP. Hồ Chí Minh).

Sáng nay, khi con đang viết bài này cũng là lúc con dự lễ quy y dành cho một trường hợp khá đặc biệt. Người thanh niên ấy trở về tịnh xá và tìm gặp Sư. Hai mươi năm trước, cậu đã cùng với bạn bè đã vào đây. Sư đã đặt cho cậu pháp danh Huệ Chí.

Mười lăm năm xa quê, lưu lạc xứ người, cậu vẫn nhớ ngôi tịnh xá và pháp danh mà Sư đã ban cho. Cậu đã nỗ lực vượt qua nhiều khó khăn trong cuộc sống, đúng như ý nghĩa của pháp danh: Huệ Chí. Hôm nay cậu đã chính thức quy y. Duyên lành về với đạo, đã được gieo từ nhiều năm trước, nay đến lúc trổ quả!

Với con, trong vai trò một Phật tử, một giáo viên, và bằng những trải nghiệm tự thân, con mong sao những gì mà học trò của con tìm thấy trong những ngày vừa qua, sẽ giúp cho tụi nhỏ có những suy tư đúng đắn, những hành động đẹp trong cuộc sống. Và sau này trên đường đời, nhất là khi gặp những chông gai, vấp ngã, nếu đủ duyên, tụi nhỏ sẽ tìm về với Đạo, tìm thấy từ giáo lý của đức Phật con đường thoát khổ được vui, sống an lạc trong hiện tại và tìm về giải thoát ở tương lai.

Những hạt giống giác ngộ, những duyên lành Phật pháp được gieo trồng ở hôm nay, thầy trò chúng con xin thành kính tri ân Sư, Người đã tạo duyên lành cho chúng con trên con đường tìm về với Đạo. Xin được cảm ơn các cô chú Phật tử ở Tịnh xá đã trợ duyên cho chúng con trong những ngày qua.

Xin nguyện cầu hồng ân Tam Bảo gia hộ cho tất cả chúng sinh, sớm tìm được đường về bờ giác!

TÔI LÀ AI...?

NGÔ THÚY NGA

Có những chiều, tôi lội ngược ra nhánh sông Sài Gòn, rồi nằm soài bên bờ cỏ ngắm những làn mây lơ đãng bay khỏi bầu trời. Chiều lộng gió. Xa xa mé bên kia bờ sông, hình như có ai đang nhen nhúm lên ngọn lửa ngày thơ cay xè mắt. Khói lam chiều bảng lảng bay. Bỗng thấy lòng mình cô liêu đến lạ.

Trước đây và cả bây giờ, tôi chưa bao giờ thấy mình bình thường trong mắt người khác và trong cả mắt tôi. Có những khi cảm giác như đi giữa đám đông mà chỉ riêng mình một thế giới. Cảm giác lạc lõng vô cùng tận. Tôi không hòa nhập được, hay không muốn hòa nhập cũng không biết nữa. Đôi khi, muốn bấu víu vào một cái gì đó để thấy mình vẫn là một con người bình thường như bao người khác, nhưng sao khó quá. Tôi cứ như một người điên giữa cuộc đời vốn rất tỉnh, như một người say giữa cuộc chơi vừa mới bắt đầu. Tôi mụ mị, tôi chạy trốn chính tôi. Nhớ có lần, gặp lại một nhà văn mà tôi vẫn gọi là chị. Sau những nụ cười gượng gạo, chị hỏi: Dạo này em sao? Có ổn không? Tôi... đang tìm câu trả lời cho chị, và hình như cho cả chính mình, đang không biết nói sao thì chị đáp: Chắc là không ổn chút nào đúng không? Chị cũng vậy. Hình như... những người như

tụi mình chưa bao giờ ổn cả. Chị bật cười, tôi cũng bật cười, chẳng vì một lý do nào cả. Ừ! Hình như... chị nói đúng. Hình như... tôi chưa bao giờ ổn cả. Chưa bao giờ thấy mình thật sự bình yên.

Nhiều khi, chỉ muốn bỏ đi đâu đó thật xa, không gặp gỡ, không chuyện trò, và không có bất kỳ một liên lạc nào với ai. Tôi nghĩ nhiều đến một hốc đá nào đó, chui tọt vào trong, và viết, và bằng lòng với những điên rồ không giống ai của mình. Tôi không chắc mình đang sống với sự cô đơn, đang sống với nỗi buồn do chính mình tạo ra. Nhưng... tôi sợ âm thanh, tôi sợ những ồn ào của cuộc sống. Và... tôi sợ lòng người. Tôi sợ cái mặt nạ mỗi người vẫn đeo khi đứng trước một ai đó. Sợ những nụ cười không chân thật, và sợ niềm tin vốn dĩ đã mong manh sẽ vỡ òa một ngày nào đó. Tôi cũng có mặt nạ, tôi đeo mặt nạ khi đối diện với ngay cả chính bản thân mình. Tôi không đủ lòng tin để phó mặc cho số phận, không đủ liều lĩnh để làm những điều mình thích, và... không đủ sự thuần thành để nghiêng mình trước đấng tối cao và cúi xin họ chở che.

Hình như... tôi đang sống cuộc sống nửa vời, cái gì cũng nửa vời hết thảy, nên cứ thấy chông chênh, nên cứ thấy mình đang mấp mé nơi bờ vực, không biết sẽ rơi hay sẽ bấu víu vào cuộc đời. Có những lúc... muốn co rúm, muốn vo tròn mình lại, nhưng đôi khi lại cuống cuồng đi tìm chút sẻ chia. Tôi không biết cuộc sống này đang càng lúc càng cô đơn hay chính tôi đang càng lúc càng thấy mình lạc lõng. Tôi không tìm được chính mình trong thế giới ảo mà ai ai cũng đâm đầu vào sớm tối, càng không tìm được chính tôi giữa thế giới thực đầy mệt mỏi và khổ đau này. Thấy mọi thứ đều là tạm bợ, đều là ảo ảnh và mơ hồ. Không ít lần tự đi tìm chính mình, rồi bật khóc, rồi bất lực không biết mình là ai, mình từ đâu tới và mục đích của mình trong cuộc sống này là gì. Thấy sống mà sao khổ quá, chịu đựng nhiều quá. Có thể tôi đang làm khó chính mình, đang tự giày vò tấm thân mong manh mà mẹ cha cho mang nặng kiếp người. Bản ngã là gì, hình như... tôi cũng không thật sự biết. Có lẽ Vì thế, mà cứ thấy hoang mang. Có lẽ Vì thế, mà cứ thấy mình lạc lõng, bơ vơ giữa muôn vạn người. Có lẽ Vì thế, mà cứ lang thang, cứ cuống cuồng tìm kiếm, được và mất, nhiều khi cũng chẳng thể phân minh.

Tôi là ai? Không thể biết! Thôi thì cứ đi, cứ kiếm tìm thế thôi. Một lúc nào đó tâm thôi vọng tưởng, biết đâu lại tìm ra nơi bắt đầu và kết thúc...

NHƯ MỘT DÒNG SÔNG

NGỌC CHƠN

Vũ trụ hình như đang chuyển mình bằng biết bao nhiêu biến cố dồn dập xảy đến cho con người, từ thiên tai, sóng thần, động đất, băng lở xen lẫn với những biến động do con người gây ra. Chiến tranh, nghèo đói, bạo động bừng bừng sát khí, sôi sụt ở khắp mọi nơi. Không nơi nào là an toàn. Nhìn những diễn biến xảy ra, mọi người đều ngao ngán, băn khoăn, lo lắng và chợt hỏi rằng đời sống nhân loại rồi sẽ đi về đâu?

Đời sống quả thật bất định, vô thường, mà nhiều khi chúng ta chạy theo lối nhỏ, quên mất đường về để cho mảnh trăng vỡ vụn trên vạn nẻo đường sương gió. Đời là những nối tiếp của vô vàn cơn sóng thịnh nộ, cuồng phong, nhịp nhàng, tung tăng, bay nhảy như những mảnh đời trôi qua, có mặt, biến hoá... để khó tìm thấy đâu là bờ bến.

Những diễn biến chung quanh làm chúng ta lo sợ, tìm nơi ẩn náu trong những ảo tưởng để che lấp đi những hoang vắng, cô đơn, mất niềm tin vào cuộc sống, mất hướng đi tương lai, vì cảm thấy trước mặt dày đặc, mịt mù không thấy lối, nên cố sống để thoả mãn những trạng huống tâm sinh lý bị suy sụp của chính mình.

Em từng đổ tuổi xanh trong men rượu
Nhìn tương lai như giọt đắng cà phê
Gào thét lên giữa ánh sáng lập loè
Ôi khói thuốc đốt đời vào hoang tưởng.
Mắt xa dại, bốn bề như tắc lối
Trong tâm hồn dày đặc nỗi ưu tư
Mơ tìm về vườn bến mộng năm xưa
Con thuyền bé chở đời trôi sóng biển.
Em hỏi tôi, đường nào là êm vắng
Con đường nào có đồng cỏ xanh tươi
Con đường nào, có ánh nắng dịu dàng
Có chú bé thả diều trong mơ mộng.
Vội vàng chi, chỗ ngồi em còn đó
Con đường nào chẳng đẹp những ước mơ
Hãy bỏ lòng hoài vọng những xa xăm
Nghe hơi thở chở em vào tâm rộng.
Ở nơi đó, cánh diều là hơi thở
Những ước mơ chẻ nhỏ các vọng trần
Em còn đó bao mùa xuân êm ấm

Khi mở lòng chào đón giọt dương chi.
Mỗi ánh mắt em chở đầy từ ái
Ngôn ngữ xưa còn lại những sẻ chia
Đời vẫn cần em như sóng và nước
Em trở về trong biển giác từ bi...

Khi ánh mắt đã đượm màu sương gió, thân thể rã rời theo năm tháng, để rồi những thao thức về cuộc đời xuất hiện như đã bao lần qua, nhưng cơn say của men chiến thắng khi thấy mình thành công, của cải thật nhiều và bao sở hữu khác, nên cố bám víu để cảm thấy mình hiện hữu, có mặt. Nhưng tự trong tâm vẫn ray rức về sinh tử, về kiếp người và rồi đây, cuộc đời này đi về đâu? Những câu hỏi vẫn hằn nguyên theo năm dài tháng rộng, vẫn là các ẩn số chưa hồi đáp, hỏi để nhận thức được ý nghĩa của đời sống, của các pháp, của muôn sinh vật rất ngắn ngủi trên trái đất này và sẽ không có gì tồn tại mãi và để chúng ta chiêm nghiệm sự ảo hóa, vô thường, để rồi phải làm gì để cho cuộc sống có ý nghĩa chân thật, thú vị và giá trị, hữu ích để cho bước chân đi trên trần gian thong dong, tích cực, tươi sáng, thanh thản. Không phải cứ đặt vấn đề về đời sống vô thường, để rồi vô tình tạo cho mình sự chán nản, bất mãn, lo lắng... Nhưng đó là điều thực tế, hiển nhiên mà mọi người đều trải nghiệm, trực diện, sống thực, nhận thức tinh tế rõ ràng, về Khổ trong Thánh đế thứ nhất của Bốn Thánh Đế.

Con đường là do mỗi người tự chọn, và hạnh phúc hay an lạc, bất hạnh cũng là do chính mình quyết định cho chính mình. Điều đó không nằm ở ngoài, trên những sở hữu vật chất, trên những tài, sắc, danh, lợi, thực, thùy, trên các pháp duyên hợp, vì tất cả đều là chướng ngại có thể làm cho chúng ta bị vong thân, luân chuyển trên các nẻo đường sai lầm, đánh mất ngay chính mình, khi bám víu, chấp trước. Sinh ra trong cuộc đời, nào ai biết để chọn trước nơi mình sẽ sinh ra, nơi quốc gia đến, và cha mẹ là ai v.v... mà đều do nghiệp lực, nghiệp duyên được tạo tác của quá khứ ảnh huởng đến, đưa đẩy, do nhân trổ ra quả, đó là điều hiển nhiên. Luật nhân quả lý giải rõ ràng, để chúng ta nhận thức được mọi hiện trạng của con người trên quả đất này.

Mỗi con người đều có phước báu hoặc nghiệp lực riêng biệt (biệt nghiệp) để có hình hài, thể xác, hoàn cảnh, đời sống khác nhau... Dù sinh trong cùng cha mẹ, gia đình, hay cùng một quốc gia và cha mẹ là cội nguồn đầu tiên để thiết lập những liên hệ tương duyên tương sinh giữa con người với con người, giữa con người với môi trường chung quanh v.v...

Khi trưởng thành, có sự nhận thức, hiểu biết, học vấn... bất cứ người nào cũng đều mong muốn đời sống hạnh phúc, giàu sang, phú quí, danh vọng, nhưng nhiều khi, sự ước vọng của mình là một lẽ, nhưng sự hoàn thiện con đường đi mục đích đó lại bị đổi đến một hướng đi khác, đều do nơi nghiệp lực đẩy đưa vào những hoàn cảnh hay những sự việc không như ý.

Chúng ta có quyền chọn hướng đi của mình trên cuộc đời này, vì mình có tự do để chọn lựa, sống sao cũng là một đời sống. Có thể với đích điểm là học vấn, là giàu sang, là danh vọng, là tiền tài như lẽ thường mà ai nấy đều cho đó là thành công, hạnh phúc trên thế gian này hoặc là sống hoang phí cuộc đời để sống bê tha, trụy lạc, chán nản.

Nhưng, trong con người của chúng ta là do cha mẹ sanh ra, nên trong cơ thể, tinh thần của ta cũng hàm chứa có mặt của tổ tiên, có những liên hệ chằng chịt với quá khứ nguồn gốc và ảnh hưởng đến tương lai. Đánh mất chính mình trong những ảo tưởng phù du cũng là đánh mất cả biết bao nhiêu sự liên hệ, và hoàn thiện chính mình là đền đáp ân sâu nghĩa nặng của tổ tiên, cha mẹ v.v...

Muốn sống cuộc đời có ý nghĩa chân thật, người bạn trẻ cần tìm con đường trở về, sau khi bừng tỉnh cơn mộng. Con đường trước mặt quá mênh mông, khi mà suốt những năm trường, ta đã ươm bồi bao ngã chấp, dính mắc, sở hữu; nhìn lại sau lưng, cảm thấy chỉ còn là những hư ảo cuộc đời, có đó mất đó, vinh đó nhục đó... nên gây những nỗi bất an, hoảng sợ. Ta nhìn lên bầu trời, trời vẫn trong xanh, nhìn đến chung quanh, cuộc đời vẫn tuần tự đi qua, dù ta có kêu gào, than van hay khóc lóc. Ta cúi đầu trên mặt đất, đất vẫn mỉm cười hiền hoà, an nhiên dưới bước chân, dù trong ta đang trút bao cảm xúc vui buồn tuôn xuống... nụ cười của đất vẫn bao dung, hiền hoà, nhẫn nhục.

Thời đại nào cũng đều có những vấn đề của thời đại đó. Tuổi trẻ tôi cũng từng mang tâm trạng bâng khuâng như bạn, buồn nản, chán chường, bi quan v.v... Nhiều khi muốn buông rơi cuộc đời, vì chẳng biết phải làm sao, trước bao nhiêu là vấn nạn dồn đập đến cho chính mình, bạn bè, người thân, chung quanh, đất nước... Ai đã từng kinh qua những xáo trộn của nội tâm, của đời sống, khi cảm thấy cô đơn, lẻ loi, dù là chung quanh có bao nhiêu con người đang có mặt, sẽ hiểu được sự nổi loạn của tuổi trẻ qua những cảm thọ bùng phát nhất thời... Đau chứ, buồn chứ, khổ chứ, vì đó là cảm thọ do tâm xuất hiện, không ai phủ nhận được.

Có nhiều khi,
ngắt vài cọng cỏ
ta hỏi cỏ rằng,
khi lìa thân mình
cỏ có đau không?

Không ai có thể nói rằng, cỏ sẽ không đau, không oằn mình trong cảm xúc, nỗi đau, chịu đựng không lên tiếng, huống chi là con người với thân năm uẩn. Nhưng tuổi trẻ là tuổi đẹp nhất, như cánh đồng xanh bát ngát nhiều màu mỡ cung cấp cho cuộc đời và tuổi trẻ mang nhiều lý tưởng để có thực hiện các ước mơ cho đời sống, cho con người. Chúng ta cần làm đẹp cho tâm hồn chính mình, dấn thân làm ích lợi cho gia đình, cho xã hội và con người cần đến tấm lòng tươi mát, nhiều tâm tư trong sáng, chia sẻ, không thành kiến, không ủy mị, không cố chấp, không ích kỷ... của tuổi trẻ. Cho nên, chúng ta cần phải vươn lên trước những nghịch cảnh, không thể để mình gục ngã trong những thường tình của đời sống, trụy lạc, đánh mất hướng đi, lý tưởng. Giữa những áp lực, những căng thẳng, hoang mang, khủng hoảng về cuộc đời, cuộc sống, chúng ta may mắn bắt gặp được đạo Phật và tìm đến, tiếp cận với nguồn giáo pháp vi diệu của Ngài, không phải để mong được che chở, ban ân, ẩn thân trong những ảo tưởng nào đó, nhưng để học hỏi, thực hành và chuyển hóa tâm mình để có thể an bình, làm quân bình, tự tại phần nào trước những dữ kiện bấp bênh, vô thường. Có phải là chúng ta có quá nhiều hạnh phúc khi được làm con của đức Phật, vì đức Phật đã chỉ rõ tận tường con đường trở về. Từ lời dạy của đức Phật, qua giáo pháp vi diệu xuất phát từ tâm vô lượng từ bi, trí tuệ của Ngài, chúng ta có quá nhiều phương dược đối trị tư tưởng rất đơn giản, nhưng thần hiệu để làm giảm thiểu khổ đau, bất hạnh của nội tâm, và giải tỏa những áp lực của thành kiến, nội kết trong tâm. Lòng ích kỷ sẽ cúi đầu khi tâm từ được mở rộng, tham chấp được giảm thiểu khi thực hành hạnh bố thí, giúp người. Lòng thù hận, ganh ghét bị khuất phục bởi tình thương con người,

Nhành dương rải như tấm lòng biển cả
Bao năm trường ôm ấp cả tuổi thơ
Em hãy đến, nâng niu lời cam lộ
Bước trở về với ngày tháng mênh mông.

Chúng ta hãy cùng nhau tấu lên khúc nhạc đầu đời, khi khởi thấm nhuần những hạt mưa Pháp, tìm thấy lại dòng sông tuổi thơ trong mỗi một bước chân in trên mảnh đất của tâm, để reo vui, mỉm cười, như con chim nhỏ rời xa khỏi lồng, thấy khoảng trời rộng mênh mông. Buổi sáng có đi qua, trưa có về nắng gắt, đêm có dịu dàng như bàn tay ve vuốt cõi tâm, nhưng người lữ khách trên cuộc hành trình đi và đến rồi cánh sen hồng chợt nở giữa bao sóng gió, giữa bụi trần vinh nhục, giữa lửa lòng tịnh diệu, có phải đó là dòng sông một thời ta đã tắm mình trong cuộc nhân sinh.

Để giờ đây khi vạn vật đang đâm chồi nảy lộc trở lại Mùa Xuân mà chúng ta trực nhận, sống với tâm Từ Bi, Hỉ xả... để từ đó, làm cho cuộc đời có ý nghĩa, tươi đẹp, thơm tho trong thế gian này.

NGƯỜI

VIÊN ANH

Trong cuộc sống, khi chúng ta biết tôn trọng những điều tưởng như bình thường, giản dị cũng là lúc ta tự tạo cơ hội cho mình tiếp cận và trải nghiệm những điều tốt đẹp bất ngờ.

Một buổi chiều ngày đầu năm tại ngôi tịnh xá yên bình quen thuộc, nơi tôi trưởng thành với niềm tin tâm linh cùng những bài học đạo lý, và cũng là nơi cho tôi quá nhiều điều thú vị. Những chậu cúc vàng, những chiếc đèn lồng đỏ được trang trí trong khuôn viên tịnh xá khiến lòng người vẫn nôn nao không khí mùa xuân pha lẫn cảm giác êm ả, nhẹ nhàng, tĩnh lặng nơi chốn thiền môn. Sân chùa lác đác vài người ra vào làm công quả và một số người bán hàng rong, chạy xe ôm thường hay tụ họp và nghỉ ngơi nơi dưới tán cây che bóng mát.

Tôi cùng cô bạn thân đang hàn huyên nơi chiếc ghế đá quen thuộc dưới gốc cây Sa la ở sân tịnh xá thì chợt nghe thấy có tiếng gọi từ ghế đá bên cạnh: "Cháu ơi, ra ông nhờ cái này". Vốn đa nghi nên tôi lưỡng lự, rồi cô bạn giục: "Chị cứ ra thử xem sao". Người nhờ vả tôi - một ông già ngồi cạnh chiếc xe lăn, tay cầm cuốn sổ và cây bút: "Cháu viết to cái số điện thoại của chú xe ôm ra hộ ông". Tôi nhận cuốn sổ và

BẠN GIÀ

cây bút, ông nhắc lại: "Clearer and bigger letters". Tôi ngạc nhiên và đáp: "Ok, bigger figures" Ông già vội hỏi lại tôi "You can speak English, can't you"?...

Và thế là cuộc trò chuyện giữa ông và hai chúng tôi bắt đầu. Sự đồng cảm đã xóa bỏ khoảng cách tuổi tác. Một người "bạn" già với hai cô gái trẻ trò chuyện về quan niệm sống bằng Anh ngữ. Có những lúc chúng tôi ngơ ngác như hai cô học trò khi được dạy cách đọc vài từ vựng tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha. Ông nói tiếng Anh rất chuẩn, còn đọc tặng chúng tôi bài thơ tiếng Pháp từ thời xưa khi cha ông dạy. Ông bảo cha ông là thầy dạy chữ Nho, biết cả Pháp văn. Còn ông ngày trước cũng là thầy giáo dạy tiếng Anh, Pháp, biết cả tiếng Tây Ban Nha. Gần nửa năm trước, lúc đi làm công quả ở tịnh xá về đến gần chợ Bà Chiểu thì bị tai nạn. Do có sẵn bệnh tiểu đường nên vết thương ở chân của ông vẫn sưng tấy, không trở lại bình thường được. Khi chúng tôi hỏi tại sao ông không đi đến các bệnh viện lớn để chữa cho dứt hẳn, nét mặt ông trầm buồn: "It costs a lot of money!". Ông quê gốc Nam Định, không có vợ con ở Thành phố Hồ Chí Minh, chỉ có đứa cháu họ mà cũng nghèo lắm. Tôi cũng chỉ biết nghẹn ngào, vì bản thân trước những nghiệp chướng khổ đau của chính mình vẫn có những lúc mơ hồ, lặn lội một cách khó khăn để tìm kiếm lối thoát. Hoàn cảnh éo le của ông là thế, nhưng biết làm sao khi lực bất tòng tâm, chỉ có thể gạt sang những câu nói hài hước khác để xua tan không khí nặng nề. Tôi nhớ đến những câu hội thoại mình thường sử dụng, thông thường khi chia sẻ phong cách văn hóa phương Tây, họ sẽ hỏi đến sở thích, món ăn, du lịch,... Và tôi chuyển chủ đề, gương mặt ông cũng chuyển sắc, bộc lộ niềm vui mừng khi nghe chúng tôi chia sẻ rằng dù tuổi còn trẻ nhưng lại thích rủ nhau đi chùa thay vì cà phê, quán xá. Ông cũng chia sẻ, bản thân ông thì ngày nào cũng đến đây nương tựa Tam bảo, rồi chiều xuống lại ra trước tượng Bồ-tát Quan Thế Âm để trì chú, tụng kinh.

Dường như giữa những khó khăn cơ cực thì phước báu lớn nhất còn lại của ông là được sống trong ánh hào quang của Tam bảo, một nhân duyên quý báu mà nhiều người may mắn trong các khía cạnh khác của cuộc sống đôi khi vẫn chưa gặp được.

Giờ tụng kinh đã đến, trời cũng tối dần, chia tay và ông hẹn lần sau sẽ gặp lại chúng tôi cùng với những câu chuyện thú vị mới! Tôi bước lên Chánh điện tụng kinh mà cảm thấy có gì đó nghèn nghẹn trong lòng! Mới hôm trước Tết, cũng ở ghế đá ấy, tôi đã kéo một người bạn ra chỗ khác khi thấy ông đang ngồi thay băng vết thương lở loét! Tôi đã nghĩ rằng ông là một người bán vé số, hoặc nếu không thì cũng đại loại như vậy! Bởi vì, tôi quan niệm mình có thể giúp họ trong chốc lát bằng chút tài vật nhưng sẽ hạn chế tiếp xúc, trò chuyện để không gặp rắc rối từ sự lừa dối lòng thương hại mà một số người từng tạo ra. Cũng có thể ngụy biện vì cuộc sống đầy dẫy những pha trộn phải - quấy, trắng - đen, hay vì giữa chốn Sài thành phức tạp này đã phần nào hình thành trong tôi những hoài nghi có khi vô cớ.

Giờ đây tôi nhận ra rằng: Trong cuộc sống, khi chúng ta biết tôn trọng và mở lòng với những điều tưởng như bình thường, giản dị cũng là lúc ta tự tạo cơ hội cho mình tiếp cận và trải nghiệm những điều tốt đẹp bất ngờ. Câu chuyện trong ngày đầu năm thú vị nhưng đầy xót xa mà tôi đã được trải nghiệm. Tôi xót xa, thẹn lòng cho thái độ của mình hôm trước đây, xót xa cho một phận đời tri thức phải sống bần hàn cơ cực! Cố gắng hít hơi thở thật sâu, tĩnh tâm lại - tôi nguyện cầu và tin tưởng với sự hộ trì của Tam bảo, và với suy nghĩ tích cực lẫn hiểu biết của bản thân ông sẽ có đủ sức mạnh để vượt qua những chướng duyên trong cuộc độc hành về phía cuối hoàng hôn!

BÁO CÁO
PHÂN ĐÀN TRUYỀN GIỚI KHẤT SĨ

TK. GIÁC HOÀNG và TK. MINH ĐIỆP

Thọ giới là việc hệ trọng trong đời tu. Trong Khế kinh nói: Thọ giới tức là vào ngôi vị Phật. Do đó, trừ những bậc chơn sư thị hiện cõi trần, hoặc những vị ít nhiễm bụi trần thời Phật, khi gặp Phật được Phật khai thị pháp nhãn ly trần, liền đắc quả vị Vô Sanh, còn hầu hết chúng sanh đời mạt pháp, phải thọ giới tướng để đắc giới thể.

Hệ phái Khất sĩ, một trong 3 Hệ phái trong lòng Giáo hội Phật giáo Việt Nam, cũng như hai năm về trước, được HĐTS GHPGVN, Ban Tăng sự Trung ương cho phép, năm nay Ban Tổ chức Đại giới đàn TRÍ ĐỨC thuộc GHPGVN TP. Hồ Chí Minh đã cho phép Hệ phái Khất sĩ mở Phân đàn truyền giới biệt truyền từ ngày 20-25 tháng 10 năm Ất Mùi. Đây là một trong những phương cách tạo điều kiện để các tông phong Hệ phái vừa sinh hoạt chung trong lòng GHPGVN, nhưng vẫn duy trì được đường lối pháp môn hành trì riêng của từng Hệ phái.

I. Ban kiến đàn

Hòa thượng Giác Toàn, với tư cách là Phó Chủ tịch HĐTS GHPGVN, đã được chư Tôn đức trong Hệ phái cung cử Trưởng ban Tổ chức. Hòa thượng đã chỉ đạo Ban Thư ký Hệ phái lập danh sách cung thỉnh chư Tôn đức trong Hệ phái tham gia Ban Điều hành Giới trường, Ban Quản giới tử, Hội đồng Giới sư Đàn giới Tỳ-kheo, Hội đồng Giới sư Đàn giới Sa-di, Ban Khảo hạch giới tử, Ban Dẫn thỉnh.

Các danh sách trên được gởi về Ban Kiến đàn Trí Đức và đồng thời Hệ phái cũng tiến hành các bước cung thỉnh chư Tôn đức trong các Ban và Hội đồng Giới sư (HĐGS) nêu trên.

Tam vị đàn đầu của đàn giới Tỳ-kheo: Hòa thượng GIÁC NHƯỜNG - Hòa thượng Đàn đầu; Hòa thượng GIÁC TƯỜNG - Yết ma A-xà-lê; Hòa thượng GIÁC GIỚI - Giáo thọ A-xà-lê.

Khác với đàn giới Tỳ-kheo Phật giáo Bắc tông là tam sư thất chứng, Giới sư của Hệ phái phải hội đủ 20 vị, do đó, các vị có tên trong danh sách sau được đại chúng cung thỉnh trong HĐGS: HT. GIÁC PHÚC, HT. GIÁC CẦU, HT. GIÁC DŨNG (GĐI), HT. GIÁC HÀ, HT. GIÁC TUẤN, HT. HUỆ TÂM, HT. GIÁC THÔNG, HT. GIÁC PHÁP, HT. GIÁC SƠN, TT. GIÁC NHÂN, TT. GIÁC CẢNH, TT. GIÁC MINH (GĐ III), HT. GIÁC THÀNH, TT. GIÁC TÂY, TT. GIÁC NGUYÊN, TT. GIÁC HẠNH, TT. GIÁC DUYÊN, TT. GIÁC NHUẬN.

Đàn giới Sa-di: Hòa thượng Đàn đầu: Hòa thượng GIÁC TƯỜNG, Yết-ma A-xà-lê: Hòa thượng GIÁC GIỚI; Giáo thọ A-xà-lê: Hòa thượng GIÁC HÀ. Hội đồng Giới sư cũng 20 vị.

Ngoài 20 vị tôn túc trong HĐGS, còn có một số vị được cung thỉnh trong các Ban để vận hành trước và trong khi giới đàn diễn ra: TT. Minh Hóa, TT. Minh Lộc, ĐĐ. Giác Phổ, ĐĐ. Giác Hoàng, ĐĐ. Minh Nghi, ĐĐ. Giác Thọ, ĐĐ. Giác Thăng, ĐĐ. Minh Khải, ĐĐ. Minh Phú, ĐĐ. Minh Điệp, ĐĐ. Minh Thái.

II. Nội dung sinh hoạt tu tập

Giới tử Hệ phái nhập giới trường muộn hơn các giới trường khác 2 hôm là vì trước đó, vào ngày 6

đến 13 tháng 10, các Giới tử đã được các vị Bổn sư cho về Pháp viện Minh Đăng Quang để học khóa "Bồi dưỡng đạo hạnh" một tuần, nhằm thúc liễm thân tâm, trau dồi Tam vô lậu học. Sau đây là lịch trình tu học của các Giới tử.

- Ngày 19/10 năm Ất Mùi:

Trong ngày đầu tiên, các giới tử nhập giới trường Tịnh xá Trung Tâm để ổn định nơi sinh hoạt cá nhân, sắp xếp các tư cụ cần thiết cho việc cầu thọ giới pháp.

Vào buổi chiều, Ban Quản giới tử đã tiến hành làm các thủ tục tiếp nhận 11 giới tử đậu trong kỳ thi khảo hạch của Đại giới đàn Trí Đức cùng 47 giới tử khác về thọ phương trượng tại giới trường của Hệ phái.

Thay mặt cho Ban tổ chức, TT. Minh Hóa, phụ trách quản giới tử đã tiến hành các thủ tục, đồng thời nhắc nhở về oai nghi người tu phải tuân thủ nghiêm những quy định của giới trường, đi đứng phải có oai nghi cũng như thông báo cho các giới tử một số vật dụng không được mang theo, điểm danh và hướng dẫn chỗ nghỉ ngơi.

ĐĐ. Giác Hoàng đã sinh hoạt thanh quy của giới trường, thông báo các lịch học tập, sinh hoạt trong suốt thời gian diễn ra Đại giới đàn Trí Đức tại giới trường tịnh xá Trung Tâm tới các giới tử.

Lễ truyền giới cho các giới tử tại Tịnh xá Trung Tâm được tổ chức vào 19 giờ ngày 3/12/2015 (22/10/ năm Ất Mùi). Trước khi truyền giới, các giới tử được hướng dẫn đăng đàn truyền giới, khảo thí giới luật, duyệt giới, dạy đắp y mang bát, duyệt oai nghi, sám hối 6 căn.

- Ngày 20/10 năm Ất Mùi:

Vào lúc 7 giờ sáng, các giới tử vân tập lên thiền đường để học cách thức đắp y, mang bát, trải tọa cụ... theo nghi của Hệ phái. ĐĐ. Minh Phú đã tận tình hướng dẫn chư huynh đệ thực hiện theo các bước căn bản được lưu lại từ *Luật nghi Khất sĩ*. Thông qua đó, tầm quan trọng của các tư cụ như y, bát, tọa cụ, dao cạo tóc, lược nước, muỗng, kim chỉ... cũng được chỉ dạy cụ thể.

Vào lúc 14 giờ, HT. Giác Toàn - Trưởng ban Tổ chức đã quang lâm giảng đường để sách tấn chư giới tử. Buổi giáo huấn gói gọn trong 40 phút, nhưng đạo tình mà Hòa thượng truyền đạt lại vô cùng sâu sắc. Ngài đã dùng ba pháp ý từ ý nghĩa của danh tự Tỳ-kheo mà triển khai lời dạy của mình. Tỳ-kheo là người xuất gia chính thức trong cửa đạo, là nhân tố căn bản để làm cho Phật pháp trường tồn trên cõi đời này. Do đó, Hòa thượng đã nhấn mạnh: làm Tỳ-kheo phải tu tập để thành tựu ba nghĩa: 1) Khất sĩ: nghĩa là hạ mình xin

ăn thanh tịnh để nuôi sống bản thân mà tu học; trên cầu giáo pháp để phát huy huệ mạng. 2) Bố ma: vì Tỳ-kheo chuyên tu chánh đạo nên ma khiếp sợ; không chỉ có khả năng ra khỏi phạm vi của ma, mà còn có thể chuyển hóa tha nhân không làm quyến thuộc của ma, nên còn gọi "Bố ma". 3) Phá ác: vì Tỳ-kheo tu theo đạo vô lậu Giới Định Tuệ, nên có thể phá được các ác kiến và tư hoặc, nên gọi "Phá ác". Hòa thượng còn đi thăm hỏi từng vị và động viên các giới tử nỗ lực tu hành để trang nghiêm giới thể trong ngày thọ giới.

Sau buổi pháp thoại của Hòa thượng, Ban Quản giới tử đã ôn tập nội dung giáo lý căn bản dựa theo tài liệu của Giới đàn Trí Đức.

- Ngày 21/10 năm Ất Mùi:

Buổi sáng, các giới tử thọ phương trượng giới đàn chính tại chùa Huê Nghiêm đều tham dự lễ Khai mạc. Còn lại các giới tử tại giới trường thì tự ôn tập tại phòng.

Vào buổi chiều, Hòa thượng Giác Giới - Trưởng ban Thường trực Hệ phái Khất sĩ đã viếng thăm và sách tấn các Giới tử của GIỚI ĐÀN TRÍ ĐỨC - PHÂN ĐÀN Hệ phái Khất sĩ.

Hòa thượng đã khuyến tấn các giới tử nên ý thức về việc thọ giới để được đắc giới mới là mục đích chính chứ không phải thọ nhận thủ tục giấy tờ hay hình thức bên ngoài của một Sa-di hay Tỳ-kheo. Đối với một Sa-di trong Hệ phái Khất sĩ phải làm tròn bổn phận của người xuất gia thì sẽ dễ dàng đắc giới hơn. Vì trong thời gian này, các vị Tập sự, Sa-di được rèn luyện trong môi trường đạo đức của Thầy và giúp cho nhân duyên học tu được kiên cố, vững chãi hơn.

Như đức Tổ sư dạy trong "Diệt lòng ham muốn": *"Lìa cha mẹ, bỏ nhà cửa đặng nhập đạo, một lòng quyết chí học hỏi cho rõ chơn tâm, bổn tánh, và hiểu thấu phép vô vi của Phật, tức là thành một vị Tu-đà-huờn"*, còn đối với Thiền tông thì phải kiến tánh, Phật giáo Nguyên thủy thì phải thành tựu Chánh tri kiến. Ngài khẳng định việc tu tập thấy pháp là điều quan trọng đối với việc giải thoát, như ngài Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên thấy pháp mới đạt được mục đích phạm hạnh. Ngày xưa, Bồ-tát Tất-đạt-đa xuất gia vì lý tưởng giải thoát: *"Ta xuất gia như vậy, một người đi tìm cái gì chí thiện, tìm cầu vô thượng tối thắng an tịnh đạo lộ"*. Và sau khi giác ngộ, Ngài tuyên thuyết giáo lý Tứ diệu đế cho 5 anh em Kiều-trần-như, giúp họ mở con mắt huệ.

Đối với người tu phải biết rõ con đường mới mau chóng giác ngộ giải thoát, còn không sẽ phải lặn hụp mãi trong biển luân hồi sanh tử. Và cuối cùng Hòa thượng sách tấn các giới tử phải học tu theo lời Phật, lời Tổ sư là phải có Giới - Định - Tuệ, vì chính Giới - Định - Tuệ là con đường đến Niết Bàn. Đức Tổ sư Minh Đăng Quang cũng có dạy: *"Người Khất sĩ có ba pháp tu học vắn tắt là Giới, Định, Huệ"* (*Chơn lý* "Y bát chơn truyền"). Điều này Ngài cũng dạy cho hàng cư sĩ bạch y: *"Bước chân vào cõi đời gian nguy, người cư sĩ phải cần đem theo Giới, Định, Huệ"* (*Chơn lý* "Cư sĩ). Giới là nền tảng để đạt Định và Huệ "Giới năng sanh Định, Định năng phát Huệ". Và quan trọng hơn trong việc đăng đàn thọ giới là phải có niềm tin nơi Giới Định Huệ, vì chính niềm tin này đưa đến mục đích phạm hạnh của người xuất gia giải thoát. Cho nên, đức Tổ sư Minh Đăng Quang thực hành phương châm "Nối truyền Thích-ca Chánh pháp" cũng là nối truyền Giới Định Huệ này.

Sau bài sách tấn của Hòa thượng, Ban Quản giới tử tiếp tục ôn tập nội dung về Luật nghi và kiến thức căn bản của Hệ phái. Nội dung ôn tập liên hệ đến cuộc đời đức Tổ sư, Giới Tỳ-kheo, Bài học Sa-di, Tinh hoa Chơn lý và kiến thức căn bản Phật pháp khác.

- Ngày 22/10 năm Ất Mùi:

Theo như ấn định, đúng 7 giờ sáng, các giới tử Tỳ-kheo và Sa-di đồng tham gia kỳ thi kiểm tra tại giảng đường. Phần thi trắc nghiệm bao gồm 100 câu, 50 câu nội điển Hệ phái và 50 câu giáo lý căn bản của

giới đàn Trí Đức. Trải qua một tiếng đồng hồ thi, các giới tử vân tập lên chánh điện để tụng thời kinh sám hối tam nghiệp và lạy sám hồng danh cho thân tâm trong sạch trước ngày thọ giới.

Trong buổi sáng này, Hòa thượng Thích Trí Quảng - Trưởng ban Kiến đàn cùng với Thượng tọa Thích Đồng Văn (Thư ký Đại Giới đàn) đã quang lâm thăm viếng giới trường, giới tử và chư Tôn đức trong Phân đàn truyền giới Khất sĩ. Đồng thời Hòa thượng còn gởi tịnh tài do quý Phật tử đạo tràng Pháp Hoa cúng dường giới tử.

Vào 14 giờ, chư Tôn đức Hội đồng Giới sư quang lâm giới trường và họp trù bị để kiểm tra danh sách giới tử, triển khai kế hoạch khảo bài và tấn đàn truyền giới. Đến 16 giờ, chư Tôn đức quang lâm giới đàn để khảo hạch các nội dung: 250 giới, 10 giới Sa-di, Môn oai nghi, 37 câu chú nguyện, 24 bài kệ tụng và 30 câu kinh Pháp Cú.

Đến 19 giờ, Ban Dẫn thỉnh cung thỉnh Hội đồng Giới sư quang lâm chánh điện đảnh lễ Tam Bảo, cung an Hội đồng Giới sư và chứng minh cho các giới tử phát nguyện thọ giới. Sau lời khai đạo giới tử của Hòa thượng Giác Giới, chư Tôn đức quang lâm giới đàn và lần lượt truyền giới cho 16 đàn Tỳ-kheo và các đàn giới Sa-di.

- Ngày 23/10 năm Ất Mùi:

Các giới tử Ni chí thành qua Giới trường Tịnh xá Trung Tâm, đảnh lễ cầu thọ Chánh pháp và cử hành lễ Tạ pháp Hội đồng Giới sư Tăng và Giới sư Ni. Sau đó các giới tử lưu lại giới trường thêm một ngày để Ban Tổ chức sinh hoạt về các nội dung liên quan đến đời sống phạm hạnh của một vị Tỳ-kheo và một vị Tỳ-kheo-ni.

- Ngày 24/10 năm Ất Mùi:

Các vị giới sư và các giới tử vừa đắc giới thực hiện hạnh khất thực hóa duyên để khắc sâu hình ảnh và lời dạy của đức Phật thế nào là Chánh mạng của một vị Tỳ-kheo và đời sống chân chánh phải là một vị Khất sĩ Sa-môn.

IV. Kết quả

- Trong số 49 giới tử cầu thọ giới pháp Tỳ kheo, có 48 vị trong Hệ phái và một vị thuộc Hệ phái Khất sĩ Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng cầu xin thính giới. Trải qua kỳ thi trắc nghiệm và khảo hạch, có 2 vị không đủ tiêu chuẩn thọ giới. Nên tổng số giới tử được thọ giới Tỳ-kheo là 47 vị.

- Các giới tử Sa-di gồm 10 vị đều đủ điều kiện thọ giới.

- Kết quả đạt được qua các kỳ thi vô cùng khả quan. Các giới tử đều hoàn thành tốt các phần thi. Trong đó, các giới tử xuất sắc được Ban Tổ chức tuyên dương và trao quà khích lệ tinh thần tu tập. Các giới tử Tỳ-kheo được phần thưởng khích lệ: Đồng hạng Nhất: 98,5 điểm, gồm: Giác Minh Đại (GĐ. III); 2. Minh Phước (GĐ. V). Hạng nhì: 97,5 điểm, Minh Anh (GĐ. IV). Đồng hạng Ba: 96,5 điểm, gồm Giác Đăng Thọ (GĐ. I) và Giác Minh Hồi (GĐ. III).

Nói tóm lại, Phân đàn truyền giới Trí Đức của Hệ phái năm 2015, số lượng thọ Tỳ-kheo chính thức để được cấp điệp đàn quá ít so với quy mô của một tổ chức Hệ phái. Sở dĩ như vậy là vì các Ban Trị sự Phật giáo một số tỉnh / thành chưa tạo điều kiện ký giấy tờ cho các giới tử được thọ giới do Hệ phái tổ chức thuộc Phân đàn truyền giới do GHPGVN tổ chức tại TP. HCM. Tuy nhiên, các bước tiếp nhận giới tử, truyền dạy những bài học kinh luật căn bản, cách dò bài, v.v... có sự đầu tư của các vị giáo thọ và Ban Quản giới tử.

Rất mong HĐTS, Ban Tăng sự Trung ương quan tâm, có văn thư chỉ đạo để các giới tử thuộc Hệ phái Khất sĩ thuộc các tỉnh / thành được về giới đàn Hệ phái tổ chức để giới tử được thọ trì giới pháp trong Hệ phái, đúng tinh thần của Hiến chương của GHPGVN: *"Thống nhất ý chí và hành động, thống nhất lãnh đạo và tổ chức; đồng thời vẫn tôn trọng và duy trì các truyền thống Hệ phái, cũng như các pháp môn và phương tiện tu hành đúng Chính pháp"* (Lời nói đầu của Hiến chương GHPGVN, đã sửa đổi lần thứ V).

CÔNG TÁC TỔ CHỨC ĐIỀU HÀNH GIỚI ĐÀN TẠI GIỚI TRƯỜNG NGỌC PHƯƠNG

PL. 2559 - DL.2015

BAN THƯ KÝ

Năm 2013, Đại Giới đàn Quảng Đức do Ban Trị sự Thành hội Phật giáo TP.HCM tổ chức là một giới đàn có ý nghĩa lịch sử trong các giới đàn do Ban Trị sự Tỉnh / Thành Phật giáo tổ chức, vì đã có sự quan tâm đến các nghi thức truyền giới biệt truyền của các Hệ phái. Chính từ giới đàn này, Hệ phái Khất sĩ đã được Ban Thường trực HĐTS GHPGVN và Ban Trị sự GHPGVN TP.HCM cho phép truyền giới tại 2 địa điểm: Tịnh xá (TX.) Trung Tâm (Giới tử Tăng) và TX. Ngọc Phương (Giới tử Ni).

Điều này đã thể hiện được tinh thần hòa hợp đoàn kết thống nhất trong Giáo hội, như trong Lời Nói đầu của Hiến chương GHPGVN: *"Thống nhất ý chí và hành động, thống nhất lãnh đạo và tổ chức; đồng thời vẫn tôn trọng và duy trì các truyền thống Hệ phái, cũng như các pháp môn và phương tiện tu hành đúng Chính pháp"*, và cũng hoàn thành được nguyện vọng của Tăng Ni Hệ phái sau hơn 30 năm gia nhập Giáo hội và đã có những đóng góp tích cực trong các Phật sự chung của Giáo hội.

Về mặt công tác tổ chức, điều hành, hồ sơ xét tuyển đều theo quy định và lịch trình thời gian chung của Ban Tổ chức Đại Giới đàn đề ra, nhưng các giới trường biệt truyền của mỗi Hệ phái đều có những đặc thù riêng, giữ gìn được truyền thống tu học truyền thọ giới pháp của Hệ phái.

Ban Điều hành, Hội đồng Giới sư, Ban Giám khảo, Ban Quản giới tử

Giới trường Ngọc Phương tiến hành tổ chức giới đàn theo quy định và lịch trình thời gian chung của Ban Tổ chức Đại Giới đàn đề ra, dưới sự hướng dẫn trực tiếp của NT. Tràng Liên - đương kim Trưởng Ni giới HPKS, Trưởng ban Điều hành Giới trường;

NT.Ngoạt Liên, Phó ban Điều hành Giới trường, cùng với quý Ni trưởng trong Ban Điều hành.

Ban Thư ký dưới sự chỉ đạo trực tiếp của NT. Viên Liên - Chánh Thư ký NGHP kiêm Chánh Thư ký Ban Điều hành Giới trường, hoàn thiện các công tác soạn văn bản, thư thỉnh Hội đồng Giới sư, Ban Giám khảo, Ban Quản giới tử; biên tập lời khai đạo của quý Hòa thượng, Ni trưởng, cùng các bài cảm tưởng của giới tử để làm Kỷ yếu giới đàn...

Hội đồng Giới sư của ba đàn giới phẩm cùng với chư Tôn đức Ni, Ban Điều hành, Ban Hộ đàn, Ban Giám khảo, Ban Quản giới tử, Ban Dẫn thỉnh với số lượng gần 100 vị. Quý Ni trưởng, Ni sư các miền tịnh xá, từ miền Trung cho đến miền Nam, miền Cao nguyên, miền Đông và miền Tây Nam Bộ đều quang lâm về Giới trường Ngọc Phương, đương vi vào các nhiệm vụ đã được cung thỉnh. Nhất là Ban Quản giới tử do NT. Phục Liên làm Trưởng ban cùng 4 vị Phó ban là NS. Lệ Liên, NS. Minh Liên, NS. Hạnh Liên, NS. An Liên đã về giới trường Ngọc Phương từ sáng ngày 17 âm lịch để triển khai công tác của Ban, đồng thời có mặt xuyên suốt thời gian tổ chức giới đàn, cùng quý Ni trưởng trong Ban Điều hành, quản lý hướng dẫn giới tử trong các sinh hoạt khảo thí, dự lễ khai mạc, tu học, nghe giảng, tấn đàn v.v...

Hồ sơ giới tử

Hồ sơ hợp lệ của giới tử nộp Ban Trị sự gồm có: 14 hồ sơ Tỳ-kheo-ni, 25 hồ sơ Thức-xoa-ma-na, 27 hồ sơ Sa-di-ni. Tổng cộng 66 hồ sơ.

Trong kỳ thi khảo hạch giáo lý tại chùa Huê Nghiêm, có 11 Tỳ-kheo-ni, 21 Thức-xoa-ma-na và 27 Sa-di-ni tham gia. Tổng cộng 59 giới tử tham gia khảo hạch đều được trúng tuyển; và 7 giới tử tự động không tham gia khảo hạch vì nhiều lý do khác nhau.

Ngoài ra, còn có 5 giới tử xin thọ phương trượng: 1 giới tử Tỳ-kheo-ni và 4 giới tử Sa-di-ni.

Tất cả 64 giới tử này đều thông qua kỳ thi khảo hạch về Giới luật, Kinh tụng và giáo lý theo quy định của Hệ phái.

Như vậy, tổng cộng có tất cả 64 giới tử đăng đàn cầu thọ giới pháp: 12 giới tử Tỳ-kheo-ni, 21 giới tử Thức-xoa và 31 giới tử Sa-di-ni.

Thời gian tập trung, sinh hoạt, truyền giới

- Ngày 11 tháng 10 âm lịch, các giới tử bắt đầu tham gia kỳ thi khảo hạch tại chùa Huê Nghiêm - Quận 2.

- Sáng ngày 17 tháng 10 âm lịch, toàn thể giới tử Ni thuộc Hệ phái Khất sĩ đã tập trung tại giới trường Ngọc Phương. Chiều cùng ngày, Ni trưởng Trụ trì Tổ đình Ngọc Phương, NT. Tân Liên - Viện chủ TX. Ngọc Quang - Gò Công, đã khai đạo giới tử. Trong buổi khai đạo còn có NT. Phục Liên, NT. Tố Liên, NT. Viên Liên cùng chư Tôn đức Ni trong Ban tổ chức tại giới trường Tịnh xá Ngọc Phương cũng tham dự. Sau khi quý Ni trưởng chứng minh khai đạo giới tử, NT. Viên Liên, Chánh Thư ký NGHP đã trình bày thanh quy của Đại Giới đàn tới toàn bộ các giới tử và chia chúng, phổ biến nội quy giới trường cho các giới tử biết.

Đặc biệt, trong thời gian tổ chức giới đàn, giới trường Ngọc Phương vinh hạnh được cung đón chư Tôn đức trong Ban Tổ chức Đại Giới đàn Trí Đức do HT.Thích Trí Quảng, Phó Chủ tịch HĐTS, Trưởng BTS PG TP.HCM, Trưởng ban Tổ chức cùng chư Tôn đức đến thăm và sách tấn giới tử vào sáng ngày 19.10 âl. Tháp tùng đoàn còn có HT.Thích Như Tín, Phó BTS GHPGVN TP.HCM kiêm Phó Ban tổ chức; HT.Thích Thiện Minh, Trưởng BTS GHPGVN.Q.2 cùng chư Tôn đức trong Ban Thư ký Đại Giới đàn.

Tại buổi thăm, Hòa thượng Trưởng ban Tổ chức đã có lời sách tấn đến với toàn thể giới trường. Hòa thượng cho biết, năm nay Ban tổ chức đã tổ chức 8 giới trường khác nhau để hướng dẫn, giáo giới và truyền giới cho được thuận tiện và hợp với nghi thức của các truyền thống hơn. Đặc biệt, ở Hệ phái Khất sĩ có 2 giới trường truyền giới khác nhau - tại Tịnh xá Trung Tâm dành cho Tăng và tại Tịnh xá Ngọc Phương dành cho Ni (toàn bộ bài giảng của Hòa thượng được in trong Kỷ yếu giới đàn).

Sáng ngày 22, HT.Thích Trí Quảng, Trưởng Ban tổ chức Đại Giới đàn Trí Đức, Trưởng ban Trị sự GHPGVN TP.HCM, và chư Tôn đức trong Ban Tăng sự GHPGVN TP.HCM đã quang lâm giới trường Tịnh xá Ngọc Phương để thăm và trao tặng tịnh tài đến các giới tử.

- Từ ngày 18 đến 21: Các giới tử được nghe NT. Tố Liên, NS. Tín Liên, NS. Phụng Liên, NS. Tuệ Liên, SC. Trí Liên,... giảng dạy về giáo lý, tiểu sử Tổ sư, tiểu sử cố Ni trưởng, lịch sử Hệ phái, 4 quyển Luật, nghi thức tấn đàn...

7 giờ sáng ngày 20 tháng 10, Ban Giám khảo của giới trường Ngọc Phương do NT. Tân Liên làm Trưởng ban đã có buổi họp để triển khai công tác khảo hạch giới tử, về các nội dung khảo hạch, thang điểm, phần thưởng dành cho giới tử xuất sắc v.v... Đúng 8 giờ, lễ khai mạc khảo hạch dưới sự chứng minh của Ni trưởng Trụ trì Tổ đình Ngọc Phương, NT. Tân Liên - Viện chủ TX. Ngọc Quang - Gò Công, cùng quý Ni trưởng trong hàng giáo phẩm chứng minh. Sau lời giáo giới của quý Ni trưởng, Ban Giám khảo giới trường Ngọc Phương gồm 17 vị giám khảo đã khảo hạch các giới tử về những nội dung: Kinh tụng, Giới luật của Hệ phái, tiểu sử Tổ sư, tiểu sử cố Ni trưởng...

Giới tử Tỳ-kheo-ni trả bài: 348 giới Tỳ-kheo-ni, Kệ luật, tiểu sử đức Tổ sư, tiểu sử Đệ nhất cố Ni trưởng.

Giới tử Thức-xoa: 114 điều luật, giới Thức-xoa, Quy Sơn cảnh sách.

Giới tử Sa-di-ni: Nghi thức cúng dường (Kinh cúng dường, Kinh Phước thí, Cầu nguyện Trai Tăng), 10 Giới của Sa-di-ni, Oai nghi của Sa-di-ni, Kệ chú nguyện.

Ngoài ra, giới tử 3 giới đàn còn phải khảo hạch về các câu hỏi giáo lý.

Tất cả 64 giới tử đều đạt điểm rất cao trong kỳ thi khảo hạch về giới luật, kinh tụng, giáo lý theo quy định của Hệ phái, Vì thế, năm nay quý Ni trưởng đã quyết định tặng phần thưởng đồng hạng cho tất cả các giới tử.

Tối 20, quý Ni sư, Sư cô trong Ban Dẫn thỉnh và Ban Quản giới tử đã hướng dẫn giới tử sám hối, nghi thức tấn đàn...

Sáng ngày 21 tháng 10, quý Ni trưởng, Ni sư cùng toàn thể giới tử đã tham dự lễ Khai mạc giới đàn tại chùa Huê Nghiêm.

Chiều cùng ngày, chư Tôn đức trong Ban Điều hành, Hội đồng Giới sư họp để bàn về các khâu tổ chức giới đàn, xét duyệt giới tử, nghi thức truyền giới cùng các quy định xuất gia xuống tóc, thọ giới trong Hệ phái...

Sáng ngày 22 tháng 10 truyền giới cho các giới tử Sa-di-ni và Thức-xoa-ma-na. Chiều cùng ngày truyền giới cho giới tử Tỳ-kheo-ni.

Buổi lễ truyền giới rất trang nghiêm do Ni trưởng đương kim Trưởng Ni giới HPKS làm Hòa thượng Đàn đầu, Ni trưởng Trụ trì Ngọc Phương làm Yết-ma A-xà-lê, Ni trưởng Viện chủ TX. Ngọc Quang làm Giáo thọ A-xà-lê cùng với 7 vị Tôn chứng và 10 vị Hộ đàn chứng minh mỗi đàn.

Sáng ngày 23, quý Ni trưởng đã hướng dẫn giới tử tại giới trường Tịnh xá Ngọc Phương qua TX. Trung Tâm để trình Đại Tăng cầu thọ Chánh pháp và tham dự lễ Bế mạc chung.

Qua sự dẫn thỉnh của NS. Tuệ Liên, các giới tử đã đảnh lễ cung thỉnh chư Tôn đức Tăng quang lâm giới trường Tịnh xá Trung tâm để làm lễ Yết-ma cho các Tỳ-kheo-ni mới được truyền giới tại giới trường Tịnh xá Ngọc Phương.

Cung thỉnh HT. Giác Nhường làm Hòa thượng Đàn đầu; HT. Giác Tường làm Yết-ma A-xà-lê; HT. Giác Giới làm Giáo thọ A-xà-lê; HT. Giác Phúc, HT. Giác Toàn, chư vị Tôn chứng, cùng Hội đồng Thập sư Ni Hệ phái Khất sĩ quang lâm chứng minh. HT. Giác Nhường đã trao truyền giới pháp cho các giới tử Tỳ-kheo-ni để viên thành giới thể trang nghiêm, chính thức bước vào hàng Tăng chúng.

Sau lễ Cầu thọ Chánh pháp là lễ Bế mạc. Trong lễ Bế mạc, được sự quang lâm chứng minh tham dự của chư Tôn đức trong Ban Điều hành, Hội đồng Giới sư, Ban Giám khảo, Ban Quản giới tử, Ban Dẫn thỉnh cùng với sự hiện diện của toàn thể giới tử trong niềm hân hoan đã thành tựu giới thể, đắc được giới tướng, để trang nghiêm tự thân, tấn tu đạo nghiệp.

Tân Tỳ-kheo Giác Minh Tôn đã đại diện cho các giới tử Tăng; tân Tỳ-kheo-ni Ngân Liên, đại diện cho các giới tử Ni, đã bày tỏ tấm lòng thành kính cảm niệm tri ân dâng lên chư Tôn đức Ban Điều hành, chư Tôn đức Giới sư, Ban Giám khảo, Ban Quản giới tử, Ban Dẫn thỉnh.

Trong buổi lễ Bế mạc, HT. Giác Giới đại diện cho chư Tôn đức Giới sư đã có lời phát biểu sách tấn và tán thán tinh thần cầu học giáo pháp của chư vị tân Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa ma-na, Sa-di, Sa-di-ni.

Sau đó, HT. Giác Toàn đã thay mặt chư Tôn đức có lời huấn từ đến với giới tử, nên ý thức về việc thọ giới để được đắc giới, nên giữ gìn giới pháp trang nghiêm để làm hành trang trên lộ trình giác ngộ, giải thoát mới là mục đích chính chứ không phải thọ nhận thủ tục giấy tờ hay hình thức bên ngoài của một Sa-di hay Tỳ-kheo.

Ngày 24, chư Tôn đức Hội đồng Giới sư, Ban Tổ chức Giới đàn đã quang lâm về Tịnh xá Trung Tâm, cùng Hòa thượng Giác Thanh và chư Tôn đức Tăng lãnh đạo Hệ phái, đã hướng dẫn chư vị giới tử tân thọ Giới pháp đảnh lễ Tam Bảo và thực hành hạnh trì bình khất thực.

Sau khi khất thực hóa duyên, Tăng đoàn đã câu hội về nơi giảng đường để đảnh lễ Tam Bảo, tụng kinh cầu nguyện và chú nguyện chúc phúc cho thiện nam tín nữ đã phát tâm dâng cúng trong lúc Tăng đoàn khất thực hóa duyên. Sau đó Thượng tọa Giác Minh (GĐ III) đã đãi lao chư Tôn đức lãnh đạo Hệ phái có đôi lời khuyến tấn chư vị tân thọ giới nhằm giúp các vị thấy được tầm quan trọng của việc hành trì hạnh khất thực hóa duyên trên con đường tu tập và tán thán hàng Phật tử về việc cúng dường đúng pháp đến hàng xuất gia giải thoát.

PHÁT NGUYỆN THỌ ĐẠI GIỚI GIỚI ĐÀN TRÍ ĐỨC 2015 TẠI GIỚI TRƯỜNG TX. TRUNG TÂM

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Cung kính ngưỡng bạch chư Tôn Hòa thượng Đàn đầu, Yết-ma A-xa-lê và Giáo thọ A-xà-lê,

Ngưỡng bạch chư Tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Giới sư và Ban Kiến đàn,

Hôm nay, trong không khí trang nghiêm trước giờ cung thỉnh chư Tôn đức quang lâm giới đàn truyền giới tại Giới trường Tịnh xá Trung Tâm, chúng con xin đại diện giới tử thành kính đảnh lễ chư Tôn đức kính dâng lời phát nguyện cầu thọ giới pháp.

Kính bạch chư Tôn đức,

Chúng con được học từ Kinh Di Giáo, có đoạn chép rằng: Trước khi đức Phật nhập Niết Bàn, Ngài đã dạy rằng: *"Sau khi ta diệt độ, các con hãy tôn trọng trân quý giới luật như đi trong đêm tối được gặp đèn, như người nghèo khó gặp được châu báu. Giới luật chính là vị "Thầy" cao cả của các con, dù Ta còn thường trú tại cõi đời cũng không khác gì".*

Một người đi trong đêm tối muốn thoát khỏi hố thẳm vực sâu cần được ngọn đèn bao nhiêu, thì khi gặp được ngọn đèn, họ sẽ quý báu bấy nhiêu. Như kẻ nghèo khổ đói rách cần tiền của bao nhiêu, thì khi gặp châu báu, tiền bạc họ sẽ giữ gìn cẩn trọng bấy nhiêu. Nền móng căn bản của giác ngộ đặt trên nền tảng giới luật. Chúng con lại là những người tối tăm vì vô minh, đói khổ, thiếu thốn sự giác ngộ, giải thoát, vì lẽ đó nên chúng con vô cùng kính quý giới pháp của Phật, không khác gì những người đi trong đêm tối gặp được ánh đèn, như kẻ nghèo gặp được châu báu. Chính những giới pháp đức Phật đã thành tựu viên mãn và sau bao nhiêu công phu tu hành, đạt thành chánh quả, Ngài đem giáo pháp đó dạy lại cho chúng ta xem như là pháp thiền huệ mạng của cả chính Ngài.

Kính bạch chư Tôn đức,

Chính giờ phút này là giờ phút quyết định, quyết định cho đời mình hôm nay và ngày mai để trở thành một vị Tăng, đứng trong hàng ngũ Tăng Bảo, góp một phần vào việc hoằng dương Chánh pháp, duy

trì Chánh pháp để cứu trụ thế gian, mà nếu không thì ngược lại đã không lợi ích cho mình mà còn góp phần vào việc làm cho Phật pháp chóng suy vong.

Do đó, trong giờ phút thanh tịnh này, chúng con thành kính đảnh lễ Tam Bảo, đức Tổ sư, chư đức Thầy và hiện tọa đạo tràng chư Tôn đức để cầu thọ đại giới. Chúng con nguyện đem hết tâm thành khát ngưỡng thọ nhận giới luật được chơn truyền từ chư Tôn đức để giới thể được viên mãn. Chúng con xin nguyện giữ giới luật trong sạch, khép mình trọn vẹn trong oai nghi, nết hạnh ở chốn đông người và ở nơi không người. Nguyện đi theo con đường Tứ Y pháp của tông môn Khất sĩ để mỗi nơi đến tu học và hành đạo đều nêu cao tấm gương trọn lành của Tổ Thầy từ xưa.

Chúng con thành kính tri ân chư Tôn Giáo phẩm Hệ phái đã trở về đông đủ để truyền trao giới pháp tại giới trường Tịnh xá Trung Tâm. Cầu nguyện hồng ân Tam Bảo gia hộ chư Tôn đức pháp thể khinh an, tuệ đăng thường chiếu, đạo quả viên thành để làm chỗ dựa nương Giới Định Tuệ cho hàng hậu chúng con hôm nay và mãi về sau này.

Nam Mô Chứng Minh Sư Bồ-tát Ma-ha-tát tác đại chứng minh.

KHÓA TU TRUYỀN THỐNG KHẤT SĨ LẦN THỨ 17 VÀ 18 CỦA HỆ PHÁI

TK. GIÁC HOÀNG

Kính bạch chư Tôn đức Giáo phẩm,

Kính thưa toàn thể độc giả,

Tiếp nối sự thành công các khóa tu lần trước, trong 6 tháng cuối năm Ất Mùi - 2015, chư Tôn đức Giáo phẩm Hệ phái đã tổ chức thành công viên mãn hai khóa tu Truyền thống Khất sĩ. Sau đây là những điểm chính của hai khóa tu:

1) Thời gian, địa điểm và số lượng hành giả

Khóa tu lần thứ 17 do Giáo đoàn V đăng cai tổ chức tại Tịnh xá Ngọc Thạnh (xã Hội Bài, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) từ ngày 4 - 11/9 Ất Mùi (16-23/10/2015) với số lượng hành giả là 131 vị, gồm 5 vị Hòa thượng, 8 vị Thượng tọa, 81 vị Đại đức - Tỳ-kheo và 37 Sa-di.

Tịnh xá Ngọc Thạnh là địa điểm lần thứ 2 được Giáo đoàn V chọn làm điểm đăng cai khóa tu cho Hệ phái. Sở dĩ như vậy là vì địa điểm u nhàn tịch mặc, vườn cây rợp bóng, không gần dân cư, cơ sở vật chất lại đầy đủ. Hòa thượng Viện chủ lại là Tăng trưởng của Giáo đoàn V. Đại đức Giác Phương - Trị sự tịnh xá lại là một vị nhiệt huyết, có tâm phụng sự đại chúng. Dĩ nhiên, khóa tu lần này cũng như lần trước, được sự hỗ trợ hết sức mình từ chư Tôn đức lãnh đạo Giáo đoàn V, đặc biệt là Hòa thượng Giác Hà - Trị sự trưởng Giáo đoàn V và Hòa thượng Giác Pháp.

Khóa tu lần thứ 18 do Giáo đoàn VI đăng cai tổ chức tại Tịnh xá Ngọc Như (xã Hảo Đước, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh). Tịnh xá do Đại đức Minh Đăng trụ trì. Là một vị Đại đức trẻ trong Giáo đoàn VI nhưng lại có tâm huyết và năng lực phụng sự Phật pháp. Trong vòng 5 năm trở lại, Đại đức đã nỗ lực xây dựng tịnh xá thành một cơ sở khang trang, đáp ứng đủ cho một khóa tu Hệ phái. Hầu hết các vị Tôn túc trong Hệ phái, khi chưa đến Tịnh xá Ngọc Như, đều hơi băn khoăn cho một cơ sở vùng sâu. Nhưng khi đến nơi, tất cả đều hoan hỷ cho sự chuẩn bị chu đáo của Đại đức Minh Đăng nói riêng và Giáo đoàn VI nói chung. Tổng cộng hành giả tham dự là 112 vị.

2. Ban Tổ chức, Giáo thọ và thời khóa

Hòa thượng Giác Toàn - Trưởng ban Tổ chức các khóa. HT. Giác Giới - Phó ban Tổ chức kiêm Thiền chủ các khóa. HT. Giác Hà - Phó ban Tổ chức khóa, kiêm Hóa chủ khóa thứ 17, HT. Giác Tuấn - Phó ban Tổ chức kiêm Hóa chủ khóa thứ 18. Chư Tôn đức khác: HT. Giác Pháp, HT. Minh Bửu, HT. Giác Trí, TT. Giác Minh (GĐ II), TT. Giác Nhân,... tùy theo mỗi khóa có những vai trò khác nhau. Trong hai khóa vừa qua, Ban Tổ chức Hệ phái cung thỉnh một số vị Tôn túc như HT. Giác Hà, HT. Giác Pháp, HT. Minh Bửu đảm nhiệm việc thuyết giảng, chia sẻ trách nhiệm với Hòa thượng Thiền chủ.

HT. Giác Trí, TT. Giác Nhân, TT. Giác Minh đảm nhiệm vai trò chia sẻ pháp đàm với hành giả. Hòa thượng Thiền chủ đảm nhiệm vai trò đúc kết.

Thời khóa tu học 2 khóa cuối năm Ất Mùi cũng giống như các khóa trước: Bắt đầu từ 3g45 và kết thúc một ngày tu học lúc 9g30. Mỗi ngày có 5 thời thiền tọa, 3 thời thiền hành, 1 thời học Chơn lý, 1 thời thiền đàm, 1 thời sám hối. Giờ điểm tâm và độ ngọ trong chánh niệm và hòa chúng.

3. Nội dung học tập

Khóa thứ 17, Hòa thượng Thiền chủ giảng *Chơn lý* "Tông giáo". Hòa thượng nhấn mạnh đến ý pháp mà Tổ sư đã dạy: *"Tăng chúng tu học Giới Định Tuệ, kẻ cao người thấp, chứ không phải là khác đạo, khác giáo Pháp"*; *"Ai cũng phải cho được toàn học, toàn giác, toàn năng, chứ đừng giữ riêng cái sơ giác, độc giác, hay cái giác thiếu kém; chỉ có Giới Định Tuệ là phải tu học, chứ không có thừa gì cả"*; *"các sư là phải đoạn nhứt thiết ác, tu nhứt thiết thiện, độ nhứt thiết chúng sanh mới phải là người tu Phật đạo"* v.v...

Khóa thứ 18, Hòa thượng lại giảng về 3 pháp căn bản của người tu: Giới - Định - Tuệ ngang qua 3 quyển *Chơn lý* được tách riêng ra trong Luật nghi Khất sĩ là Pháp học Sa-di 1- 3: Giới - Định - Huệ.

Ngoài ra, Hòa thượng còn trích lục các bài kinh có nội dung tương thích với lộ trình tu và tương ứng với những gì Tổ sư đã dạy để đối chiếu, khích lệ hành giả nỗ lực tu tập.

Trong khóa tu lần thứ 17, Hòa thượng Giác Hà cũng sách tấn đại chúng với những lời lẽ hết sức dung dị, dễ hiểu, nhưng cũng rất hình ảnh: *Tâm như mảnh vườn, hoa thơm cỏ lạ, cây quý từ đó mà sanh. Nếu không chăm sóc, cỏ dại sẽ mọc tràn lan, chắc chắn cây quý sẽ bị chết hoặc bị cỏ ăn hết. Do đó, hành giả phải thường chăm sóc tâm mình, như nhà làm vườn giỏi thường nhổ cỏ, bón phân, tưới nước, bắt sâu... Tâm mình như cốc ở, hàng ngày thường quét dọn, rác bụi không để nhơ. Vậy mà đôi khi chúng ta do vô minh điên đảo, tập khí sâu dày, nên dại dột mang rác vào thêm. Do vậy, là hành giả nên cố gắng khắc phục nghiệp lực, cố gắng đọc kinh văn để soi sáng tâm trí mình, làm lợi lạc mình và người...* Lời Hòa thượng gần gũi, thiết tha, kêu gọi chư Tăng tu tập ngang qua những hình ảnh cư sĩ vì hàng xuất gia mà cúng dường... nên chư Tăng phải có bổn phận lo học, lo tu, lo làm công quả, nhưng cũng đừng vì quá trình làm công quả, làm Phật sự mà làm biến thể, biến chất, mất gốc đạo Phật, phai mờ giáo pháp Khất sĩ.

Hòa thượng Giác Pháp cũng chia sẻ một thời pháp thoại hết sức ấn tượng. Hòa thượng đã chia sẻ thế nào là "khóa tu Truyền thống Khất sĩ" với 4 ý pháp: 1) Khóa tu làm sống dậy hình ảnh của đức Tổ sư và chư đức Thầy, tức là "nên tập sống chung tu học", "Phép Tăng chẳng lìa đoàn" mà khi xưa Tổ sư đã đề xướng; 2) Phát huy chánh niệm ngang qua sự thực tập hòa chúng "muôn người như một như in một người"; 3) Mỗi ngày đều thực tập khất thực hóa duyên, ăn chánh niệm rốt ráo, ngồi thiền, sám hối, v.v... Tất cả làm nên hình ảnh một nhà sư tiêu biểu. Đồng thời Hòa thượng còn lưu ý đến việc giữ gìn giới pháp không phải là tướng mạo bên ngoài mà phải giữ gìn từ bên trong tâm ý, mới thật là giữ giới.

Tại khóa tu thứ 18, Hòa thượng Minh Bửu, như sở

Chư Tôn đức Tăng đang tọa thiền tại TX. Ngọc Thạnh - Khóa tu lần thứ 17

trường của Hòa thượng xưa nay, trích dẫn các pháp ngữ của các thiền sư Trung Hoa để khai thị cho hành giả. Hòa thượng nhấn mạnh đến vai trò minh tâm kiến tánh của hành giả, phải giải quyết dứt điểm sanh tử ngay trong kiếp sống này. Chính vì lẽ đó, hành giả phải tu như lửa cháy đầu, phát tâm dõng mãnh, nỗ lực tinh cần để vượt qua mọi chông gai, thử thách để đạt ngộ. Điểm quan trọng của việc tu tập đối với hành giả là không kẹt vào tướng đi hay tướng đứng, ngồi, nằm... mà làm thế nào thấy được tự tánh trong mọi động dụng của thân tướng. Đó là cốt tủy của tu tập.

Các vị Hòa thượng, Thượng tọa khác trong giờ thiền đàm, trình pháp tùy nghi chia sẻ pháp với những kinh nghiệm của bản thân cũng khích lệ hành giả rất nhiều trong tu tập.

4) Ngoại hộ

Xin trân trọng cảm ơn quý chư Tôn đức và Phật tử tại trú xứ hoặc từ phương xa đến đặt bát cúng dường trong 2 khóa tu vừa qua, vì quý Ngài và Phật tử đã hết lòng chu đáo trong từng bữa cơm, ly nước. Sự ngoại hộ góp phần không nhỏ cho sự thăng hoa tu tập của từng hành giả. Không chỉ hai nơi đăng cai khóa tu thứ 17 và 18, mà hầu hết khóa tu nào, chư Tôn đức tại trú xứ và Phật tử địa phương đều thể hiện sự trân trọng và kính quý hành giả, từ đó dẫn đến việc ngoại hộ vô cùng viên mãn.

5) Nhận định chung

Nhìn chung, hai khóa được tổ chức trong 6 tháng cuối năm Ất Mùi rất thành công. Sự thành công đó không phải chỉ do sự nỗ lực của Ban Tổ chức đăng cai hay một vài cá thể nào làm nên, mà đó là sự thừa hưởng thành công của các khóa trước mà chư Tôn đức Hệ phái dày công tu tập. Mặc dù khóa tu còn tổ chức là còn vấn đề cần phải đặt ra, vì còn có người đang tu là còn phải tiếp tục đầu tư và kiện toàn. Tuy nhiên, có thể tóm tắt sự thành tựu qua các mặt sau:

1. Nối kết tình huynh đệ pháp lữ giữa sáu Giáo đoàn qua sinh hoạt khóa tu Hệ phái.
2. Góp phần củng cố tín tâm Phật tử tại địa phương.
3. Góp phần xây dựng niềm tin nơi chính quyền địa phương.
4. Duy trì và xiển dương đường lối của Tổ sư Minh Đăng Quang ngang qua khóa tu.
5. Cách đào tạo thế hệ kế thừa ngang qua các khóa tu.

Tóm lại, hai khóa tu 17 và 18 đã tổ chức thành công tốt đẹp. Đây là thành quả nỗ lực của tất cả những người con Khất sĩ yêu đường lối cao đẹp của đức Từ phụ, đã dấn thân trên con đường đạo pháp và nỗ lực tiến tu.

Xin thành kính dâng lên đức Thế Tôn, đức Tổ sư và chư vị đức Thầy, những bậc hữu ân đã dìu dắt những chúng sanh đang trên đường tiến hóa.

Xin cầu nguyện Tam bảo chứng minh công đức của toàn thể Phật tử phát tâm trong sạch ngoại hộ cho khóa tu được viên mãn. Kính chúc tất cả được vô lượng an lạc, vô lượng kiết tường.

Nam-mô Hoan Hỷ Tạng Bồ-tát Ma-ha-tát tác đại chứng minh.

Phật tử tác bạch cung thỉnh chư Tôn đức nhận thực phẩm Khóa tu lần thứ 17

BÁO CÁO TỔNG KẾT KHÓA TU
LẦN THỨ 20 VÀ 21 CỦA NI GIỚI HỆ PHÁI

NS. TÍN LIÊN

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Kính bạch Ni trưởng đương kim Trưởng NGHPKS,

Kính bạch chư vị Ni trưởng Giáo phẩm Chứng minh,

Kính bạch chư vị Ni trưởng trong Ban Tổ chức và Điều hành khóa tu,

Kính thưa toàn thể hành giả thiền sinh trong thiền đường đại chúng,

Truyền thống "Tập sống chung tu học" là một nét đẹp của Hệ phái Khất sĩ. Nhờ tấm lòng từ bi vô lượng của các bậc Tôn túc Trưởng lão Ni, cùng với tấm lòng gìn giữ và phát huy sự nghiệp của Tổ Thầy, cùng chăm lo cho đàn hậu học, giúp cho thế hệ kế thừa được cân bằng giữa pháp học với pháp hành nên các khóa tu truyền thống tiếp tục được khai mở:

Lần thứ 20 được tổ chức tại Tịnh xá Ngọc Tâm, TP. Tân An từ ngày 23 đến 29 tháng 8 năm Ất Mùi, với số lượng hành giả tham dự là 109 vị (9 vị Ni trưởng, 77 vị Ni sư - Sư cô, 6 Thức-xoa, 12 Sa-di-ni và 5 Tập sự).

Lần thứ 21 được diễn ra tại TX. Ngọc Quang - Gò Công từ ngày mùng 7 đến 13 Ất Mùi, với 129 vị tham dự (13 vị Ni trưởng, 100 vị TKN, 7 thức-xoa, 8 sa-di-ni và 1 tập sự).

Thời khóa tu học

Cũng như các khóa trước, thời lượng tu học gồm: 5 thời thiền tọa (mỗi thời trung bình 50 phút), 5 thời thiền hành (mỗi thời từ 20 - 30 phút), 1 thời sám hối, 2 thời học và nghiên cứu *Chơn lý* của Tổ sư, 1 giờ hành giả trình pháp và 50 phút chia sẻ pháp hành.

Nội dung tu học

Trong 7 ngày tu tập, đại chúng đã được chư Ni trưởng khuyến tấn và chỉ dạy tận tình về pháp học và pháp hành, cũng như những kinh nghiệm tu tập đã giúp cho hội chúng tháo gỡ và từng bước khắc phục những khó khăn trên bước đường tu tập. Ngoài những giờ chỉ dạy của các vị Ni trưởng, hội chúng đã luân phiên đọc tụng lại những quyển *Chơn lý* do đức Tổ sư đã biên soạn, nhằm giúp cho Ni chúng thấy rõ hơn về đường lối và pháp hành của tông môn. Trong 2 khóa tu này đại chúng đã tụng đọc những quyển *Chơn lý* như: Số tức quan,

Nhập định, Võ trụ quan, Ngũ uẩn, Đạo Phật Khất sĩ, Khổ và Vui, Công lý võ trụ, Lục căn, Bát chánh đạo, Thập nhị nhân duyên.

Đồng thời, hai khóa tu này cũng tiếp tục nhận được sự quan tâm và khuyến tấn của chư Tôn đức Tăng trong Hệ phái như HT. Giác Giới - Trưởng ban Thường trực Giáo phẩm HPKS; HT. Giác Pháp - Giáo phẩm kiêm Chánh Thư ký HPKS; TT. Giác Tây - Trụ trì TX. Ngọc Đồng, TT. Giác Nguyên - Ủy viên BTS GHPGVN tỉnh Tiền Giang. Và qua đó Hòa thượng Trưởng ban Thường trực Giáo phẩm Hệ phái đã vận dụng lời dạy trong quyển Chơn lý "Y bát chơn truyền" của Tổ sư: "*Người Khất sĩ chỉ có 3 pháp tu học vắn tắt là Giới - Định - Tuệ*" để nhấn mạnh đến lộ trình tu học của người Khất sĩ, nhằm giúp cho thế hệ Ni kế thừa thấy rõ hơn về đường lối và con đường tu học.

Khóa tu lần thứ 20 - TX. Ngọc Tâm

Bên cạnh đó, khóa tu cũng nhận được sự quan tâm của Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Long An (Hòa thượng Trưởng ban cùng chư Tôn đức Tăng), các Ngài đã đến viếng thăm, sách tấn hội chúng tinh tấn tu học; cũng như sự quan tâm của Phân ban Ni giới tỉnh Tiền Giang với lời chia sẻ và nhắn nhủ đầy đạo vị của Ni trưởng TN. Diệu Nghiêm.

Kính bạch quý Ni trưởng,

Trong thời gian 7 ngày, chư hành giả đã chấp hành nội quy và tịnh khẩu tương đối tốt, cũng như tham dự các thời khóa một cách miên mật. Vì đây là khóa thứ 20 và 21 nên một số hành giả đã thấy được hiệu quả của pháp môn hành trì như đi đứng có chánh niệm hơn, nắm vững hơn phần lý thuyết và áp dụng tốt hơn vào đời sống thực tế, đã giúp cho đời sống tu học được thanh thoát và đạt nhiều an vui hỷ lạc hơn. Đặc biệt, chư vị Ni trưởng, tuy tuổi cao nhưng vẫn đồng hành cùng hội chúng, đã là một tấm gương sáng, một niềm khích lệ và sách tấn vô biên đối với hàng Ni chúng chúng con trên bước đường tu học. Kết quả có được như thế cũng là nhờ ân đức giáo dưỡng và hướng đạo của chư vị Ni trưởng lãnh đạo, giờ đây chúng con kính dâng lên và kính mong chư vị Ni trưởng liễu tri, chứng minh cho chúng con.

Khóa tu lần thứ 21 - TX. Ngọc Quang

SÁCH TẤN CỦA NI TRƯỞNG TÂN LIÊN TRONG KHÓA TU 20

Kính lạy chư Phật pháp Tăng mười phương ba đời,

Kính lạy đức Tổ sư Minh Đăng Quang, khai sáng Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam,

Kính lạy Giác linh Đệ nhất Ni trưởng và Giác linh chư vị Ni trưởng,

Kính bạch quý Ni trưởng và thưa quý Ni sư, Sư cô cùng thiền đường đại chúng.

Đức Tổ sư muốn khôi phục lại đường lối của Phật Tăng xưa, nên Ngài thành lập giáo pháp Khất sĩ, với phương châm: "Nối truyền Thích-ca Chánh pháp, Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam".

Nhằm mục đích sống đúng và củng cố giáo pháp Tổ Thầy, hôm nay khóa tu Giới - Định - Huệ được tổ chức tại Tịnh xá Ngọc Tâm, tỉnh Long An. Quý Ni trưởng Ni sư, Sư cô về đây đã thể hiện tinh thần Bồ-đề quyến thuộc, thực hành nếp sống lục hòa, sống chung tu học, dựa theo nền tảng giáo lý của Đức Phật cùng sự tu tập theo Chơn lý của đức Tổ sư.

Chúng ta đã biết, Đạo Phật Khất Sĩ là một hình thái khôi phục Y bát chơn truyền, tu tập sinh hoạt như Phật còn tại thế.

Đức Tổ sư quan tâm giáo dưỡng Tăng đoàn, phải tốt về đạo hạnh, vững về kiến thức, hành đúng Chánh pháp. Tổ dạy chư đệ tử: "Ta là tất cả, tất cả là ta. Ta sống cho tất cả, thì tất cả sống cho ta" (*Chơn Lý* "Võ trụ quan"). "Đạo của sống là cùng nhau sống chung, Đạo của biết là học chung, Đạo của linh là tu chung".

Trong một tuần cùng nhau về đây tu học, chúng ta phải cố gắng làm sao cho tâm và hạnh ngày một thanh tịnh trang nghiêm, giữ gìn chánh niệm, sống giản dị, tri túc thường túc, kiên nhẫn tu hành, vận dụng từ tâm đến tất cả mọi người. Quý hành giả phải sống an lạc trong cuộc sống, hạnh phúc tối thượng hướng đến giác ngộ giải thoát. Đó là điều mà quý Ni trưởng hàng Giáo phẩm hằng mong mỏi, và đó cũng là trách nhiệm của mỗi người con Phật. Chúng ta biết rằng, các pháp đều vô thường, giả tạm, thân ngũ uẩn này cũng là không. Chúng ta cố gắng tu hành, làm sao cho Chánh pháp trường tồn, đây là hạnh nguyện cao cả để phục vụ chơn lý bất sanh, bất diệt. Lý tưởng của người xuất gia chơn chánh là tu theo Giới - Định - Tuệ, hướng đến giác ngộ giải thoát, đem thân tâm mình phụng sự Đạo pháp và chúng sanh. Ni trưởng Đệ nhất dạy:

"Ta đã là người của chúng sanh,
Người nuôi ta để học gương lành.
Sống đây ta sống cho nhân loại,
Ta có quyền đâu sống lấy mình?."

Các hành giả nương theo Giới - Định - Tuệ để chuyển hóa tham, sân, si. Trong bài *Trang nghiêm quyến thuộc* của HT. Thích Thiện Nhơn có mấy câu mà tôi rất tâm đắc:

"Linh Sơn nghĩa cũ tình xưa,
Ta-bà tịnh độ say sưa pháp mầu.
Kiếp sau xin nhớ nguyện cầu,
Xây tình pháp lữ bắt cầu tâm giao.
Đời nay đến những đời sau,
Chung lo Phật sự, biết bao nhiêu tình.
Quyết lòng độ tận chúng sanh,
Từ bi, trí tuệ, thỏa lòng ước mong.
Không rời bản thể chơn không,
Tùy duyên hóa độ, thong dong mọi miền... "

Chư Ni trẻ không chủ quan, già không buồn chán, luôn nghĩ đến vô thường, sống an lạc tỉnh giác, khi lìa bỏ thân này được an nhiên tự tại, *"hàng ngày phải tắm mình trong suối nguồn yêu thương cao thượng, đặt trọn niềm tin vào Chánh pháp"*. Trong sâu thẳm của mọi người là biết ân Phật, ân giáo hóa của đức Tổ sư, hằng nghĩ nhớ ân đức các bậc Thầy quý kính, đã hy sinh cho đạo pháp, đóng góp sự phát triển cho ngôi nhà Đạo Phật Khất Sĩ nói riêng và Giáo hội Phật giáo Việt Nam nói chung. Chư Ni phải thúc liễm thân tâm, pháp hành, pháp học phải đi đôi. Không phải chỉ có một tuần tu hành, mà phải trang nghiêm chánh niệm từng bước chân, từng giờ từng phút, để đền đáp tứ trọng ân trong muôn một.

Tôi xin trích mấy câu trong bài của HT. Thích Thiện Nhơn để kết thúc buổi nói chuyện hôm nay:

"Một lòng kính lạy Phật-đà,
Cho con mãi được ở nhà Như Lai.
Từ bi thương khắp mọi loài,
Hành trang nhẫn nhục rất hay độ đời.
Tâm không, cảnh tịnh thảnh thơi,
Niết Bàn an lạc, dạo chơi tháng ngày... "

Tôi thay lời chư Ni trưởng xin nhắn nhủ các thiền sinh những lời tâm huyết này. Cầu xin Tam bảo thùy từ gia hộ cho toàn thể thiền đường đại chúng được nhiều sức khỏe, đầy đủ thắng duyên trên đường tu tập và phụng sự Đạo pháp, chúng sanh cho đến ngày công viên quả mãn.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT.

TỔNG KẾT KHÓA "SỐNG CHUNG TU HỌC" LẦN 2 CỦA NI GIỚI GIÁO ĐOÀN III

TKN. HOA LIÊN

Sau hơn 50 năm nương chư Tôn đức Tăng trong Giáo đoàn tu tập, đến hôm nay Ni chúng chúng con đã có những bước tiến rõ rệt. Noi theo bước chân của chư Tôn đức trong Hệ phái cùng sự chứng minh cho phép của chư Tôn đức lãnh đạo Giáo đoàn, chư Ni chúng con đã thực hiện khóa tu "Sống chung tu học" dành cho Ni chúng trong Giáo đoàn. Khóa "Sống chung tu học" lần thứ 1 được Ni trưởng Hiệp Liên tổ chức tại Tịnh xá Ngọc Trung - thị xã An Khê - tỉnh Gia Lai vào mùa Xuân năm Ất Mùi. Và đây là lần thứ 2, khóa tu được diễn ra tại Tịnh xá Ngọc Chơn - thị xã Buôn Hồ - tỉnh Đăk Lăk do Ni sư Lãnh Liên trụ trì, từ ngày 22 đến ngày 29 tháng 9 năm Ất Mùi *(nhằm ngày 04 đến ngày 10 tháng 11 năm 2015)*.

Vào ngày 22 tháng 9 năm Ất Mùi, lễ Khai mạc khóa tu được diễn ra tại Tịnh xá Ngọc Chơn dưới sự chứng minh của chư Tôn đức lãnh đạo Giáo đoàn với khoảng 60 hành giả tham dự. Trong đó có 3 vị Ni trưởng, 11 vị Ni sư và 46 vị Sư cô từ các miền tịnh xá, tịnh thất trực thuộc Giáo đoàn III, từ các tỉnh miền Trung duyên hải đến các tỉnh Cao nguyên Trung phần đều tập trung về tu tập.

Thời khóa tu tập

Chương trình tu tập cũng như khóa tu trước, hành giả thức dậy từ 3 giờ 30 và kết thúc lúc 22 giờ. Với 3 giờ thiền tọa, 2 giờ học pháp, 2 giờ thiền hành, 2 thời tụng kinh sáng tối và 1 thời sám hối chia sẻ kinh nghiệm lúc 20 giờ.

Nội dung giảng dạy

Thường mở đầu cho khóa tu của Giáo đoàn, chư Tôn đức Tăng Ni đã dành một tiếng đồng hồ để khất thực hóa duyên, gieo sự tín tâm vào lòng Phật tử, nhưng vì hôm khai mạc thời tiết không được tốt, trời đổ mưa nên giờ trì bình hoãn lại. Đúng 9 giờ 30 lễ Khai mạc chính thức diễn ra.

Vào buổi chiều ngày khai mạc lúc 13 giờ 30, **Thượng tọa Giác Trí** đã có bài pháp thoại đầu tiên với chủ đề xoay quanh khóa "Sống chung tu học". Mục đích giúp chư hành giả hiểu được giá trị của sự

sống chung và tu học chung, chính việc sống chung và tu học chung đó đem lại hạnh phúc rất lớn cho chính mình và cho tông môn Hệ phái. Thượng tọa còn nhấn mạnh rằng khóa tu chính là đánh động tâm thức của ta, giúp cho nguyện lực trong ta có cơ hội nảy mầm. Những lúc này chư Ni mới có thể ngồi lại với nhau, lắng nghe kinh nghiệm của nhau để cùng nhìn lại chính mình, giúp thầy trò, huynh đệ hiểu nhau hơn, cảm thông nhau hơn. Thượng tọa còn chứng minh cho chư hành giả trong giờ sám hối của ngày đầu tiên. Thượng tọa dạy đại chúng hãy thấy rõ phương pháp sám hối cho đúng cách để khi sám hối xong hành giả cảm thấy an lạc, nhẹ nhàng hơn.

Ngày 23, **Ni trưởng Hiệp Liên** mượn hình ảnh hoa sen trong bài ***Chơn lý* "Trên mặt nước"** để nhắc nhở đại chúng, tuy sống trong trần nhưng phải vươn lên, vượt ra khỏi vòng dây tham ái của đời. Cũng như lá sen, hoa sen, gương sen đều ở trong nước nhưng đã vượt lên trên mặt nước. Chúng ta mặc dù đã vượt ra khỏi vũng bùn lầy ô uế của vật chất thế gian, nhưng điều quan yếu của chúng ta là phải có định hướng tương lai cho mình, nuôi lớn tâm Bồ-đề bằng chất liệu cần thiết để cho tâm Bồ-đề ấy không bị sói mòn theo năm tháng.

Ngày 24, **Ban Tôn giáo tỉnh Đăk Lăk** đã đến thăm, trao đổi những điều cần thiết và phổ biến Nghị định 92, cùng những quan điểm chủ trương chính sách của Đảng đối với tôn giáo, giúp đại chúng nắm rõ chủ trương của Đảng, kết hợp hài hòa trong sinh hoạt tôn giáo.

Sáng ngày 25, **Hòa thượng Giác Thành** mặc dù sức khỏe không được tốt nhưng Hòa thượng vẫn đến thăm và sách tấn chư Ni về những điều quan trọng hành giả cần phải ghi nhớ. Hòa thượng nhấn mạnh về chủ đề: "**Nhơn hữu tứ nan**". Chúng ta rất là hy hữu khi thọ nhận được thân người lại đủ duyên gặp Phật pháp. Vì vậy, trách nhiệm chúng ta là phải cố gắng tu tập để đạt được quả vị giải thoát đúng với chí nguyện ban đầu.

Tuy nhiên, để đạt được chí nguyện ấy, mỗi hành giả phải vượt qua những chướng duyên, ách nạn, phải nỗ lực tinh tấn tu tập, nếu không sẽ đánh mất chính mình. Hòa thượng còn nhắc nhở chư hành giả phải chú ý đến nghiệp lực, lo tu sửa thân tâm để chuyển nghiệp. Vì mỗi người có một biệt nghiệp khác nhau nên phải chọn cho mình một pháp môn tu để có định lực thì mới tu được.

Sáng ngày 26, **Đại đức Giác Hoàng** đã chọn bài **"Thần mật"** trong *Chơn lý* để chia sẻ cùng đại chúng. Vì thần mật là ba cái mật ẩn chứa bên trong, đó là thân mật, khẩu mật và ý mật. Đại đức phân tích rõ: Thân mật là thân không làm ác, không rộn ràng, luôn luôn hành động đúng với chánh pháp. Khẩu mật là không hay nói những điều không đáng nói, nên nói đạo lý Pháp Phật để khuyên răn mọi người tu học. Còn ý mật là không hay tưởng nhớ những điều không đáng nhớ, chỉ nhớ Phật, nhớ Pháp. Đây là ba điều cốt yếu mà người tu cần phải có và cần nuôi dưỡng mỗi ngày, vì *"Thân trong sạch, ấy là xứ Phật; khẩu trong sạch, ấy là con Phật; ý trong sạch, ấy là đức Phật"*.

Buổi chiều ngày 26, cũng vào ngày này của năm Quý Hợi (1923), đức Tổ sư Minh Đăng Quang - Vị khai sáng Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam ra đời. Để cúng dường lên đức Tổ sư, **Đại đức Giác Phổ** cùng đại chúng ôn lại những trang sử huy hoàng đó và nêu bật lên tôn chỉ của Tổ là ***"Nối truyền Thích-ca Chánh pháp"***. Qua đó, Đại đức nói rõ đường lối hành đạo của Tổ sư, không những hành trì y bát khất thực hóa duyên theo Phật Tăng xưa mà còn phải thực hiện phương châm: "*Nên tập sống chung tu học*" để nung đúc, rèn luyện, tăng trưởng cái sống, cái biết và cái linh.

Ngày 27, **Hòa thượng Giác Phương**, mặc dù tuổi cao sức yếu nhưng vì thương tưởng Ni chúng chúng con, Ngài đã đến chứng minh cho lễ Khai mạc và hôm nay lại còn dành hai buổi để giảng dạy cho chúng con biết được trách nhiệm lớn lao của người trụ trì, phải trụ trì sao cho đúng với câu: ***"Trụ pháp vương gia, trì Như Lai tạng"***. Vì đây là kim chỉ nam giúp ta tiến tu trên lộ trình tu tập của mình. Hòa thượng trình bày rõ tôn ý của đức Phật là khai thị cho chúng sanh thấy được tri kiến của mình để không còn làm người cùng tử lang thang trong sanh tử luân hồi. Để đại chúng sáng tỏ hơn, Hòa thượng mượn hình ảnh dòng sông để phân tích cái ngã mà ta nắm giữ. Muốn vượt qua dòng sông sanh tử chúng ta phải dùng Pháp Phật để loại trừ cái ngã không nên ôm giữ nó. Không khéo đã không qua được dòng sông sanh tử mà còn bị nó nhận chìm vào sáu đường, ba cõi.

Sáng ngày 28, với hai tiếng đồng hồ, **Thượng tọa Giác Tiến** đã trình bày toát yếu Hiến chương của

Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Vì Hiến chương là những nguyên tắc chủ đạo của Giáo hội Phật giáo, là kim chỉ nam cho Tăng Ni Phật giáo trong và ngoài nước nên chúng ta cần phải biết để làm công tác Tôn giáo cho đúng. Muốn cho Pháp Phật được hưng thịnh và phát triển, chúng ta sống cần phải có đoàn thể, có những Hiến chương điều lệ, quy định để hướng dẫn cho tổ chức Tôn giáo hoạt động có nề nếp.

Chiều ngày 28, **Thượng tọa Giác Duyên** đến thăm và chia sẻ với hành giả bài ***Chơn lý* "Hòa bình"**. Trong bài này Tổ sư đặt ra vấn đề phải sống chung. Theo Tổ:

"Cái sống là phải sống chung,
Cái biết là phải học chung,
Cái linh là phải tu chung".

Thượng tọa còn trích dẫn lời dạy trong *Kinh Hoa Nghiêm* ***"Ta sống cho tất cả, tất cả là ta"***. Đó là chơn lý của vũ trụ nên chúng ta sống chung, biết tu học chung là ta đã quay về cái linh của vũ trụ. Người xuất gia chúng ta là Tăng, ở đây bản thể của Tăng là hòa hợp thanh tịnh. Muốn hòa hợp thanh tịnh ta phải sống trên tinh thần lục hòa, bình đẳng. Nếu thực hiện được điều này, phiền não được dứt trừ, tâm chúng ta trở nên an lạc.

Cũng trong chiều này, T**hượng tọa Giác Trong** từ miền duyên hải xa xôi cũng đến thăm và khuyến tấn chư Ni. Hòa thượng đã có lời khích lệ tinh thần sống chung tu học của chư Ni trong Giáo đoàn. Thượng tọa nhấn mạnh tinh thần sống chung tu học này đã được đức Tôn sư chúng ta thắp lên từ nguyên lý của chư Phật ba đời. Chúng ta nói tuy là dễ, nhưng để thực hiện được nguyên lý này không phải dễ, mà đòi hỏi chúng ta phải quên cái tôi của mình thì mới sống chung hòa hợp với nhau được. Làm được điều này, mỗi người chúng ta là những ngọn đèn chân lý được thắp lên mà Tổ Thầy đã thắp sáng cho chúng ta.

Sáng ngày 29, chư Tôn đức và chư hành giả dành một tiếng đồng hồ đi khất thực ở thị xã Buôn Hồ. Hình ảnh đoàn du Tăng Khất sĩ tay ôm bình bát trong chiếc y vàng trang nghiêm thoát tục đã làm sống dậy hình ảnh Tăng đoàn thời đức Phật, gieo vào lòng chư Phật tử sự tín tâm hoan hỷ. Đúng 9 giờ 30 lễ Bế mạc kết thúc khóa tu với sự chứng minh của chư Tôn đức trong Giáo đoàn.

Nhận xét

Đây là khóa "Sống chung tu học" lần thứ 2 của Ni giới Giáo đoàn III, chư hành giả đã theo sát thời khóa, khép mình vào khuôn khổ giới luật, tinh tấn tu tập. Với thời tiết tương đối hài hòa và mát mẻ, đây là điều kiện thuận duyên để chư hành giả tu tập tốt trong một tuần qua.

Sự thành công khóa tu lần thứ 1 tại Tịnh xá Ngọc Trung cũng chính là tiền đề cho khóa tu lần thứ 2 này, vì vậy mọi sinh hoạt đều diễn ra nhịp nhàng và ổn định, chúng con tin chắc rằng những khóa tu kế tiếp cũng theo đó mà ổn định hơn, số hành giả cũng được đông hơn.

Một tuần tu tập trôi qua, khóa tu đã đến ngày kết thúc, chúng con xin kính nguyện hồng ân Tam bảo gia hộ chư Tôn đức pháp thể khinh an, tuệ đăng thường chiếu để dìu dắt chúng con trên lộ trình giải thoát. Chúng con cũng xin tri ân Ni sư Lãnh Liên - trụ trì Tịnh xá Ngọc Chơn, mặc dầu Ni chúng tại trú xứ không nhiều nhưng với tâm huyết vì tiền đồ Phật pháp, Ni sư rất hoan hỷ đem hết tâm lực để lo cho khóa tu được chu toàn. Cầu nguyện Tam bảo gia hộ Ni sư thân khỏe tâm an để góp phần xây dựng Phật pháp ngày một phát triển thêm lên.

Kính chúc chư hành giả thân tâm an lạc, khi trở về trú xứ hương vị tu tập của một tuần qua vẫn được lan tỏa và lưu giữ đến khóa tu sau. Kính chúc chư hành giả luôn tinh tấn tu tập để xứng đáng là những người con gái của Như Lai. Xin tri ân đến chư thiện nam tín nữ Phật tử Tịnh xá Ngọc Chơn đã đem hết tâm lực hộ trì cho khóa tu để chư hành giả được yên tâm tu học.

Nam Mô Chứng Minh Sư Bồ Tát Ma Ha Tát.

BÁO CÁO TỔNG KẾT
KHÓA TU TRUYỀN THỐNG LẦN 3 VÀ 4 CỦA NI GIỚI PHÂN ĐOÀN 1 - GIÁO ĐOÀN IV

SC. MINH LIÊN

Nam-mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Kính bạch chư Tôn đức Tăng Ni,

Nhằm thực hiện lời dạy của Tổ sư "*nên tập sống chung tu học*", quý Ni trưởng, Ni sư thuộc Phân đoàn 1 Giáo đoàn IV đã không ngại tuổi già sức yếu, tổ chức khóa tu cho Ni chúng trong Phân đoàn, với chí nguyện "*Tiếp dẫn hậu lai, báo Phật ân đức*". Trong thời gian qua, khóa tu đã được quý Ni trưởng tiếp tục tổ chức lần thứ 3 tại Tịnh xá Ngọc Ban - TP. Buôn Ma Thuột (từ ngày 13/8 đến 19/8 năm Ất Mùi) và lần thứ 4 tại Tịnh xá Ngọc Hải - Nha Trang (từ ngày 04 đến 10/10 năm Ất Mùi) với nội dung tu học như sau:

Chương trình tu học

Trong 2 khóa này, về nội dung thời khóa tu học tương đối giống nhau, bắt đầu từ 3 giờ 45 và kết thúc lúc 21 giờ, với 7 nội dung chính chia đều trong thời khóa như: 1. Thiền tọa (3 thời); 2. Thiền hành (3 thời); 3. Khất thực; 4. Nghe pháp; 5. Tụng kinh; 6. Đọc *Chơn lý*; 7. Sám hối. Còn về số lượng hành giả tham dự cũng tương đối ổn định với số lượng từ 23 đến 31 vị; đặc biệt luôn có sự chứng minh tham dự của nhị vị Ni trưởng và nhị vị Ni sư Giáo phẩm của Phân đoàn.

Nội dung tu học

Sau lễ Khai mạc, Ni trưởng Thắng Liên (trụ trì Tịnh xá Ngọc Điểm) đã đọc cho đại chúng nghe những bài kệ Văn uyển, để nhắc nhở Ni chúng tinh thần tu học và khuyến tấn hội chúng thúc liễm thân tâm, nhằm phát triển Giới Định Tuệ để thành tựu đạo nghiệp.

Sau đó, Ni trưởng trụ trì Tịnh xá Ngọc Bình giảng về công hạnh của ngài Địa Tạng cùng một số kinh Đại thừa để giúp Ni chúng vững vàng hơn về giáo pháp và không xao động trước mọi duyên để tâm được an trú trong thiền định, nhằm đạt đến sự an lạc giải thoát ngay trong hiện kiếp.

Năm ngày còn lại, quý Ni sư và Sư cô đã thay nhau chia sẻ về giáo pháp cũng như kinh nghiệm tu học đến với hội chúng như Ni sư Liêm Liên, Ni sư Nhàn Liên, Sư cô Thuận Liên, Sư cô Gương Liên, Sư cô Chánh Liên, Sư cô Thảo Liên, Sư cô Hương Liên..., cũng như có sự chia sẻ để tháo gỡ những khúc mắc cùng những vấn đề mà hội chúng chưa được sáng tỏ. Đặc biệt, vào buổi chiều đại chúng đã thay phiên đọc những lời của đức Tổ sư trong bộ *Chơn lý* nhằm tìm hiểu và uống dòng sữa mẹ để hành giả được thấm nhuần tinh thần tu học của đức Tổ sư.

Và hơn thế, những khóa tu như thế này là cơ hội giúp hội chúng tiếp cận và học hỏi những bài học thực tiễn từ thân hành của chư Tôn đức, những vị đã có sự tiếp nối suối nguồn của Tổ Thầy, những bậc tòng lâm thạch trụ của đạo pháp. Từ đó giúp cho hành giả tăng trưởng thêm niềm tin vào mạng mạch tông môn. Bên cạnh đó, mỗi thời khóa thiền hành, thiền tọa cũng đã giúp cho hành giả kiểm soát được thân tâm, phát triển sự tỉnh giác trong mỗi thân hành của bản thân.

Cuối cùng, chúng con xin thành kính tri ân nhị vị Ni trưởng cùng nhị vị Ni sư đã vì đoàn hậu học mà tổ chức những khóa tu, dù sức khỏe của quý Ni trưởng không được tốt nhưng vẫn dấn thân để đồng hành và hướng dẫn cho đại chúng tu tập, giúp cho huynh đệ chư Ni đủ hành trang khi trở về trú xứ, tiếp tục tỏa hương giáo pháp.

Đồng thời, Ban Tổ chức khóa tu cũng xin tri ân các cấp chính quyền địa phương đã tạo điều kiện thuận lợi về mặt pháp lý cho chư Ni an tâm tu học. Kính chúc quý vị vạn sự kiết tường, muôn điều phúc lạc. Chúng tôi cũng xin cảm niệm tri ân công đức thiện nam tín nữ gần xa, đã phát tâm hộ trì và công quả suốt thời gian khóa tu diễn ra. Nguyện cầu mười phương chư Phật gia hộ quý Phật tử thân tâm an lạc, tín tâm kiên cố, gia đình hạnh phúc.

Nam-mô Hoan Hỷ Tạng Bồ-tát Ma-ha-tát, tác đại chứng minh.

TỔNG KẾT KHÓA TU LẦN THỨ 5 & 6 CỦA NI GIỚI PHÂN ĐOÀN 2 GIÁO ĐOÀN IV

SEN TRẮNG

Nhằm gắn kết các miền tịnh xá và tạo điều kiện cho chư Ni có nhiều thời gian để thúc liễm thân tâm, tinh tấn chú tâm vào pháp hành, khóa tu truyền thống tiếp tục được tổ chức lần thứ 5 tại Tịnh xá Ngọc Chung từ ngày mùng 2 đến mùng 8 tháng 9 năm Ất Mùi và lần thứ 6 từ ngày mùng 1 đến mùng 8 tháng 11 năm Ất Mùi tại Tịnh xá Ngọc Hiệp; với số lượng của lần thứ 5 là 26 vị; và lần thứ 6 là 18 vị.

Thời khóa tu tập

Trên cơ bản, chương trình 7 ngày tu học được sắp xếp theo thời khóa biểu: Mỗi ngày có 5 thời thiền tọa (mỗi thời 60 phút); 2 thời thiền hành (mỗi thời 30 phút); 2 thời tụng kinh khuya và tối (sám hối buổi khuya và tụng *Kinh Di Giáo* buổi tối); buổi sáng 90 phút học *Chơn lý*; chiều có 90 phút đọc Luật và 30 phút pháp đàm.

Nội dung tu học

Trong chương trình tu học của khóa 7 ngày này, nội dung tu học được tập trung vào các vấn đề như đọc *Chơn lý*, đọc Luật, pháp đàm. Đầu tiên hành giả tham dự luân phiên đọc lên nguyên văn của một quyển *Chơn lý* do đức Tổ sư biên soạn. Trong hai khóa tu này hành giả tham dự đã đọc những quyển *Chơn lý* như Số tức quan, Nhập định, Thần mật, Chánh pháp, Ngũ uẩn, Tâm, Giác ngộ, Chơn như, Tông giáo.

Sau khi đọc xong, chư Ni đã trình bày những ý pháp trong các quyển *Chơn lý* ấy, kế đó mỗi hành giả nói lên suy nghĩ và lời dạy tâm đắc của mình trong các quyển *Chơn lý*, và cuối cùng NS. Tuyết Liên đúc kết lại những ý chính. Bên cạnh đó, hành giả còn tham khảo học từ bài soạn về *Phương pháp tu tập thiền định trong Chơn lý* "Thần Mật" *và Kinh Pháp Bảo Đàn* do HT. Giác Toàn biên soạn cho khóa tu truyền thống của Tăng.

Vào mỗi buổi chiều có 90 phút đọc Luật và 30 phút pháp đàm. Ni sư Tuyết Liên dành thời gian để triển khai các quyển: *Luật Khất Sĩ*, *Luật ngôn*, *Phật ngôn*, *Kệ giới* và *Diệt lòng ham muốn*, đó là những quy định cho người Khất sĩ từ Y bát cho đến cách thờ phượng, phòng ốc, tiếp độ đệ tử v.v... của đức Tổ sư để mỗi hành giả tự soi sáng lấy mình trong mỗi lúc và có cách hành trì chế phục tự thân.

Những ngày còn lại, Ni sư Tuyết Liên tiếp tục đọc Giới bổn Tỳ-kheo-ni, phần 178 giới hành phạt quỳ hương của Tổ sư, sau đó triển khai đối chiếu với bộ *Thiết yếu Tứ phần Tỳ-kheo-ni* của Ni sư Trí Hải dịch, nhằm giúp cho Ni chúng am tường giới luật hơn. Đồng thời, Ni sư cũng đã trích đọc một số đoạn trong quyển *Cương yếu giới luật* của HT. Thích Thiện Siêu để Ni chúng hiểu được những cương yếu giới luật mà một vị Tỳ-khưu-ni cần phải biết để thọ trì đúng giới pháp.

Trong những giờ pháp đàm, Ni sư cũng đã trích đọc một số đoạn trong quyển *Bồ-tát giáo* để cho Ni chúng được tiếp cận tư tưởng xuất trần mà đức Tổ sư muốn chấn chỉnh, muốn xây dựng một Giáo hội Tăng-già đúng theo tôn chỉ "*Nối truyền Thích-ca Chánh pháp*".

Tóm lại, qua bảy ngày tu tập, Ni chúng đã thể hiện được tinh thần cùng sống chung trong tinh thần lục hòa cộng trụ, tinh tấn thực hiện đúng thời khóa để hiện thực hóa lời dạy của đức Tổ sư:

"Cái sống là phải sống chung.
Cái biết là phải học chung.
Cái linh là phải tu chung".

Tuy thời gian 7 ngày ngắn ngủi, nhưng đã giúp cho hành giả phấn khởi, thấy được lợi ích an lạc trong thời gian tinh tấn tu tập. Chư Ni trẻ cũng mong có những khóa tu như thế này tiếp diễn để huynh đệ được sống chung tu học, tiếp cận với truyền thống, và đặc biệt là giúp cho mỗi hành giả tinh tấn hơn trên lộ trình giác ngộ, cùng tìm về cội nguồn qua pháp tu truyền thống của Tổ Thầy.

TÓM TẮT 16 KHÓA HỌC LUẬT CỦA NI GIỚI GIÁO ĐOÀN I

NS. HUỆ LIÊN

Trong bài Kệ Giới, đức Tổ sư có dạy: "*Giới là nguồn cội của đạo Phật, Giới còn thì đạo Phật vẫn còn, Giới mất thì đạo Phật phải mất... Giới ví như bầu không khí để hộ lấy sự sống của muôn loài*". Thật vậy, có Giới mới có thể bảo hộ sự thanh tịnh, hòa hợp trong Tăng. Thấy rõ được giá trị ấy nên việc tìm hiểu tường tận nghĩa lý của Giới là việc rất cần thiết.

Nhằm trợ duyên cho Ni chúng am hiểu những giới luật mà mình đang thọ lãnh để hành trì, vào năm 2010, được sự chấp thuận của chư Tôn đức Tăng Giáo đoàn I, chư Ni trong Ban Quản chúng đã mở khóa học Luật cho chư Tỳ-kheo-ni trong Giáo đoàn. Khóa học này không ngoài mục đích giúp cho Ni chúng có cơ hội nhận chân được tầm quan trọng của Giới luật, cũng như có thời gian để ngồi lại với nhau nhằm tìm hiểu, trao đổi và học tập để đem áp dụng vào trong đời sống tu tập.

Từ đó, khóa học Luật được hình thành, mỗi năm tổ chức 4 khóa, mỗi khóa 7 ngày, luân phiên tại các tịnh xá: TX. Ngọc Tân (Long An), TX. Ngọc Mai (Tịnh Biên), TX. Ngọc Quang (Thốt Nốt) và TX. Ngọc Liên (Vĩnh Long) với số lượng Ni chúng tham dự trên 40 vị.

Thông thường, vào ngày Khai mạc của mỗi khóa, các khóa sinh cung đón chư Tôn đức Giáo phẩm quang lâm chứng minh. HT. Giác Nhường - Chứng minh Giáo phẩm Hệ phái, HT. Giác Giới - Tri sự trưởng Giáo đoàn I, HT. Giác Dũng - Tri sự phó Giáo đoàn, và chư Thượng tọa trong hàng Giáo phẩm luân phiên đến chứng minh và có lời sách tấn vô cùng quý báu đến các khóa sinh tham dự khóa học.

Trải qua 5 năm với 16 khóa học, Ni chúng đã học xong *Bộ Tứ Phần Luật Tỳ Kheo Ni Giới Bổn Hội Nghĩa* của Sa-môn Đức Cơ do Sư cô Diệu Sơn dịch Việt; *Các Pháp Yết Ma* do Ni sư Thích nữ Tuệ Như biên soạn. Hiện nay, các khóa sinh đang học và tìm hiểu *Bộ Luật Tứ Phần Tỳ Kheo Ni* của Ni sư Phật Oánh do Hòa thượng Trí Minh dịch.

Vừa qua, khóa học lần thứ 16 được tổ chức vào ngày 21 đến ngày 27 tháng 9 năm Ất Mùi (nhằm ngày 1 -7/11/2015) tại Tịnh xá Ngọc Quang (Thốt Nốt) dưới sự chứng minh của HT. Giác Dũng, TT. Giác Minh, và chư Thượng tọa Đại đức Tăng tại Thốt Nốt, cùng sự chứng minh của NS. Cần Liên, TX. Ngọc Mai (Tịnh Biên - An Giang). Chủ trì trong suốt khóa học là Ni sư Yến Liên, Trụ trì Tịnh xá Ngọc Chơn (Vĩnh Long), và 43 vị Ni sư, Sư cô trong các miền tịnh xá trực thuộc Giáo đoàn I cùng về tham dự.

Đại chúng học trong tinh thần hoan hỷ, phấn khởi và sẵn sàng chia sẻ sự hiểu biết của bản thân để có sự thống nhất về kiến giải trong những vấn đề cần luận bàn. Bên cạnh đó, các ngày còn lại các khóa sinh lắng nghe sự chia sẻ kinh nghiệm và kiến thức qua sự hành trì giới luật của chư Tôn đức Ni trong Ban Quản chúng.

Trong khóa học, nếu như có điều gì mà toàn thể đại chúng chưa hiểu hoặc chưa thông suốt sẽ cung thỉnh chư Tôn đức Tăng đến chỉ dạy. Ngoài giờ học luật, đại chúng còn được sự hướng dẫn hành thiền, tụng kinh, và ôm bát để thọ nhận thực phẩm vào buổi trưa mỗi ngày để duy trì truyền thống của Hệ phái.

Ngày cuối khóa học, đại chúng cùng ngồi lại để trao đổi kinh nghiệm, mỗi người trình bày lên những ưu và khuyết điểm của khóa học, để rồi từ đó chư Ni rút kinh nghiệm cho việc học, việc tu ngày một tốt đẹp hơn. Vì thế, Ni chúng trong Giáo đoàn luôn mong mỏi khóa học được mãi duy trì để cùng học hỏi, trao đổi kiến thức và cùng tiến tu, tiến mãi trên con đường giác ngộ giải thoát.

BÁO CÁO TỔNG KẾT
KHÓA "BỒI DƯỠNG ĐẠO HẠNH"
DO HỆ PHÁI TỔ CHỨC LẦN THỨ NHẤT

TK. MINH ĐIỆP

Kính bạch chư Tôn đức Giáo phẩm,

Kính thưa đại chúng,

Nhằm đào tạo thế hệ kế thừa vững về đạo hạnh, thông hiểu về giáo pháp Phật và đường lối của Tổ Thầy, và chuẩn bị cho giới tử trang nghiêm giới hạnh để được thọ nhận giới pháp nhân Đại Giới đàn Trí Đức được tổ chức tại TP. Hồ Chí Minh, chư Tôn đức Hệ phái đã xin phép Giáo hội tổ chức khóa "Bồi dưỡng đạo hạnh" cho hàng Sa-di và tập sự thuộc Hệ phái tại Pháp viện Minh Đăng Quang, Q. 2, TP. Hồ Chí Minh từ ngày mùng 6 đến 13 tháng 10 năm Ất Mùi.

BAN TỔ CHỨC VÀ QUẢN CHÚNG

Ngoài các bậc tôn túc Hệ phái chứng minh cho khóa tu, Hòa thượng Giác Toàn là Trưởng ban và HT. Giác Hà là Phó ban Tổ chức, và các vị tôn túc được cung thỉnh trong Ban Giáo thọ như đề cập phía dưới, còn có một số chư Tôn đức Tăng Ni được mời tham gia trong Ban Tổ chức và Ban Quản chúng, góp phần cho sự thành công của khóa tu: HT. Giác Minh (GĐ.II), HT. Minh Thuấn, TT. Minh Hóa, ĐĐ. Giác Đạo, ĐĐ. Giác Thăng, ĐĐ. Minh Phú, ĐĐ. Minh Thái, NS. An Liên (Phân đoàn 2, GĐ.IV), NS. Lãnh Liên (GĐ.III), NS. Phấn Liên (GĐ.IV), SC. Hạnh Liên (GĐ.IV), SC. Dũng Liên (Phân đoàn 1), SC. Tuyền Liên (GĐ.III), SC. Hoa Liên (GĐ.III), SC. Phước Liên (GĐ.I).

PHẦN NỘI DUNG HỌC TẬP

- **Ngày thứ nhất**

Để khóa Bồi dưỡng đạo hạnh diễn ra trang nghiêm, Ban Tổ chức đã thành tâm cung thỉnh chư Tôn Hòa thượng chứng minh, chư Tôn đức Giáo phẩm Hệ phái, chư Tôn đức Tăng Ni đồng quang lâm về thiền đường PV. Minh Đăng Quang để chứng minh cho 268 khóa sinh đảnh lễ khánh tuế và chính thức

làm lễ Khai mạc. Sau lời tuyên bố khai mạc HT. Giác Toàn, Ban Thư ký đã kính trình chư Tôn đức về số lượng khóa sinh gồm 268 vị, cung an Ban Chức sự, nội dung tu học và lịch trực của Ban Quản chúng để đại chúng đồng liễu tri. Sau đó, các khóa sinh đảnh lễ dâng lời phát nguyện tu tập. Và trong sự tùy hỷ đó, HT. Giác Giới đã ban đạo từ chứng minh và sách tấn chư hành giả nỗ lực tu học để tăng trưởng đạo hạnh.

Sau khi kết thúc lễ Khai mạc, HT. Giác Giới đã quang lâm giảng đường giảng dạy về "Tổng quan Luật nghi Khất sĩ" cả buổi sáng và chiều. Hòa thượng đã phân tích quyển *Luật nghi Khất sĩ* là kết tập từ 9 quyển trong số 69 quyển Chơn lý của đức Tổ sư. Đây là phần dành riêng cho hàng xuất gia tu tập từ cương giới Sa-di cho đến Tỳ-kheo. Ngang qua *Luật nghi Khất sĩ*, Hòa thượng đã trích dẫn nhiều đoạn kinh văn để làm sáng tỏ ý pháp của Tổ sư khế hợp lời Phật dạy. Buổi học này đã mang đến cho khóa sinh nhiều nhận thức đúng đắn về pháp và luật, hết nghi ngờ, định hướng cho con đường tu hành tự thân. Từ đó, chư hành giả tinh tấn tu tập làm tam nghiệp trong sạch, trau dồi trí tuệ trên định hướng của mình đạt nhiều lợi ích an lạc.

- **Ngày thứ hai**

Buổi sáng: HT. Giác Pháp dạy về "Tổng quan Môn oai nghi", buổi chiều: ĐĐ. Giác Nhẫn dạy về "Bài học Sa-di". Đây là phần căn bản trong đời sống tu học của người Sa-di tập sự. Vì như trong Môn oai nghi đã ghi rõ: người làm Sa-di mà chẳng biết bổn phận Sa-di thì không cho thọ giới Cụ túc. Chính vì lẽ đó, HT. Giác Pháp đã triển khai rất kỹ về 24 thiên oai nghi trong Luật tạng và được Tổ sư khéo léo lược giảng còn 19 thiên, đồng thời bổ sung thêm một vài ý pháp cho phù hợp với căn cơ của người Việt Nam ta. Thông qua đó, Hòa thượng dạy rằng học môn oai nghi không phải để trả bài thọ giới đắp y mà là để ứng dụng tu hành hoàn thiện cung cách của người tu. Tiếp nối nội dung đó, ĐĐ. Giác Nhẫn đã phân tích rõ nét về ý nghĩa của danh từ Sa-di và triển khai Bài học Sa-di vốn là một pháp thực tập không thể thiếu của người mới nhập đạo. Trong đó, Đại đức nhấn mạnh: Người Sa-di phải chọn thầy cho chơn chánh để cầu pháp và sống lâu bên thầy, không nên tách thầy quá sớm mà phải bị vấp ngã giữa dòng đời ác trược này.

- **Ngày thứ ba**

Buổi sáng: HT. Giác Thành dạy về "Kinh Cúng ngọ". Đây là bản kinh tụng duy nhất do chính đức Tổ sư biên soạn và trì tụng khi Ngài còn dẫn đoàn du Tăng hành đạo khắp nơi. Bản kinh này là sự gắn kết nhất quán trong nghi thức thọ trì của người Khất sĩ dùng chung cho các Giáo đoàn Tăng và giáo đoàn Ni trong Hệ phái. Hòa thượng đã giảng dạy kỹ càng từng lời kinh, từng câu kệ để các khóa sinh thấu hiểu nghĩa lý ẩn tàng trong đó. Nhờ thấu hiểu tỏ tường nên việc trì tụng của đại chúng mỗi ngày sẽ càng thêm tinh tấn. Bài kinh này khuyên nhắc người xuất gia phải ý thức tu hành để đền đáp công ơn người

tín chủ cúng dường và trong giờ chú nguyện phải chú tâm tỉnh giác để thành tâm cúng dường phẩm vật lên ngôi Tam Bảo chứng minh, đồng thời cầu nguyện cho âm siêu dương thới.

Buổi chiều: ĐĐ. Minh Viên, ĐĐ. Minh Khải, ĐĐ. Minh Điệp chia sẻ kinh nghiệm tu học đến với toàn thể đại chúng. ĐĐ. Minh Viên nhắn gửi: Người tu như những viên đá để chung xáo trộn cho bể hết góc cạnh trở nên tròn láng thì đi đến chỗ nào cũng được. Đó là hình ảnh ẩn dụ cho người tu hành phải phá bỏ đi cái bản ngã, tâm nhỏ nhen để tâm hồn dịu mát thanh cao, khi ấy ta có đến trú xứ nào cũng tu học dễ dàng. ĐĐ. Minh Khải chia sẻ về tinh thần tu tập qua ý pháp "*Nên tập sống chung tu học*" được tôn trí giữa giảng đường. Đây là pháp ý được trích dẫn trong *Chơn lý*. Đại đức tỏ bày cho đại chúng lắng nghe về việc gì nên làm và không nên làm. Cần nhất là phải tập sống chung hòa hợp, đồng tu giới luật và thực hành giáo pháp, có như vậy Tăng Ni trong Hệ phái mới đạt được sự an lạc trong những ngày đồng tu phạm hạnh. ĐĐ. Minh Điệp cũng chia sẻ về tinh thần cần cầu học tập của người tập sự xuất gia. Khi tham dự khóa tu, khóa sinh nên tuân thủ nội quy, thời khóa và tuân thủ tuyệt đối sự hướng dẫn của Ban Quản chúng để không phụ công ơn của Ban Tổ chức khóa tu.

- **Ngày thứ tư**

Buổi sáng: TT. Giác Tây giảng dạy về Kệ Giới. Buổi chiều: ĐĐ. Giác Nhuận - GĐ. III dạy phần tiếp theo. Đây là bài học về giá trị của giới luật và phân tích rõ nét về hình tướng của 10 giới nghĩa dành cho lớp Sa-di. Nhị vị giảng sư đã trình bày phần chú giải Kệ Giới thông qua việc trích dẫn các đoạn kinh điển nhà Phật gồm cả hai truyền thống Bắc truyền và Nam truyền, nhằm nêu lên mối tương quan giữa *Chơn lý* và kinh Phật. Ngày học này đã mang đến cho hành giả nhận thức rõ ràng về tầm quan trọng của giới luật. Như trong Kệ Giới đã nêu rõ: "*Giới là nguồn cội của đạo Phật, giới còn thì đạo Phật còn, giới mất thì đạo Phật phải mất*". Do đó, đại chúng Tăng Ni cần phải tuân thủ giới luật, khéo léo thọ trì không để phát sanh một tội lỗi nào. Có như vậy, bản thể Tăng bảo mới phát sanh, góp phần làm chấn hưng Phật pháp, ngăn chặn các ác pháp vốn dễ xâm nhập vào chốn thiền môn trong thời đại này.

- **Ngày thứ năm**

Buổi sáng: HT. Giác Toàn - Trưởng ban Tổ chức đã thùy từ bi mẫn quang lâm pháp tòa giảng dạy cho chư hành giả khóa sinh được học hiểu quyển ***Chơn lý* "Khất sĩ".** Từ Khất sĩ là một trong số các từ có tầng số xuất hiện nhiều nhất trong bộ *Chơn lý* của đức Tổ sư. Thuật ngữ này không chỉ dùng làm danh từ riêng cho

Hệ phái mà còn là ý pháp của chư Phật ba đời. Khất sĩ chỉ cho người xuất gia cầu học giáo pháp và tùy duyên hóa độ khắp nơi cùng xứ. Hòa thượng khuyên nhắc các khóa sinh phải đón nhận ý pháp này để xả thân cầu đạo và thực hành giới luật Tăng đồ nhà Phật theo con đường Tổ thầy đã khai mở. Hòa thượng dạy rằng: "*Nội hàm của từ Khất sĩ là chơn lý của vô trụ, tất cả chúng sanh kẻ thì xin vật chất để nuôi thân, người thì xin tinh thần để nuôi trí. Mục đích của việc xin là trau dồi tâm trí học hành để răn lòng tội lỗi, dứt bỏ cái ta đơn độc khổ não, đi xin để giải thoát phiền não, hun đúc trí tâm, làm gương để dạy đạo*". Hòa thượng đúc kết: "*Giáo lý Khất sĩ là trung đạo, đưa người từ địa vị phàm phu đắc lên Thánh quả. Do đó, trong khóa tu, các Tập sự, Sa-di cả Tăng lẫn Ni đều phải thực hành hạnh tu đơn giản thanh bần và tinh thần sống chung hòa hợp theo đúng chân dung người Khất sĩ*".

Buổi chiều: ĐĐ. Minh Liên triển khai phần tiếp theo của quyển *Chơn lý* này. Trong đó, các nội dung Phân bậc Khất sĩ, Mục đích Khất sĩ, Giá trị của hạnh Khất sĩ cũng được Đại đức phân tích rõ ràng. Sau đó,

HT. Giác Phúc - Giáo phẩm Chứng minh khóa tu cũng đã quang lâm sách tấn đại chúng tinh tấn tu hành. Và nhị vị HT. Thiện Tánh và HT. Như Tín, nhân dịp kiến đàn Đại Giới đàn Trí Đức tại chùa Huê Nghiêm II cũng đã quang lâm thăm viếng và ban huấn từ chứng minh công đức tu tập của các khóa sinh.

- **Ngày thứ sáu**

Buổi sáng: HT. Giác Lai - Nguyên Viện chủ PV. Minh Đăng Quang đã quang lâm sách tấn các khóa sinh qua một vài câu hỏi đầy thiền ý. Thông qua đó, Hòa thượng dạy chư Tăng Ni trở về đây được thọ dụng giáo pháp qua những lời giảng dạy của Ban Giáo thọ. Đó là một phước báu vô cùng lớn lao không phải ai cũng có. Tuy nhiên, thọ dụng bao nhiêu, hưởng được an lạc bao nhiêu và lợi ích bao nhiêu là còn tùy vào sự nỗ lực cầu học của đại chúng. Tiếp lời Hòa thượng, Ban Quản chúng đã chia sẻ tóm tắt về cuộc đời của đức Tổ sư Minh Đăng Quang. Các nét chính từ khi đản sanh, xuất gia, thành đạo và vắng bóng, cũng như những đóng góp của Tổ sư cho đạo pháp và chúng sanh cũng được chia sẻ rõ nét.

Âm vang còn vọng

NS. TUYẾT LIÊN
(TX. Ngọc Hiệp - Châu Thành - Tiền Giang)

Tiền Giang kết tụ khí thiêng
Gò Công thị xã đất miền quê linh
Ni trưởng viện chủ nghiêm minh
Vì đàn hậu tấn quên mình cao niên
Đăng cai mở khóa tu thiền
Trăm rưỡi hành giả kết nguyền đồng tâm
Nương đức Ni trưởng cao thâm
Thời gian tu học thêm phần khít khao
Pháp lành hạnh quý truyền trao
Đưa đàn hậu học tiến vào nẻo chân
Khóa tu Định - Huệ dự phần
Chơn lý Pháp bảo báu trân sẵn dành
Ngọc Quang cảnh tịnh người thanh
Khí thiêng un đúc tươi xanh Bồ-đề
Sân thiền trăm đóa liên huê
Vườn thiền trăm hạt Bồ-đề chủng duyên
Hôm nay chung một khóa thiền
Ngày mai vạn nẻo hóa duyên đăng trình
Lắng nghe Thầy giảng tâm kinh
Lãnh thọ vô tự Chơn kinh Thầy truyền
Văn - tư - tu, nhẹ não phiền
Thân giáo, khẩu giáo, ý thiền Thầy trao
Linh Sơn tình nghĩa dạt dào
Linh Sơn nguồn cội cùng nhau phụng trì
Ân lành kính cẩn khắc ghi
Nguyện cầu Tam bảo gia trì phước ban
Chư Ni trưởng được khinh an
Bồ-đề thọ, tỏa rộng tàng uy linh
Độ cho tất cả chúng sanh
Giác ngộ tu, dứt tử sanh luân hồi
Khóa tu nay khép lại rồi
Âm vang còn vọng đất trời phương Nam.

Buổi chiều: ĐĐ. Giác Phổ giảng dạy về lịch sử đức Phật và giáo lý căn bản. Như chúng ta được biết, cuộc đời đức Phật là cả một trang sử tuyệt vời có thể làm mô phạm đạo đức cho toàn nhân loại. Do đó, Ban Tổ chức cung thỉnh Đại đức Giác Phổ giảng giải sơ lược về cuộc đời đức Phật qua những nét chính từ đản sanh đến thành đạo và từ thành đạo đến Niết Bàn. Buổi học vô cùng sinh động thông qua hệ thống máy chiếu và những điểm nhấn bởi những câu hỏi liên hệ trong đề tài của Đại đức chủ giảng khiến cho chư hành giả tiếp thu trọn vẹn ý pháp.

- **Ngày thứ bảy**

Buổi sáng: HT. Giác Hà - Phó ban Tổ chức khóa Bồi dưỡng Đạo hạnh đã quang lâm giảng đường và sách tấn chư hành giả bằng những lời tán thán vô cùng hoan hỷ. Ý pháp của Hòa thượng gói gọn trong những hình ảnh ẩn dụ của một người thợ làm vườn khéo cắt bỏ những cành hư và những trái non không cần thiết. Vì để cành lá mọc um tùm mà thân cây ốm o thì cây không thể nào đứng vững. Cũng vậy, người mới tu phải khéo uốn nắn tâm ý thu thúc vào giới luật và oai nghi, có như vậy giới thân huệ mạng mới được lớn mạnh, đời sống mới gắn chặt trong giáo pháp Tổ Thầy.

Sau lời chứng minh giáo huấn của Hòa thượng, các khóa sinh làm bài kiểm tra thu hoạch về sự tiếp thu giáo lý kinh luật trong suốt một tuần qua.

Buổi chiều: ĐĐ. Giác Hoàng - Chánh Thư ký khóa tu sách tấn chư huynh đệ Tăng Ni và giảng giải nghĩa lý 50 câu hỏi trắc nghiệm và nhận xét một số bài cảm tưởng.

NỘI DUNG CÁC GIỜ TU

Ngoài việc học giới và kinh sách ra, Ban Quản chúng còn hướng dẫn các khóa sinh tu tập đều đặn theo thời khóa với 4 nội dung chính:

- **Tụng kinh**

Do khuôn khổ trong phạm vi là Sa-di - tập sự, nên trong buổi sáng và tối, Ban Quản chúng hướng dẫn các khóa sinh trì tụng các bài kinh trong Nghi thức Tụng niệm, 30 câu kinh Pháp Cú trích lục, các bài văn uyển, kệ pháp và các bài kệ tụng trong Luật nghi Khất sĩ. Đây là những bài kinh tụng quen thuộc mang đậm bản chất của Hệ phái do chính đức Tổ sư Minh Đăng Quang và chư vị đức Thầy soạn thảo. Thông qua các buổi tụng kinh, Ban Quản chúng hướng dẫn cách bắt nhịp và tụng bằng chất giọng thuần Việt theo cách thức biệt truyền của Hệ phái. Các cách chắp tay, kỉnh xá, đảnh lễ và oai nghi an tọa cũng được hướng dẫn chu đáo. Đây là định hướng để thuần nhất nghi thức tụng niệm của Hệ phái cho cả Giáo đoàn Tăng và Ni.

- **Hành thiền**

Thiền là linh hồn của Phật giáo. Nhờ thiền mà Thái tử Tất-đạt-đa chứng đắc quả Chánh đẳng giác, nhờ thiền mà đức Tổ sư thể nhập chơn lý để nối truyền Thích-ca Chánh pháp. Do đó, trong khóa bồi dưỡng này, Ban Quản chúng hướng dẫn các khóa sinh thực tập thiền tọa trong buổi sớm mai và buổi chiều hôm. Để nhất quán trong lộ trình thiền tập, ĐĐ. Giác Hoàng đã hướng dẫn đại chúng tu tập thiền qua đề mục hơi thở và mở rộng thực tập Tứ niệm xứ. Với tâm tư lắng dịu, người hành giả ghi nhận hơi thở vào ra qua điểm xúc chạm bằng tâm chánh niệm. Những gì xao động trong tâm ý, khó chịu hay đau nhức về thân đều phải ghi nhận lấy rồi trở về hơi thở ra vào. Đây là phương pháp hành thiền căn bản để các huynh đệ sơ cơ thực hành mà đạt được kinh nghiệm trong việc làm chủ tâm ý của mình.

- **Cúng ngọ**

Với trên 250 khóa sinh Tăng Ni, nên Ban Quản chúng hướng dẫn toàn thể đại chúng hòa âm tụng kinh chú nguyện và thực hiện phép ăn hòa chúng. Đây là thời khắc tiếp xúc với nguồn hạnh phúc từ phẩm vật. Tuy nhiên, cần phải thực tập chánh niệm để ghi nhận các trạng thái tâm tham, tâm sân, tâm si trong từng muỗng cơm đều đặn. Thực hiện cách ăn hòa chúng này là thực hiện nề nếp mà Tổ Thầy đã từng thể hiện trên đường du phương hành đạo. Nét đẹp trong bữa ăn hòa chúng tạo nên nét đặc trưng "*muôn người hòa hiệp như in một người*" được hành trì trong giờ thọ trai suốt 7 ngày tu học.

- **Sám hối**

Sau một ngày tu học, để cho chư hành giả được trong sạch lỗi lầm, Ban Quản chúng dành một tiếng rưỡi đồng hồ để chứng minh và giáo giới cho những trường hợp sai phạm.

Nhìn chung, trong khóa tu, các khóa sinh không vi phạm những giới điều trọng đại. Các lỗi lầm chủ yếu là do thiếu chánh niệm nên tạo tiếng ồn làm động chúng, các oai nghi phép tắc chưa được thông hiểu nên chưa biết cách ứng xử, các trường hợp giải đãi ngủ quên giờ tu... đều được các khóa sinh tác pháp sám hối giữa nhị bộ Tăng Ni.

Trong tinh thần cảm hóa, tùy theo những lỗi thô hoặc tế mà Ban Quản chúng khéo léo nhắc nhở, chỉ dạy những điều đúng sai để chư hành giả rút ra bài học kinh nghiệm cho mình.

- **Dò bài:** Một trong những điểm đặc trưng của khóa "Bồi dưỡng đạo hạnh" khác với các khóa tu dành cho các vị Tỳ-kheo là dò bài. Các bài kinh trong Nghi thức tụng niệm, các bài kệ tụng trong Luật nghi Khất sĩ, Môn oai nghi, Mười giới, Luật Khất sĩ, Pháp học sa-di... và cả *Chơn lý*. Nhìn chung, các Sa-di và tập sự đều có học bài, nhưng vẫn còn một số vị học chưa thuộc hoặc thuộc không nhuyễn. Tuy nhiên, một số Tăng Ni trẻ không những thuộc bài vở bắt buộc mà còn phát tâm trùng tụng *Chơn lý*. Kết quả thật khả quan. Dẫu rằng nghĩa lý uyên áo trong *Chơn lý* đối với Tăng Ni trẻ thật không dễ thấu triệt, nhưng ít ra Tăng Ni trẻ học thuộc lòng và chắc chắn với thời gian, các vị sẽ nhận chân được ý pháp thâm huyền mà Tổ sư giảng dạy.

Kết quả, chư Tăng có 3 vị thuộc Giáo đoàn III phát tâm trùng tụng, còn chư Ni có 10 vị, trong đó đáng ghi nhận là chư Ni thuộc Phân đoàn 2 Giáo đoàn IV, có tới 7 vị; Giáo đoàn III, 2 vị, và Giáo đoàn I, 1 vị.

STT	Pháp danh/ Bổn sư	Tịnh xá/ Giáo đoàn	CHƠN LÝ trùng tụng
1	G. Minh Phong / ĐĐ. Giác Hiếu	Ngọc Minh/ GĐ.III	Bát chánh đạo, Ngũ uẩn, Võ trụ quan, Thập nhị nhơn duyên.
2	G. Minh Mẫn/ ĐĐ. Giác Năng	Ngọc Hưng/ GĐ.III	Võ trụ quan, Khất sĩ
3	G. Minh Túc/ HT. Giác Thành	Ngọc Phúc/ GĐ.III	Đạo Phật Khất Sĩ

CHƯ NI

STT	Pháp danh/ Bổn sư	Tịnh xá/ Giáo đoàn	CHƠN LÝ trùng tụng
1	Liên Tuyền/ NS. Hạnh Liên	Ngọc Đức/ GĐ.IV	Bát chánh đạo, Y bát chơn truyền, Hòa bình, Thập nhị nhơn duyên
2	Liên Hiếu/ NS. Tuyết Liên	Ngọc Hiệp/ GĐ.IV	Bát chánh đạo, Y bát chơn truyền
3	Tịnh Minh/ SC. Thành Liên	Ngọc Phúc/ GĐ.IV	Tánh thủy, Thập nhị nhơn duyên
4	Liên Hiệp / NT. Lan Liên	Ngọc Vân/ GĐ.IV	Tâm
5	Liên Thơ / SC. Thùy Liên	Ngọc Đức/ GĐ.III	Võ trụ quan
6	Liên Như / NS. Tuyết Liên	Ngọc Hiệp/ GĐ.IV	Bát chánh đạo
7	Liên Minh/ NT. Lan Liên	Ngọc Vân/ GĐ.IV	Bát chánh đạo
8	Liên Thịnh/ NS. Nhu Liên	Ngọc Tâm/ GĐ.I	Khất sĩ
9	Liên Viễn/ NT. Thông Liên	Ngọc Bảo/ GĐ.III	Khất sĩ
10	Tịnh Hân / SC. Thành Liên	Ngọc Phúc / GĐ.IV	Võ trụ quan

Kết quả kiểm tra thu hoạch cho chúng ta thấy, số bài dưới trung bình không nhiều: 12/ 228 bài thu hoạch. Có 4 vị Tăng điểm trắc nghiệm và bài viết khá cao:

Hạng	Pháp danh/ Bổn sư	Tịnh xá / Giáo đoàn	Điểm
Nhất	Minh Anh/ HT. Giác Toàn	Trung Tâm/ GĐ.IV	57/60 (Trắc nghiệm: 49, viết: 8)
Nhì	G. Đăng Nguyện/ ĐĐ. Minh Tựu	Ngọc Thạnh/ GĐ.I	56/60 (Trắc nghiệm: 49, viết: 7)
Ba	G. Minh Lực/ ĐĐ. Giác Hiếu	Ngọc Minh/ GĐ.III	55/60 (Trắc nghiệm: 47, viết: 8)
Ba	Minh Nghiêm/ HT. Giác Cầu	Ngọc Thạnh/ GĐ.V	55/60 (Trắc nghiệm: 47, viết: 8)

Về phía chư Ni: 4 vị đạt thành tích xuất sắc:

Hạng	Pháp danh	Tịnh xá / Giáo đoàn	Điểm
Nhất	Liên Trân	Ngọc Thiền/ GĐ.III	57/60 (Trắc nghiệm: 48, viết: 9)
Nhất	Liên Ngôn	Ngọc Lâm/ GĐ.IV- PĐ 1	57/60 (Trắc nghiệm: 49, viết: 8)
Nhì	Liên Trinh	Ngọc Lâm/ GĐ.IV- PĐ 1	55/60 (Trắc nghiệm: 47, viết: 8)
Ba	Liên Tuyền	Ngọc Đức/ GD.IV- PĐ 2	54,5/60 (Trắc nghiệm: 47, viết: 7,5)

Ngoài ra, một số vị có công hạnh trong công quả và hạnh tu được tuyên dương:

STT	PHÁP DANH	TỊNH XÁ / GIÁO ĐOÀN
1	Minh Hậu / HT. Minh Nhuần	Ngọc Sơn/ GĐ.IV
2	Minh Hậu	Ngọc Thạnh/GĐ.V
3	Liên Ngọc	Ngọc Phú/ GĐ.IV - PĐ 2
4	Hoàng Liên	Ngọc Tân / GĐ.I

Ngoài ra, còn 40 bài viết do các hành giả thể hiện ngang qua nhận thức và lòng trân trọng biết ơn của mình đến chư Tôn đức Giáo phẩm đã mở khóa tu "Bồi dưỡng đạo hạnh" và các vị Bổn sư đã tạo điều kiện cho các vị về với đại chúng tu tập.

NHẬN XÉT VÀ KẾT LUẬN

Kính bạch chư Tôn đức Giáo phẩm,

Kính bạch chư Tôn đức Ban Quản chúng và chư huynh đệ Tăng Ni,

Sau 7 ngày tu học, các khóa sinh đã trải qua thời gian sống chung an lạc dưới bóng mát của Tổ thầy. Đây là một phước báu hy hữu cho hàng hậu học trong thời đại vật chất tiến bộ nhưng tinh thần đạo đức đang xuống cấp. Sau một tuần lễ sống chung hòa hợp, Ban Quản chúng có nhận xét và đánh giá như sau:

a. Ưu điểm

1. Nhờ sự kiểm soát chặt chẽ của Ban Quản chúng nên các khóa sinh tham gia các thời khóa đông đủ.

2. Thời khóa tu học khít khao giúp đại chúng tu học tinh tấn không bị xao lãng bởi ngoại duyên.

3. Nội dung giảng dạy phong phú, tập trung vào những bài học căn bản về Pháp và Luật cho hàng sơ cơ nên các khóa sinh tiếp thu dễ dàng.

4. Các huynh đệ Tăng Ni có cơ hội sống chung nên thể hiện được tinh thần hòa hợp và học hỏi sách tấn lẫn nhau.

5. Điều kiện ổn định về nơi sinh hoạt, tu tập và sự chăm sóc tận tình của ban ngoại hộ, nên các khóa sinh có được sức khỏe dồi dào, tinh thần an lạc để tu học.

b. Khuyết điểm

1. Do bận học ở các trường Phật học và văn hóa nên một số huynh đệ không tham gia xuyên suốt thời khóa trong ngày.

2. Một số khóa sinh vừa mới xuất gia nên chưa thể bắt nhịp được với tinh thần tu chung của Ban Quản chúng.

3. Do sự phân hóa về độ tuổi và trình độ văn hóa nên sự tiếp thu các buổi học sâu cạn có khác nhau rõ rệt, điều này thể hiện qua bài kiểm tra thu hoạch cuối khóa.

4. Một vài huynh đệ còn giải đãi không theo một số thời khóa của Ban Quản chúng.

5. Vẫn còn nhiều chư huynh đệ tập sự chưa thuộc rành luật nghi và chưa thông hiểu giáo lý căn bản trong giờ khảo giới.

Với những kết quả đã đạt được trong khóa "Bồi dưỡng đạo hạnh" dành cho Sa di - Tập sự lần đầu tiên này chúng con xin kính trình lên chư Tôn giáo phẩm lãnh đạo Hệ phái chứng minh. Thông qua bản báo cáo, kính mong chư Tôn đức chỉ đạo và đóng góp ý kiến để xây dựng khóa tu ngày càng hoàn bị hơn. Với những ưu điểm chúng con sẽ cố gắng phát huy, còn những khuyết điểm chúng con sẽ cố gắng khắc phục.

Kính nguyện hồng ân Tam bảo gia hộ chư Tôn đức pháp thể khinh an, chúng sanh dị độ, đạo quả chóng viên thành để làm con thuyền thanh lương đưa chúng con vượt biển trầm luân cập bến Niết Bàn.

Nam-mô Chứng Minh Sư Bồ-tát Ma-ha-tát tác đại chứng minh.

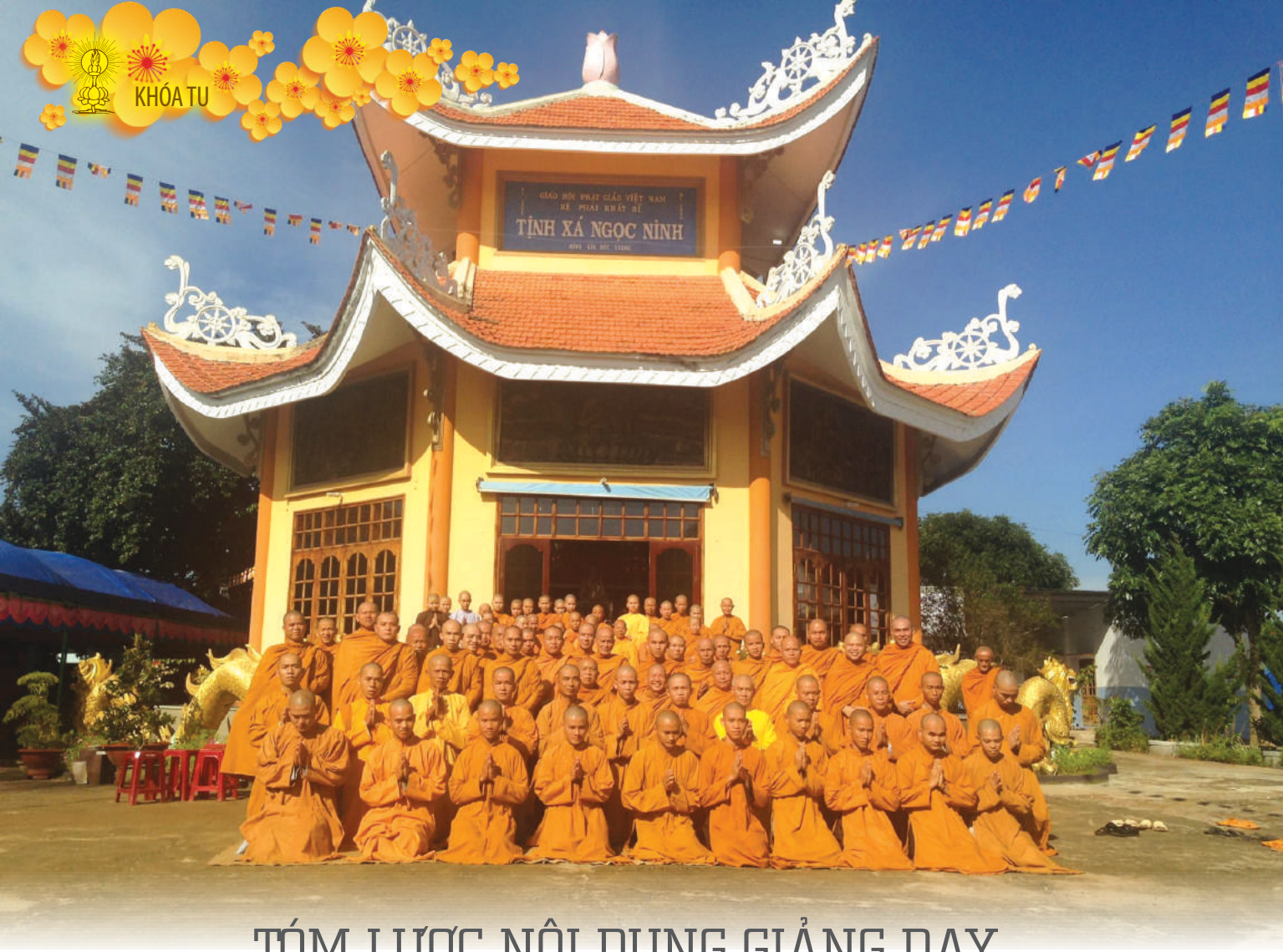

TÓM LƯỢC NỘI DUNG GIẢNG DẠY
TRONG KHÓA "BỒI DƯỠNG ĐẠO HẠNH" LẦN THỨ 11 CỦA GIÁO ĐOÀN III

TK. GIÁC ĐOAN

Trên tinh thần tiếp dẫn hậu lai báo Phật ân đức, chư Tôn đức lãnh đạo Giáo đoàn đã tiếp tục mở khóa "Bồi dưỡng đạo hạnh" lần thứ 11 tại Tịnh xá Ngọc Ninh, Đức Trọng, Lâm Đồng từ ngày 17 - 27 tháng 8 năm Ất Mùi (29/9 – 9/10/2015). Khóa tu này có 89 hành giả tham dự, trong đó có 28 Sa-di, 21 tập sự, 40 Sa-di-ni và tập sự nữ.

Kính bạch chư Tôn đức,

Chương trình tu học về căn bản cũng giống như các khóa trước, với thời khóa mà chư Tôn đức lãnh đạo đã chỉ dạy. Khóa này được sự cho phép của chư Tôn đức nên có thêm giờ trùng tụng lại bộ *Chơn lý* cùng ôn lại những bài kệ tụng trong Luật nghi Khất sĩ. Còn về nội dung giảng dạy chúng con xin được tóm lược như sau:

Trong buổi lễ khai mạc, Hòa thượng Giác Phùng - Đệ nhị Chứng minh cho khóa Bồi dưỡng Đạo hạnh lần này đã có lời giáo giới đến với hội chúng và tán thán tinh thần cầu học cầu tu của các vị hành giả Sa-di. Vào buổi chiều Hòa thượng tiếp tục sách tấn hội chúng bằng những hình ảnh, bài học cụ thể và thực tế qua cuộc đời tu học của Hòa thượng có được với đức Thầy và đức cố Trưởng lão Đệ nhị Trưởng giáo đoàn III từ bi dìu dắt. Hòa thượng nhấn mạnh đến những tính chất giúp cho vị hành giả hoàn thiện đời sống giới hạnh của vị Sa-môn như tinh tấn tu học, kham nhẫn, khiêm cung, nhịn nhường… và đặc biệt là phải kiên định trong con đường tu học để hoàn thiện lý tưởng mục đích xuất gia tu học. Hơn thế nữa, Hòa thượng đã đồng hành theo từng thời khóa tu tập

với đại chúng trong 2 ngày, cùng chứng minh và chỉ dạy cho đại chúng trong các thời sám hối.

Ngày thứ 2, Thượng tọa Giác Trí đã đến với hội chúng bằng phương pháp thực tập chánh niệm trong những oai nghi ngay nơi cuộc sống thường nhật. Đặc biệt, Thượng tọa đã hướng dẫn cho đại chúng thấy rõ và biết được những bước căn bản trong công phu thiền tọa, thiền hành. Thượng tọa đã triển khai để hội chúng thấy được sự thiết yếu của chánh niệm tỉnh giác trong quá trình tu tập, để hành giả có mặt ngay trong giây phút hiện tại và đạt được sự an vui trong sinh hoạt thường nhật. Đồng thời, Thượng tọa còn nhấn mạnh đến việc phát huy chánh niệm sẽ giúp cho hành giả phát triển năng lượng tỉnh giác để nuôi dưỡng và tăng trưởng đạo tâm, kiên cố đạo hạnh, chóng thành quả giác. Và Ngài nói chánh niệm trên những oai nghi đi đứng nằm ngồi chính là bước căn bản để đi đến việc hoàn thiện đời sống phạm hạnh. Đến đây Thượng tọa đã dẫn dụ những mẩu chuyện thiền trong thiền sử để minh họa cho đại chúng thấu hiểu và thấy được giá trị của tinh thần chánh niệm trong những oai nghi.

Qua ngày thứ 3, Đại đức Giác Viễn đã đến với hội chúng qua câu chuyện Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc với vị Bà-la-môn Thế Điển được ghi lại trong *Kinh Tăng Nhất A-hàm*. Qua đó, Đại đức phân tích cho đại chúng thấy được bài học tinh tấn tu tập để vượt qua những chướng ngại của Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc, và đặc biệt là hình ảnh Ngài Xá-lợi-phất âm thầm hỗ trợ cho Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc nhiếp phục Bà-la-môn Thế Điển bằng con đường luận biện, giải đáp câu hỏi người mù và không mắt cho vị Ba-la-môn, để rồi chuyển hóa giúp vị Bà-la-môn được sạch trần cấu, chứng được pháp nhãn tịnh. Sau đó Đại đức phân tích cho hội chúng thấy thế nào là mù, nghĩa là không thấy được nhân quả nghiệp báo, hành vi thiện, hành vi ác, không biết như thật các pháp…, còn người không mắt nghĩa là người không có được mắt trí tuệ, không thấy được lý Duyên sinh. Đồng thời Đại đức còn chỉ dạy cho đại chúng cách làm của một vị Sa-môn thông qua bài kinh Cày ruộng trong *Tương ưng bộ kinh*.

Đến ngày thứ 4, Thượng tọa Giác Minh đã trao cho đại chúng kinh nghiệm tu tập qua những ví dụ cụ thể trong cuộc sống, để từ đó giúp hội chúng nhìn nhận và thấy được tinh thần tu học. Thượng tọa đã dùng hình ảnh sữa pháp và sữa thế gian để minh họa cho hành giả thấy được loại sữa nào cần thiết cho con đường tu học mà người học trò Khất sĩ cần phải uống để phát triển pháp thân huệ mạng. Sau đó, Thượng tọa đã sử dụng hình ảnh chú chó luôn trung thành với chủ nhân, dù người chủ nghèo hay giàu thì chúng vẫn không bỏ chủ để chạy theo người giàu sang hơn. Qua đó, Thượng tọa muốn nhắn nhủ đến hội chúng về lòng trung thành đối với giáo pháp của chư Phật, của Tổ Thầy và cũng là đường lối Khất sĩ hay tôn chỉ của đạo, và đặc biệt đừng vì xã hội văn minh tiến bộ mà say đắm chìm trong sự sung túc của vật chất, để rồi đánh mất hay bỏ đi con đường cao đẹp của đạo.

Đến ngày thứ 5, Đại đức Giác Nhường đã chia sẻ với hội chúng về tinh thần tu học và con đường hoàn thiện đời sống giới hạnh Sa-di qua bài học "Sa-di thờ Thầy". Đại đức đã trình bày những oai nghi tế hạnh cần có của một vị Sa-di từ cách hầu Thầy cho đến nghe pháp học kinh… Đồng thời, Đại đức đã giúp cho các vị tân học nhận thức rõ vị trí sơ cơ của mình, và thấy được tầm quan trọng của việc hầu Thầy, cũng như khơi dậy tinh thần luôn tôn kính Thầy dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Đại đức cũng chia sẻ thêm về kinh nghiệm hầu Thầy mà Đại đức đã có được. Hơn thế nữa, Đại đức còn đồng hành tu học với hội chúng trong 5 ngày đầu của khóa Bồi dưỡng Đạo hạnh, cũng như

giúp cho hành giả thấy thêm một số khuyết điểm về giới hạnh oai nghi của vị Khất sĩ.

Qua ngày thứ 6, Đại đức Giác Hoàng đã chia sẻ với hội chúng về lịch sử, đường lối tu học và hành đạo của Tổ sư Minh Đăng Quang. Đại đức đã cho trắc nghiệm và sau đó nương vào bài trắc nghiệm mà giảng dạy cho đại chúng hiểu rõ về lịch sử của đức Tổ sư từ niên thiếu cho đến xuất gia, hành đạo và vắng bóng. Qua đó, Đại đức đã kể về tinh thần tu tập và sự quán chiếu mà đức Tổ sư đã hành trì và chứng ngộ. Hơn hết chính là con đường hoằng truyền giáo pháp giải thoát với tôn chỉ Nối truyền Thích-ca Chánh pháp - Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam. Chính tôn chỉ ấy Ngài đã xây dựng nên Tăng đoàn với trên 100 vị đệ tử xuất gia chỉ trong vỏn vẹn 8 năm hành đạo. Và đặc biệt những vị này phần lớn vì cảm nhận được nét đẹp và sự thanh thoát qua giới hạnh của Ngài mà phát tâm tu học. Đại đức đã đề cập đến vấn đề này để nhắc hội chúng lấy đó làm bài học thiết thực mà cố gắng tu học và hoàn thiện giới hạnh oai nghi.

Đến ngày thứ 7, Đại đức Giác Phổ đã đến với đại chúng qua chủ đề ý nghĩa xuất gia. Qua đó, Đại đức đã trình bày cho hội chúng thấy được như thế nào là xuất gia và như thế nào là chưa xuất gia, chúng ta đã thực sự xuất thế tục gia chưa hay chỉ là hình tướng xuất gia thôi, và những thứ thế tục như danh lợi, quyền uy, lợi dưỡng… có còn chi phối, ràng buộc ta hay không? Sau đó, Đại đức đã phân tích cho hàng xuất gia tân học thấy được những nguyên nhân đưa đến phiền não và con đường đi đến sự chuyển hóa những tham sân si ấy để bước ra khỏi ngôi nhà phiền não. Đại đức đã chỉ cho hành giả thấy được nguyên nhân chính là do dục sai sử mà chúng ta phải làm nô lệ cho tham sân si cùng tài sắc danh thực thùy... Đôi khi chúng ta sống trong dòng chảy ấy nhưng vì lơ là và thiếu hiểu biết mà không nhận ra rằng mình đang bị chúng cuốn trôi. Cho nên chỉ có Tuệ mới có thể nhận ra và chuyển hóa được, mới có thể trở thành sứ giả của Như Lai. Và hơn hết, Đại đức đã đồng hành hỗ trợ và giúp cho hành giả tân học nhận ra những khiếm khuyết về giới hạnh oai nghi trong 4 ngày cuối của khóa tu.

Đến sáng ngày thứ 8, Ni sư Dung Liên đã chia sẻ với hội chúng về tinh thần Tu và Nghiệp trong bộ *Chơn lý* của Tổ sư. Qua đó, Ni sư chia sẻ về tinh thần nhân quả nghiệp báo để giúp cho hội chúng Ni thấy rõ và có đủ niềm tin đối với giáo pháp của Tổ Thầy. Ni sư còn dẫn lời dạy đền nghiệp cũ và không gây tạo thêm nhân đau khổ mới của đức Tổ sư để cho đại chúng thấy rõ hơn về tinh thần nhân quả. Sau đó, Ni sư khuyến nhủ Ni chúng nên cố gắng chiêm nghiệm những lời dạy của đức Tổ sư đã để lại trong bộ *Chơn lý*, cũng như những vần kệ tụng trong Luật nghi Khất sĩ để giúp cho tâm tu của mình được nâng cao hơn.

Đến buổi chiều Ni sư Tỉnh Liên, trụ trì Tịnh xá Ngọc Ninh - nơi tổ chức khóa tu, đã thăm viếng và nhắc nhở hội chúng Ni về lý tưởng của người xuất gia bằng những bài học kinh nghiệm mà Ni sư đã có được với các vị Ni trưởng, Ni sư trong thời gian mới xuất gia để giúp cho hội chúng có thêm nghị lực vượt qua những chướng duyên. Sau đó, Sư cô Tuyền Liên đãi lao cho Ni sư chia sẻ với hội chúng Ni. Sư cô đã nhắn nhủ đến Ni chúng về tinh thần tu học và ân đức của Tổ Thầy, của chư Tôn đức Tăng Ni tiền bối cùng những huynh đệ đã hy sinh, động viên cho ta trên bước đường tu học. Hơn thế, Sư cô còn nhấn mạnh đến sự cao quý của đạo hạnh người xuất gia bằng việc so sánh: học vị Tiến sĩ có thể dùng trí óc

để lấy trong một khoảng thời gian, với thời lượng chương trình như đã quy định nhưng bằng cấp đạo hạnh thì phải học và hành trì, có thể cả đời mà vẫn chưa xong, đồng thời nhấn mạnh tri thức không thể nào mang lại sự an lạc giải thoát cùng hoàn thiện đời sống phạm hạnh được.

Qua ngày thứ 9, Ni trưởng Hiệp Liên đã mượn lời dạy của đức Tổ sư được ghi lại trong bài "Diệt lòng ham muốn" để nhắn nhủ với đại chúng: trên con đường tu học điều cần yếu là phải diệt đi lòng ham muốn, bởi chúng chính là chiếc bẫy đưa ta vào tròng và nhấn chìm ta trong dòng bộc lưu sinh tử, và đây cũng chính là hình ảnh bị dục sai sử mà trong kinh thường đề cập. Ni trưởng còn dẫn dụ những bài học thực tế từ những vị tiền bối để minh họa cho hội chúng thấy rõ vấn đề: Nếu chúng ta không khéo tu thì rất dễ bị dục dắt dẫn và cắt đứt con đường cao đẹp chúng ta đang theo đuổi. Và qua những ví dụ ấy, Ni trưởng muốn hội chúng suy ngẫm về những phương pháp ứng phó để sau này có gặp phải hoàn cảnh tương tự như thế, chúng ta có thể dễ dàng vượt qua và không bị sập bẫy của dục. Đồng thời, Ni chúng cần phải biết sống thiểu dục tri túc, biết làm chủ cái tâm để khỏi bị dục nhấn chìm vào dòng sinh tử. Tiếp đó Ni trưởng dẫn dụ bài kinh khúc gỗ trôi sông để minh họa cho ý pháp "*Người học đạo giống như miếng cây trôi ra vàm sông*" của đức Tổ sư.

Đến ngày thứ 10, Thượng tọa Giác Trong đã khuyên nhắc đại chúng về đời sống tu học của vị Sa-di. Ngài nhấn mạnh rằng: Vị Sa-di luôn cần phải chiêm nghiệm lại những lời dạy về giới hạnh oai nghi và 10 giới Sa-di để hoàn thiện đời sống giới hạnh Sa-môn, làm cho thân hành của mình luôn ảnh hiện hình ảnh của đức Phật, để từ đó chúng trở thành thức ăn nuôi dưỡng đời sống giới hạnh, là huyết mạch cho đời sống tu học của mình. Và qua đây, Thượng tọa muốn nhắn nhủ với hàng Sa-di, tập sự rằng đừng bao giờ qua cầu rút nhịp mà phải biết tô bồi vun đắp cho nhịp cầu được vững chãi và kiên cố hơn, nghĩa là đừng bao giờ lơ là bỏ qua những bài học căn bản cho đời sống phạm hạnh này mà phải luôn gia tâm để thân khẩu ý luôn là hình ảnh của đức Phật, luôn là ngọn đèn chơn lý soi chiếu thế gian, xứng đáng là vị sứ giả của Như Lai.

Kính bạch chư Tôn đức,

Trên đây là chương trình và nội dung tu học trong 10 ngày qua của khóa Bồi dưỡng Đạo hạnh lần thứ 11 tại Tịnh xá Ngọc Ninh. Giờ đây con xin kính trình lên chư Tôn đức lãnh đạo Giáo đoàn liễu tri về nội dung được giảng dạy trong khóa Bồi dưỡng Đạo hạnh lần này.

Khất sĩ chơn truyền

Kính dâng NT. Tân Liên

NT. KHIÊM LIÊN

Với tuổi đôi mươi đã thoát trần
Lên đường giải thoát nhẹ nhàng thân
Tam y, nhứt bát, thiên gia phạn
Tứ pháp hành trì sáng lý chân.
Cất bước vân du nối hạnh Thầy
Tam vô lậu học nguyện hoằng khai
Giới nghiêm, định vững, tâm thiền duyệt
Đuốc tuệ soi đường dẫn hậu lai.
Trải gót phong trần khắp Bắc, Nam
Quản chi muôn dặm những quan san
Cư trần bất nhiễm Ba-la-mật
Đức tốt hạnh lành tỏa thế gian.
Mảnh đất Gò Công vẹn nghĩa tình
Tinh đàng kiến lập độ môn sinh
Bốn mươi năm chẵn treo gương báu
Khất Sĩ truyền đăng rạng Tổ đình.

(TX. Ngọc Quang - Kỷ niệm Khóa tu Giới Định Tuệ lần thứ 21, từ mùng 7-10 đến 13-10 Ất Mùi, do NGHPKS tổ chức).

NHÌN LẠI PHẬT SỰ HỆ PHÁI NĂM ẤT MÙI - 2015

TK. GIÁC HOÀNG

Kính bạch chư Tôn đức,

Thưa quý Phật tử,

Ngoài Phật sự trong các Ban, Viện Trung ương GHPGVN[1] hoặc các đơn vị tỉnh/thành, chư Tôn đức Tăng Ni vẫn dành thời gian để chu toàn Phật sự trong Hệ phái. Thay mặt Ban Thư ký Hệ phái, chúng con xin lược trình những Phật sự quan trọng của Hệ phái năm Ất Mùi - 2015 như sau:

I. Các khóa tu học hệ phái

1. Khóa tu Truyền thống Khất sĩ

Thực hiện thống nhất chủ trương của chư Tôn đức Giáo phẩm Hệ phái, mỗi năm chư Tăng 6 Giáo đoàn tổ chức 3 khóa tu Truyền thống Khất sĩ: Mùa xuân, mùa Thu và mùa Đông (ngày 4/3, 4/9 và 4/11 âm lịch). Khóa tu mùa Xuân tổ chức tại Pháp viện Minh Đăng Quang - Q. 2 - TP. HCM, mùa Thu tại Tịnh xá Ngọc Thạnh - Bà Rịa - Vũng Tàu và mùa Đông tại Tịnh xá Ngọc Như - Tây Ninh. Số lượng hành giả của mỗi khóa tuy có tăng giảm khác nhau, nhưng nhìn chung vẫn đạt được chỉ tiêu mong ước của Ban Tổ chức là từ 110 - 150 vị. Tinh thần ham tu thể hiện ngày càng rõ nét đối với hành giả. Các vị Giáo phẩm Hệ phái gắn bó nhiều hơn so với các khóa trước đây. Các bài giảng và chia sẻ pháp của chư Tôn đức thiết thực, có khả năng chuyển hóa, đánh thức tâm thức người tham dự. Nhìn chung, tính đến nay, Hệ phái đã tổ chức được 18 khóa, ổn định và ngày càng củng cố cả số lượng lẫn chất lượng, pháp học lẫn pháp hành.

2. Khóa tu Truyền thống Ni giới Hệ phái Khất sĩ

Hưởng ứng lời kêu gọi, chỉ dạy của chư Tôn đức Tăng, chư Tôn đức Giáo phẩm Ni giới thuộc hệ thống Tổ đình Ngọc Phương cũng tổ chức khóa tu Truyền thống Ni giới Khất sĩ, mỗi năm 3 hoặc 4 khóa, tùy theo thời duyên cho phép. Trong năm qua, Ni giới HPKS tổ chức 4 khóa (khóa 18 - 21). Mùa Xuân tổ chức tại TX. Ngọc Châu - Hội An, Quảng Nam và TX. Ngọc Chung - Hóc Môn - TP. HCM. Đầu mùa Hạ tổ chức tại TX. Ngọc Phương - TP. HCM. Mùa Thu tổ chức tại TX. Ngọc Tâm - Long An. Mùa Đông tổ chức tại TX. Ngọc Quang - Tiền Giang. Số lượng hành giả tham gia trung bình là 150 vị. Nội dung và thời khóa tu học cũng giống như các khóa trước. Điểm đáng chú ý là các khóa này được sự quan tâm của chư Ni các Giáo đoàn, các Phân đoàn tham gia ngày càng nhiều hơn.

3. Khóa tu Ni giới Giáo đoàn IV

Trong hai năm qua, chư Ni Phân đoàn 1 và Phân đoàn 2 thuộc Giáo đoàn IV, mặc dù số lượng không đông, cũng tổ chức tu tập, góp phần thúc đẩy pháp hành và tạo nên sự hòa hợp trong Giáo đoàn. Năm 2015, Phân đoàn 1, dưới sự điều hành của NT. Thông Liên và một số Ni trưởng, Ni sư khác, hưởng ứng phong trào tu tập của Ni giới, nên tổ chức được 4 khóa. Mùa Xuân 2 khóa, mùa Thu một khóa và mùa Đông 1 khóa. Số lượng hành giả từ 20-25 vị.

Phân đoàn 2 dưới sự điều hành của quý Ni trưởng và Ni sư Tuyết Liên, năm 2015 tổ chức 4 khóa. Mùa Xuân 2 khóa, mùa Thu 1 khóa và mùa Đông 1 khóa. Hiện giờ đã đến khóa thứ 6. Mỗi khóa trung bình từ 20 - 25 vị.

Nội dung tu tập trong hai phân đoàn căn bản giống nhau: Thiền tọa, thiền hành, pháp đàm, học Chơn lý, học Luật, sám hối và thọ trai hòa chúng trong Chánh niệm. Nhờ sự điều hành của quý Ni trưởng, Ni sư đúng với tinh thần giáo pháp, nên khóa tu đã đem đến sự hòa hợp thống nhất và tinh thần cầu pháp, mong muốn đạt được sự giải thoát, giác ngộ ngày càng cao.

4. Khóa "Sống chung tu học" của Ni giới Giáo đoàn III

Hòa chung niềm vui tu tập của chư Tôn đức Tăng Ni trong Hệ phái tổ chức các khóa tu, Ni giới Giáo đoàn III được sự chứng minh và chỉ đạo của chư Tôn đức Giáo phẩm, đặc biệt là Ban Giáo dục Tăng Ni Giáo đoàn III, Ni trưởng Hiệp Liên và Ni trưởng Cảnh Liên cũng như các Ni trưởng, Ni sư khác hưởng ứng khóa "Sống chung tu học" dành cho các vị Tỳ-kheo-ni mỗi năm 2 khóa, khởi động từ đầu năm 2015 từ TX. Ngọc Trung - An Khê - Gia Lai và khóa thứ hai tại TX. Ngọc Chơn - thị xã Buôn Hồ - tỉnh Đăk Lăk. Mỗi khóa có khoảng 60 - 70 vị trụ trì, phó trụ trì và Tỳ-kheo-ni tham dự. Đặc điểm của khóa tu này là chư Tôn đức Tăng Ni trong Giáo đoàn cùng đứng ra tổ chức và giảng dạy. Đơn vị đăng cai chịu trách nhiệm tứ sự. Khóa tu đã nâng cao tầm nhận thức của Ni chúng về việc tu tập và giáo hóa, cũng như sự chia sẻ những khó khăn trong công tác quản lý và thừa hành Phật sự tại địa phương. Khóa tu đã đem đến lợi lạc rất lớn cho Ni chúng Giáo đoàn.

5. Khóa học Luật của Ni giới Giáo đoàn I

Trong tinh thần thọ trì giới luật, Ni giới Giáo đoàn I đã tự tổ chức khóa học Luật Tỳ-kheo-ni từ năm 2010 đến nay đã được 16 khóa. Mỗi khóa trung bình trên 40 vị. Các đơn vị tịnh xá thường đăng cai tổ chức: TX. Ngọc Tân (Long An), TX. Ngọc Mai (Tịnh Biên - An Giang), TX. Ngọc Quang (Thốt Nốt - Cần Thơ) và TX. Ngọc Liên (Vĩnh Long). Hiện nay, Ni chúng đã học xong *bộ Tứ phần luật Tỳ-kheo-ni giới bổn hội nghĩa* của Sa-môn Đức Cơ do Sư cô Diệu Sơn Việt dịch và tác phẩm *Các pháp Yết-ma* do Ni sư Thích nữ Tuệ Như biên soạn. Hiện nay, chư Ni đang học và tìm hiểu bộ *Luật tứ phần Tỳ-kheo-ni* của Ni sư Phật Oánh do Hòa thượng Trí Minh dịch. Khóa học luật này sẽ được duy trì để củng cố sự hiểu biết và thúc đẩy sự hành trì Luật tạng, góp phần xương minh giáo pháp Phật của Ni giới Giáo đoàn I.

6. Khóa "Bồi dưỡng đạo hạnh" của Hệ phái

Trước nỗi lo chung của chư Tôn đức Giáo phẩm về sự sa sút đạo hạnh và mất phương hướng tu học của Tăng Ni trẻ và lớp vừa mới xuất gia, chư Tôn đức tổ chức khóa tu nhằm thúc đẩy tinh thần tu học và củng cố giới hạnh cho các vị Sa-di, tập sự trong Hệ phái; giúp các Tăng Ni vừa xuất gia hiểu rõ đường lối và truyền thống của Phật giáo Khất sĩ, góp phần xây dựng hình ảnh tu sĩ và trang nghiêm Giáo hội. Do đó, chư Tôn đức Giáo phẩm đã thống nhất một năm mở hai khóa tu "Bồi dưỡng đạo hạnh" cho lớp Sa-di, Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni và và tập sự. Năm 2015, theo dự định Hệ phái sẽ tổ chức khóa tu lần thứ nhất vào tuần cuối An cư kiết hạ, nhưng vì Đại lão Hòa thượng Pháp sư viên tịch, nên khóa tu được dời đến tháng 10 âm lịch (từ mùng 6 đến 13), gần thời gian với Đại Giới đàn TRÍ ĐỨC do GHPGVN TP.HCM tổ chức.

Khóa tu được sự hưởng ứng của chư Tôn đức lãnh đạo các Giáo đoàn, do đó số lượng hành giả lên đến 267 (gồm các Tăng Ni thuộc 6 Giáo đoàn Tăng quản lý). Thời khóa nghiêm ngặt. Các vị trong Ban Quản chúng đồng tu với hành giả và kịp thời điều chỉnh, nhắc nhở về oai nghi, giới hạnh và thời khóa sinh hoạt. Do đó, khóa tu đã đạt kết quả mỹ mãn, tạo tiền đề cho những khóa tu sau.

7. Khóa tu "Bồi dưỡng đạo hạnh" của Giáo đoàn III

Góp phần bồi dưỡng tư cách, đạo đức, nhân phẩm, đạo hạnh cho các vị vừa mới xuất gia, và trong giai đoạn làm Sa-di, chư Tôn đức Giáo đoàn III, đặc biệt cố Hòa thượng Giác Dũng đã chỉ đạo, tổ chức khóa "Bồi dưỡng đạo hạnh" cho các vị Sa-di, Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni và Tập sự từ mùa Xuân năm 2012, mỗi năm 3 khóa, đến nay đã được 11 khóa. Năm 2015, vì Hệ phái mở khóa "Bồi dưỡng đạo hạnh" chung cho 6 Giáo đoàn, nên Giáo đoàn III chỉ tổ chức mỗi năm 2 khóa, mùa Xuân và mùa Thu (hoặc mùa Đông, không trùng với thời gian Hệ phái tổ chức vào những năm sau). Năm 2015, khóa

mùa Xuân tổ chức tại TX. Ngọc Chánh - EaHleo - Đăk Lăk và mùa Thu tổ chức tại Tịnh xá Ngọc Ninh - Ninh Gia - Đức Trọng - Lâm Đồng. Mỗi khóa gần 100 vị và tùy vào hoàn cảnh địa lý mà Ban Tổ chức cung thỉnh các vị Giáo thọ khác nhau để truyền trao Chánh pháp và kinh nghiệm tu tập cho đoàn hậu học. Nhìn chung, khóa tu này đã tạo điều kiện cho các vị tân học tiếp cận được và hiểu rõ hơn đường lối của Tổ sư Minh Đăng Quang và giáo pháp Phật-đà, học được các phép tắc oai nghi, bổn phận của một người học trò Sa-di, tập sự.

8. Khóa tu "Bồi dưỡng đạo hạnh" của Ni giới Hệ phái Khất sĩ

Tổng cộng học Ni của Ni giới HPKS là 132 vị. Tỳ-kheo-ni từ năm 2000 đến năm 2014: 43 vị, Thức-xoa-ma-na: 30, Sa-di-ni: 35, và tập sự: 24. Chương trình học và thời khóa biểu cũng tương tự như chư Tăng. Khóa học này được khởi động vào tuần cuối của tháng 6 âm lịch năm Ất Mùi tại Tổ đình Tịnh xá Ngọc Phương. Điểm khác biệt của khóa tu này so với các khóa tu khác là Hội chúng được chia thành 5 nhóm để được chư Tôn đức chia sẻ và chỉ dạy trong giờ sám hối.

9. Khóa tu "Bồi dưỡng đạo hạnh" của Giáo đoàn II

Nhằm góp phần đào tạo thế hệ Tăng trẻ và gắn kết tình Linh Sơn thầy trò, Giáo đoàn II cũng tổ chức khóa "Bồi dưỡng đạo hạnh" cho Sa-di và tập sự từ năm 2012 đến nay. Nội dung học tập là Kinh luật dành cho Sa-di và Tập sự. Địa điểm: Tịnh xá Trúc Lâm, xã Tân Hà, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận. Thời gian từ mùng 1 tháng 6 đến 30 tháng 6. Tuy nhiên, những vị đi học bổ túc văn hóa có thể tham gia 15 ngày. Số lượng hành giả 15-16 vị.

10. Khóa tu "Bồi dưỡng đạo hạnh" của Ni giới Giáo đoàn I

Hiện nay, Ni giới Giáo đoàn I mỗi tháng đều có khóa tu 7 ngày dành cho các tập sự, Sa-di-ni và Thức-xoa-ma-na. Các điểm tu tập được luân chuyển trong Giáo đoàn, tùy vào thời duyên của mỗi trụ xứ: TX. Ngọc Chơn (Vĩnh Long), TX. Ngọc Tâm (Kiên Giang), v.v...

11. Khóa tu "Tâm tĩnh lặng"

Khóa tu này được cố Hòa thượng Giác Dũng chứng minh, ĐĐ. Giác Hoàng thực hiện, từ những năm 2007 - 2008, được tổ chức đầu tiên ở TX. Ngọc Chơn - Buôn Hồ - Đăk Lăk, sau đó mở rộng ra một vài tịnh xá như Ngọc Túc và Ngọc Trung (An Khê - Gia Lai), Ngọc Chánh (EaHleo - Đăk Lăk), Ngọc Đà (Đà Lạt - Lâm Đồng). Đến nay, khóa tu này đã thực hiện trên 25 khóa. Năm 2015, khóa tu này được tổ chức 2 lần tại TX. Ngọc Túc, một lần vào mùa Xuân và một lần trong Hạ. Số lượng thiền sinh mỗi khóa khoảng 70-80 vị (bao gồm Tăng Ni và Phật tử). Pháp hành chủ yếu là Tứ Niệm xứ.

12. Khóa tu Minh sát tuệ (Vipassana)

Khóa tu Vipassana (thực tập thiền hơi thở và quán cảm thọ là chủ yếu) được Ni sư Hằng Liên hành trì từ dòng thiền Vipassana do ngài S. N. Goenka chủ xướng từ những năm tháng khi còn học ở Ấn Độ. Khi về nước, Ni sư đã nỗ lực hoằng truyền Chánh pháp bằng con đường rất riêng của mình tại chùa Hồng Trung Sơn (Nam Cát Tiên - Đồng Nai) và một số địa điểm được thỉnh. Năm 2015, Ni sư mở 10 khóa. Mỗi khóa 10 ngày 11 đêm, dành cho mọi đối tượng. Đầu năm Bính Thân, Ni sư mở khóa 3 ngày tại Đà Lạt và với tiêu chí mỗi tháng một khóa 10 ngày 11 đêm. Nội quy tu tập tương đối nghiêm ngặt, dựa theo mô hình khóa tu tại các trung tâm Vipassana ở Ấn Độ. Trang mạng cung cấp thông tin đầy đủ về khóa tu: www.phapdangthientue.com.

13. Thực tập và trao đổi thiền học

Ngoài Tịnh xá Trung Tâm (Q. Bình Thạnh, TP. HCM), Tịnh xá Ngọc Quang (Buôn Ma Thuột - Đăk Lăk), chùa Hồng Trung Sơn (Đồng Nai) là 3 đạo tràng tiêu biểu có Phật tử về tham gia tu tập thiền định vào mỗi buổi chiều tối từ 6 giờ đến 6 giờ 45, Tịnh xá Ngọc Đăng (Q. Bình Thạnh, TP. HCM) do ĐĐ. Giác Phước trụ trì cũng tạo ra một bước ngoặc mới cho Ngọc Đăng trong năm 2014-2015, thành lập một thiền đường dành cho bất kỳ hành giả nào và bất kỳ lúc nào trong ngày đều có thể đến thiền tập. Trong năm 2015, Đại đức tổ chức 3 lần tọa đàm về hiệu ứng của thiền trong đời sống hàng ngày, đặc biệt lớp thiền dành cho doanh nhân và một số vị công chức nhà nước. Việc tọa đàm này khích lệ rất nhiều người nghiên cứu và tham gia các thời tu thiền tại tịnh xá, góp phần lành mạnh hóa xã hội và hiệu suất làm việc.

14. Khóa tu mùa hè

- Mặc dù bận với nhiều công tác Phật sự, nhất là giảng dạy và thuyết pháp tại các đạo tràng, Thượng tọa Giác Duyên, Trụ trì Tịnh xá Phú Cường (thôn 1, xã Ia Pal, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai) là một trong những vị của Hệ phái đi tiên phong trong việc tổ chức sân chơi cho các em thanh thiếu niên. Mùa hè năm 2015, Thượng tọa đã tổ chức 2 khóa tu mùa hè 4 ngày cho các em Phật tử. Lần thứ nhất từ ngày 19 đến 22 tháng 6 (4-7/5 Ất Mùi), và lần thứ 2 từ ngày 28 đến 31 tháng 7 (13-16/6 Ất Mùi) với số lượng khoảng 250 em, trong đó có 40 em Phật tử đồng bào dân tộc Jrai ở 4 làng HLú, Mung, Blo, Tà Ròn và dân tộc Ba Na ở làng Koái. Đại đức Giác Phổ và sư Giác Minh Tôn được mời chia sẻ pháp thoại đến các em. Nhờ có khóa tu mùa hè này, quý Đại đức và thầy cô giáo Phật tử có cơ hội khích lệ, khuyên răn các em chăm học, hiếu thảo với cha mẹ, sống tốt với bạn bè, góp phần giáo dục thế hệ trẻ cho xã hội.

- Hội trại Thanh niên Phật giáo 2015 tại Khu Du lịch Kawasami (Bà Rịa - Vũng Tàu) của CLB Nhân Sinh tổ chức vào ngày 27 - 28/06/2015 dưới sự chứng minh và hướng dẫn của ĐĐ. Giác Hiếu, ĐĐ. Giác Nhường, TK. Giác Minh Luật, với sự tham dự của hơn 300 trại sinh.

15. Các đạo tràng

Hiện nay, các khóa tu một ngày Bát Quan Trai một ngày đêm hoặc Niệm Phật một ngày, hoặc tu thiền dành cho Phật tử trong Hệ phái đang được mở rộng vào các ngày Chủ nhật và ngày 8 hoặc 23 âm lịch.

Hệ phái có các đạo tràng sinh hoạt như sau[2]:

- *Bát Quan Trai:* 96 đạo tràng (Mỗi đạo tràng có khoảng 100 - 120 Phật tử). Đạo tràng tiêu biểu tại TP. Hồ Chí Minh là Tịnh xá Trung Tâm (Q. Bình Thạnh), Tịnh xá Trung Tâm (Q. 6), Tịnh xá Lộc Uyển (Q. 6). Một số đạo tràng ở các tỉnh thành khác như: Tổ đình Minh Đăng Quang (Vĩnh Long), TX. Ngọc Quang (Buôn Ma Thuột), TX. Ngọc Hội (Bồng Sơn, Bình Định), TX. Ngọc Giáng (Đà Nẵng), TX. Ngọc Cẩm (Hội An - Quảng Nam), TX. Ngọc Hạnh (Kon Tum)...

- *Niệm Phật:* 30 đạo tràng (Mỗi đạo tràng có khoảng 180 - 190 Phật tử). Tiêu biểu là đạo tràng TX. Trung Tâm (Q. Bình Thạnh, TP. HCM), TX. Ngọc Duyên (Đập Đá, Bình Định), TX. Ngọc Quang (Buôn Ma Thuột), TX. Ngọc Đà (Đà Lạt, Lâm Đồng), TX. Ngọc Pháp (Nha Trang), TX. Ngọc Hiệp (Gò Công, Tiền Giang), TX. Ngọc Tân (Vĩnh Long)...

- *Tu thiền:* 18 đạo tràng (Mỗi đạo tràng có khoảng 40 - 50 Phật tử). Tiêu biểu là TX. Trung Tâm (Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh), TX. Ngọc Quang (Buôn Ma Thuột), Tịnh xá Ngọc Đăng (Q. Bình Thạnh, TP. HCM), TX. Ngọc Sơn (Tuy Phước, Bình Định),...

- *Sinh hoạt giáo lý / thiền học:* 28 đạo tràng (Mỗi đạo tràng trung bình từ 40 - 45 Phật tử). Tiêu biểu là TX. Lộc Uyển (Q. 6, TP. HCM), TX. Ngọc Quang (Buôn Ma Thuột), TX. Ngọc Đăng (Q. Bình Thạnh, TP. HCM), TX. Ngọc Lợi (Tiền Giang)...

- *Khóa thuyết giảng định kỳ:* 284 đạo tràng (Mỗi tháng 2 lần, mỗi lần khoảng 80 Phật tử). Tiêu biểu: TX. Phú Cường (Gia Lai), TX. Ngọc Bửu (Tuy Hòa - Phú Yên),...

- *Gia đình Phật tử:* 9 đơn vị. Tiêu biểu là đơn vị GĐPT Tịnh xá Ngọc Quang (Buôn Ma Thuột), Phật tử Tâm Minh (TX. Trung Tâm, Q. Bình Thạnh, TP. HCM), v.v...

- *Câu lạc bộ:* 4 đơn vị. Tổng số thành viên của 4 câu lạc bộ khoảng 2.000 thành viên.

Các vị giảng sư Hệ phái phụ trách: HT. Giác Toàn, HT. Minh Bửu, HT. Giác Pháp, HT. Minh Thuấn, TT. Giác Nhân, TT. Giác Ngạn, TT. Minh Hóa, TT. Giác Tây, TT. Giác Đăng, ĐĐ. Minh Lực, ĐĐ. Giác Phổ, ĐĐ. Giác Hoàng, ĐĐ. Minh Liên, ĐĐ. Giác Nhường, ĐĐ. Giác Phước, ĐĐ. Minh Nghi, ĐĐ. Minh Điệp, v.v... Ngoài ra, còn nhiều vị tại địa phương được chư Tôn đức cung thỉnh giảng thuyết.

Một số đạo tràng tiêu biểu có các sinh hoạt nêu trên thuộc NGHPKS: Tổ đình TX. Ngọc Phương (Gò Vấp, TP. HCM), TX. Ngọc Liên (Cần Thơ), TX. Ngọc Hải (Cà Mau), TX. Ngọc Phú (Châu Đức), TX. Ngọc Thạch (Phan Thiết), TX. Ngọc Sơn (Cát Lợi - Nha Trang), TX. Ngọc Đức (Thủ Đức), TX. Ngọc Phước (Bạc Liêu), TX. Ngọc Bình (Bình Dương), TX. Ngọc Chơn (Tây Ninh), TX. Ngọc Uyển (Cầu Hang - Biên Hòa - Đồng Nai), Thiền viện Minh Đăng (Phú Cường - Định Quán - Đồng Nai), TX. Ngọc Phú (Đồng Xoài - Bình Phước), v.v...

Quý Ni trưởng, Ni sư phụ trách phần lớn là: NT. Tố Liên, NS. Tín Liên, NS. Phụng Liên, SC. Trí Liên (Phan Thiết), SC. Liên Trí (Tam Kỳ), SC. Hòa Liên, SC. Hạnh Liên (Lâm Đồng), SC. Đàn Liên (Quảng Ngãi), SC. Thùy Liên (An Giang), SC. Châu Liên (Long Khánh), SC. Khoa Liên (Biên Hòa), SC. Nguyện Liên (TP. HCM), SC. Thảo Liên (Bến Tre)...

II. Khóa Bồi dưỡng trụ trì và An cư kiết hạ

1. Khóa Bồi dưỡng trụ trì

Như thường lệ, khóa "Trao đổi kinh nghiệm trụ trì" hay còn được gọi là "Khóa Bồi dưỡng trụ trì" nhằm hướng vào các vị trụ trì không có điều kiện đi An cư suốt 3 tháng, nên chư vị Tôn túc Giáo phẩm

tổ chức khóa "Trao đổi kinh nghiệm trụ trì" để các vị vừa được thắp sáng lý tưởng giải thoát của bậc xuất sĩ, vừa nhìn lại đường lối của đức Tổ sư Minh Đăng Quang mà mình có nhân duyên tiếp cận và hành trì. Khóa này tổ chức tại địa điểm An cư, tức là Pháp viện Minh Đăng Quang (Q. 2, TP. HCM), vào tuần đầu tiên của mùa hạ, từ ngày 18 đến ngày 23 tháng 4 âm lịch, với chủ đề chính: 1) Tư tưởng Phật giáo Đại thừa trong Chơn lý Tổ sư Minh Đăng Quang; 2) Cách tiếp chúng độ Tăng trong truyền thống Hệ phái Khất sĩ. Chư Tăng Ni và các hành giả An cư đồng thọ học, với số lượng trên 300 vị. Các vị phụ trách thuyết trình: HT. Giác Giới, HT. Giác Toàn, HT. Giác Ngộ, HT. Giác Pháp, TT. Giác Nhân, TT. Giác Minh (GĐ II), TT. Giác Trong, TT. Giác Tây, TT. Giác Nhuận, TT. Giác Duyên, ĐĐ. Giác Hoàng, NT. Khiêm Liên, NT. Thông Liên, NT. Mai Liên, NT. Hiệp Liên, NT. Cảnh Liên, NS. Yến Liên, NS. Tuyết Liên, NS. Tín Liên, NS. Tuệ Liên và một số ý kiến đóng góp. Một số chư Tôn túc Giáo hội PGVN được cung thỉnh quang lâm thăm viếng và thuyết giảng như HT. Thích Trí Quảng và HT. Thích Thiện Nhơn, khích lệ và soi sáng cho hành giả tham dự rất nhiều về giáo pháp Phật-đà. Đặc biệt, những quan điểm chính yếu của Phật giáo Bắc truyền, Khất sĩ và cách quản lý một ngôi đạo tràng, bổn phận của một vị trụ trì hoặc trụ xứ, đã đem lại lợi ích rất lớn đối với người thọ học và người đang làm bổn phận trụ trì.

2. Khóa An cư kiết hạ

Việc tổ chức An cư kiết hạ là việc của Tăng-già. Tăng-già được hưng thịnh thì Phật pháp được hưng thịnh. Do đó việc tổ chức An cư kiết hạ của Hệ phái là việc xưa nay, tuy nhiên vẫn có một vài điểm mới, kính trình lên chư Tôn đức liễu tri: 1) Địa điểm An cư kiết hạ chung cho Hệ phái được dời ra Pháp viện Minh Đăng Quang (Q. 2, TP. HCM). Đây là điểm An cư đầu tiên của Hệ phái sau 35 năm An cư tại Tịnh xá Trung Tâm; 2) TX. Ngọc Viên được xem là điểm An cư kiết hạ do Giáo đoàn I tổ chức, được Hệ phái công nhận (sau Pháp viện Minh Đăng Quang); 3) TX. Ngọc Tâm (Kiên Giang) do NS. Nhu Liên trụ trì là điểm An cư kiết hạ cho chư Ni Phật giáo Bắc tông và Khất sĩ thuộc TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; 4) Các địa điểm khác như Tổ đình TX. Ngọc Phương (Gò Vấp, TP. HCM), TX. Ngọc Thạnh (Bà Rịa - Vũng Tàu) là điểm An cư chung cho cả chư Tăng Khất sĩ và Bắc tông khu vực lân cận TX. Ngọc Thạnh; 5) TX. Ngọc Tâm (Long An) - điểm An cư thuộc Tổ đình Ngọc Phương, Tịnh xá Ngọc Phú - điểm An cư của Ni giới Giáo đoàn IV. TX. Ngọc Trung - An Khê - Gia Lai - điểm An cư dành cho chư Ni GĐ III. Nói chung, việc An cư kiết hạ được tổ chức đúng pháp, với số lượng hành giả tương đối đông và tinh cần cầu học, tạo nên bản lề cho việc tu học của Hệ phái, góp phần trang nghiêm Giáo hội.

III. Giáo dục Hệ phái

Giáo dục Tăng Ni để định hướng pháp học và pháp hành là một trong những yếu tố chính yếu làm cho Tăng đoàn hưng thịnh. Năm 2015, Ban Thư ký Hệ phái được biết với những thông số như sau:

- Hiện nay Tăng Ni sinh đang du học các nước là 87 vị. Ấn Độ 26 vị, Tích Lan 10 vị, Thái Lan 13 vị, Miến Điện 22 vị, Trung Quốc - Đài Loan 16 vị. Vừa qua, một số vị tốt nghiệp khóa IX tại Học viện cũng đã làm thủ tục xuất dương sang Tích Lan và Ấn Độ tiếp tục học tập, nghiên cứu.
- Tăng Ni sinh đang học trong nước phần lớn tập trung tại Học viện PGVN tại TP. Hồ Chí Minh, Huế và các trường Cao đẳng, Trung cấp ở các tỉnh/ thành. Cấp bậc đào tạo từ Sơ cấp đến Thạc sĩ.

+ *Sơ cấp:* Hiện nay Hệ phái quản lý 2 lớp Sơ cấp Phật học do Ban Trị sự GHPGVN TP. HCM phân công, đặt tại Tịnh xá Trung Tâm (Q. Bình Thạnh) và Tịnh xá Ngọc Phương (Q. Gò Vấp).

Tăng sinh khóa Sơ cấp tại TX. Trung Tâm khóa VI, ngày 22 tháng 9 vừa qua làm lễ tốt nghiệp, chỉ có 22 vị Khất sĩ, cộng với 2 vị Bắc tông. Đồng thời, Lớp cũng chiêu sinh khóa VII, hiện có 20 Tăng sinh theo học (có 2 vị Bắc tông).

Cuối năm 2015, Ni sinh tốt nghiệp lớp Sơ cấp tại TX. Ngọc Phương có 29 vị. Hiện đang chiêu sinh khóa mới.

+ *Học viện:* Tăng Ni sinh vừa tốt nghiệp khóa Cử nhân Phật học khóa IX là 33 vị (6 Tăng và 23 Ni) và 4 vị hệ Đào tạo từ xa.

Tăng Ni sinh đang học tại Học viện PGVN tại TP. HCM khóa X là 30 vị (bao gồm các vị học văn bằng 2).

Tăng Ni sinh vừa trúng tuyển tại Học viện khóa XI có 51 vị (16 Tăng và 35 Ni) và bổ sung XIB có 9 vị (4 Tăng và 5 Ni). Tuy vậy, một số Tăng Ni phải học hệ Đào tạo từ xa (ĐTTX), hoặc phải tạm gác bút nghiên, trở về trú xứ, chung tay góp sức với thầy, cùng lo Phật sự tại đạo tràng và được thầy trực tiếp dạy dỗ.

Một số Tăng Ni sinh Khất sĩ đang theo học ĐTTX III và IV. Vừa qua, ĐTTX II tốt nghiệp (27/9/2015), Ni sinh Phước Liên thuộc Ni giới Giáo đoàn I là sinh viên thủ khoa của Khoa ĐTTX II.

+ *Thạc sĩ:* Học viện PGVN tại TP. HCM hiện đang đào tạo cấp Thạc sĩ. Hệ phái có một Tăng sinh đang làm thủ tục bảo vệ luận văn và 2 vị đang viết bài nghiên cứu.

Ngoài ra, một số Tăng Ni sinh đang theo học các trường Đại học bên ngoài để củng cố kiến thức.

Song song với việc đào tạo Phật học tại các trường Phật học, Tịnh xá Trung Tâm trong những năm qua, đã mở Lớp Bồi dưỡng tiếng Anh luyện thi trường Đại học Truyền bá Phật giáo Nguyên thủy *(International Theravada Buddhist Missionary University)* tại Yangon, Miến Điện. Năm 2014, Lớp do cô giáo Dung (cư sĩ) hướng dẫn đã trúng tuyển được 5 vị (1 Bắc tông, 1 Nam tông, 1 Ni sinh Khất sĩ và 2 cư sĩ). Năm 2015, Lớp có 15 vị xuất gia (2 sư Nam tông, 3 thầy Bắc tông, 6 Sư cô Bắc tông, 4 Sư cô Khất sĩ) và một vài cư sĩ tham gia học và dự thi tuyển sinh vào ngày 11 tháng 1 năm 2016 tại Đại sứ quán Miến Điện, Hà Nội.

Vấn đề Tăng Ni sinh ở miền quê vào Thành phố học ở các trường Phật học hoặc học trường đời là một trong những vấn đề quan trọng mà chư Tôn đức quan tâm, dành nhiều tâm huyết đầu tư, vì đây là thế hệ kế thừa.

Một số vị tham gia công tác quản lý và giảng dạy tại Học viện PGVN tại TP. HCM như HT. Giác Toàn *(Phó Viện trưởng Thường trực)*, TT. Minh Thành, TT. Giác Duyên, ĐĐ. Giác Hoàng *(Phó Tổng Thư ký kiêm Chánh Văn phòng Học viện TP. HCM)*, ĐĐ. Giác Nhường, NS. Tín Liên, NS. Phụng Liên, NS. Huệ Liên *(Phó khoa Hoằng pháp)*, NS. Tuệ Liên *(Phó khoa Trung văn)*, NS. Nguyện Liên, NS. Trí Liên (Phan Thiết), NS. Kiên Liên, NS. Dũng Liên, SC. Hằng Liên, SC. Nghiêm Liên, SC. Trí Liên (Tam Kỳ), SC. Đạt Liên, SC. Tâm Tâm, SC. Hạnh Liên, SC. Thảo Liên, SC. Ngân Liên.

Tham gia giảng dạy các trường Cao đẳng, Trung cấp Phật học các tỉnh: ĐĐ. Giác Tri (Bình Định), ĐĐ. Giác Viễn (Phan Thiết), NS. Xuân Liên, NS. Phấn Liên, SC. Mẫn Liên (Bà Rịa - Vũng Tàu), SC. Hiệp Liên (Sóc Trăng), SC. Đạt Liên (Đồng Nai).

Tham gia giảng dạy tại lớp Sơ cấp Phật học TX. Trung Tâm: ĐĐ. Minh Khải, ĐĐ. Minh Hiếu, ĐĐ. Minh Phú, ĐĐ. Minh Điệp, ĐĐ. Giác Viên, ĐĐ. Minh Nghi, NS. Nguyện Liên. Giáo thọ lớp Sơ cấp TX. Ngọc Phương: NS. Xuân Liên, NS. Nguyện Liên, SC. Thảo Liên, SC. Đạt Liên, SC. Huy Liên, SC. Mẫn Liên, SC. Hạnh Liên.

IV. Văn hóa Hệ phái

Về lễ hội văn hóa, Hệ phái Khất sĩ góp phần không nhỏ trong việc xây dựng vóc dáng văn hóa Phật giáo Việt Nam. Trước nhất, ngôi tịnh xá có hình Bát giác là một trong những nét đặc thù văn hóa kiến trúc tự viện PGVN.

Ngoài ra, mỗi năm Hệ phái góp phần vào văn hóa lễ hội, một di sản tinh thần của người dân Việt. Lễ Vu Lan thắng hội luôn được tổ chức song hành với lễ Tự Tứ của từng Giáo đoàn tạo nên một bản sắc rất riêng trong văn hóa Việt Nam, góp phần giáo dục con người tôn sư trọng đạo, hiếu đễ, nhân nghĩa, v.v... Lễ hội Vu Lan vừa rồi, Giáo đoàn I tổ chức tại TX. Ngọc Tâm - Rạch Giá - Kiên Giang, thể hiện lợi đạo ích đời, tạo nên hương thơm cho Hệ phái Khất sĩ tại tỉnh nhà nói riêng và Giáo hội Phật giáo tỉnh nói chung. Giáo đoàn III tổ chức lễ Vu Lan tại TX. Ngọc Tâm (Phan Thiết - Bình Thuận) trọng thể, với các tiết mục văn hóa Phật giáo: Đêm nhạc Phật giáo chào mừng "Ân đức sanh thành", Thi giáo lý (Tiếng chuông tỉnh thức), Báo tường sinh hoạt các tịnh xá, Đốt nến cầu nguyện âm siêu dương thới... Mỗi nơi đều thể hiện chất Phật rất riêng, góp phần văn hóa lễ hội tri ân và báo ân nhân mùa Vu Lan báo hiếu.

Xiển dương Phật pháp ngang qua các ấn phẩm, *Đuốc Sen* là tiếng nói duy nhất của Hệ phái, thể hiện nhận thức, đường lối, chủ trương của Hệ phái, đồng thời ghi lại các dấu ấn Phật sự trọng đại của Hệ phái. Năm 2015, Ban Văn hóa Hệ phái thực hiện 4 ấn phẩm Đuốc Sen vào 4 kỳ: Lễ Tổ, Phật đản, lễ Vu Lan và Tết Nguyên đán. Ngoài ra, còn có *Mãn Bồ-đề nguyện,* tiểu phẩm ghi lại đôi nét về công hạnh cố Đại lão Hòa thượng Pháp sư Giác Nhiên nhân ngày tưởng niệm 49 ngày. Ni sư Khiêm Liên, với sự kính trọng và ngưỡng mộ Đệ nhất Ni trưởng Huỳnh Liên, đã thể hiện tất cả cái nhìn của Ni trưởng qua ấn phẩm *Ni trưởng Huỳnh Liên - Cuộc đời và đạo nghiệp.* Ni sư Giác Liên (Viện chủ chùa Phước Hải, Mang Thít, Vĩnh Long) đã cho ấn hành 3 tuyển tập: *Thắp sáng đèn Chơn lý* (thơ), *Bờ giải thoát* (thơ) và *Như thế nào là giải thoát?* (đoản văn tự sự) đóng góp cho kho tàng văn học Khất sĩ nói riêng và Phật giáo Việt Nam nói chung những áng thơ đạo pháp xuất phát từ tình cảm trân quý của tác giả dành cho nhân sinh và vạn hữu.

Mùa hạ Ất Mùi, PL. 2559, Hòa thượng Giác Toàn còn cho ấn tống 15.000 (mười lăm ngàn) cuốn *Gạn đục khơi trong* do Như Nhiên - Quảng Tánh biên soạn, báo Giác Ngộ ấn hành để cúng dường đến chư Tôn đức Tăng Ni tại các Hạ trường trong cả nước.

Cuối năm 2015, quý Hòa thượng cho tái bản bộ *Chơn lý* - di sản Pháp bảo do đức Tổ sư Minh Đăng Quang trước tác và để lại cho đời. Ấn phẩm này được chư Tôn đức Giáo phẩm Hệ phái đối chiếu với các phiên bản đã xuất bản trước đây, biên tập lại kỹ hơn so với các ấn bản trước. Quý Phật tử có thể liên lạc với

quý vị trụ trì hoặc liên hệ trực tiếp với Văn phòng Tịnh xá Trung Tâm để thỉnh ấn bản *Chơn lý* mới.

Trang web Hệ phái: www.daophatkhatsi.vn là nơi thể hiện đường lối, bản sắc, tông chỉ và các Phật sự của Hệ phái. Ngoài ra, Ni giới Hệ phái Khất sĩ có trang web để cùng xiển dương giáo pháp: www.nigioikhatsi.net. Mặc dù trang nhà Hệ phái chưa được thẩm mỹ như mong đợi, do đó đang được chỉnh sửa và bổ túc một số mục, nhưng cho tới thời điểm hiện tại, trang nhà Đạo Phật Khất Sĩ là một trang nhà có số lượt người xem hàng ngày khá đông. Mỗi ngày có ít nhất là 15 đến 20 ngàn lượt người vào xem. Nhiều thông tin Phật sự được thực hiện bởi các đạo tràng trong Hệ phái rất hoành tráng, rất quy mô, nhưng chưa có người viết tin gởi về trang nhà để giới thiệu. Rất mong chư Tôn đức Tăng Ni quan tâm và chỉ đạo các vị Tăng Ni trẻ dành chút ít thời gian để làm công quả, cống hiến tin vui cho mọi người và giới thiệu những bức ảnh Phật sự để mọi người cùng thưởng lãm, và khích lệ người làm Phật sự.

V. Chư Tôn đức viên tịch trong năm

Mọi sự vật hiện tượng và nhân sinh luôn biến động, vô thường. Sanh tử luôn tương tức trong thân phận con người.

1) Năm 2015, Hệ phái nghiêng mình khấp lệ tiễn biệt Đại lão Hòa thượng Pháp sư Giác Nhiên - Pháp tử đức Tổ sư Minh Đăng Quang, nguyên Viện trưởng Viện Hành đạo Giáo hội Tăng-già Khất sĩ Việt Nam, Trưởng Giáo đoàn sáng lập Giáo đoàn IV, Viện chủ Tịnh xá Trung Tâm (Q. Bình Thạnh), Pháp viện Minh Đăng Quang (Q. 2, TP. HCM) và nhiều Tổ đình Minh Đăng Quang tại Mỹ quốc.

Hòa thượng đã từ giã huyễn thân vào ngày 19 tháng 6 âm lịch tại Viện Truyền thống Minh Đăng Quang, Mỹ Quốc. Kim quan của cố Hòa thượng được cung tống và an trí tại Pháp viện Minh Đăng Quang vào ngày mùng 3 tháng 7 năm Ất Mùi (16/8/2015). Trong suốt 7 ngày, kim quan được tôn trí để cho môn nhân tứ chúng đảnh lễ tri ân, hồi tưởng đến công đức một đời và đạo nghiệp của cố Đại lão Hòa thượng, có trên 400 phái đoàn đến viếng tang và phân ưu. Một số Ban Trị sự tỉnh/ thành kết hợp với các tịnh xá cử hành lễ truy điệu tại tỉnh trang nghiêm và trọng thể. Ngày lễ Truy điệu và cung tống kim quan trà-tỳ được cử hành vô cùng trọng thể, được sự quang lâm của chư Tôn đức Trung ương GHPGVN và các cấp tỉnh/ thành đều về tham dự.

Lễ cúng 49 ngày tưởng niệm cố Đại lão Hòa thượng, lễ tạ ân tại Pháp viện Minh Đăng Quang, lễ 100 ngày nhập xá lợi bảo tháp tại Tịnh xá Trung Tâm và Pháp viện Minh Đăng Quang cũng như lễ phân chia xá-lợi cho các nước hải ngoại để tôn thờ diễn ra vô cùng trang nghiêm, trọng thể. Thời gian đi qua, xóa nhòa tất cả, nhưng công đức và đạo nghiệp của Hòa thượng vẫn chói sáng trong lòng môn nhân đệ tử, Hệ phái và Giáo hội.

2) Hệ phái tiễn biệt Trưởng lão Giác Cẩm - trụ trì Tịnh xá Ngọc Hương (Thừa Thiên - Huế) thuộc Giáo đoàn II. Cuộc đời của Trưởng lão thầm lặng, chơn tu đạo hạnh. Mấy mươi năm ẩn thân nơi đất Huế thần kinh, rồi nay duyên trần viên mãn, Trưởng lão ly xả huyễn thân, tiếp tục hạnh nguyện vào ngày 12/8 Ất Mùi.

3) Giáo đoàn III tiễn biệt Ni trưởng Huệ Liên (Giáo phẩm Chứng minh Ni giới Giáo đoàn III) ngày 27 tháng 8 năm Ất Mùi.

4) Ni giới Hệ phái Khất sĩ tiễn biệt Ni trưởng An Liên - trụ trì Tịnh xá Ngọc Tín (Đà Lạt, Lâm Đồng) ngày 19 tháng 9 năm Ất Mùi.

VI. Từ thiện xã hội

Ban Thư ký Hệ phái chưa có bảng thống kê đầy đủ, chỉ nắm bắt khái quát về số tịnh tài của các Giáo đoàn

hoặc các tịnh xá năm 2015 đã cùng với quý nam nữ Phật tử làm từ thiện như sau:

1. Cứu trợ Nepal: Đứng trước nỗi mất mát người thân, nhà cửa sụp đổ, không gì bù đắp được do hai lần thiên tai động đất tại một số tỉnh ở Nepal vào tháng 3-4 Ất Mùi, chư Tôn đức Tăng Ni Hệ phái đã thực hiện tâm nguyện từ bi cứu khổ của chư vị Bồ-tát, vận động Tăng Ni và Phật tử các miền tịnh xá từ ngày mùng 1 đến mùng 5 / 5 âm lịch với số tịnh tài là 180 ngàn USD cho chuyến cứu trợ, góp phần xoa dịu nỗi đau của những nạn nhân. Chuyến cứu trợ thứ hai do chư Tôn đức Ni giới Hệ phái Khất sĩ cùng với chư Tôn đức Tăng Ni Phật giáo tại Mỹ đã cứu trợ, tổng tịnh tài là 85 ngàn USD.

2. Ni giới HPKS đã vận động150/211 ngôi tịnh xá đã làm từ thiện với số tịnh tài là 40.299.339.000đ *(bốn mươi tỷ hai trăm chín mươi chín triệu ba trăm ba mươi chín ngàn đồng)*.

3. Giáo đoàn I gồm nhiều tịnh xá ở miền Tây Nam Bộ, dưới sự chỉ đạo và vận động của Hòa thượng Giác Dũng, chư Tôn đức Tăng Ni và Phật tử làm từ thiện với số tịnh tài là 20 tỷ đồng.

4. Tịnh xá Trung Tâm, Pháp viện Minh Đăng Quang và một số tịnh xá trong Thành phố Hồ Chí Minh như TX. Ngọc Phú, TX. Ngọc Chung (Hóc Môn), TX. Ngọc Thành (Thủ Đức)... thực hiện hạnh cúng dường đến các đạo tràng An cư khắp các tỉnh miền Đông và Tây Nam Bộ và một số tỉnh thành xa xôi. Từ ngày 9/7/2015 đến cuối năm 2015, TX. Trung Tâm và các đạo tràng trực thuộc đã thực hiện 8 chuyến từ thiện trong và ngoài Thành phố Hồ Chí Minh, chia sẻ nỗi khó khăn của đồng bào thiểu số, cơ nhỡ, tàn tật, v.v... Tổng giá trị cho 8 chuyến đi là 1.611.000.000 *(một tỷ sáu trăm mười một triệu)*.

5. Giáo đoàn VI đã vận động Phật tử cùng tham gia cúng dường và công tác Từ thiện xã hội với số tịnh tài là 2.163.931.000đ *(hai tỷ một trăm sáu mươi ba triệu, chín trăm ba mươi mốt ngàn đồng)*.

6. Chư Tăng và Phật tử tại Tịnh xá Ngọc Quang thực hiện hơn 10 chuyến cứu trợ trong và ngoài tỉnh. Tổng kinh phí cho các chuyến cứu trợ là 625.150.000 *(sáu trăm hai mươi lăm triệu, một trăm năm mươi ngàn đồng)*.

7. Các Câu lạc bộ ở khu vực TP. Hồ Chí Minh vừa tu học vừa làm phước thiện như sau:

7.1. Câu lạc bộ Nhân Sinh do Tỳ-kheo Giác Minh Luật chủ nhiệm, Đại đức Giác Nhường làm cố vấn. Đây là một tổ chức tình nguyện thu hút được nhiều giới trẻ nhất hiện nay tham gia tu học Phật pháp và hỗ trợ tình nguyện tại các lễ hội Phật giáo và tổ chức các hành trình từ thiện vào các ngày Chủ Nhật hàng tuần. Năm nay, CLB đã thực hiện 15 chương trình lớn. Tổng kinh phí cho 15 hành trình từ thiện là 1.200.000.000đ (một tỷ hai trăm triệu đồng).

7.2. Câu lạc bộ Tấm Lòng Vàng thành lập ngày 1 tháng 1 năm 2011, do quý Đại đức: Giác Thống, Giác Lâm và một số Đại đức điều hành. Hiện nay Đại đức Giác Thọ và Sư cô Yến Liên đang ở tại Việt Nam điều hành. Câu lạc bộ này cũng đã hoạt động thiện nguyện tích cực trên 10 chương trình có ý nghĩa trong nước và ngoài nước (cứu trợ động đất Nepal) với tổng kinh phí lên tới gần 1 tỷ đồng (660.310.000VNĐ, 13.930USD, 100AUD) cùng nhiều tịnh vật khác.

7.3. Nhóm Thiện nguyện Chánh đạo do Đại đức Minh Phú ở Tịnh xá Ngọc Chánh (Q.Bình Thạnh) lãnh đạo. Nhóm này hoạt động đã nhiều năm, góp sức công quả trong các khóa tu do Giáo đoàn I tổ chức, nhưng khuynh hướng không công bố số liệu cụ thể.

7.4. Câu lạc bộ Sen Hồng do HT. Giác Pháp (trú xứ TX. Trung Tâm, Q.6, TP.HCM) làm chủ nhiệm. Câu lạc bộ này thành lập chính thức chưa được bao lâu, do HT. Giác Hà làm cố vấn, HT. Giác Pháp làm chủ nhiệm cùng với sự trợ lý của một số sư trẻ.

7.5. Hội Những ACE với phương châm: "Đâu cần chúng tôi có, đâu khó có chúng tôi" do TK. Giác Minh Tôn chủ nhiệm. Hội này được thành lập từ cuối năm 2012 với tên gọi "Ánh lửa từ bi", đến cuối năm 2014, Hội hoạt động tích cực và đổi tên, tạo nên bản sắc riêng của mình. Năm nay, Hội đã hộ trì, công quả và ủng hộ các khóa tu Giáo đoàn III, lễ Tự Tứ Giáo đoàn III, Hạ trường Pháp viện Minh Đăng Quang, Lễ tang Đại lão Hòa thượng Pháp sư Giác Nhiên, xây cầu tình nghĩa ở Cà Mau, trao học bổng ở Bình Định, trao xe lăn tại Bến Tre và Bình Định, trao hai giếng khoan tại Bến Tre. Trị giá khoảng trên 300 triệu đồng. Đặc biệt, hệ thống "Bát cơm ngàn nhà" liên tỉnh, ủng hộ người ăn chay. Hiện đã có 11 bếp trên các tỉnh: Đăk Lăk, Gia

Lai, Bình Định, Bình Dương, Long An, Bến Tre, Vĩnh Long. Mỗi tháng cung ứng từ 300 - 500 suất/ bếp.

7.6. Hội Đại Bi Tâm do cô Châu Ngọc (Phật tử TX. Trung Tâm, đệ tử cố Hòa thượng Giác Châu) làm Trưởng nhóm. Hội này phần lớn ủng hộ cho các cháu khuyết tật, nhà tình thương cho các gia đình khó khăn, phần lớn ở miền Đông và Tây Nam Bộ (Bình Dương, Tiền Giang và Bến Tre). Trong năm 2015, tổng giá trị tiền cứu trợ khoảng 900 triệu và một số tịnh vật.

Ngoài ra, một số Tuệ Tĩnh đường của Hệ phái đóng góp đáng kể vào an sinh xã hội: Tuệ Tĩnh đường Tịnh xá Trung Tâm (Q. Bình Thạnh, TP. HCM), Tuệ Tĩnh đường Tịnh xá Ngọc Rạng (Vạn Giã - Sông Cầu), Tuệ Tĩnh đường Tịnh xá Lộc Uyển (Q. 6, TP. HCM) và nhiều trung tâm từ thiện khác mà Hệ phái chưa thống kê được.

VII. Quỹ pháp học Khất sĩ

Chương trình "Quỹ Pháp học Khất sĩ" với phương châm: *"Nuôi dưỡng Tăng tài, Hoằng dương Phật pháp"* hoạt động chính thức đến nay đã hơn 3 năm do chư Tôn đức Hệ phái làm cố vấn chứng minh, TT. Minh Thành làm Chủ nhiệm, ĐĐ. Giác Hoàng làm Phó Chủ nhiệm Thường trực, Đại đức Giác Phước làm Thủ quỹ, Tăng Ni trong 6 Giáo đoàn tham gia làm thành viên thường trực trong Ban Điều hành và ủng hộ. Trong khóa "Trao đổi kinh nghiệm trụ trì", Ban Chủ nhiệm có họp và thống nhất thành phần nhân sự năm 2015 - 2016 và phương hướng hoạt động toàn năm. Tịnh tài của Quỹ Pháp học phần lớn nhận được từ chư Tôn đức các Giáo đoàn và quý Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni các miền tịnh xá, nhóm Trợ duyên Phật pháp (TX. Trung Tâm, Q. Bình Thạnh) và một số Phật tử trong nước và nước ngoài.

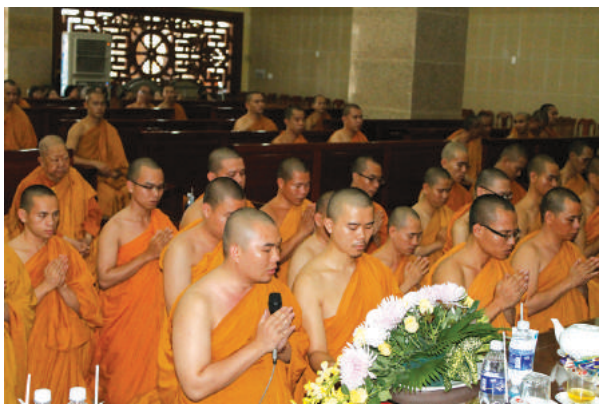

Với số tồn cuối năm 2014 là: **147.745.000đ** *(một trăm bốn mươi bảy triệu, bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng)*, cộng thêm số nhận được tính đến cuối năm Ất Mùi (ngày12 tháng 12 âm lịch) là **455.079.000đ** *(bốn trăm năm mươi lăm triệu, không trăm bảy mươi chín ngàn đồng)*. Như vậy số tịnh tài năm 2014 + 2015 là **602.824.000đ** *(Sáu trăm lẻ hai triệu, tám trăm hai mươi bốn ngàn đồng)*. Vào ngày 20/9/2015 (8/8 Ất Mùi), tại Pháp viện Minh Đăng Quang (Q.2, TP.HCM), với sự chứng minh của chư Tôn đức Giáo phẩm Hệ phái, Quỹ đã trao học bổng lần 3 đến Tăng Ni đang học trong nước và nước ngoài là **408.602.879đ** *(Bốn trăm lẻ tám triệu, sáu trăm lẻ hai ngàn, tám trăm bảy mươi chín đồng)*. Như vậy, số tồn hiện nay là **194.397.121đ** *(một trăm chín mươi bốn triệu, ba trăm chín mươi bảy ngàn một trăm hai mươi mốt ngàn)*.

Ba năm qua, với số tịnh tài khiêm tốn, nên Quỹ đã gởi tặng đến quý huynh đệ Tăng Ni đang học các nước và học trong nước rất khiêm tốn, mang tính khích lệ và cũng chưa có định hướng cho Tăng Ni bắt đầu đi du học. Hy vọng, trong tương lai, với sự hỗ trợ của chư Tôn đức hải ngoại, Quỹ sẽ gởi đến quý Tăng Ni hiếu học và có đạo hạnh, đang học trong nước và nước ngoài với số tịnh tài lớn hơn, để huynh đệ an tâm học tu và sẽ có định hướng, tư vấn tốt hơn trong việc chọn lựa đất nước đến học và ngành học, nhằm hướng đến việc phục vụ lâu dài trong nghiên cứu.

VIII. Kiến tạo, trùng tu Đạo tràng

Đối với việc xây dựng cơ sở mới hoặc trùng tu cơ sở cũ là một điều không thể thiếu trong quá trình vận động, phát triển. Hệ phái hiện nay có 4 trung tâm cần quan tâm:

1) Pháp viện Minh Đăng Quang (Q.2, TP. HCM): Trung tâm văn hóa và hoằng pháp của Hệ phái hiện nay, vẫn đang trên đà hoàn thiện dần dần. Việc tổ chức khóa tu cho Phật tử ở lại 3 đến 7 ngày là một nhu cầu. Do đó, khu nhà cho Phật tử cũng đang trong giai đoạn thi công. Dự kiến là cuối năm 2016 sẽ đưa vào sử dụng.

2) Tổ đình Minh Đăng Quang (ấp 6, xã Hậu Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long): Nơi Tổ sư chào đời, với mục đích xây dựng để làm trung tâm tu học của Hệ phái. Hiện nay, Tổ đình đang trong giai đoạn rốt ráo để chuẩn bị lễ Tưởng niệm Tổ sư vắng bóng lần thứ 62 (mùng 1 - 2 Giáp Ngọ 1954 đến 1 - 2 Bính Thân - 2016) và sau đó tổ chức khóa tu Hệ phái lần thứ 19 (bắt đầu cho một chu kỳ mới của khóa tu).

3) Tịnh xá Mộc Chơn (Mỹ Tho - Tiền Giang) - Nơi hoằng pháp của Tổ sư Minh Đăng Quang: Các hạng mục kiến tạo để tưởng niệm Tổ sư đang trong giai đoạn hoàn thiện. Dự kiến vào mùa xuân Bính Thân sẽ khánh thành các hạng mục và Tịnh xá Mộc Chơn sẽ trở thành một điểm vừa tịnh tu cho chư Tăng, vừa bảo tồn di tích của Tổ sư hoằng hóa.

4) Di tích đắc đạo Tổ sư Minh Đăng Quang tại Mũi Nai - Hà Tiên: Hiện nay, thủ tục pháp lý để ủi đất, tạo mặt bằng, tiến hành xây dựng chưa hoàn tất. Quý Hòa thượng, Thượng tọa, Ni sư Hệ phái đang rốt ráo hoàn tất các thủ tục để tiến hành đặt đá xây dựng trước Phật đản năm Bính Thân.

Ngoài bốn địa điểm quan trọng nêu trên, các tháp, đạo tràng thuộc các Giáo đoàn đang trong giai đoạn xây dựng: TX. Ngọc Quang (Buôn Ma Thuột, Đăk Lăk), TX. Ngọc Chơn (Buôn Hồ - Đăk Lăk), TX. Ngọc Bửu (Eakar, Đăk Lăk), TX. Ngọc Chánh (EaHleo, Đăk Lăk), Tịnh xá Ngọc Thiền (Phan Thiết), Tịnh xá Ngọc Lương (Phan Thiết)... Một số vừa hoàn tất thủ tục xin bảng hiệu (TX. Ngọc Xuân - Củ Chi - TP. HCM), hoặc đặt đá xây dựng (Chùa Thuận Phước - Long An, Tịnh xá Phú Cường - Gia Lai, TX. Ngọc Phúc - Phước Long - Bình Phước); hoặc xây dựng công trình kiến trúc mới, tạo nên nét văn hóa du lịch tâm linh đặc biệt tại khu vực Bình Định như tượng Bồ-tát Quán Thế Âm đôi 30m, là tượng đặc biệt cao nhất Việt Nam, một mặt hướng về phía Nam, màu vàng với thế kiết tường Quan Thế Âm và một tượng hướng về phía Bắc, màu bạc với tư thế Quan Thế Âm nam hải.

IX. Phật giáo Khất sĩ hải ngoại

Phật giáo Khất sĩ ở hải ngoại lúc trước do Hòa thượng Pháp sư Giác Nhiên ở Mỹ làm Pháp chủ. Ngày 19/6 Ất Mùi, Hòa thượng duyên trần đã mãn, ly xả huyễn thân, thâu thần thị tịch. Đó là một sự mất mát lớn lao không gì bù đắp được cho Phật giáo không những ở trong nước, mà đặc biệt là Phật giáo Khất sĩ hải ngoại. Hiện nay, Phật giáo Khất sĩ ở Úc do HT. Minh Hiếu lãnh đạo, phát triển tương đối mạnh. Ở Pháp, Phật giáo Khất sĩ do HT. Giác Huệ lãnh đạo. Phật giáo Khất sĩ ở Mỹ do HT. Giác Lượng chứng minh Phật sự. Ngoài ra, còn có một số vị Tôn túc như HT. Minh Tuyên, HT. Minh Hồi, HT. Minh Thiện, TT. Minh Ẩn, TT. Minh Diệu,... và cùng một số chư Tôn đức Tăng Ni khác cùng làm Phật sự, góp phần duy trì mạng mạch Phật pháp ở hải ngoại. TT. Minh Thành, với tâm huyết vừa gánh vác Phật sự ở quê nhà Việt Nam, vừa góp phần Phật sự với chư Tôn đức hải ngoại, hướng đến việc duy trì và phát triển Phật giáo Khất sĩ và Phật giáo chung.

Không những vậy, chư Tôn đức Tăng trong Giáo đoàn I đã tùy hỷ sự phát tâm của quý Phật tử nước Mỹ, đã nhận đất và cử quý Thượng tọa đến hoằng dương Phật pháp. Tại Lào, ĐĐ. Giác Thiện - trụ trì TX. Ngọc Tâm đã hỷ cúng ngôi tịnh xá cho Giáo đoàn II, cũng gắn bó với chư Tôn đức Hệ phái. Mùa Hạ năm 2015, Đại đức đã về PV. Minh Đăng Quang tham gia khóa An cư kiết hạ. Trong khóa tu Truyền thống Khất sĩ lần thứ 18, Đại đức cũng về cùng tu tập với chư Tôn đức trong Hệ phái.

Nhận xét chung

Trong năm 2015, chư Tôn đức Tăng Ni Hệ phái đã tích cực tham gia các hoạt động Phật sự chung của tỉnh, thành và Trung ương, và cũng đã dành nhiều thời gian để đóng góp cho sự xương minh của Hệ phái, góp phần trang nghiêm và phát triển bền vững cho Giáo hội.

Các chuyên ngành Tăng sự, Nghi lễ, Hoằng pháp, Văn hóa, Giáo dục, Nghiên cứu,... vẫn còn nhiều bất cập, vẫn còn nhiều việc phải làm mà Hệ phái chưa thực hiện được, hoặc thực hiện chưa đồng bộ, đang được củng cố và dần dần hoàn thiện, góp phần cho bức tranh tổng thể Giáo hội PGVN.

Hy vọng với năm 2016, với sự chỉ đạo của chư Tôn đức Giáo phẩm, chư huynh đệ Tăng Ni trong Hệ phái sẽ có những bước củng cố nhiều mặt, góp phần cho sự hưng thịnh Hệ phái nói riêng và PGVN nói chung.

Nam-mô Hoan Hỷ Tạng Bồ-tát Ma-ha-tát tác đại chứng minh.

BÁO CÁO TỔNG KẾT PHẬT SỰ CỦA NI GIỚI HPKS TỔ ĐÌNH NGỌC PHƯƠNG NĂM 2015

BAN THƯ KÝ *(Ni giới Hệ phái Khất sĩ)*

Kính bạch chư Tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng,

Kính bạch quí Ni trưởng, Ni sư, chư Tôn đức Ni,

Ni giới HPKS trong năm 2015, dưới sự lãnh đạo sâu sát và trực tiếp của các Ban Trị sự Phật giáo địa phương, của chư Tôn Hòa thượng, Ni trưởng Giáo phẩm Hệ phái Khất sĩ, chúng con đã tích cực đóng góp vào thành quả chung của Giáo hội qua một số mặt Phật sự cụ thể như sau:

- Về tổ chức Tăng sự, chúng con luôn củng cố, kiện toàn tổ chức. NGHPKS hiện có 1.205 Ni (trong đó có 48 Ni trưởng, 134 Ni sư, 653 Sư cô, 167 Thức-xoa và 203 Sa-di-ni), 211 ngôi tịnh xá, tịnh thất, Niệm Phật đường, và 29 cơ sở đang làm thủ tục xin gia nhập Giáo hội.
- Về Hoằng pháp, hiện có 30 đạo tràng Bát Quan Trai chính thức, 16 đạo tràng tu niệm Phật một ngày. Hầu hết các tịnh xá đều có tổ chức một hoặc hai lần cúng hội có thuyết giảng trong tháng.
- Về Giáo dục, theo thống kê mới nhất (tháng 12/2013), hiện có 31 Tiến sĩ Phật học (đã xong: 26, đang học: 5); 18 Thạc sĩ (đã xong: 10, đang học: 8); 244 Cử nhân và 87 Cao đẳng; 21 Cao cấp Giảng sư.

Ni giới Khất sĩ hiện có một lớp Sơ cấp Phật học trực thuộc Phật giáo Quận Gò Vấp đặt tại Tịnh xá Ngọc Phương, đã hình thành và sinh hoạt được 10 năm. Mỗi khóa hai năm, nay đã hết khóa thứ 5 tại Ngọc Phương, và là khóa thứ 7 của Phật giáo Quận. Ban Chủ nhiệm lớp đang chiêu sinh khóa mới.

- Trong những năm qua, chư Ni cùng chư Tăng Khất sĩ thực hiện lời dạy của Tổ sư "nên tập sống chung tu học", Ni giới HPKS tổ chức mỗi năm trung bình 4 khóa tu Truyền thống cho chư Ni, mỗi khóa một tuần lễ, đến nay đã 21 khóa.
- Về Văn hóa, chúng con kêu gọi chư Ni dành thời gian viết bài và gởi hình ảnh, hỗ trợ cho ấn phẩm Đuốc Sen một năm 3 kỳ, trang mạng internet của Hệ phái www.daophatkhatsi.vn và Ni giới Khất sĩ www.nigioikhatsi.net.

Chúng con cũng đang phân công triển khai dịch sang tiếng Anh và tiếng Hoa 28 ngôi tịnh xá tiêu

biểu của Ni giới có liên quan dấu ấn của Tổ sư và của cố Ni trưởng đệ I đã giới thiệu trong quyển *"100 ngôi tịnh xá tiêu biểu"* của Hệ phái, do NXB Tổng hợp TP.HCM ấn hành năm 2014.

- Về Từ thiện Xã hội, thể hiện tinh thần từ bi của người con Phật, đồng thời bày tỏ tấm lòng chia sẻ nỗi lo với địa phương, quan tâm người nghèo, hoàn cảnh khốn khó, ủng hộ Trường Sa do MTTQVN kêu gọi, cùng đóng góp vào xây dựng Việt Nam Phật Quốc Tự tại TP. Hồ Chí Minh. Trong năm qua Ni giới chúng con đã vận động những tấm lòng vàng của Phật tử gần xa với 150/ 211 ngôi tịnh xá. Tổng số tiền là 40.299.339.000đ (bốn mươi tỷ, hai trăm chín mươi chín triệu, ba trăm ba mươi chín ngàn đồng).

- Tổ đình Ngọc Phương với truyền thống tổ chức ACKH hàng năm, được sự cho phép của Ban Trị sự GHPGVN TP.HCM, Ban Tôn giáo TP.HCM, Ban Trị sự GHPGVN Q.Gò Vấp, cũng như các cấp chính quyền địa phương, chư Ni Khất sĩ tại các Quận/ Huyện trong Thành phố cũng như chư Ni của NGHPKS các tỉnh hai miền Nam Trung đã tập trung về Tổ đình Ngọc Phương để An cư kiết hạ. Số lượng hành giả ACKH của Trường hạ Ngọc Phương năm 2015 là 160 vị (90 vị tại Ngọc Phương + 67 vị các tỉnh về và quí Ni trưởng, Ni sư luân phiên hướng dẫn là 3 vị). Nếu tính luôn số tập sự là 179 vị. Chư Ni tùng hạ tại TXNP là 45 đơn vị, 101 người (gồm chư Ni Khất sĩ một số quận trong và ngoài thành phố).

Nhằm giúp hành giả An cư thăng hoa Giới - Định - Tuệ, chúng con đã cung thỉnh các bậc cao Tăng thạc đức như: HT.Thích Trí Quảng, HT.Thích Giác Giới, HT.Thích Giác Toàn... để thuyết giảng, khai thị. Ngoài ra, chúng con còn tạo điều kiện cho chư Ni hiểu thêm về tình hình đất nước, chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước bằng cách mời các vị lãnh đạo Mặt trận Thành phố, Ban Tôn giáo Thành phố, Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố, Ban Tuyên giáo Quận ủy Gò Vấp... đến Tịnh xá Ngọc Phương triển khai các chủ trương, nghị quyết, nghị định trong mùa An cư kiết hạ.

Trong tinh thần hộ trì Tam bảo, quý Ni trưởng, Ni sư hàng Giáo phẩm Ni giới Hệ phái Khất sĩ ở các tỉnh/ thành xa xôi, mỗi tuần trung bình hai hoặc ba vị luân phiên về trực Hạ, hỗ trợ với quý Ni trưởng, Ni sư Ban Chức sự Trường hạ Ngọc Phương để dẫn chúng, kiểm tra, sách tấn chư Ni tu học trong các thời khóa tụng kinh, kinh hành, thiền tọa.

- Vào tuần lễ gần cuối Hạ, hưởng ứng tinh thần mở khóa tu "Bồi dưỡng đạo hạnh" cho chư Ni trẻ để các em được chỉ dạy kỹ hơn về oai nghi tế hạnh, xác định cho mình mục tiêu tu tiến, phương pháp hành trì, quý Ni trưởng Giáo phẩm Chứng minh Ni giới Hệ phái cho phép, sách tấn, khích lệ chư Ni trẻ qua những bài giảng về thiền tọa, thiền hành, học pháp, sám hối, dạy về oai nghi khất thực, thọ trai; dò bài Chơn lý, kệ thơ của Ni trưởng và chia sẻ đạo tình.

- Một số chúng con (13 vị) được tham gia giảng dạy ở Học viện PGVN tại TP.HCM, và một số vị tham gia giảng dạy ở trường Trung cấp Phật học của một số tỉnh thành như: Đại Tòng Lâm, Đồng Nai, Phan Rang, Kiên Giang,... Một số vị tham gia vào các tổ chức hoạt động đoàn thể Mặt trận, Phụ nữ ở Trung ương và địa phương.

Đó là một số thành quả mà chúng con có được bằng tất cả sự cố gắng đóng góp công sức của mình vào sự nghiệp chung của Hệ phái Khất sĩ và của GHPGVN vì sự hạnh phúc, phồn vinh và phát triển đất nước Việt Nam thân yêu.

Kính chúc chư Tôn đức Tăng, quí Ni trưởng, Ni sư lãnh đạo Giáo hội, lãnh đạo Ni giới và Hệ phái Khất sĩ luôn dồi dào sức khỏe, phước trí nhị nghiêm, đạo quả chóng viên thành.

BÁO CÁO TỔNG KẾT
HOẠT ĐỘNG TỪ THIỆN GIÁO ĐOÀN I NĂM 2015

ĐĐ. MINH KHẢI

Trên tinh thần từ bi của Phật giáo đối với chúng sanh vạn loại, tất cả mọi lời nói, việc làm, ý nghĩ của người con Phật đều hướng đến sự an lạc, hạnh phúc cho mọi loài. Chúng sanh trên cuộc đời này do duyên nghiệp sai biệt nên cảm thọ quả có sự sai khác, có người gặp khổ não về tinh thần cần được bố thí bằng giáo pháp tịnh thanh; người lâm nguy đói khát về thức ăn, nước uống cần có miếng cơm, chén nước để được no lòng ấm dạ, hay người bị cái lạnh hoành hành cần được giúp có nhà ở, có chiếc áo che đỡ gió sương, hoặc người bị cơn đau dữ dội do tứ đại bất hòa cần có thuốc men trị liệu để vượt qua cảnh đau khổ trong lúc ngặt nghèo. Việc lấy chỗ cao bồi chỗ thấp, lấy chỗ dư chan hòa chỗ thiếu để cùng nhau được an vui, hạnh phúc trên thế gian này là điều cần thiết. Trên tinh thần ấy, Giáo đoàn I cùng với Hệ phái và Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã thực hiện nhiều chuyến từ thiện nhằm chia sẻ cùng đồng bào gặp hoàn cảnh khó khăn, thiên tai, bão lụt, đói khát, bệnh tật, ốm đau.

Năm nay (2015) các tịnh xá, tịnh thất trong Giáo đoàn gồm Tịnh xá Ngọc Viên (Vĩnh Long), Tịnh xá An Lạc (An Giang), Tổ đình Minh Đăng Quang (Vĩnh Long), Chùa Bình Phước (An Giang), Tịnh xá Ngọc Liên (Bạc Liêu), Tịnh xá Ngọc Huệ (Tiền Giang), Tịnh xá Ngọc Chánh (TP. Hồ Chí Minh), Tịnh xá Ngọc Châu Như (Sóc Trăng), Tịnh xá Ngọc Mai (Tịnh Biên), Tịnh xá Ngọc Tân (Long An), Tịnh xá Ngọc Tâm (Rạch Giá), Tịnh xá Ngọc Liên (Vĩnh Long), Tịnh xá Ngọc Phước (Kiên Giang), Tịnh thất Ngọc Quang (Thốt Nốt), Tịnh thất Ngọc Duyên (Thốt Nốt) đã tham gia hoạt động từ thiện với tổng số tiền khoảng 20.000.000.000đ (Hai mươi tỷ đồng Việt Nam).

PHẬT SỰ GIÁO ĐOÀN VI
NĂM 2015

TK. MINH ĐIỆP

Hàng năm, cứ vào cuối đông, lá ngoài đường rụng nhiều, những màu hoa bắt đầu khoe sắc tô thắm đất trời và trong cái tiết trời se se lạnh này, lòng người chợt thấy nao nao khó tả. Vậy là một năm nữa đã trôi qua và một năm mới đang về trên quê hương Việt Nam yêu dấu. Đặc biệt, đối với những người con Phật, lòng chúng ta khôn xiết vui mừng vì đã trải qua một năm tu học trong Phật pháp. Một năm với ngần ấy thời gian chưa phải là nhiều trong quãng đời người, nhưng cũng đủ để chúng ta học hỏi những bài pháp căn bản của Đức Phật. Trải qua một năm sinh hoạt và tu học, chư Tăng Giáo đoàn VI từng bước trưởng thành và lớn mạnh trong lòng Hệ phái. Tuy nhân sự không đông, tịnh xá không nhiều nhưng với sự lãnh đạo sáng suốt của Hòa thượng Trưởng đoàn cùng chư Tôn đức Ban Trị sự nên chư Tăng đoàn kết chăm lo tu học và xây dựng Giáo đoàn hòa hợp, thống nhất trong mọi công tác Phật sự.

Nhằm ôn lại nét sinh hoạt và tu học của Giáo đoàn VI trải dài trong điệp khúc thời gian 12 tháng của tạo hóa, Ban Thư ký tổng kết vài nội dung như sau:

I. Khánh thành Tịnh xá Đại Quang

Tịnh xá Đại Quang tọa lạc tại ấp 3, xã Hưng Long, huyện Bình Chánh. Với tâm thành kính ước mong được xây dựng ngôi Tam Bảo, Phật tử Dương Văn Sương, pháp danh Thiện Đức, phát tâm mua đất cúng dường cho Giáo đoàn VI. Nhờ hồng ân Tam Bảo, cùng sự hỗ trợ của Ban Đại diện Phật giáo Q.6, và các Ban ngành cho di dời bảng hiệu Tịnh xá Đại Quang từ quận 6 về ấp 3 xã Hưng Long, huyện Bình Chánh. Nay được Ủy ban và sở Xây dựng TP. HCM chấp thuận cấp giấy phép xây dựng.

Trải qua 6 tháng xây dựng, vào sáng ngày 27-03-2015 (mùng 08-02, Ất Mùi), Tịnh xá Đại Quang đã tổ chức lễ Khánh thành và Tưởng niệm 35 năm ngày HT. Giác Huệ viên tịch. TT. Giác Nhuận - Trụ trì tịnh xá Đại Quang đã báo cáo công trình xây dựng tịnh xá hơn 4 tỷ đồng do gia đình Phật tử Thiện Đức phát tâm cúng dường tịnh tài và đất. Để xây dựng công trình phụ cũng như thỉnh những tượng Phật bằng đá và bằng gỗ thờ hơn 1,5 tỷ đồng do chư Tôn đức Tăng Ni cùng Phật tử phát tâm cúng dường.

II. Lễ Tự Tứ Tăng

Vào sáng ngày 27-08-2015 (nhằm 14-07, Ất Mùi), Tịnh xá Ngọc Chơn (khu phố 6, thị trấn Chơn Thành, Bình Phước) đã trang nghiêm tổ chức Đại lễ Vu Lan và Dâng pháp y cúng dường nhân ngày Tự Tứ. Chư Tăng, Ni Giáo đoàn VI 80 vị và hơn 800 Phật tử tham dự.

Trước đó, vào lúc 6 giờ, TT.Giác Nhuận - Trụ trì Tịnh xá Ngọc Chơn đã hướng dẫn chư Tăng Ni Giáo đoàn VI trì bình khất thực theo truyền thống của Hệ phái. ĐĐ. Minh Toàn đã hướng dẫn chư Tăng, Ni và Phật tử tụng kinh Vu Lan. ĐĐ. Minh Điệp nêu lên ý nghĩa hoa hồng trong ngày Vu Lan Báo Hiếu. TT. Giác Nhuận ban đạo từ đã nêu lên ý nghĩa tri ân và báo ân của người con đối với ông bà, cha mẹ và cần phải có trách nhiệm với đất nước, xã hội, để xứng đáng làm người công dân tốt, người Phật tử thuần thành, người con hiếu thảo.

Trong dịp này, chư Tôn đức trong Giáo đoàn VI đã tổ chức lễ Tưởng niệm 18 vắng bóng của Trưởng lão HT. Giác Đức, pháp tử của Tổ sư Minh Đăng Quang, Đệ nhị Trưởng Giáo đoàn VI, Giáo phẩm Chứng minh Hệ phái. Nam nữ Phật tử cũng thành kính dâng pháp y cúng dường lên chư Tôn đức trong ngày Phật hoan hỷ, thời khắc Tự Tứ của đại chúng Tăng.

III. Đại lễ Vu Lan và tưởng niệm HT. Giác Đức viên tịch tại TX. Lộc Uyển - Trung tâm Giáo đoàn VI

Vào ngày 28/08/2015 (15/07/Ất Mùi), Tịnh xá Lộc Uyển đã long trọng tổ chức Đại Lễ Vu Lan PL. 2559 - DL. 2015 để tưởng nhớ và ôn lại truyền thống Hệ phái Khất sĩ, HT. Giác Tuấn đã cùng chư Tăng của Giáo đoàn VI đã trì bình khất thực, nhằm để cho hàng Phật tử được gieo duyên lành với Tam Bảo.

Cũng nhân ngày Đại lễ Vu Lan, chư Tôn đức Giáo đoàn VI tổ chức lễ Tưởng niệm Hòa Thượng Giác Đức - Pháp tử đức Tổ sư Minh Đăng Quang, Đệ nhị Trưởng Giáo đoàn VI Hệ phái Khất sĩ, Thành viên Hội đồng Chứng minh Hệ phái Khất sĩ.

Buổi lễ diễn ra với sự chứng minh của HT. Giác Tuấn - Trưởng Giáo đoàn VI, trụ trì Tịnh xá Lộc Uyển. Hòa thượng đã thuyết giảng về ý nghĩa Vu Lan cho hàng Phật tử và khuyến tấn hàng Phật tử, nêu cao tinh thần hiếu đạo với đấng sinh thành, đền đáp tứ

trọng ân như đức Phật đã dạy. Trong buổi lễ, môn đồ đệ tử đã đọc lại tiểu sử của HT. Giác Đức cho đời sau soi bóng. Buổi lễ dâng hoa và cài hoa hồng diễn ra trong không khí trang nghiêm và ấm cúng, ôn nhắc hạnh hiếu thảo cho hơn 1.000 Phật tử từ các nơi đồng về tham dự buổi lễ. Các em trong đoàn dâng y đã dâng pháp y ca-sa cúng dường lên chư Tôn đức Tăng trong dịp Đại lễ này.

IV. Các tịnh xá cúng lễ Vu Lan

Hàng năm, vào mùa Vu Lan - Báo Hiếu, nhiều đạo tràng trong Giáo đoàn tổ chức cúng Đại lễ Vu Lan, dâng y Ca-sa như:

- Mùng 04 tháng 07 năm Ất Mùi: Thượng tọa Minh Điển cúng Vu Lan, dâng Y Ca-sa tại Tịnh xá Quang Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu, khoảng 40 Tăng, Ni và 500 Phật tử tham dự.
- Mùng 06 tháng 07 năm Ất Mùi: Đại đức Minh Chính cúng Vu Lan, dâng Ca-sa tại Tịnh xá Ngọc Thành, Cần Thơ, khoảng 80 Tăng Ni và 500 Phật tử tham dự.
- Mùng 07 tháng 07 năm Ất Mùi: Đại đức Minh Bửu cúng Vu Lan, dâng y Ca-sa tại Tịnh Xá Ngọc Châu, Tân Châu, An Giang, khoảng 50 Tăng Ni và 1500 Phật tử tham dự.
- Ngày 13 tháng 07 năm Ất Mùi: Đại đức Minh Đăng cúng Vu Lan, dâng y Ca-sa tại Tịnh xá Ngọc Như, Châu Thành, Tây Ninh, khoảng 90 Tăng Ni và 1500 Phật tử tham dự.
- Ngày 09 tháng 7 năm Ất Mùi: TT. Ngọc Hưng, TP. Cần Thơ cúng Lễ Vu Lan, dâng y Ca-sa, Tăng Ni 40 vị và Phật tử 500 người tham dự.
- Ngày Rằm tháng 7 năm Ất Mùi: Tịnh xá Ngọc Nhơn, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận, cúng Lễ Vu Lan, dâng y Ca-sa, Tăng Ni 10 vị và Phật tử 150 người tham dự.
- Ngày 17 tháng 7 năm Ất Mùi: Tịnh xá Đại Quang, xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, TP. HCM cúng Lễ Vu Lan, dâng y Ca-sa, Tăng Ni 40 vị và Phật tử 500 người tham dự.
- Ngày 20 tháng 7 năm Ất Mùi: Tịnh thất Kỳ Viên, thị trấn Tân Túc, Bình Chánh, TP. HCM cúng Lễ Vu Lan, dâng y Ca-sa, Tăng 30 vị và Phật tử 500 người tham dự.

V. Đúc đại hồng chung

Đã từ lâu tiếng chuông chùa mang một nét đặc trưng rất thiêng liêng của Phật giáo trong lòng dân tộc. Quả chuông luôn là một món pháp khí không thể thiếu trong chốn thiền môn, có thể được xem là "*Trấn sơn chi bảo*" của nhà Phật. Bởi thế, cổ đức từng cảm tác:

Tiếng chuông lay động hồn sông núi,
Thổn thức tâm tư thức tỉnh về,
Pháp âm trỗi nhịp vang ba cõi,
Khách tục nhẹ mình xa bến mê.

Trong công cuộc xây dựng và trùng tu các ngôi đạo tràng tịnh xá, để phát triển Giáo đoàn VI, chư Tôn đức Ban Lãnh đạo đã kêu gọi quý Phật tử xa gần đúc đại hồng chung để làm pháp khí cho các đạo tràng. Giáo đoàn đã thỉnh được các đại hồng chung như sau:

1. Đại hồng chung tại Tịnh xá Lộc Uyển - TP. HCM:
- Nặng: 700kg, cao:1,6m.
- Trị giá: 250.000.000 đồng.
2. Đại hồng chung tại Tịnh xá Ngọc Chơn - Bình Phước:
- Nặng: 400kg, cao: 1,4m.
- Trị giá: 150.000.000 đồng.
3. Đại hồng chung tại Tịnh xá Trúc Lâm - Tây Ninh:
- Nặng: 2000kg, cao: 2,4m.
- Trị giá: 900.000.000 đồng.
4. Đại hồng chung tại Tịnh xá Ngọc Tâm - Đèo Chuối:
- Nặng: 150kg, cao: 1m.
- Trị giá: 70.000.000 đồng.
5. Đại hồng chung tại Tịnh xá Đại Quang - TP. HCM:
- Nặng: 300kg, cao:1,3m.
- Trị giá:120.000.000 đồng.

TỔNG TRỊ GIÁ: 1.450.000.000đ.

VI. Thỉnh tượng Phật

Tịnh xá Lộc Uyển, P. 12, Q.6: thỉnh 3 tượng Phật gỗ

- Một tượng Phật Bổn sư cao 3,2m, trị giá: 350.000.000đ.

- Một tượng Phật Bổn sư cao 2,2m, trị giá: 180.000.000đ.
- Một tượng Bồ-tát Di-lặc, cao 1,4m, trị giá: 150.000.000đ.
- Một bảo tháp bằng gỗ: cao 4 m, trị giá 180.000.000đ.

Tịnh xá Ngọc Chơn, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước: thỉnh 5 tượng Phật bằng đá.

- Một tượng Phật nhập Niết Bàn: dài 3,5m, trị giá 120.000.000đ.
- Một tượng Phật Bổn sư thành đạo: cao 2,8m, trị giá 90.000.000đ.
- Một tượng Phật Di-đà: cao 4,3m, trị giá 130.000.000đ
- Một tượng Bồ-tát Quan Âm: cao 4m trị giá 120.000.000đ
- Một tượng Bồ-tát Thế Chí: cao 4 m, trị giá 120.000.000đ.

Tổng trị giá: 1.440. 000.000đ.

VII. Đăng cai khóa tu Truyền thống lần thứ 18

Khóa tu Truyền thống Khất sĩ ra đời trong tinh thần hoan hỷ của chư Tôn đức Giáo phẩm Hệ phái 6 Giáo đoàn đã phát triển vững vàng trong 17 khóa suốt 6 năm qua. Khóa tu diễn ra lần thứ 18 do Giáo đoàn VI đăng cai bắt đầu từ ngày mùng 04 đến ngày 11 tháng 11 năm Ất Mùi tại Tịnh xá Ngọc Như, tỉnh Tây Ninh.

Tham dự khóa tu này có tổng cộng 112 chư Tôn đức hành giả tham dự. Trong khóa tu nhờ vào khung cảnh tĩnh lặng, không gian thoáng mát, rộng rãi và Ban Ngoại hộ phục vụ đầy đủ nên chư Tôn đức hành giả tu tập tinh tấn, an lạc trong từng phút giây chánh niệm. Nhờ việc thực hiện tốt nội quy nên mỗi hành giả ý thức chánh niệm tỉnh giác tốt nên ít vi phạm lỗi lầm, kiểm thúc oai nghi trong đi đứng, ít nói năng xao động, ít tạo lỗi lầm. Đặc biệt, với những lời giảng dạy thâm sâu của HT. Thiền chủ đại chúng được hiểu sâu sắc về Chơn lý của đức Tổ sư. Nhất là những lời chia sẻ của Ngài về cách sinh hoạt và đời sống của các đức Thầy ngày xưa làm cho khóa tu có cảm giác được trở về nguồn cội.

Khi khóa tu diễn ra, trực tiếp lãnh đạo và điều hành Ban Hộ khóa là TT. Giác Nhuận và ĐĐ. Minh Đăng. Ngoài ra, chư Tăng và Phật tử trong Giáo đoàn VI đều tham gia phục vụ trong ban hộ khóa tu. Các khâu như sắp đặt chỗ ở, chỗ hành thiền, học Chơn lý, thọ trai v.v... đều được chu toàn làm cho chư Tôn đức 6 Giáo đoàn đều hoan hỷ đến ngày mãn khóa.

Trong công tác phục vụ, Ban Tổ chức đã chọn ra các vị Đại đức và các vị Sa-di trong Giáo đoàn VI để hộ khóa nên mọi việc diễn ra tốt đẹp. Bên cạnh đó, chư Ni TX. Linh Quang và một nhóm Phật tử TX. Lộc Uyển, TX. Ngọc Nhơn, TX. Phước Hưng đã phát tâm cúng dường và công quả vô cùng tích cực trong suốt khóa tu này.

Các tịnh xá trực thuộc Giáo đoàn VI đều phát tâm cúng dường trong các buổi thọ trai. Ngoài ra, các đạo tràng tịnh xá ở TP. Hồ Chí Minh, Vĩnh Long, Bình Thuận, Đà Nẵng... đều phát tâm cúng dường hộ pháp.

Ngoài ra, còn có PT. Diệu Huệ phát tâm cúng dường và phát thuốc cho chư Tôn đức hành giả thường trực ở Ban Y tế. Đặc biệt, Phật tử TX. Lộc Uyển, TX. Ngọc Như và gia đình Phật tử Phương Ngọc, Nguyệt Ngọc cúng dường vật dụng, mùng mền, chiếu gối, tứ sự, tịnh tài, điểm tâm và thức uống trong suốt khóa tu.

Lời nhận định của HT. Thiền chủ: "*Đây là khóa tu đặc biệt chu toàn về mọi mặt, từ hành giả giữ sự trang nghiêm tĩnh lặng trong mỗi giờ phút, các ban chu toàn cho hết khóa tu, đặt những câu hỏi đầy ý nghĩa thiền vị trong suốt giờ thiền đàm*".

VIII. Cúng dường trường hạ

Hàng năm, vào mùa An cư Kiết hạ, chư Tăng Tịnh xá Lộc Uyển hướng dẫn Phật tử đi cúng dường trường Hạ, thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa Vũng Tàu, Phan Thiết. Tổng trị giá khoảng 250.000.000đ.

IX. Từ thiện xã hội

Do Giáo đoàn bước vào giai đoạn xây dựng và trùng tu các ngôi Tịnh xá nên công tác từ thiện giảm hơn mọi năm. Trong năm 2015, Tịnh xá Lộc Uyển - Trung tâm Giáo đoàn VI thực hiện 2 chuyến cứu trợ lớn:

1) 25/1/2015: Phát 200 phần quà cho hộ nghèo neo đơn tại hai xã thuộc huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Cùng ngày, đoàn đã kết hợp với đội ngũ bác sĩ Cường, trực thuộc Bệnh viện Tây Ninh và nhóm bác sĩ Bệnh viện Quân y Tây Ninh đến xã Tân Phong, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh để khám chữa bệnh, phát 200 phần quà cho Hội Cựu chiến binh. Tổng trị giá chuyến đi là 160 triệu đồng do Phật tử của Tịnh xá Lộc Uyển đóng góp.

2) 25/2/2015: Tịnh xá Lộc Uyển phát 500 phần quà tại huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng cho người nghèo nhân dịp Tết. Trị giá 150.000.000đ.

3) Ngày 24/08/2015: Phát 900 phần quà nhân dịp Đại lễ Vu Lan tại Tịnh xá Lộc Uyển, phường 12, Quận 6, TP. HCM. Mỗi phần trị giá:100.000 đồng. Tổng giá trị: 90.000.000 đồng.

4) Ngày 15/12/2015: Tịnh xá Lộc Uyển phát 300 phần quà ủng hộ người nghèo tại thị xã Bình Long, tỉnh Bình phước. Tổng trị giá 60.000.000đ.

5) Ngày 24/07/2015: Tịnh xá Lộc Uyển tiếp sức mùa thi cho học sinh ngoài tỉnh. Tổng trị giá: 50.000.000đ.

6) Ngày 07/06/2015: Tịnh xá Lộc Uyển cứu trợ người nghèo tại Trà Vinh. Tổng trị giá: 100.000.000đ.

7) Ngày 31/12/2015: Tịnh xá Lộc Uyển cứu trợ người nghèo dân tộc tại huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Tổng trị giá: 123.931.000đ.

8) Ngày 29/12/2015: Tịnh xá Ngọc Tâm tại huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng phát quà tập sách, áo lạnh, giày 450 phần. Tổng trị giá 45.000.000đ.

9) Tịnh xá Ngọc Chơn, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước ủng hộ người nghèo tại địa phương nhân dịp Tết, Phật đản, Trung thu, Vu Lan. Tổng trị giá khoảng 250.000.000đ.

10) 27/03/2015: Tịnh xá Đại Quang tặng 1 căn nhà tình thương tại xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, TP.HCM, trị giá 30.000.000đ. Đồng thời, tặng quà cho người nghèo tại địa phương, Tết Nguyên đán, lễ Vu Lan, khánh thành tịnh xá, dịp cuối năm, tổng trị giá 135.000.000đ.

11) Tặng 3 căn nhà tình thương vào tháng 11 năm 2015 tại Đồng Tháp và phát quà học sinh nghèo, trị giá 65.000.000đ.

12) Ngày 23/12/2015: Tịnh xá Trúc Lâm - Tây Ninh tặng học bổng cho học sinh nghèo tại xã Thạnh Tây, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, trị giá 50.000.000đ.

13) Tuệ Tĩnh đường Tịnh xá Lộc Uyển khám và chữa bịnh cho bà con nghèo. Tổng trị giá cả năm 250.000.000đ.

14) Tịnh xá Ngọc Thành, thành phố Cần Thơ: Khám bịnh miễn phí, cứu trợ. Tổng trị giá cả năm là 355.000.000đ.

Tổng trị giá cúng dường trường hạ và cứu trợ: 2.163.931.000đ *(hai tỷ một trăm sáu mươi ba triệu, chín trăm ba mươi mốt ngàn đồng).*

CÁC KHÓA TU VÀ PHẬT SỰ HỆ PHÁI MÙA XUÂN BÍNH THÂN

TK. GIÁC HOÀNG

Kính bạch chư Tôn đức,

Thưa quý Phật tử,

Mùa xuân Bính Thân (các Phật sự đều lấy ngày âm lịch làm gốc), Hệ phái Khất sĩ có những khóa tu và Phật sự như sau:

I. Khóa tu và hoằng pháp

1. Ngày 20 - 26 tháng Giêng: Khóa tu Ni giới Hệ phái Khất sĩ lần thứ 22 tổ chức tại TX. Ngọc Kỳ, Quảng Nam.

2. Ngày 21 - 27 tháng Giêng: Khóa tu Ni giới Phân đoàn 2 - Giáo đoàn IV lần 7 tổ chức tại Tịnh xá Ngọc Hiệp, Tân Hiệp, Tiền Giang.

3. Mùng 2 - 24/2: Phái đoàn Ni giới HPKS du hành miền Trung thăm và thuyết giảng tại 25 ngôi tịnh xá, mỗi tịnh xá một ngày.

4. Mùng 2 - 12/2: Khóa "Bồi dưỡng đạo hạnh" lần thứ 12 dành cho Sa-di và Tập sự do Giáo đoàn III tổ chức tại Tịnh xá Ngọc Đà, Đà Lạt, Lâm Đồng.

5. Trong tháng 2: Dự kiến sẽ tổ chức khóa tu Ni giới Phân đoàn 2 - Giáo đoàn IV lần thứ 8 tại Tịnh xá Ngọc Vân, Thủ Đức, TP. HCM.

6. Ngày 25/2 - mùng 3/3: Khóa "Sống chung tu học" lần 3 của Ni giới Giáo đoàn III, tổ chức tại Tịnh xá Ngọc Túc, huyện Đăk Pơ, tỉnh Gia Lai.

7. Mùng 4 - 11/3: Khóa tu Truyền thống Khất sĩ lần thứ 19 tổ chức tại Tổ đình Minh Đăng Quang, ấp 6, xã Hậu Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

8. Mùng 8 - 14/3: Khóa tu Truyền thống Ni giới HPKS lần thứ 23 tổ chức tại TX. Ngọc Cầu, Trà Vinh.

9. Ngày 17 - 24/3: Khóa tu "Tâm tĩnh lặng" tổ chức tại Tịnh xá Ngọc Chánh - EaHleo - Đăk Lăk.

10.Ngày 20 - 27/3: Khóa tu Ni giới Phân đoàn 1 Giáo đoàn IV lần thứ 5 tại Tịnh xá Ngọc Bình, Dĩ An, Bình Dương.

II. Tưởng niệm Tổ sư vắng bóng lần thứ 62 (1954 - 2016)

1. Giáo đoàn I: Tổ chức tại Tổ đình Tịnh xá Ngọc Viên - Vĩnh Long, ngày 30 tháng Giêng đến mùng 1 tháng 2.

2. Giáo đoàn II: Tổ chức tại Tịnh xá Ngọc Trang - Nha Trang - Khánh Hòa, mùng 1 tháng 2.

3. Giáo đoàn III: Tổ chức tại Tịnh xá Ngọc Tòng - Lương Sơn - Khánh Hòa, ngày 30 tháng Giêng đến mùng 1 tháng 2.

4. Giáo đoàn IV: Tổ chức tưởng niệm tại Pháp viện Minh Đăng Quang - Q. 2 - TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng Giêng và mùng 1 tháng 2.

5. Giáo đoàn V: Tổ chức tại Tịnh xá Trung Tâm - Q.6 - TP. HCM, mùng 1 tháng 2.

6. Giáo đoàn VI: Tổ chức tại Tịnh xá Lộc Uyển, Q.6, TP. HCM, mùng 1 tháng 2.

7. Ni giới HPKS: Tổ chức tại Tổ đình Tịnh xá Ngọc Phương, Q. Gò Vấp, TP. HCM, mùng 1 tháng 2.

8. Phật giáo Khất sĩ tỉnh Đăk Lăk: Tổ chức ngày 28 tháng Giêng tại Tịnh xá Ngọc Quang (Buôn Ma Thuột - Đăk Lăk).

III. Phật sự và Lễ tưởng niệm

1. Mùng 8 - 9 tháng Giêng: Lễ Khánh tạ Tịnh xá Ngọc Vạn - Vạn Phước - Vạn Ninh - Khánh Hòa.

2. Ngày 16 tháng Giêng: Lễ tưởng niệm lần thứ 18 cố Hòa thượng Giác Bạch tại Tịnh xá Ngọc Lợi - Tiền Giang.

3. Ngày 16 tháng Giêng: Lễ tưởng niệm lần thứ 6 cố Hòa thượng Giác Thường tại Tịnh xá Ngọc Đăng, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

4. Mùng 2/2: Lễ tưởng niệm cố Hòa thượng Giác Đăng tại Tịnh xá Ngọc Pháp, Nha Trang, Khánh Hòa.

5. Ngày 19/2: Lễ An vị Bồ-tát Quán Thế Âm tại Tịnh xá Ngọc Chơn, Buôn Hồ, Đăk Lăk.

6. Ngày 23/2: Lễ tưởng niệm lần thứ 43 cố Trưởng lão Giác Lý viên tịch tại Tịnh xá Trung Tâm, Q. 6, TP. HCM.

7. Ngày 24/2: Lễ tưởng niệm lần thứ 3 cố Hòa thượng Giác Dũng viên tịch tại Tịnh xá Ngọc Quang, Buôn Ma Thuột, Đăk Lăk.

8. Ngày 11/3: Khánh thành bảo tháp Xá-lợi Phật tại Tịnh xá Ngọc Sơn, Tuy Phước, Bình Định.

9. Ngày 19/3: Lễ tưởng niệm lần thứ 29 cố Đệ nhất Ni trưởng Huỳnh Liên viên tịch tại Tịnh xá Ngọc Phương, Gò Vấp, TP. HCM.

IV. Công tác văn hóa

1. Ban Tu thư/ Văn hóa Hệ phái sẽ thực hiện các ấn phẩm sau theo thời gian như sau:

- **Cuối tháng Giêng:** Kỷ yếu Hội thảo *Hệ phái Khất sĩ: Quá trình hình thành, phát triển và hội nhập.*
- **Cuối tháng 2:** *Kỷ yếu 18 khóa tu Truyền thống Khất sĩ.*
- **Đầu tháng 4:** *Đuốc Sen* tập 27.
- **Cuối tháng 5:** *Kỷ yếu Lễ tang cố Đại lão Hòa thượng Pháp sư Giác Nhiên.*

2. Thực hiện chuyên san Nghiên cứu tư tưởng HPKS

Để hiểu rõ hơn về chính mình và cũng để giới thiệu tư tưởng uyên áo của Tổ sư đến với tầng lớp trí thức, không gì khác hơn, chư Tăng Ni và Phật tử Khất sĩ nghiên cứu đường lối hành trì và tư tưởng ngang qua *Luật nghi Khất sĩ, Chơn lý, Bồ-tát giáo* của Tổ sư và so sánh với các đường lối, pháp môn khác. Đồng thời các vấn đề văn hóa, kiến trúc, thờ phượng, giáo dục

Tăng Ni, v.v... của Hệ phái cũng là những vấn đề đặc thù, đóng góp cho nền văn hóa, văn học Phật giáo Việt Nam. Do đó, ngoài ấn phẩm *Đuốc Sen,* Hệ phái sẽ thực hiện chuyên san nghiên cứu tư tưởng (bao gồm lịch sử, văn hóa,...) của Tổ sư Minh Đăng Quang. Chuyên san này do Hòa thượng Giác Toàn và HT. Giác Pháp làm Cố vấn; Thượng tọa Minh Thành làm Chủ biên; Đại đức Giác Nhường làm Thư ký. Mỗi năm thực hiện hai số: Lễ Tưởng niệm Tổ sư mùng 1 tháng 2, và Kỷ niệm ngày Khánh đản Tổ sư ngày 26 tháng 9 âm lịch.

3. Xây dựng đề án ngôi tịnh xá Khất sĩ - kiến trúc đặc thù của Phật giáo Việt Nam

Hưởng ứng một trong 4 đề án văn hóa (kiến trúc, pháp phục, di sản và ngôn ngữ) của Ban Văn hóa Trung ương GHPGVN năm 2015, Ban Văn hóa Phật giáo Khất sĩ sẽ viết một đề án về cấu trúc mô hình một ngôi tịnh xá chuẩn, đính kèm bằng hình ảnh và dựng 3D (nếu có thể) để Hệ phái có được một mô hình mẫu đặc thù giới thiệu mọi người khi xây dựng tịnh xá.

Đề án này được thực hiện bởi ĐĐ. Giác Hoàng, ĐĐ. Minh Liên, ĐĐ. Giác Sinh, ĐĐ. Minh Điền, PGS. TS. Kiến trúc sư Trần Bút, Kiến trúc sư Quốc cường và vài vị kiến trúc sư khác . Ngoài việc viết mô tả và minh họa bằng các hình và hoa văn mẫu được chụp từ các ngôi tịnh xá đã thực hiện, rất mong các vị Tăng Ni Hệ phái cùng tham gia, chụp các hoa văn đẹp và có ý nghĩa gởi về ĐĐ. Giác Hoàng theo địa chỉ email: thichgiachoang72@gmai.com. Rất trân trọng đón nhận những đóng góp ý kiến của chư Tôn đức và quý huynh đệ Tăng Ni.

4. Dịch tác phẩm sang tiếng Anh và tiếng Hoa

Để Hệ phái có thể giới thiệu được các ngôi tịnh xá sang nước ngoài bằng tiếng Anh và tiếng Hoa, quý Thượng tọa, Đại đức, Ni sư và Sư cô nỗ lực dịch cuốn *100 ngôi tịnh xá tiêu biểu* sang tiếng Hoa và tiếng Anh. Dự kiến đến tháng 7 năm Bính Thân sẽ dịch xong và đến tháng 9 sẽ ấn hành.

Trên đây là một số khóa tu, Phật sự sẽ được chư Tôn đức Tăng Ni Hệ phái thực hiện. Chắc chắn còn một số thông tin khác nữa mà Ban Biên soạn *Đuốc Sen* chưa cập nhật được.

Kính chúc chư Tôn đức đạo thể khương an, đạo lực sung mãn, đạo trí viên minh, đạo nghiệp viên thành.

Thành kính,

TK. Giác Hoàng

DANH SÁCH PHÁT TÂM
ỦNG HỘ ĐUỐC SEN (Tập 26)

Mừng Xuân Bính Thân
& Tưởng niệm 62 năm Tổ sư Minh Đăng Quang vắng bóng
(1954 - 2016)
PL. 2559 - DL. 2016

I. CÁC GIÁO ĐOÀN

Giáo đoàn I : 200 cuốn. Đại diện nhận: ĐĐ. Minh Viên - TX. Ngọc Viên.
Giáo đoàn II : 300 cuốn. Đại diện nhận: ĐĐ. Giác Phước - TX. Ngọc Đăng.
Giáo đoàn III : 300 cuốn. Đại diện nhận: ĐĐ. Giác Đoan - TX. Trung Tâm.
Giáo đoàn IV : 500 cuốn. Đại diện nhận: TK. Minh Trúc - TX. Trung Tâm.
Giáo đoàn V : 200 cuốn. Đại diện nhận: HT. Giác Pháp - TX. Trung Tâm, Q. 6.
Giáo đoàn VI : 200 cuốn. Đại diện nhận: TT. Giác Nhuận - TX. Lộc Uyển.
Ni giới HPKS : 450 cuốn. Đại diện nhận: NS. Tín Liên - TX. Ngọc Phương.
Ni giới Phân đoàn 1 Giáo đoàn IV: 100 cuốn. Đại diện nhận: NS. Liêm Liên - TX. Ngọc Điểm.
Ni giới Phân đoàn 2 Giáo đoàn IV: 200 cuốn. Đại diện nhận: NS. An Liên - TX. Ngọc Lâm.
NT. Mai Liên (TX. Ngọc Lâm - Bà Rịa -Vũng Tàu): 100 cuốn. Đại diện nhận: NS. Phấn Liên.

II. CHƯ TÔN ĐỨC TĂNG NI VÀ PHẬT TỬ

HT. Giác Tường (TX. Trung Tâm, Q. Bình Thạnh)	: 5.000.000đ.
TT. Giác Nhân (TX. Ngọc Lợi - Tiền Giang)	: 100 cuốn.
TT. Giác Tây (TX. Ngọc Đồng - Tiền Giang)	: 100 cuốn.
TT. Giác Thông (Tu viện Pháp Viên - Đồng Nai)	: 100 cuốn.
TK. Giác Minh Tôn (TX. Ngọc Quang - Đăk Lăk)	: 5.000.000đ.
Phật tử TX. Trung Tâm (Q. Bình Thạnh, TP. HCM)	: 2.000.000đ.
Thiện Sơn và Ngọc Cương (TX. Ngọc Chơn - Buôn Hồ - Đăk Lăk)	: 100 cuốn.
Như Liên (TX. Ngọc Tường - Mỹ Tho - Tiền Giang)	: 10 cuốn.
Tuệ Hà (01655535253)	: 10 cuốn.

ĐUỐC SEN
Tập 26

Chủ biên: **HT. GIÁC TOÀN**

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng Biên tập
ĐINH THỊ THANH THỦY

Chịu trách nhiệm nội dung
Phó Giám đốc - Phó Tổng Biên tập
NGUYỄN TƯ TƯỜNG MINH

Biên tập
NGUYỄN THỊ CẨM HỒNG

Sửa bản in
HỒNG ANH

Thiết kế và trình bày
KA Design Pte
www.flickr.com/photos/kadesignvn

Biên tập ảnh và phụ trách in
TK. GIÁC HOÀNG

Phát hành
ĐĐ. MINH NHÃN

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1
ĐT: 3822.5340 - 3829.6764 - 3824.7225
Fax: 84.8.3822.2726
Email: tonghop@nxbhcm.com.vn
Website: www.nxbhcm.com.vn
Sách điện tử: www.sachweb.vn

Thực hiện liên kết: **TỊNH XÁ TRUNG TÂM**
21 Nguyễn Trung Trực, Q. Bình Thạnh, TP. HCM
ĐT: 08.3515.8278
PHÁP VIỆN MINH ĐĂNG QUANG
505 xa lộ Hà Nội, Q.2, TP. HCM. ĐT: 08.3501.998

In lần thứ nhất, số lượng 3.000 cuốn, khổ 20x28cm
Tại: Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng
Địa chỉ: 510 Trường Chinh, P.13, Q.TB, TP.HCM
XNĐKXB số: 48-2016/CXBIPH/55-302/THTPHCM
ngày 07/01/2016
QĐXB số: 140/QĐ-THTPHCM-2016 ngày 03/02/2016
ISBN: 978-604-58-4756-5
In xong và nộp lưu chiểu tháng 3/2016

LIÊN HỆ ĐUỐC SEN

Chư Tôn đức Tăng Ni và quý Phật tử có nhu cầu thỉnh thêm, liên hệ với ĐĐ. Giác Hoàng (0937103910), ĐĐ. Minh Trúc (0936747824) hoặc Văn phòng Tịnh xá Trung Tâm: (083.5158278). Chư Tăng sẽ gởi Đuốc Sen đến quý vị theo địa chỉ. Email liên lạc và gởi bài: tapsanduocsen@gmail.com.

***Đuốc Sen** thành kính tri ân chư Tôn đức Tăng Ni, quý Phật tử, pháp hữu gần xa đã ủng hộ tinh thần hoặc tịnh tài để **Đuốc Sen** luôn được ra mắt độc giả kịp thời. Nguyện cầu chư Tôn đức pháp thể khương an, tuệ đăng thường chiếu. Nguyện cầu chư Phật chứng minh, hộ trì quý Phật tử được an lành trong Chánh pháp. Nguyện đem công đức pháp thí này hồi hướng cho tất cả chúng sanh đều sống an lành trong ánh sáng của mười phương Tam bảo. Cầu nguyện cho Phật pháp cửu trụ ta bà, lợi lạc quần sanh.*

Trân trọng.

Ban Thư ký

KHÓA TU TRUYỀN THỐNG NGHPKS LẦN 20

KHÓA TU TRUYỀN THỐNG NGHPKS LẦN 21

CÁC KHÓA TU NI GIỚI TRỰC THUỘC GIÁO ĐOÀN TĂNG

Khóa "Sống chung tu học" lần 2 của Ni giới Giáo đoàn III

Khóa tu lần 3 và 4 của Ni giới Phân đoàn 1 - Giáo đoàn IV

Khóa tu lần 5 và 6 của Ni giới Phân đoàn 2 - Giáo đoàn IV

Khóa học Luật của Ni giới Giáo đoàn I

GIÁ: 25.000đ